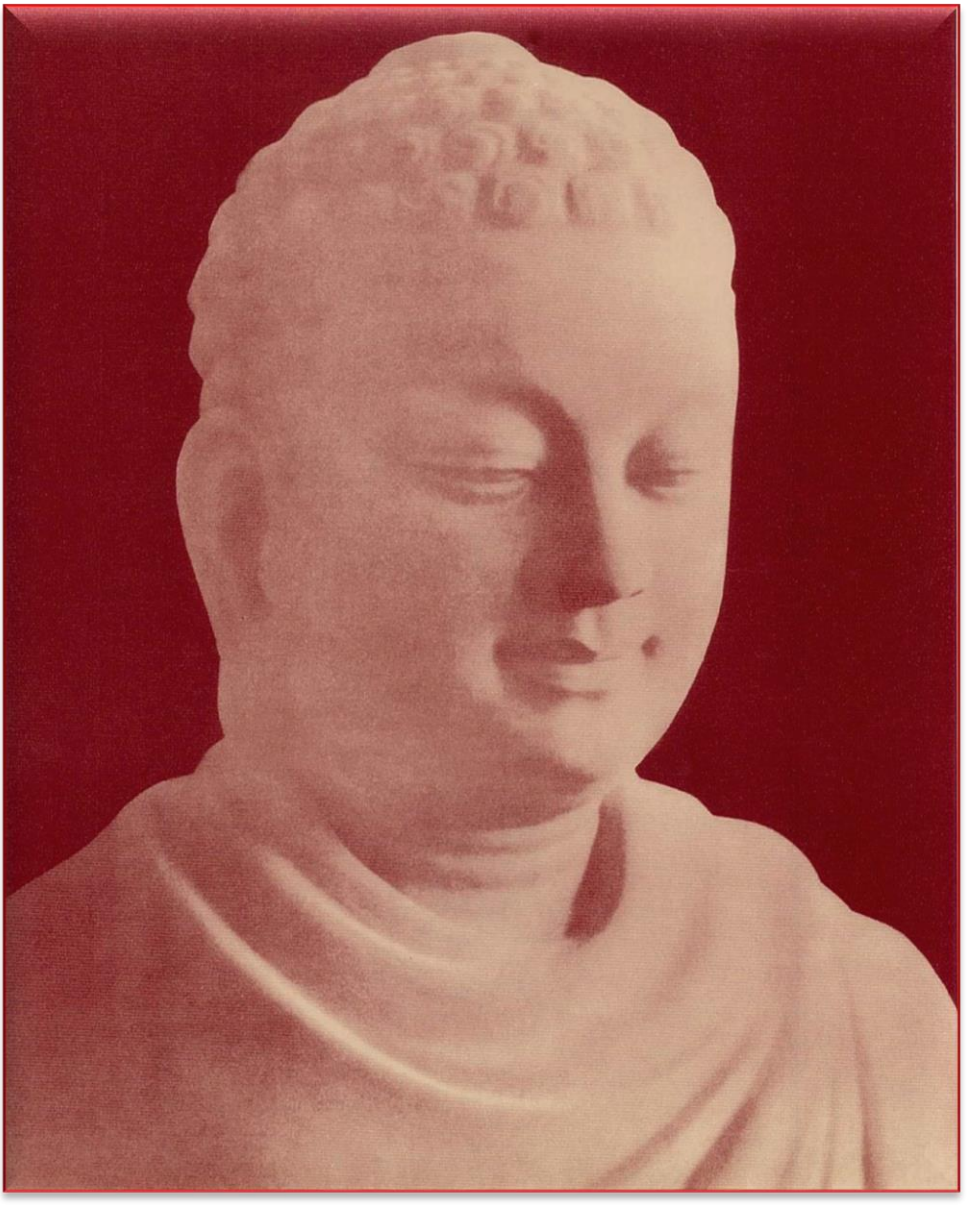

NAM – MÔ BỔN – SƯ THÍCH – CA MÂU – NI PHẬT

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tập 21

BỘ BÁT NHÃ

IV

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:

1. **Tên người**: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật**: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách**: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh**: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính**: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. Chủng loại: chư Thiên
5. **Phương hướng**: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh**: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: A-lại-da, Tam-phật-đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị**: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại**: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- <u>Gạch nối</u>: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

<u>ví dụ</u>: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
   ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...
2. **Viết thành số**: số hiệu kinh, số trang dẫn
   ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

- ✓ **Âm "y" và "i"**: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.
  ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).
- ✓ 慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 21

BỘ BÁT NHÃ

IV

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

MỤC LỤC
BỘ BÁT NHÃ 4 – T021

SỐ 220 1

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA 1

QUYỂN 151 3

Phẩm 30: SO SÁNH CÔNG ĐỨC (49) 3

QUYỂN 152 18

Phẩm 30: SO SÁNH CÔNG ĐỨC (50) 18

QUYỂN 153 34

Phẩm 30: SO SÁNH CÔNG ĐỨC (51) 34

QUYỂN 154 49

Phẩm 30: SO SÁNH CÔNG ĐỨC (52) 49

QUYỂN 155 65

Phẩm 30: SO SÁNH CÔNG ĐỨC (53) 65

QUYỂN 156 79

Phẩm 30: SO SÁNH CÔNG ĐỨC (54) 79

QUYỂN 157 93

Phẩm 30: SO SÁNH CÔNG ĐỨC (55) 93

QUYỂN 158 108

Phẩm 30: SO SÁNH CÔNG ĐỨC (56) 108

QUYỂN 159 122

Phẩm 30: SO SÁNH CÔNG ĐỨC (57) 122

QUYỂN 160 138

Phẩm 30: SO SÁNH CÔNG ĐỨC (58) 138

QUYỂN 161 152

Phẩm 30: SO SÁNH CÔNG ĐỨC (59) 152

QUYỂN 162 169

Phẩm 30: SO SÁNH CÔNG ĐỨC (60) 169

QUYỂN 163 184

Phẩm 30: SO SÁNH CÔNG ĐỨC (61) 184

QUYỂN 164 199

Phẩm 30: SO SÁNH CÔNG ĐỨC (62) 199

QUYỂN 165 214

Phẩm 30: SO SÁNH CÔNG ĐỨC (63) 214

QUYỂN 166 230

Phẩm 30: SO SÁNH CÔNG ĐỨC (64) 230

QUYỂN 167 246

Phẩm 30: SO SÁNH CÔNG ĐỨC (65) 246

QUYỂN 168 260
Phẩm 30: SO SÁNH CÔNG ĐỨC (66) 260
Phẩm 31: TÙY HỶ HỒI HƯỚNG (1) 272
QUYỂN 169 274
Phẩm 31: TÙY HỶ HỒI HƯỚNG (2) 274
QUYỂN 170 291
Phẩm 31: TÙY HỶ HỒI HƯỚNG (3) 291
QUYỂN 171 306
Phẩm 31: TÙY HỶ HỒI HƯỚNG (4) 306
QUYỂN 172 322
Phẩm 31: TÙY HỶ HỒI HƯỚNG (5) 322
Phẩm 32: KHEN NGỢI BÁT-NHÃ (1) 327
QUYỂN 173 338
Phẩm 32: KHEN NGỢI BÁT-NHÃ (2) 338
QUYỂN 174 354
Phẩm 32: KHEN NGỢI BÁT-NHÃ (3) 354
QUYỂN 175 371
Phẩm 32: KHEN NGỢI BÁT-NHÃ (4) 371
QUYỂN 176 388
Phẩm 32: KHEN NGỢI BÁT-NHÃ (5) 388
QUYỂN 177 405
Phẩm 32: KHEN NGỢI BÁT-NHÃ (6) 405
QUYỂN 178 424
Phẩm 32: KHEN NGỢI BÁT-NHÃ (7) 424
QUYỂN 179 443
Phẩm 32: KHEN NGỢI BÁT-NHÃ (8) 443
QUYỂN 180 460
Phẩm 32: KHEN NGỢI BÁT-NHÃ (9) 460
QUYỂN 181 475
Phẩm 32: KHEN NGỢI BÁT-NHÃ (10) 475
Phẩm 33: HỦY BÁNG BÁT-NHÃ 479
QUYỂN 182 492
Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (1) 492
QUYỂN 183 508
Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (2) 508
QUYỂN 184 523
Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (3) 523
QUYỂN 185 537
Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (4) 537

QUYỂN 186 553
Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (5) 553
QUYỂN 187 569
Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (6) 569
QUYỂN 188 587
Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (7) 587
QUYỂN 189 604
Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (8) 604
QUYỂN 190 618
Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (9) 618
QUYỂN 191 634
Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (10) 634
QUYỂN 192 650
Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (11) 650
QUYỂN 193 665
Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (12) 665
QUYỂN 194 680
Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (13) 680
QUYỂN 195 697
Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (14) 697
QUYỂN 196 714
Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (15) 714
QUYỂN 197 731
Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (16) 731
QUYỂN 198 746
Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (17) 746
QUYỂN 199 764
Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (18) 764
QUYỂN 200 781
Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (19) 781

-oOo-

Số 220

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng
Pháp sư Huyền Trang.

QUYỂN 151→200

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 151

Phẩm 30: SO SÁNH CÔNG ĐỨC (49)

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tĩnh lự ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Thánh đế khổ hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì Thánh đế khổ và tự tánh của Thánh đế khổ là không; Thánh đế tập, diệt, đạo và tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là không; tự tánh của Thánh đế khổ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, Thánh đế khổ chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Thánh đế tập, diệt, đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Thánh đế khổ… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Thánh đế khổ hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì Thánh đế khổ và tự tánh của Thánh đế khổ là không; Thánh đế tập, diệt, đạo và tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là không; tự tánh của Thánh đế khổ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, Thánh đế khổ chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Thánh đế tập, diệt, đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Thánh đế khổ… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng

nên quán Thánh đế khổ hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì Thánh đế khổ và tự tánh của Thánh đế khổ là không; Thánh đế tập, diệt, đạo và tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là không; tự tánh của Thánh đế khổ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, Thánh đế khổ chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Thánh đế tập, diệt, đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Thánh đế khổ… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Thánh đế khổ hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì Thánh đế khổ và tự tánh của Thánh đế khổ là không; Thánh đế tập, diệt, đạo và tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là không; tự tánh của Thánh đế khổ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh Thánh đế tập, diệt, đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, Thánh đế khổ chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Thánh đế tập, diệt, đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Thánh đế khổ… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tĩnh lự ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tĩnh lự ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Tĩnh lự hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự và tự tánh của bốn Tĩnh lự là không; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không; tự tánh của bốn Tĩnh lự ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, bốn Tĩnh lự chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường

kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có bốn Tĩnh lự… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Tĩnh lự hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự và tự tánh của bốn Tĩnh lự là không; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không; tự tánh của bốn Tĩnh lự ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, bốn Tĩnh lự chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có bốn Tĩnh lự… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Tĩnh lự hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự và tự tánh của bốn Tĩnh lự là không; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không; tự tánh của bốn Tĩnh lự ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, bốn Tĩnh lự chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có bốn Tĩnh lự… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Tĩnh lự hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự và tự tánh của bốn Tĩnh lự là không; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không; tự tánh của bốn Tĩnh lự ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc ấy cũng

chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, bốn Tĩnh lự chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có bốn Tĩnh lự… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tĩnh lự ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tĩnh lự ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tám Giải thoát hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì tám Giải thoát và tự tánh của tám Giải thoát là không; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ và tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không; tự tánh của tám Giải thoát ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, tám Giải thoát chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tám Giải thoát… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tám Giải thoát hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì tám Giải thoát và tự tánh của tám Giải thoát là không; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ và tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không; tự tánh của tám Giải thoát ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, tám Giải thoát chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tám Giải

thoát… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tám Giải thoát hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì tám Giải thoát và tự tánh của tám Giải thoát là không; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ và tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không; tự tánh của tám Giải thoát ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, tám Giải thoát chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tám Giải thoát… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tám Giải thoát hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì tám Giải thoát và tự tánh của tám Giải thoát là không; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ và tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không; tự tánh của tám Giải thoát ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, tám Giải thoát chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tám Giải thoát… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tĩnh lự ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tĩnh lự ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Niệm trụ hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo hoặc thường

hoặc vô thường. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ và tự tánh của bốn Niệm trụ là không; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo và tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là không; tự tánh của bốn Niệm trụ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, bốn Niệm trụ chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có bốn Niệm trụ… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Niệm trụ hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ và tự tánh của bốn Niệm trụ là không; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo và tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là không; tự tánh của bốn Niệm trụ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, bốn Niệm trụ chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có bốn Niệm trụ… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Niệm trụ hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ và tự tánh của bốn Niệm trụ là không; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo và tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là không; tự tánh của bốn Niệm trụ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, bốn Niệm trụ chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Chánh đoạn cho đến

tám chi Thánh đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không bốn Niệm trụ… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Niệm trụ hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ và tự tánh của bốn Niệm trụ là không; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo và tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là không; tự tánh của bốn Niệm trụ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, bốn Niệm trụ chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có bốn Niệm trụ… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tĩnh lự ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tĩnh lự ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không và tự tánh của pháp môn giải thoát Không là không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện và tự tánh của pháp môn giải thoát Không là không; tự tánh của pháp môn giải thoát Không ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, pháp môn giải thoát Không chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp môn giải thoát Không… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự

như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không và tự tánh của pháp môn giải thoát Không là không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện và tự tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không; tự tánh của pháp môn giải thoát Không ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, pháp môn giải thoát Không chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp môn giải thoát Không… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không và tự tánh của pháp môn giải thoát Không là không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện và tự tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không; tự tánh của pháp môn giải thoát Không ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, pháp môn giải thoát Không chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp môn giải thoát Không… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không và tự tánh của pháp môn giải thoát Không là không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện và tự tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không; tự tánh của pháp môn

giải thoát Không ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, pháp môn giải thoát Không chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp môn giải thoát Không… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tĩnh lự ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tĩnh lự ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán năm loại mắt hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán sáu phép thần thông hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì năm loại mắt và tự tánh của năm loại mắt là không; sáu phép thần thông và tự tánh của sáu phép thần thông là không; tự tánh của năm loại mắt ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của sáu phép thần thông ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, năm loại mắt chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; sáu phép thần thông đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có năm loại mắt… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán năm loại mắt hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán sáu phép thần thông hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì năm loại mắt và tự tánh của năm loại mắt là không; sáu phép thần thông và tự tánh của sáu phép thần thông là không; tự tánh của năm loại mắt ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của sáu phép thần thông ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, năm loại mắt chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; sáu phép thần thông đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có năm loại mắt… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán năm loại mắt hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán sáu phép thần thông hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì năm loại mắt và tự tánh của năm loại mắt là không; sáu phép thần thông và tự tánh của sáu phép thần thông là không; tự tánh của năm loại mắt ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của sáu phép thần thông ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, năm loại mắt chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; sáu phép thần thông đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có năm loại mắt… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán năm loại mắt hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán sáu phép thần thông hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì năm loại mắt và tự tánh của năm loại mắt là không; sáu phép thần thông và tự tánh của sáu phép thần thông là không; tự tánh của năm loại mắt ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh sáu phép thần thông ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, năm loại mắt chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; sáu phép thần thông đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có năm loại mắt… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tĩnh lự ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tĩnh lự ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán mười lực của Phật hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì mười lực của Phật và tự tánh của mười lực của Phật là không; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng và tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không; tự tánh của mười lực của Phật ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng ấy cũng chẳng

phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, mười lực của Phật chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có mười lực của Phật… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán mười lực của Phật hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì mười lực của Phật và tự tánh của mười lực của Phật là không; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng và tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không; tự tánh của mười lực của Phật ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, mười lực của Phật chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có mười lực của Phật… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán mười lực của Phật hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì mười lực của Phật và tự tánh của mười lực của Phật là không; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng và tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không; tự tánh của mười lực của Phật ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, mười lực của Phật chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong

đó hãy còn không có mười lực của Phật… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán mười lực của Phật hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì mười lực của Phật và tự tánh của mười lực của Phật là không; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng và tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không; tự tánh của mười lực của Phật ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, mười lực của Phật chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có mười lực của Phật… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tĩnh lự ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tĩnh lự ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không quên mất hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì pháp không quên mất và tự tánh của pháp không quên mất là không; tánh luôn luôn xả và tự tánh của tánh luôn luôn xả là không; tự tánh của pháp không quên mất ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tánh luôn luôn xả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, pháp không quên mất chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tánh luôn luôn xả đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp không quên mất… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không quên mất hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì pháp không quên mất và tự tánh của pháp không quên mất là không; tánh luôn luôn xả và tự tánh của tánh luôn luôn xả là không; tự tánh của pháp không quên mất ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tánh luôn luôn xả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, pháp không quên mất chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tánh luôn luôn xả đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp không quên mất… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không quên mất hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì pháp không quên mất và tự tánh của pháp không quên mất là không; tánh luôn luôn xả và tự tánh của tánh luôn luôn xả là không; tự tánh của pháp không quên mất ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tánh luôn luôn xả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, pháp không quên mất chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tánh luôn luôn xả đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp không quên mất… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không quên mất hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì pháp không quên mất và tự tánh của pháp không quên mất là không; tánh luôn luôn xả và tự tánh của tánh luôn luôn xả là không; tự tánh của pháp không quên mất ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh tánh luôn luôn xả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, pháp không quên mất chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tánh luôn luôn xả đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp không quên mất… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế

là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tĩnh lự ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tĩnh lự ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán trí Nhất thiết hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì trí Nhất thiết và tự tánh của trí Nhất thiết là không; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không; tự tánh của trí Nhất thiết ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, trí Nhất thiết chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có trí Nhất thiết… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán trí Nhất thiết hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì trí Nhất thiết và tự tánh của trí Nhất thiết là không; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không; tự tánh của trí Nhất thiết ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, trí Nhất thiết chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có trí Nhất thiết… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán trí Nhất thiết hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì trí Nhất thiết và tự tánh của trí Nhất thiết là không; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết

tướng và tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không; tự tánh của trí Nhất thiết ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, trí Nhất thiết chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có trí Nhất thiết… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán trí Nhất thiết hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì trí Nhất thiết và tự tánh của trí Nhất thiết là không; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không; tự tánh của trí Nhất thiết ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, trí Nhất thiết chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có trí Nhất thiết… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tĩnh lự ba-la-mật-đa một cách chân chính.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 152

Phẩm 30: SO SÁNH CÔNG ĐỨC (50)

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tĩnh lự ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni và tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni là không; tất cả pháp môn Tam-ma-địa và tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không; tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả pháp môn Đà-la-ni… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni và tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni là không; tất cả pháp môn Tam-ma-địa và tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không; tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả pháp môn Đà-la-ni… có thể nắm bắt được, huống

là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni và tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni là không; tất cả pháp môn Tam-ma-địa và tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không; tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả pháp môn Đà-la-ni… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni và tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni là không; tất cả pháp môn Tam-ma-địa và tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không; tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh tất cả pháp môn Tam-ma-địa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả pháp môn Đà-la-ni… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tĩnh lự ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tĩnh lự ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Dự lưu hướng, Dự lưu quả hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán Nhất lai hướng, Nhất

lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả và tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả là không; Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả và tự tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả là không; tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Dự lưu hướng… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Dự lưu hướng, Dự lưu quả hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả và tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả là không; Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả và tự tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả là không; tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Dự lưu hướng… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Dự lưu hướng, Dự lưu quả hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả và tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả là không; Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả và tự tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả là không; tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả ấy tức chẳng phải

tự tánh, tự tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Dự lưu hướng… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Dự lưu hướng, Dự lưu quả hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả và tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả là không; Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả và tự tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả là không; tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Dự lưu hướng… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tĩnh lự ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tĩnh lự ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả quả vị Độc giác hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán tất cả quả vị Độc giác hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì tất cả quả vị Độc giác và tự tánh của tất cả quả vị Độc giác là không. Tự tánh của tất cả quả vị Độc giác ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, tất cả quả vị Độc giác chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả quả vị Độc giác có thể nắm bắt

được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả quả vị Độc giác hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán tất cả quả vị Độc giác hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì tất cả quả vị Độc giác và tự tánh của tất cả quả vị Độc giác là không. Tự tánh của tất cả quả vị Độc giác ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, tất cả quả vị Độc giác chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả quả vị Độc giác có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả quả vị Độc giác hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên tất cả quả vị Độc giác hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì tất cả quả vị Độc giác và tự tánh của tất cả quả vị Độc giác là không. Tự tánh của tất cả quả vị Độc giác ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, tất cả quả vị Độc giác chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả quả vị Độc giác có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả quả vị Độc giác hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán tất cả quả vị Độc giác hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì tất cả quả vị Độc giác và tự tánh của tất cả quả vị Độc giác là không. Tự tánh của tất cả quả vị Độc giác ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, tất cả quả vị Độc giác chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả quả vị Độc giác có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tĩnh lự ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tĩnh lự ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-

tát hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì tất cả hạnh Đại Bồ-tát và tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là không. Tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả hạnh Đại Bồ-tát có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì tất cả hạnh Đại Bồ-tát và tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là không. Tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả hạnh Đại Bồ-tát có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì tất cả hạnh Đại Bồ-tát và tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là không. Tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả hạnh Đại Bồ-tát có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì tất cả hạnh Đại Bồ-tát và tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là không. Tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả hạnh Đại Bồ-tát có

thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tĩnh lự ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tĩnh lự ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật và tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là không. Tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật và tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là không. Tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật và tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là không. Tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có quả vị Giác ngộ cao

tột của chư Phật có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật và tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là không. Tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Đối với Tĩnh lự ba-la-mật-đa này, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tĩnh lự như thế là tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tĩnh lự ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Khi ấy, Thiên đế Thích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các thiện nam, thiện nữ nói Tinh tấn ba-la-mật-đa vô sở đắc như thế nào mà gọi là nói Tinh tấn ba-la-mật-đa một cách chân chính?

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tinh tấn ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán sắc hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán thọ, tưởng, hành, thức hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì sắc và tự tánh của sắc là không; thọ, tưởng, hành, thức và tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức là không; tự tánh của sắc ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, sắc chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thọ, tưởng, hành, thức đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có sắc… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán sắc hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán thọ, tưởng, hành, thức hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì sắc và tự tánh của sắc là không; thọ, tưởng,

hành, thức và tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức là không; tự tánh của sắc ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, sắc chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thọ, tưởng, hành, thức đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có sắc… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán sắc hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán thọ, tưởng, hành, thức hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì sắc và tự tánh của sắc là không; thọ, tưởng, hành, thức và tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức là không; tự tánh của sắc ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, sắc chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thọ, tưởng, hành, thức đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có sắc… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán sắc hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán thọ, tưởng, hành, thức hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì sắc và tự tánh của sắc là không; thọ, tưởng, hành, thức và tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức là không; tự tánh của sắc ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, sắc chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thọ, tưởng, hành, thức đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có sắc… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều như thế, đó là đã tuyên thuyết Tinh tấn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tinh tấn ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhãn xứ hoặc

thường hoặc vô thường; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì nhãn xứ và tự tánh của nhãn xứ là không; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ và tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không; tự tánh của nhãn xứ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, nhãn xứ chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhãn xứ… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhãn xứ hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì nhãn xứ và tự tánh của nhãn xứ là không; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ và tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không; tự tánh của nhãn xứ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, nhãn xứ chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhãn xứ… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhãn xứ hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì nhãn xứ và tự tánh của nhãn xứ là không; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ và tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không; tự tánh của nhãn xứ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, nhãn xứ chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhãn xứ… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhãn xứ hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì nhãn xứ và tự tánh của nhãn xứ là không; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ và tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không; tự tánh của nhãn xứ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, nhãn xứ chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhãn xứ… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tinh tấn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tinh tấn ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán sắc xứ hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì sắc xứ và tự tánh của sắc xứ là không; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ và tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không; tự tánh của sắc xứ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, sắc xứ chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có sắc xứ… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán sắc xứ hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì sắc xứ và tự tánh của sắc xứ là không; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ và tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không; tự tánh của sắc xứ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, sắc xứ chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm

bắt được; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có sắc xứ… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán sắc xứ hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì sắc xứ và tự tánh của sắc xứ là không; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ và tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không; tự tánh của sắc xứ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, sắc xứ chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có sắc xứ… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán sắc xứ hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì sắc xứ và tự tánh của sắc xứ là không; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ và tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không; tự tánh của sắc xứ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, sắc xứ chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có sắc xứ… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tinh tấn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tinh tấn ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhãn giới hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra hoặc thường hoặc vô

thường. Vì sao? Vì nhãn giới và tự tánh của nhãn giới là không; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của nhãn giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, nhãn giới chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhãn giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhãn giới hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì nhãn giới và tự tánh của nhãn giới là không; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của nhãn giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, nhãn giới chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhãn giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhãn giới hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì nhãn giới và tự tánh của nhãn giới là không; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của nhãn giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, nhãn giới chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm

duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhãn giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhãn giới hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì nhãn giới và tự tánh của nhãn giới là không; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của nhãn giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, nhãn giới chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhãn giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tinh tấn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tinh tấn ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhĩ giới hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì nhĩ giới và tự tánh của nhĩ giới là không; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của nhĩ giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, nhĩ giới chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhĩ giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu

tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhĩ giới hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì nhĩ giới và tự tánh của nhĩ giới là không; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra và tự tánh thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của nhĩ giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, nhĩ giới chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhĩ giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhĩ giới hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì nhĩ giới và tự tánh của nhĩ giới là không; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của nhĩ giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, nhĩ giới chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhĩ giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhĩ giới hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì nhĩ giới và tự tánh của nhĩ giới là không; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là

không; tự tánh của nhĩ giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, nhĩ giới chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhĩ giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tinh tấn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 153

Phẩm 30: SO SÁNH CÔNG ĐỨC (51)

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tinh tấn ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tỷ giới hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì tỷ giới và tự tánh của tỷ giới là không; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của tỷ giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, tỷ giới chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tỷ giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tỷ giới hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì tỷ giới và tự tánh của tỷ giới là không; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của tỷ giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, tỷ giới chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra đều chẳng

thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tỷ giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tỷ giới hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì tỷ giới và tự tánh của tỷ giới là không; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của tỷ giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, tỷ giới chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tỷ giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tỷ giới hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì tỷ giới và tự tánh của tỷ giới là không; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của tỷ giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, tỷ giới chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tỷ giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tinh tấn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm

Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tinh tấn ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán thiệt giới hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì thiệt giới và tự tánh của thiệt giới là không; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của thiệt giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, thiệt giới chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có thiệt giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán thiệt giới hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì thiệt giới và tự tánh của thiệt giới là không; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của thiệt giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, thiệt giới chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có thiệt giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán thiệt giới hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì thiệt giới và tự tánh của thiệt giới là không; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của thiệt giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của vị giới cho đến các thọ

do thiệt xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, thiệt giới chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có thiệt giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán thiệt giới hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì thiệt giới và tự tánh của thiệt giới là không; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của thiệt giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, thiệt giới chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có thiệt giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tinh tấn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tinh tấn ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán thân giới hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì thân giới và tự tánh của thân giới là không; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của thân giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, thân giới chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường

kia cũng chẳng thể nắm bắt được; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có thân giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán thân giới hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì thân giới và tự tánh của thân giới là không; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của thân giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, thân giới chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có thân giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán thân giới hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì thân giới và tự tánh của thân giới là không; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của thân giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, thân giới chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có thân giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán thân giới hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán xúc giới, thân

thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì thân giới và tự tánh của thân giới là không; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của thân giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, thân giới chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có thân giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tinh tấn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tinh tấn ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán ý giới hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì ý giới và tự tánh của ý giới là không; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của ý giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, ý giới chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có ý giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán ý giới hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì ý giới và tự tánh của ý giới là không; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của pháp giới cho

đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của ý giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, ý giới chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có ý giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán ý giới hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì ý giới và tự tánh của ý giới là không; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của ý giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, ý giới chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có ý giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán ý giới hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì ý giới và tự tánh của ý giới là không; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của ý giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, ý giới chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có ý giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-

mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tinh tấn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tinh tấn ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán địa giới hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì địa giới và tự tánh của địa giới là không; thủy, hỏa, phong, không, thức giới và tự tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không; tự tánh của địa giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, địa giới chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thủy, hỏa, phong, không, thức giới đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có địa giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán địa giới hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì địa giới và tự tánh của địa giới là không; thủy, hỏa, phong, không, thức giới và tự tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không; tự tánh của địa giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, địa giới chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thủy, hỏa, phong, không, thức giới đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có địa giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán địa giới hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì địa giới và tự tánh của địa giới là không; thủy, hỏa, phong, không, thức giới và tự tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không; tự tánh của địa giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới ấy cũng chẳng

phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, địa giới chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thủy, hỏa, phong, không, thức giới đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có địa giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán địa giới hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì địa giới và tự tánh của địa giới là không; thủy, hỏa, phong, không, thức giới và tự tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không; tự tánh của địa giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh thủy, hỏa, phong, không, thức giới ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, địa giới chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thủy, hỏa, phong, không, thức giới đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có địa giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tinh tấn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tinh tấn ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán vô minh hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì vô minh và tự tánh của vô minh là không; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não và tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không; tự tánh của vô minh ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, vô minh chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có vô minh… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường

và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán vô minh hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì vô minh và tự tánh của vô minh là không; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não và tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không; tự tánh của vô minh ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, vô minh chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có vô minh… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán vô minh hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì vô minh và tự tánh của vô minh là không; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não và tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không; tự tánh của vô minh ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, vô minh chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có vô minh… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán vô minh hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì vô minh và tự tánh của vô minh là không; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não và tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không; tự tánh của vô minh ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi

khổ ưu não ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, vô minh chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có vô minh… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tinh tấn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tinh tấn ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa và tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa là không; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và tự tánh của Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không; tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, Bố thí ba-la-mật-đa chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Bố thí ba-la-mật-đa… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa và tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa là không; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và tự tánh của Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không; tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, Bố thí ba-la-mật-đa chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đều chẳng thể nắm bắt được,

cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Bố thí ba-la-mật-đa… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa và tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa là không; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và tự tánh của Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không; tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, Bố thí ba-la-mật-đa chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Bố thí ba-la-mật-đa… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa và tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa là không; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và tự tánh của Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không; tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, Bố thí ba-la-mật-đa chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Bố thí ba-la-mật-đa… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tinh tấn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm

Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tinh tấn ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không bên trong hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì pháp không bên trong và tự tánh của pháp không bên trong là không; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh và tự tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là không; tự tánh của pháp không bên trong ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, pháp không bên trong chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp không bên trong… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không bên trong hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì pháp không bên trong và tự tánh của pháp không bên trong là không; pháp không bên ngoài, pháp không cả

trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh và tự tánh pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là không; tự tánh của pháp không bên trong ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, pháp không bên trong chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp không bên trong… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không bên trong hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì pháp không bên trong và tự tánh của pháp không bên trong là không; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh và tự tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là không; tự tánh của pháp không bên trong ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, pháp không bên trong chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp

không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp không bên trong… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không bên trong hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì pháp không bên trong và tự tánh của pháp không bên trong là không; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh và tự tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là không; tự tánh của pháp không bên trong ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, pháp không bên trong chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp không bên trong… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tinh tấn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 154

Phẩm 30: SO SÁNH CÔNG ĐỨC (52)

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tinh tấn ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán chân như hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì chân như và tự tánh của chân như là không; pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn và tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không; tự tánh của chân như ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, chân như chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có chân như… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán chân như hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì chân như và tự tánh của chân như là không; pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn và tự tánh của pháp giới cho đến cảnh

giới chẳng thể nghĩ bàn là không; tự tánh của chân như ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, chân như chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có chân như… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán chân như hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì chân như và tự tánh của chân như là không; pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn và tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không; tự tánh của chân như ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, chân như chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có chân như… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán chân như hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì chân như và tự tánh của chân như là không; pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn và tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không; tự tánh của chân như ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, chân như chẳng thể nắm bắt

được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có chân như… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tinh tấn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tinh tấn ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Thánh đế khổ hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì Thánh đế khổ và tự tánh của Thánh đế khổ là không; Thánh đế tập, diệt, đạo và tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là không; tự tánh của Thánh đế khổ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, Thánh đế khổ chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Thánh đế tập, diệt, đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Thánh đế khổ… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Thánh đế khổ hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì Thánh đế khổ và tự tánh của Thánh đế khổ là không; Thánh đế tập, diệt, đạo và tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là không; tự tánh của Thánh đế khổ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, Thánh đế khổ chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Thánh đế tập, diệt, đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Thánh đế khổ… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Thánh đế khổ hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì Thánh đế khổ và tự tánh

của Thánh đế khổ là không; Thánh đế tập, diệt, đạo và tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là không; tự tánh của Thánh đế khổ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, Thánh đế khổ chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Thánh đế tập, diệt, đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Thánh đế khổ… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Thánh đế khổ hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì Thánh đế khổ và tự tánh của Thánh đế khổ là không; Thánh đế tập, diệt, đạo và tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là không; tự tánh của Thánh đế khổ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh Thánh đế tập, diệt, đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, Thánh đế khổ chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Thánh đế tập, diệt, đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Thánh đế khổ… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tinh tấn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tinh tấn ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Tĩnh lự hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự và tự tánh của bốn Tĩnh lự là không; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không; tự tánh của bốn Tĩnh lự ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, bốn Tĩnh lự chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể

nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có bốn Tĩnh lự… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Tĩnh lự hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự và tự tánh của bốn Tĩnh lự là không; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không; tự tánh của bốn Tĩnh lự ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, bốn Tĩnh lự chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có bốn Tĩnh lự… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Tĩnh lự hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự và tự tánh của bốn Tĩnh lự là không; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không; tự tánh của bốn Tĩnh lự ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, bốn Tĩnh lự chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có bốn Tĩnh lự… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Tĩnh lự hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự và tự tánh của bốn Tĩnh lự là không; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không; tự tánh của bốn Tĩnh lự ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, bốn Tĩnh lự chẳng thể nắm bắt được,

cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có bốn Tĩnh lự… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tinh tấn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tinh tấn ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tám Giải thoát hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì tám Giải thoát và tự tánh của tám Giải thoát là không; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ và tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không; tự tánh của tám Giải thoát ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, tám Giải thoát chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tám Giải thoát… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tám Giải thoát hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì tám Giải thoát và tự tánh của tám Giải thoát là không; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ và tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không; tự tánh của tám Giải thoát ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, tám Giải thoát chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tám Giải thoát… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có

khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tám Giải thoát hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì tám Giải thoát và tự tánh của tám Giải thoát là không; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ và tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không; tự tánh của tám Giải thoát ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, tám Giải thoát chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tám Giải thoát… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tám Giải thoát hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì tám Giải thoát và tự tánh của tám Giải thoát là không; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ và tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không; tự tánh của tám Giải thoát ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, tám Giải thoát chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tám Giải thoát… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tinh tấn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tinh tấn ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Niệm trụ hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ và tự tánh của bốn Niệm

trụ là không; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo và tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là không; tự tánh của bốn Niệm trụ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, bốn Niệm trụ chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có bốn Niệm trụ… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Niệm trụ hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ và tự tánh của bốn Niệm trụ là không; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo và tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là không; tự tánh của bốn Niệm trụ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, bốn Niệm trụ chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có bốn Niệm trụ… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Niệm trụ hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ và tự tánh của bốn Niệm trụ là không; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo và tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là không; tự tánh của bốn Niệm trụ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, bốn Niệm trụ chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng

chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không bốn Niệm trụ… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Niệm trụ hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ và tự tánh của bốn Niệm trụ là không; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo và tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là không; tự tánh của bốn Niệm trụ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, bốn Niệm trụ chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có bốn Niệm trụ… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tinh tấn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tinh tấn ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không và tự tánh của pháp môn giải thoát Không là không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện và tự tánh của pháp môn giải thoát Không là không; tự tánh của pháp môn giải thoát Không ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, pháp môn giải thoát Không chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp môn giải thoát Không… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không và tự tánh của pháp môn giải thoát Không là không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện và tự tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không; tự tánh của pháp môn giải thoát Không ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, pháp môn giải thoát Không chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp môn giải thoát Không… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không và tự tánh của pháp môn giải thoát Không là không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện và tự tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không; tự tánh của pháp môn giải thoát Không ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, pháp môn giải thoát Không chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp môn giải thoát Không… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không và tự tánh của pháp môn giải thoát Không là không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện và tự tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không; tự tánh của pháp môn giải thoát Không ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh

tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, pháp môn giải thoát Không chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp môn giải thoát Không… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tinh tấn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tinh tấn ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán năm loại mắt hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán sáu phép thần thông hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì năm loại mắt và tự tánh của năm loại mắt là không; sáu phép thần thông và tự tánh của sáu phép thần thông là không; tự tánh của năm loại mắt ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của sáu phép thần thông ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, năm loại mắt chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; sáu phép thần thông đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có năm loại mắt… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán năm loại mắt hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán sáu phép thần thông hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì năm loại mắt và tự tánh của năm loại mắt là không; sáu phép thần thông và tự tánh của sáu phép thần thông là không; tự tánh của năm loại mắt ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của sáu phép thần thông ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, năm loại mắt chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; sáu phép thần thông đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có năm loại mắt… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng

nên quán năm loại mắt hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán sáu phép thần thông hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì năm loại mắt và tự tánh của năm loại mắt là không; sáu phép thần thông và tự tánh của sáu phép thần thông là không; tự tánh của năm loại mắt ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của sáu phép thần thông ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, năm loại mắt chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; sáu phép thần thông đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có năm loại mắt… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán năm loại mắt hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán sáu phép thần thông hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì năm loại mắt và tự tánh của năm loại mắt là không; sáu phép thần thông và tự tánh của sáu phép thần thông là không; tự tánh của năm loại mắt ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh sáu phép thần thông ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, năm loại mắt chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; sáu phép thần thông đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có năm loại mắt… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tinh tấn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tinh tấn ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán mười lực của Phật hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì mười lực của Phật và tự tánh của mười lực của Phật là không; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng và tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không; tự tánh của mười lực của Phật ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng ấy cũng chẳng

phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, mười lực của Phật chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có mười lực của Phật… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán mười lực của Phật hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì mười lực của Phật và tự tánh của mười lực của Phật là không; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng và tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không; tự tánh của mười lực của Phật ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, mười lực của Phật chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có mười lực của Phật… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán mười lực của Phật hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì mười lực của Phật và tự tánh của mười lực của Phật là không; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng và tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không; tự tánh của mười lực của Phật ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, mười lực của Phật chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều chẳng thể nắm bắt

được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có mười lực của Phật… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán mười lực của Phật hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì mười lực của Phật và tự tánh của mười lực của Phật là không; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng và tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không; tự tánh của mười lực của Phật ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, mười lực của Phật chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có mười lực của Phật… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tinh tấn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tinh tấn ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không quên mất hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì pháp không quên mất và tự tánh của pháp không quên mất là không; tánh luôn luôn xả và tự tánh của tánh luôn luôn xả là không; tự tánh của pháp không quên mất ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tánh luôn luôn xả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, pháp không quên mất chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tánh luôn luôn xả đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp không quên mất… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu

tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không quên mất hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì pháp không quên mất và tự tánh của pháp không quên mất là không; tánh luôn luôn xả và tự tánh của tánh luôn luôn xả là không; tự tánh của pháp không quên mất ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tánh luôn luôn xả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, pháp không quên mất chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tánh luôn luôn xả đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp không quên mất… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không quên mất hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì pháp không quên mất và tự tánh của pháp không quên mất là không; tánh luôn luôn xả và tự tánh của tánh luôn luôn xả là không; tự tánh của pháp không quên mất ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tánh luôn luôn xả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, pháp không quên mất chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tánh luôn luôn xả đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp không quên mất… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không quên mất hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì pháp không quên mất và tự tánh của pháp không quên mất là không; tánh luôn luôn xả và tự tánh của tánh luôn luôn xả là không; tự tánh của pháp không quên mất ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh tánh luôn luôn xả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, pháp không quên mất chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tánh luôn luôn xả đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao?

Vì trong đó hãy còn không có pháp không quên mất… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 155

Phẩm 30: SO SÁNH CÔNG ĐỨC (53)

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tinh tấn ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán trí Nhất thiết hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì trí Nhất thiết và tự tánh của trí Nhất thiết là không; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không; tự tánh của trí Nhất thiết ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, trí Nhất thiết chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có trí Nhất thiết… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán trí Nhất thiết hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì trí Nhất thiết và tự tánh của trí Nhất thiết là không; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không; tự tánh của trí Nhất thiết ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, trí Nhất thiết chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có trí Nhất thiết… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng

tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán trí Nhất thiết hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì trí Nhất thiết và tự tánh của trí Nhất thiết là không; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không; tự tánh của trí Nhất thiết ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, trí Nhất thiết chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có trí Nhất thiết… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán trí Nhất thiết hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì trí Nhất thiết và tự tánh của trí Nhất thiết là không; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không; tự tánh của trí Nhất thiết ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, trí Nhất thiết chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có trí Nhất thiết… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tinh tấn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tinh tấn ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni và tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni là không; tất cả pháp môn Tam-ma-địa và tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không; tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tất cả

pháp môn Tam-ma-địa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả pháp môn Đà-la-ni… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni và tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni là không; tất cả pháp môn Tam-ma-địa và tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không; tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả pháp môn Đà-la-ni… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni và tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni là không; tất cả pháp môn Tam-ma-địa và tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không; tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả pháp môn Đà-la-ni… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng

nên quán tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni và tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni là không; tất cả pháp môn Tam-ma-địa và tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không; tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh tất cả pháp môn Tam-ma-địa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả pháp môn Đà-la-ni… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tinh tấn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tinh tấn ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Dự lưu hướng, Dự lưu quả hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả và tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả là không; Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả và tự tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả là không; tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Dự lưu hướng… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Dự lưu hướng, Dự lưu quả hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì Dự lưu hướng, Dự lưu

quả và tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả là không; Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả và tự tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả là không; tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Dự lưu hướng… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Dự lưu hướng, Dự lưu quả hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả và tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả là không; Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả và tự tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả là không; tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Dự lưu hướng… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Dự lưu hướng, Dự lưu quả hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả và tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả là không; Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả và tự tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả là không; tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-

mật-đa này, Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Dự lưu hướng… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tinh tấn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tinh tấn ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả quả vị Độc giác hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán tất cả quả vị Độc giác hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì tất cả quả vị Độc giác và tự tánh của tất cả quả vị Độc giác là không. Tự tánh của tất cả quả vị Độc giác ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, tất cả quả vị Độc giác chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả quả vị Độc giác có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả quả vị Độc giác hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán tất cả quả vị Độc giác hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì tất cả quả vị Độc giác và tự tánh của tất cả quả vị Độc giác là không. Tự tánh của tất cả quả vị Độc giác ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, tất cả quả vị Độc giác chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả quả vị Độc giác có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả quả vị Độc giác hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên tất cả quả vị Độc giác hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì tất cả quả vị Độc giác và tự tánh của tất cả quả vị Độc giác là không. Tự tánh của tất cả quả vị Độc giác ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, tất cả quả vị Độc giác chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì

sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả quả vị Độc giác có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả quả vị Độc giác hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán tất cả quả vị Độc giác hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì tất cả quả vị Độc giác và tự tánh của tất cả quả vị Độc giác là không. Tự tánh của tất cả quả vị Độc giác ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, tất cả quả vị Độc giác chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả quả vị Độc giác có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tinh tấn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tinh tấn ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì tất cả hạnh Đại Bồ-tát và tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là không. Tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả hạnh Đại Bồ-tát có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì tất cả hạnh Đại Bồ-tát và tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là không. Tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả hạnh Đại Bồ-tát có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì tất cả hạnh Đại Bồ-tát và tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là không. Tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả hạnh Đại Bồ-tát có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì tất cả hạnh Đại Bồ-tát và tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là không. Tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả hạnh Đại Bồ-tát có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tinh tấn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tinh tấn ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật và tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là không. Tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc lạc hoặc khổ; chẳng

nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật và tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là không. Tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật và tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là không. Tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật và tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là không. Tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đối với Tinh tấn ba-la-mật-đa này, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tinh tấn như thế là tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tinh tấn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Khi ấy, Thiên đế Thích lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các thiện nam, thiện nữ nói về An nhẫn ba-la-mật-đa theo hướng vô sở đắc như thế nào mà gọi là nói An nhẫn ba-la-mật-đa

một cách chân chính?

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về An nhẫn ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán sắc hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán thọ, tưởng, hành, thức hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì sắc và tự tánh của sắc là không; thọ, tưởng, hành, thức và tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức là không; tự tánh của sắc ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, sắc chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thọ, tưởng, hành, thức đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có sắc… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán sắc hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán thọ, tưởng, hành, thức hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì sắc và tự tánh của sắc là không; thọ, tưởng, hành, thức và tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức là không; tự tánh của sắc ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, sắc chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thọ, tưởng, hành, thức đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có sắc… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán sắc hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán thọ, tưởng, hành, thức hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì sắc và tự tánh của sắc là không; thọ, tưởng, hành, thức và tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức là không; tự tánh của sắc ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, sắc chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thọ, tưởng, hành, thức đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có sắc… có thể nắm bắt được,

huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán sắc hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán thọ, tưởng, hành, thức hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì sắc và tự tánh của sắc là không; thọ, tưởng, hành, thức và tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức là không; tự tánh của sắc ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, sắc chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thọ, tưởng, hành, thức đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có sắc… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều như thế, đó là đã tuyên thuyết An nhẫn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về An nhẫn ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhãn xứ hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì nhãn xứ và tự tánh của nhãn xứ là không; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ và tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không; tự tánh của nhãn xứ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, nhãn xứ chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhãn xứ… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhãn xứ hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì nhãn xứ và tự tánh của nhãn xứ là không; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ và tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không; tự tánh của nhãn xứ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An

nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, nhãn xứ chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhãn xứ… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhãn xứ hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì nhãn xứ và tự tánh của nhãn xứ là không; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ và tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không; tự tánh của nhãn xứ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, nhãn xứ chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhãn xứ… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhãn xứ hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì nhãn xứ và tự tánh của nhãn xứ là không; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ và tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không; tự tánh của nhãn xứ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, nhãn xứ chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhãn xứ… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết An nhẫn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về An nhẫn ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán sắc xứ hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì sắc xứ và tự tánh của sắc xứ là không;

thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ và tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không; tự tánh của sắc xứ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, sắc xứ chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có sắc xứ… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán sắc xứ hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì sắc xứ và tự tánh của sắc xứ là không; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ và tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không; tự tánh của sắc xứ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, sắc xứ chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có sắc xứ… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán sắc xứ hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì sắc xứ và tự tánh của sắc xứ là không; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ và tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không; tự tánh của sắc xứ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, sắc xứ chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có sắc xứ… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán sắc xứ hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán thanh, hương, vị,

xúc, pháp xứ hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì sắc xứ và tự tánh của sắc xứ là không; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ và tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không; tự tánh của sắc xứ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, sắc xứ chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có sắc xứ… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết An nhẫn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 156

Phẩm 30: SO SÁNH CÔNG ĐỨC (54)

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về An nhẫn ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam tử, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhãn giới hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì nhãn giới và tự tánh của nhãn giới là không; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của nhãn giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, nhãn giới chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhãn giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhãn giới hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì nhãn giới và tự tánh của nhãn giới là không; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của nhãn giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, nhãn giới chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm

duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhãn giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhãn giới hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì nhãn giới và tự tánh của nhãn giới là không; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của nhãn giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, nhãn giới chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhãn giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhãn giới hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì nhãn giới và tự tánh của nhãn giới là không; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của nhãn giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, nhãn giới chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhãn giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết An nhẫn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm

Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về An nhẫn ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam tử, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhĩ giới hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì nhĩ giới và tự tánh của nhĩ giới là không; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của nhĩ giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, nhĩ giới chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhĩ giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhĩ giới hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì nhĩ giới và tự tánh của nhĩ giới là không; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra và tự tánh thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của nhĩ giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, nhĩ giới chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhĩ giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhĩ giới hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì nhĩ giới và tự tánh của nhĩ giới là không; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của nhĩ giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh thanh giới

cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, nhĩ giới chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhĩ giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhĩ giới hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì nhĩ giới và tự tánh của nhĩ giới là không; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của nhĩ giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, nhĩ giới chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhĩ giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.”

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều điều đó là đã tuyên thuyết An nhẫn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về An nhẫn ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam tử, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tỷ giới hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì tỷ giới và tự tánh của tỷ giới là không; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của tỷ giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, tỷ giới chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt

được; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tỷ giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tỷ giới hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì tỷ giới và tự tánh của tỷ giới là không; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của tỷ giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, tỷ giới chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tỷ giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tỷ giới hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì tỷ giới và tự tánh của tỷ giới là không; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của tỷ giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, tỷ giới chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tỷ giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tỷ giới hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán hương giới,

tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì tỷ giới và tự tánh của tỷ giới là không; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của tỷ giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, tỷ giới chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tỷ giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết An nhẫn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về An nhẫn ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam tử, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán thiệt giới hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì thiệt giới và tự tánh của thiệt giới là không; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của thiệt giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, thiệt giới chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có thiệt giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán thiệt giới hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì thiệt giới và tự tánh của thiệt giới là không; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra và

tự tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của thiệt giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, thiệt giới chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có thiệt giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán thiệt giới hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì thiệt giới và tự tánh của thiệt giới là không; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của thiệt giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, thiệt giới chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có thiệt giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán thiệt giới hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì thiệt giới và tự tánh của thiệt giới là không; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của thiệt giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, thiệt giới chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có thiệt giới… có thể

nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết An nhẫn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về An nhẫn ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam tử, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán thân giới hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì thân giới và tự tánh của thân giới là không; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của thân giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, thân giới chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có thân giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán thân giới hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì thân giới và tự tánh của thân giới là không; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của thân giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, thân giới chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có thân giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa,

chẳng nên quán thân giới hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì thân giới và tự tánh của thân giới là không; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của thân giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, thân giới chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có thân giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán thân giới hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì thân giới và tự tánh của thân giới là không; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của thân giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, thân giới chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có thân giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết An nhẫn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về An nhẫn ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam tử, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán ý giới hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì ý giới và tự tánh của ý giới là không; pháp giới, ý thức giới và ý

xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của ý giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, ý giới chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có ý giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán ý giới hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì ý giới và tự tánh của ý giới là không; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của ý giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, ý giới chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có ý giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán ý giới hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì ý giới và tự tánh của ý giới là không; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của ý giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, ý giới chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có ý giới… có thể nắm bắt được, huống là có

cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán ý giới hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì ý giới và tự tánh của ý giới là không; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của ý giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, ý giới chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có ý giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết An nhẫn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về An nhẫn ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam tử, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán địa giới hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì địa giới và tự tánh của địa giới là không; thủy, hỏa, phong, không, thức giới và tự tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không; tự tánh của địa giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, địa giới chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thủy, hỏa, phong, không, thức giới đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có địa giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán địa giới hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì địa giới và tự tánh

của địa giới là không; thủy, hỏa, phong, không, thức giới và tự tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không; tự tánh của địa giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, địa giới chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thủy, hỏa, phong, không, thức giới đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có địa giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán địa giới hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì địa giới và tự tánh của địa giới là không; thủy, hỏa, phong, không, thức giới và tự tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không; tự tánh của địa giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, địa giới chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thủy, hỏa, phong, không, thức giới đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có địa giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán địa giới hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì địa giới và tự tánh của địa giới là không; thủy, hỏa, phong, không, thức giới và tự tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không; tự tánh của địa giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh thủy, hỏa, phong, không, thức giới ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, địa giới chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thủy, hỏa, phong, không, thức giới đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có địa giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết An nhẫn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về An nhẫn ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam tử, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán vô minh hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì vô minh và tự tánh của vô minh là không; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não và tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không; tự tánh của vô minh ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, vô minh chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có vô minh… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán vô minh hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì vô minh và tự tánh của vô minh là không; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não và tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không; tự tánh của vô minh ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, vô minh chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có vô minh… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán vô minh hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì vô minh và tự tánh của vô minh là không;

hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não và tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không; tự tánh của vô minh ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, vô minh chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có vô minh… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam tử, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán vô minh hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì vô minh và tự tánh của vô minh là không; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não và tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không; tự tánh của vô minh ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, vô minh chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có vô minh… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết An nhẫn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 157

Phẩm 30: SO SÁNH CÔNG ĐỨC (55)

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về An nhẫn ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa và tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa là không; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và tự tánh của Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không; tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, Bố thí ba-la-mật-đa chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Bố thí ba-la-mật-đa… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa và tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa là không; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và tự tánh của Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không; tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, Bố thí ba-la-mật-đa chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đều chẳng thể nắm bắt được,

cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Bố thí ba-la-mật-đa… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa và tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa là không; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và tự tánh của Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không; tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, Bố thí ba-la-mật-đa chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Bố thí ba-la-mật-đa… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa và tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa là không; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và tự tánh của Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không; tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, Bố thí ba-la-mật-đa chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Bố thí ba-la-mật-đa… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết An nhẫn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm

Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về An nhẫn ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không bên trong hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì pháp không bên trong và tự tánh của pháp không bên trong là không; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh và tự tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là không; tự tánh của pháp không bên trong ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, pháp không bên trong chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp không bên trong… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không bên trong hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì pháp không bên trong và tự tánh của pháp không bên trong là không; pháp không bên ngoài, pháp không cả

trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh và tự tánh pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là không; tự tánh của pháp không bên trong ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, pháp không bên trong chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp không bên trong… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không bên trong hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì pháp không bên trong và tự tánh của pháp không bên trong là không; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh và tự tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là không; tự tánh của pháp không bên trong ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, pháp không bên trong chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp

không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp không bên trong… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không bên trong hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì pháp không bên trong và tự tánh của pháp không bên trong là không; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh và tự tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là không; tự tánh của pháp không bên trong ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, pháp không bên trong chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp không bên trong… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết An nhẫn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm

Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về An nhẫn ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán chân như hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì chân như và tự tánh của chân như là không; pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn và tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không; tự tánh của chân như ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, chân như chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có chân như… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán chân như hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì chân như và tự tánh của chân như là không; pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn và tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không; tự tánh của chân như ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, chân như chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có chân như… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán chân như hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán pháp giới, pháp

tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì chân như và tự tánh của chân như là không; pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn và tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không; tự tánh của chân như ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, chân như chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có chân như… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán chân như hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì chân như và tự tánh của chân như là không; pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn và tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không; tự tánh của chân như ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, chân như chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có chân như… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết An nhẫn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về An nhẫn ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Thánh đế

khổ hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì Thánh đế khổ và tự tánh của Thánh đế khổ là không; Thánh đế tập, diệt, đạo và tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là không; tự tánh của Thánh đế khổ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, Thánh đế khổ chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Thánh đế tập, diệt, đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Thánh đế khổ… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Thánh đế khổ hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì Thánh đế khổ và tự tánh của Thánh đế khổ là không; Thánh đế tập, diệt, đạo và tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là không; tự tánh của Thánh đế khổ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, Thánh đế khổ chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Thánh đế tập, diệt, đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Thánh đế khổ… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Thánh đế khổ hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì Thánh đế khổ và tự tánh của Thánh đế khổ là không; Thánh đế tập, diệt, đạo và tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là không; tự tánh của Thánh đế khổ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, Thánh đế khổ chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Thánh đế tập, diệt, đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Thánh đế khổ… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Thánh đế khổ hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì Thánh đế khổ và tự tánh của Thánh đế khổ là không; Thánh đế tập, diệt, đạo và tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là không; tự tánh của Thánh đế khổ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh Thánh đế tập, diệt, đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, Thánh đế khổ chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Thánh đế tập, diệt, đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Thánh đế khổ… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết An nhẫn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về An nhẫn ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Tĩnh lự hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự và tự tánh của bốn Tĩnh lự là không; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không; tự tánh của bốn Tĩnh lự ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, bốn Tĩnh lự chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có bốn Tĩnh lự… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Tĩnh lự hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự và tự tánh của bốn Tĩnh lự là không; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không; tự tánh của bốn Tĩnh lự ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối

với An nhẫn ba-la-mật-đa này, bốn Tĩnh lự chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có bốn Tĩnh lự… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Tĩnh lự hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự và tự tánh của bốn Tĩnh lự là không; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không; tự tánh của bốn Tĩnh lự ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, bốn Tĩnh lự chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có bốn Tĩnh lự… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Tĩnh lự hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự và tự tánh của bốn Tĩnh lự là không; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không; tự tánh của bốn Tĩnh lự ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, bốn Tĩnh lự chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có bốn Tĩnh lự… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết An nhẫn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về An nhẫn ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tám Giải

thoát hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì tám Giải thoát và tự tánh của tám Giải thoát là không; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ và tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không; tự tánh của tám Giải thoát ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, tám Giải thoát chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tám Giải thoát… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tám Giải thoát hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì tám Giải thoát và tự tánh của tám Giải thoát là không; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ và tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không; tự tánh của tám Giải thoát ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, tám Giải thoát chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tám Giải thoát… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tám Giải thoát hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì tám Giải thoát và tự tánh của tám Giải thoát là không; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ và tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không; tự tánh của tám Giải thoát ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, tám Giải thoát chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tám Thắng xứ, chín Định

thứ đệ, mười Biến xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tám Giải thoát… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tám Giải thoát hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì tám Giải thoát và tự tánh của tám Giải thoát là không; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ và tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không; tự tánh của tám Giải thoát ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, tám Giải thoát chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tám Giải thoát… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết An nhẫn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về An nhẫn ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Niệm trụ hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ và tự tánh của bốn Niệm trụ là không; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo và tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là không; tự tánh của bốn Niệm trụ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, bốn Niệm trụ chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có bốn Niệm trụ… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Niệm trụ hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ và tự tánh của bốn Niệm trụ là không; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo và tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là không; tự tánh của bốn Niệm trụ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, bốn Niệm trụ chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có bốn Niệm trụ… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Niệm trụ hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ và tự tánh của bốn Niệm trụ là không; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo và tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là không; tự tánh của bốn Niệm trụ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, bốn Niệm trụ chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không bốn Niệm trụ… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Niệm trụ hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ và tự tánh của bốn Niệm trụ là không; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo và tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là không; tự tánh của bốn Niệm trụ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo ấy cũng chẳng

phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, bốn Niệm trụ chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có bốn Niệm trụ… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết An nhẫn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về An nhẫn ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không và tự tánh của pháp môn giải thoát Không là không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện và tự tánh của pháp môn giải thoát Không là không; tự tánh của pháp môn giải thoát Không ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, pháp môn giải thoát Không chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp môn giải thoát Không… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không và tự tánh của pháp môn giải thoát Không là không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện và tự tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không; tự tánh của pháp môn giải thoát Không ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, pháp môn giải thoát Không chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đều chẳng thể

nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp môn giải thoát Không… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không và tự tánh của pháp môn giải thoát Không là không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện và tự tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không; tự tánh của pháp môn giải thoát Không ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, pháp môn giải thoát Không chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp môn giải thoát Không… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không và tự tánh của pháp môn giải thoát Không là không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện và tự tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không; tự tánh của pháp môn giải thoát Không ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, pháp môn giải thoát Không chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp môn giải thoát Không… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết An nhẫn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 158

Phẩm 30: SO SÁNH CÔNG ĐỨC (56)

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về An nhẫn ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán năm loại mắt hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán sáu phép thần thông hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì năm loại mắt và tự tánh của năm loại mắt là không; sáu phép thần thông và tự tánh của sáu phép thần thông là không; tự tánh của năm loại mắt ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của sáu phép thần thông ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, năm loại mắt chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; sáu phép thần thông đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có năm loại mắt… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán năm loại mắt hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán sáu phép thần thông hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì năm loại mắt và tự tánh của năm loại mắt là không; sáu phép thần thông và tự tánh của sáu phép thần thông là không; tự tánh của năm loại mắt ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của sáu phép thần thông ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, năm loại mắt chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; sáu phép thần thông đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có năm loại mắt… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng

nên quán năm loại mắt hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán sáu phép thần thông hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì năm loại mắt và tự tánh của năm loại mắt là không; sáu phép thần thông và tự tánh của sáu phép thần thông là không; tự tánh của năm loại mắt ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của sáu phép thần thông ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, năm loại mắt chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; sáu phép thần thông đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có năm loại mắt… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán năm loại mắt hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán sáu phép thần thông hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì năm loại mắt và tự tánh của năm loại mắt là không; sáu phép thần thông và tự tánh của sáu phép thần thông là không; tự tánh của năm loại mắt ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh sáu phép thần thông ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, năm loại mắt chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; sáu phép thần thông đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có năm loại mắt… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết An nhẫn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về An nhẫn ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán mười lực của Phật hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì mười lực của Phật và tự tánh của mười lực của Phật là không; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng và tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không; tự tánh của mười lực của Phật ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng ấy cũng

chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, mười lực của Phật chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có mười lực của Phật… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán mười lực của Phật hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì mười lực của Phật và tự tánh của mười lực của Phật là không; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng và tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không; tự tánh của mười lực của Phật ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, mười lực của Phật chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có mười lực của Phật… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán mười lực của Phật hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì mười lực của Phật và tự tánh của mười lực của Phật là không; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng và tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không; tự tánh của mười lực của Phật ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, mười lực của Phật chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều chẳng thể nắm bắt

được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có mười lực của Phật… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán mười lực của Phật hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì mười lực của Phật và tự tánh của mười lực của Phật là không; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng và tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không; tự tánh của mười lực của Phật ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, mười lực của Phật chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có mười lực của Phật… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết An nhẫn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về An nhẫn ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không quên mất hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì pháp không quên mất và tự tánh của pháp không quên mất là không; tánh luôn luôn xả và tự tánh của tánh luôn luôn xả là không; tự tánh của pháp không quên mất ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tánh luôn luôn xả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, pháp không quên mất chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tánh luôn luôn xả đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp không quên mất… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu an

nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không quên mất hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì pháp không quên mất và tự tánh của pháp không quên mất là không; tánh luôn luôn xả và tự tánh của tánh luôn luôn xả là không; tự tánh của pháp không quên mất ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tánh luôn luôn xả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, pháp không quên mất chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tánh luôn luôn xả đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp không quên mất… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không quên mất hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì pháp không quên mất và tự tánh của pháp không quên mất là không; tánh luôn luôn xả và tự tánh của tánh luôn luôn xả là không; tự tánh của pháp không quên mất ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tánh luôn luôn xả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, pháp không quên mất chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tánh luôn luôn xả đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp không quên mất… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không quên mất hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì pháp không quên mất và tự tánh của pháp không quên mất là không; tánh luôn luôn xả và tự tánh của tánh luôn luôn xả là không; tự tánh của pháp không quên mất ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh tánh luôn luôn xả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, pháp không quên mất chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tánh luôn luôn xả đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao?

Vì trong đó hãy còn không có pháp không quên mất… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết An nhẫn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về An nhẫn ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán trí Nhất thiết hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì trí Nhất thiết và tự tánh của trí Nhất thiết là không; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không; tự tánh của trí Nhất thiết ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, trí Nhất thiết chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có trí Nhất thiết… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán trí Nhất thiết hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì trí Nhất thiết và tự tánh của trí Nhất thiết là không; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không; tự tánh của trí Nhất thiết ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, trí Nhất thiết chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có trí Nhất thiết… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán trí Nhất thiết hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì trí Nhất thiết và tự

tánh của trí Nhất thiết là không; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không; tự tánh của trí Nhất thiết ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, trí Nhất thiết chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có trí Nhất thiết… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán trí Nhất thiết hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì trí Nhất thiết và tự tánh của trí Nhất thiết là không; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không; tự tánh của trí Nhất thiết ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, trí Nhất thiết chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có trí Nhất thiết… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết An nhẫn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về An nhẫn ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni và tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni là không; tất cả pháp môn Tam-ma-địa và tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không; tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều chẳng thể nắm

bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả pháp môn Đà-la-ni… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni và tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni là không; tất cả pháp môn Tam-ma-địa và tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không; tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả pháp môn Đà-la-ni… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni và tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni là không; tất cả pháp môn Tam-ma-địa và tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không; tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả pháp môn Đà-la-ni… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni và tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni là không; tất cả pháp môn Tam-ma-địa và tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không; tự

tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh tất cả pháp môn Tam-ma-địa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả pháp môn Đà-la-ni… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết An nhẫn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về An nhẫn ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Dự lưu hướng, Dự lưu quả hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả và tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả là không; Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả và tự tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả là không; tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Dự lưu hướng… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Dự lưu hướng, Dự lưu quả hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả và tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả là không; Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả và tự tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả là không; tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Nhất lai

hướng cho đến A-la-hán quả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Dự lưu hướng… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Dự lưu hướng, Dự lưu quả hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả và tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả là không; Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả và tự tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả là không; tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Dự lưu hướng… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Dự lưu hướng, Dự lưu quả hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả và tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả là không; Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả và tự tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả là không; tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Dự lưu hướng… có thể

nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết An nhẫn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về An nhẫn ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả quả vị Độc giác hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán tất cả quả vị Độc giác hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì tất cả quả vị Độc giác và tự tánh của tất cả quả vị Độc giác là không. Tự tánh của tất cả quả vị Độc giác ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, tất cả quả vị Độc giác chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả quả vị Độc giác có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả quả vị Độc giác hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán tất cả quả vị Độc giác hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì tất cả quả vị Độc giác và tự tánh của tất cả quả vị Độc giác là không. Tự tánh của tất cả quả vị Độc giác ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, tất cả quả vị Độc giác chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả quả vị Độc giác có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả quả vị Độc giác hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên tất cả quả vị Độc giác hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì tất cả quả vị Độc giác và tự tánh của tất cả quả vị Độc giác là không. Tự tánh của tất cả quả vị Độc giác ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, tất cả quả vị Độc giác chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả quả vị Độc giác có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng

nên quán tất cả quả vị Độc giác hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán tất cả quả vị Độc giác hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì tất cả quả vị Độc giác và tự tánh của tất cả quả vị Độc giác là không. Tự tánh của tất cả quả vị Độc giác ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, tất cả quả vị Độc giác chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả quả vị Độc giác có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết An nhẫn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về An nhẫn ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì tất cả hạnh Đại Bồ-tát và tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là không. Tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả hạnh Đại Bồ-tát có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì tất cả hạnh Đại Bồ-tát và tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là không. Tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả hạnh Đại Bồ-tát có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì tất cả hạnh Đại Bồ-tát và tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là không. Tự tánh của tất cả hạnh Đại

Bồ-tát ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả hạnh Đại Bồ-tát có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì tất cả hạnh Đại Bồ-tát và tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là không. Tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả hạnh Đại Bồ-tát có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết An nhẫn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về An nhẫn ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật và tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là không. Tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật và tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là không. Tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là An nhẫn ba-

la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật và tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là không. Tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật và tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là không. Tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là An nhẫn ba-la-mật-đa. Đối với An nhẫn ba-la-mật-đa này, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu an nhẫn như thế là tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết An nhẫn ba-la-mật-đa một cách chân chính.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 159

Phẩm 30: SO SÁNH CÔNG ĐỨC (57)

Khi ấy, Thiên đế Thích lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các thiện nam, thiện nữ nói về Tịnh giới ba-la-mật-đa theo hướng vô sở đắc như thế nào mà gọi là nói Tịnh giới ba-la-mật-đa một cách chân chính?

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tịnh giới ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán sắc hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán thọ, tưởng, hành, thức hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì sắc và tự tánh của sắc là không; thọ, tưởng, hành, thức và tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức là không; tự tánh của sắc ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, sắc chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thọ, tưởng, hành, thức đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có sắc… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán sắc hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán thọ, tưởng, hành, thức hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì sắc và tự tánh của sắc là không; thọ, tưởng, hành, thức và tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức là không; tự tánh của sắc ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, sắc chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thọ, tưởng, hành, thức đều chẳng thể nắm

bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có sắc… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán sắc hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán thọ, tưởng, hành, thức hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì sắc và tự tánh của sắc là không; thọ, tưởng, hành, thức và tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức là không; tự tánh của sắc ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, sắc chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thọ, tưởng, hành, thức đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có sắc… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán sắc hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán thọ, tưởng, hành, thức hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì sắc và tự tánh của sắc là không; thọ, tưởng, hành, thức và tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức là không; tự tánh của sắc ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, sắc chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thọ, tưởng, hành, thức đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có sắc… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều như thế, đó là đã tuyên thuyết Tịnh giới ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tịnh giới ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhãn xứ hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì nhãn xứ và tự tánh của nhãn xứ là không; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ và tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không; tự tánh của nhãn xứ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của nhĩ, tỷ,

thiệt, thân, ý xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, nhãn xứ chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhãn xứ… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhãn xứ hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì nhãn xứ và tự tánh của nhãn xứ là không; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ và tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không; tự tánh của nhãn xứ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, nhãn xứ chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhãn xứ… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhãn xứ hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì nhãn xứ và tự tánh của nhãn xứ là không; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ và tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không; tự tánh của nhãn xứ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, nhãn xứ chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhãn xứ… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhãn xứ hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì nhãn xứ và tự tánh của nhãn xứ là không; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ và tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không; tự tánh của nhãn xứ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của nhĩ,

tỷ, thiệt, thân, ý xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, nhãn xứ chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhãn xứ… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tịnh giới ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tịnh giới ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán sắc xứ hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì sắc xứ và tự tánh của sắc xứ là không; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ và tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không; tự tánh của sắc xứ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, sắc xứ chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có sắc xứ… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán sắc xứ hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì sắc xứ và tự tánh của sắc xứ là không; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ và tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không; tự tánh của sắc xứ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, sắc xứ chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có sắc xứ… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng

nên quán sắc xứ hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì sắc xứ và tự tánh của sắc xứ là không; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ và tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không; tự tánh của sắc xứ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, sắc xứ chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có sắc xứ… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán sắc xứ hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì sắc xứ và tự tánh của sắc xứ là không; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ và tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không; tự tánh của sắc xứ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, sắc xứ chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có sắc xứ… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tịnh giới ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tịnh giới ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhãn giới hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì nhãn giới và tự tánh của nhãn giới là không; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của nhãn giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh.

Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, nhãn giới chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhãn giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhãn giới hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì nhãn giới và tự tánh của nhãn giới là không; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của nhãn giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, nhãn giới chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhãn giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhãn giới hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì nhãn giới và tự tánh của nhãn giới là không; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của nhãn giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, nhãn giới chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhãn giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh

giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhãn giới hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì nhãn giới và tự tánh của nhãn giới là không; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của nhãn giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, nhãn giới chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhãn giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tịnh giới ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tịnh giới ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhĩ giới hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì nhĩ giới và tự tánh của nhĩ giới là không; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của nhĩ giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, nhĩ giới chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhĩ giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhĩ giới hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán thanh giới, nhĩ thức

giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì nhĩ giới và tự tánh của nhĩ giới là không; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra và tự tánh thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của nhĩ giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, nhĩ giới chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhĩ giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhĩ giới hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì nhĩ giới và tự tánh của nhĩ giới là không; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của nhĩ giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, nhĩ giới chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhĩ giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhĩ giới hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì nhĩ giới và tự tánh của nhĩ giới là không; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của nhĩ giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, nhĩ giới chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh

kia cũng chẳng thể nắm bắt được thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhĩ giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều điều đó là đã tuyên thuyết Tịnh giới ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tịnh giới ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tỷ giới hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì tỷ giới và tự tánh của tỷ giới là không; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của tỷ giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, tỷ giới chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tỷ giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tỷ giới hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì tỷ giới và tự tánh của tỷ giới là không; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của tỷ giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, tỷ giới chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tỷ giới… có thể nắm bắt được, huống là có

cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tỷ giới hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì tỷ giới và tự tánh của tỷ giới là không; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của tỷ giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, tỷ giới chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tỷ giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tỷ giới hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì tỷ giới và tự tánh của tỷ giới là không; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của tỷ giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, tỷ giới chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tỷ giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tịnh giới ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tịnh giới ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán thiệt giới hoặc

thường hoặc vô thường; chẳng nên quán vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì thiệt giới và tự tánh của thiệt giới là không; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của thiệt giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, thiệt giới chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có thiệt giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán thiệt giới hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì thiệt giới và tự tánh của thiệt giới là không; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của thiệt giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, thiệt giới chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có thiệt giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán thiệt giới hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì thiệt giới và tự tánh của thiệt giới là không; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của thiệt giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-

đa này, thiệt giới chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có thiệt giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán thiệt giới hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì thiệt giới và tự tánh của thiệt giới là không; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của thiệt giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, thiệt giới chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có thiệt giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tịnh giới ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tịnh giới ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán thân giới hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì thân giới và tự tánh của thân giới là không; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của thân giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, thân giới chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng

chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có thân giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán thân giới hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì thân giới và tự tánh của thân giới là không; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của thân giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, thân giới chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có thân giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán thân giới hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì thân giới và tự tánh của thân giới là không; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của thân giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, thân giới chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có thân giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán thân giới hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì thân giới và tự tánh của thân giới là không; xúc

giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của thân giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, thân giới chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có thân giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tịnh giới ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tịnh giới ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán ý giới hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì ý giới và tự tánh của ý giới là không; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của ý giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, ý giới chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có ý giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán ý giới hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì ý giới và tự tánh của ý giới là không; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của ý giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm

duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, ý giới chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có ý giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán ý giới hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì ý giới và tự tánh của ý giới là không; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của ý giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, ý giới chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có ý giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán ý giới hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì ý giới và tự tánh của ý giới là không; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của ý giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, ý giới chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có ý giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tịnh giới ba-la-mật-đa một cách chân chính.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 160

Phẩm 30: SO SÁNH CÔNG ĐỨC (58)

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tịnh giới ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán địa giới hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì địa giới và tự tánh của địa giới là không; thủy, hỏa, phong, không, thức giới và tự tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không; tự tánh của địa giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, địa giới chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thủy, hỏa, phong, không, thức giới đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có địa giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán địa giới hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì địa giới và tự tánh của địa giới là không; thủy, hỏa, phong, không, thức giới và tự tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không; tự tánh của địa giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, địa giới chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thủy, hỏa, phong, không, thức giới đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có địa giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là

tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán địa giới hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì địa giới và tự tánh của địa giới là không; thủy, hỏa, phong, không, thức giới và tự tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không; tự tánh của địa giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, địa giới chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thủy, hỏa, phong, không, thức giới đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có địa giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán địa giới hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì địa giới và tự tánh của địa giới là không; thủy, hỏa, phong, không, thức giới và tự tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không; tự tánh của địa giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh thủy, hỏa, phong, không, thức giới ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, địa giới chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thủy, hỏa, phong, không, thức giới đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có địa giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tịnh giới ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tịnh giới ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán vô minh hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì vô minh và tự tánh của vô minh là không; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não và tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không; tự tánh của vô

minh ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, vô minh chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có vô minh… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán vô minh hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì vô minh và tự tánh của vô minh là không; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não và tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không; tự tánh của vô minh ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, vô minh chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có vô minh… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán vô minh hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì vô minh và tự tánh của vô minh là không; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não và tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không; tự tánh của vô minh ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, vô minh chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có vô minh… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán vô minh hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì vô minh và tự tánh của vô minh là không; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não và tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không; tự tánh của vô minh ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, vô minh chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có vô minh… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tịnh giới ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tịnh giới ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa và tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa là không; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và tự tánh của Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không; tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, Bố thí ba-la-mật-đa chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Bố thí ba-la-mật-đa… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa và tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa là không;

Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và tự tánh của Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không; tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, Bố thí ba-la-mật-đa chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Bố thí ba-la-mật-đa… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa và tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa là không; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và tự tánh của Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không; tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, Bố thí ba-la-mật-đa chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Bố thí ba-la-mật-đa… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa và tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa là không; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và tự tánh của Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không; tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, Bố thí ba-la-mật-đa chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì

trong đó hãy còn không có Bố thí ba-la-mật-đa… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tịnh giới ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tịnh giới ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không bên trong hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì pháp không bên trong và tự tánh của pháp không bên trong là không; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh và tự tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là không; tự tánh của pháp không bên trong ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, pháp không bên trong chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp không bên trong… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không bên trong hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp

không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì pháp không bên trong và tự tánh của pháp không bên trong là không; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh và tự tánh pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là không; tự tánh của pháp không bên trong ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, pháp không bên trong chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp không bên trong… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không bên trong hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì pháp không bên trong và tự tánh của pháp không bên trong là không; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp

không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh và tự tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là không; tự tánh của pháp không bên trong ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, pháp không bên trong chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp không bên trong… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không bên trong hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì pháp không bên trong và tự tánh của pháp không bên trong là không; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh và tự tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là không; tự tánh của pháp không bên trong ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, pháp không bên trong chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp không bên trong… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như

thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tịnh giới ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tịnh giới ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán chân như hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì chân như và tự tánh của chân như là không; pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn và tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không; tự tánh của chân như ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, chân như chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có chân như… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán chân như hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì chân như và tự tánh của chân như là không; pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn và tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không; tự tánh của chân như ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, chân như chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia

cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có chân như… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán chân như hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì chân như và tự tánh của chân như là không; pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn và tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không; tự tánh của chân như ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, chân như chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có chân như… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán chân như hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì chân như và tự tánh của chân như là không; pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn và tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không; tự tánh của chân như ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, chân như chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có chân như… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tịnh giới ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tịnh giới ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Thánh đế khổ hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì Thánh đế khổ và tự tánh của Thánh đế khổ là không; Thánh đế tập, diệt, đạo và tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là không; tự tánh của Thánh đế khổ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, Thánh đế khổ chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Thánh đế tập, diệt, đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Thánh đế khổ… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Thánh đế khổ hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì Thánh đế khổ và tự tánh của Thánh đế khổ là không; Thánh đế tập, diệt, đạo và tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là không; tự tánh của Thánh đế khổ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, Thánh đế khổ chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Thánh đế tập, diệt, đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Thánh đế khổ… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Thánh đế khổ hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì Thánh đế khổ và tự tánh của Thánh đế khổ là không; Thánh đế tập, diệt, đạo và tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là không; tự tánh của Thánh đế khổ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, Thánh đế khổ chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã

kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Thánh đế tập, diệt, đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Thánh đế khổ… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Thánh đế khổ hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì Thánh đế khổ và tự tánh của Thánh đế khổ là không; Thánh đế tập, diệt, đạo và tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là không; tự tánh của Thánh đế khổ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh Thánh đế tập, diệt, đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, Thánh đế khổ chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Thánh đế tập, diệt, đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Thánh đế khổ… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tịnh giới ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tịnh giới ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Tĩnh lự hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự và tự tánh của bốn Tĩnh lự là không; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không; tự tánh của bốn Tĩnh lự ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, bốn Tĩnh lự chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có bốn Tĩnh lự… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Tĩnh lự hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán bốn Vô lượng,

bốn Định vô sắc hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự và tự tánh của bốn Tĩnh lự là không; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không; tự tánh của bốn Tĩnh lự ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, bốn Tĩnh lự chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có bốn Tĩnh lự… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Tĩnh lự hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự và tự tánh của bốn Tĩnh lự là không; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không; tự tánh của bốn Tĩnh lự ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, bốn Tĩnh lự chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có bốn Tĩnh lự… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Tĩnh lự hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự và tự tánh của bốn Tĩnh lự là không; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không; tự tánh của bốn Tĩnh lự ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, bốn Tĩnh lự chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có bốn Tĩnh lự… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tịnh giới ba-la-mật-đa một cách chân chính.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 161

Phẩm 30: SO SÁNH CÔNG ĐỨC (59)

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tịnh giới ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tám Giải thoát hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì tám Giải thoát và tự tánh của tám Giải thoát là không; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ và tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không; tự tánh của tám Giải thoát ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, tám Giải thoát chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tám Giải thoát… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tám Giải thoát hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì tám Giải thoát và tự tánh của tám Giải thoát là không; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ và tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không; tự tánh của tám Giải thoát ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, tám Giải thoát chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng

chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tám Giải thoát… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tám Giải thoát hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì tám Giải thoát và tự tánh của tám Giải thoát là không; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ và tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không; tự tánh của tám Giải thoát ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, tám Giải thoát chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tám Giải thoát… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tám Giải thoát hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì tám Giải thoát và tự tánh của tám Giải thoát là không; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ và tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không; tự tánh của tám Giải thoát ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, tám Giải thoát chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tám Giải thoát… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tịnh giới ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tịnh giới ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Niệm trụ hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn, bốn

Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ và tự tánh của bốn Niệm trụ là không; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo và tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là không; tự tánh của bốn Niệm trụ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, bốn Niệm trụ chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có bốn Niệm trụ… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Niệm trụ hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ và tự tánh của bốn Niệm trụ là không; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo và tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là không; tự tánh của bốn Niệm trụ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, bốn Niệm trụ chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có bốn Niệm trụ… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Niệm trụ hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ và tự tánh của bốn Niệm trụ là không; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo và tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là không; tự tánh của bốn Niệm trụ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, bốn Niệm trụ chẳng thể nắm bắt được, cái

ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không bốn Niệm trụ… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Niệm trụ hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ và tự tánh của bốn Niệm trụ là không; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo và tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là không; tự tánh của bốn Niệm trụ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, bốn Niệm trụ chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có bốn Niệm trụ… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tịnh giới ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tịnh giới ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không và tự tánh của pháp môn giải thoát Không là không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện và tự tánh của pháp môn giải thoát Không là không; tự tánh của pháp môn giải thoát Không ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, pháp môn giải thoát Không chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp môn giải thoát Không… có thể

nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không và tự tánh của pháp môn giải thoát Không là không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện và tự tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không; tự tánh của pháp môn giải thoát Không ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, pháp môn giải thoát Không chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp môn giải thoát Không… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không và tự tánh của pháp môn giải thoát Không là không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện và tự tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không; tự tánh của pháp môn giải thoát Không ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, pháp môn giải thoát Không chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp môn giải thoát Không… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không và tự tánh của pháp môn giải thoát Không là không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện và tự tánh của

pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không; tự tánh của pháp môn giải thoát Không ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, pháp môn giải thoát Không chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp môn giải thoát Không… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tịnh giới ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tịnh giới ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán năm loại mắt hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán sáu phép thần thông hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì năm loại mắt và tự tánh của năm loại mắt là không; sáu phép thần thông và tự tánh của sáu phép thần thông là không; tự tánh của năm loại mắt ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của sáu phép thần thông ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, năm loại mắt chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; sáu phép thần thông đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có năm loại mắt… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán năm loại mắt hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán sáu phép thần thông hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì năm loại mắt và tự tánh của năm loại mắt là không; sáu phép thần thông và tự tánh của sáu phép thần thông là không; tự tánh của năm loại mắt ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của sáu phép thần thông ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, năm loại mắt chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; sáu phép thần thông đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có năm

loại mắt… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán năm loại mắt hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán sáu phép thần thông hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì năm loại mắt và tự tánh của năm loại mắt là không; sáu phép thần thông và tự tánh của sáu phép thần thông là không; tự tánh của năm loại mắt ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của sáu phép thần thông ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, năm loại mắt chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; sáu phép thần thông đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có năm loại mắt… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán năm loại mắt hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán sáu phép thần thông hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì năm loại mắt và tự tánh của năm loại mắt là không; sáu phép thần thông và tự tánh của sáu phép thần thông là không; tự tánh của năm loại mắt ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh sáu phép thần thông ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, năm loại mắt chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; sáu phép thần thông đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có năm loại mắt… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tịnh giới ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tịnh giới ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán mười lực của Phật hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì mười lực của Phật và tự tánh của mười lực của Phật là không; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất

cộng và tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không; tự tánh của mười lực của Phật ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, mười lực của Phật chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có mười lực của Phật… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán mười lực của Phật hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì mười lực của Phật và tự tánh của mười lực của Phật là không; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng và tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không; tự tánh của mười lực của Phật ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, mười lực của Phật chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có mười lực của Phật… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán mười lực của Phật hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì mười lực của Phật và tự tánh của mười lực của Phật là không; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng và tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không; tự tánh của mười lực của Phật ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới

ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, mười lực của Phật chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có mười lực của Phật… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán mười lực của Phật hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì mười lực của Phật và tự tánh của mười lực của Phật là không; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng và tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không; tự tánh của mười lực của Phật ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, mười lực của Phật chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có mười lực của Phật… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tịnh giới ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tịnh giới ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không quên mất hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì pháp không quên mất và tự tánh của pháp không quên mất là không; tánh luôn luôn xả và tự tánh của tánh luôn luôn xả là không; tự tánh của pháp không quên mất ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tánh luôn luôn xả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, pháp không quên mất chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tánh luôn luôn xả đều chẳng

thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp không quên mất… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không quên mất hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì pháp không quên mất và tự tánh của pháp không quên mất là không; tánh luôn luôn xả và tự tánh của tánh luôn luôn xả là không; tự tánh của pháp không quên mất ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tánh luôn luôn xả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, pháp không quên mất chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tánh luôn luôn xả đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp không quên mất… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không quên mất hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì pháp không quên mất và tự tánh của pháp không quên mất là không; tánh luôn luôn xả và tự tánh của tánh luôn luôn xả là không; tự tánh của pháp không quên mất ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tánh luôn luôn xả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, pháp không quên mất chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tánh luôn luôn xả đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp không quên mất… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không quên mất hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì pháp không quên mất và tự tánh của pháp không quên mất là không; tánh luôn luôn xả và tự tánh của tánh luôn luôn xả là không; tự tánh của pháp không quên mất ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh tánh luôn luôn xả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới

ba-la-mật-đa này, pháp không quên mất chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tánh luôn luôn xả đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp không quên mất… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tịnh giới ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tịnh giới ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán trí Nhất thiết hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì trí Nhất thiết và tự tánh của trí Nhất thiết là không; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không; tự tánh của trí Nhất thiết ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, trí Nhất thiết chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có trí Nhất thiết… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán trí Nhất thiết hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì trí Nhất thiết và tự tánh của trí Nhất thiết là không; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không; tự tánh của trí Nhất thiết ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, trí Nhất thiết chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có trí Nhất thiết… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-

đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán trí Nhất thiết hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì trí Nhất thiết và tự tánh của trí Nhất thiết là không; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không; tự tánh của trí Nhất thiết ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, trí Nhất thiết chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có trí Nhất thiết… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán trí Nhất thiết hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì trí Nhất thiết và tự tánh của trí Nhất thiết là không; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không; tự tánh của trí Nhất thiết ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, trí Nhất thiết chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có trí Nhất thiết… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tịnh giới ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tịnh giới ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni và tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni là không; tất cả pháp môn Tam-ma-địa và tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không; tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tất cả

pháp môn Tam-ma-địa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả pháp môn Đà-la-ni… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni và tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni là không; tất cả pháp môn Tam-ma-địa và tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không; tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả pháp môn Đà-la-ni… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni và tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni là không; tất cả pháp môn Tam-ma-địa và tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không; tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả pháp môn Đà-la-ni… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng

nên quán tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni và tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni là không; tất cả pháp môn Tam-ma-địa và tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không; tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh tất cả pháp môn Tam-ma-địa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả pháp môn Đà-la-ni… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tịnh giới ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tịnh giới ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Dự lưu hướng, Dự lưu quả hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả và tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả là không; Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả và tự tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả là không; tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Dự lưu hướng… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Dự lưu hướng, Dự lưu quả hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì Dự lưu hướng, Dự lưu

quả và tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả là không; Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả và tự tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả là không; tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Dự lưu hướng… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Dự lưu hướng, Dự lưu quả hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả và tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả là không; Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả và tự tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả là không; tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Dự lưu hướng… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Dự lưu hướng, Dự lưu quả hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả và tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả là không; Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả và tự tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả là không; tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả ấy cũng chẳng phải là

tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Dự lưu hướng… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tịnh giới ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tịnh giới ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả quả vị Độc giác hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán tất cả quả vị Độc giác hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì tất cả quả vị Độc giác và tự tánh của tất cả quả vị Độc giác là không. Tự tánh của tất cả quả vị Độc giác ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, tất cả quả vị Độc giác chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả quả vị Độc giác có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả quả vị Độc giác hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán tất cả quả vị Độc giác hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì tất cả quả vị Độc giác và tự tánh của tất cả quả vị Độc giác là không. Tự tánh của tất cả quả vị Độc giác ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, tất cả quả vị Độc giác chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả quả vị Độc giác có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả quả vị Độc giác hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên tất cả quả vị Độc giác hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì tất cả quả vị Độc giác và tự tánh của tất cả quả vị Độc giác là không. Tự tánh của tất cả quả vị Độc giác ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, tất cả quả vị Độc giác chẳng

thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả quả vị Độc giác có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả quả vị Độc giác hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán tất cả quả vị Độc giác hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì tất cả quả vị Độc giác và tự tánh của tất cả quả vị Độc giác là không. Tự tánh của tất cả quả vị Độc giác ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, tất cả quả vị Độc giác chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả quả vị Độc giác có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tịnh giới ba-la-mật-đa một cách chân chính.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 162

Phẩm 30: SO SÁNH CÔNG ĐỨC (60)

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tịnh giới ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì tất cả hạnh Đại Bồ-tát và tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là không. Tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả hạnh Đại Bồ-tát có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì tất cả hạnh Đại Bồ-tát và tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là không. Tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả hạnh Đại Bồ-tát có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì tất cả hạnh Đại Bồ-tát và tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là không. Tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, tất cả hạnh Đại Bồ-

tát chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả hạnh Đại Bồ-tát có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì tất cả hạnh Đại Bồ-tát và tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là không. Tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả hạnh Đại Bồ-tát có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tịnh giới ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Tịnh giới ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật và tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là không. Tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật và tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là không. Tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm

bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật và tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là không. Tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật và tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là không. Tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Tịnh giới ba-la-mật-đa. Đối với Tịnh giới ba-la-mật-đa này, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu tịnh giới như thế là tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Tịnh giới ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Khi ấy, Thiên đế Thích lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các thiện nam, thiện nữ nói về Bố thí ba-la-mật-đa theo hướng vô sở đắc như thế nào mà gọi là nói Bố thí ba-la-mật-đa một cách chân chính?

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Bố thí ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán sắc hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán thọ, tưởng, hành, thức hoặc thường hoặc vô

thường. Vì sao? Vì sắc và tự tánh của sắc là không; thọ, tưởng, hành, thức và tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức là không; tự tánh của sắc ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, sắc chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thọ, tưởng, hành, thức đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có sắc… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán sắc hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán thọ, tưởng, hành, thức hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì sắc và tự tánh của sắc là không; thọ, tưởng, hành, thức và tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức là không; tự tánh của sắc ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, sắc chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thọ, tưởng, hành, thức đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có sắc… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán sắc hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán thọ, tưởng, hành, thức hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì sắc và tự tánh của sắc là không; thọ, tưởng, hành, thức và tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức là không; tự tánh của sắc ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, sắc chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thọ, tưởng, hành, thức đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có sắc… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán sắc hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán thọ, tưởng, hành, thức hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì sắc và tự tánh của sắc là không; thọ, tưởng, hành, thức và tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức là không; tự tánh

của sắc ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, sắc chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thọ, tưởng, hành, thức đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có sắc… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Bố thí ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Bố thí ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhãn xứ hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì nhãn xứ và tự tánh của nhãn xứ là không; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ và tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không; tự tánh của nhãn xứ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, nhãn xứ chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhãn xứ… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhãn xứ hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì nhãn xứ và tự tánh của nhãn xứ là không; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ và tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không; tự tánh của nhãn xứ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, nhãn xứ chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhãn xứ… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng

nên quán nhãn xứ hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì nhãn xứ và tự tánh của nhãn xứ là không; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ và tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không; tự tánh của nhãn xứ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, nhãn xứ chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhãn xứ… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhãn xứ hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì nhãn xứ và tự tánh của nhãn xứ là không; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ và tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không; tự tánh của nhãn xứ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, nhãn xứ chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhãn xứ… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Bố thí ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Bố thí ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán sắc xứ hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì sắc xứ và tự tánh của sắc xứ là không; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ và tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không; tự tánh của sắc xứ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, sắc xứ chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái

thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có sắc xứ… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán sắc xứ hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì sắc xứ và tự tánh của sắc xứ là không; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ và tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không; tự tánh của sắc xứ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, sắc xứ chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có sắc xứ… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán sắc xứ hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì sắc xứ và tự tánh của sắc xứ là không; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ và tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không; tự tánh của sắc xứ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, sắc xứ chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có sắc xứ… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán sắc xứ hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì sắc xứ và tự tánh của sắc xứ là không; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ và tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không; tự tánh của sắc xứ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, sắc xứ chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng

thể nắm bắt được; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có sắc xứ… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Bố thí ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Bố thí ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhãn giới hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì nhãn giới và tự tánh của nhãn giới là không; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của nhãn giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, nhãn giới chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhãn giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhãn giới hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì nhãn giới và tự tánh của nhãn giới là không; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của nhãn giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, nhãn giới chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn

không có nhãn giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhãn giới hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì nhãn giới và tự tánh của nhãn giới là không; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của nhãn giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, nhãn giới chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhãn giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhãn giới hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì nhãn giới và tự tánh của nhãn giới là không; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của nhãn giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, nhãn giới chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhãn giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Bố thí ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Bố thí ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhĩ giới hoặc

thường hoặc vô thường; chẳng nên quán thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì nhĩ giới và tự tánh của nhĩ giới là không; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của nhĩ giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, nhĩ giới chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhĩ giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhĩ giới hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì nhĩ giới và tự tánh của nhĩ giới là không; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra và tự tánh thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của nhĩ giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, nhĩ giới chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhĩ giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhĩ giới hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì nhĩ giới và tự tánh của nhĩ giới là không; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của nhĩ giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là

tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, nhĩ giới chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhĩ giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhĩ giới hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì nhĩ giới và tự tánh của nhĩ giới là không; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của nhĩ giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, nhĩ giới chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có nhĩ giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều điều đó là đã tuyên thuyết Bố thí ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Bố thí ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tỷ giới hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì tỷ giới và tự tánh của tỷ giới là không; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của tỷ giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, tỷ giới chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được;

hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tỷ giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tỷ giới hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì tỷ giới và tự tánh của tỷ giới là không; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của tỷ giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, tỷ giới chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tỷ giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tỷ giới hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì tỷ giới và tự tánh của tỷ giới là không; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của tỷ giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, tỷ giới chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tỷ giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tỷ giới hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra hoặc tịnh hoặc

bất tịnh. Vì sao? Vì tỷ giới và tự tánh của tỷ giới là không; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của tỷ giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, tỷ giới chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tỷ giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Bố thí ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Bố thí ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán thiệt giới hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì thiệt giới và tự tánh của thiệt giới là không; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của thiệt giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, thiệt giới chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có thiệt giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán thiệt giới hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì thiệt giới và tự tánh của thiệt giới là không; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh

của thiệt giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, thiệt giới chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có thiệt giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán thiệt giới hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì thiệt giới và tự tánh của thiệt giới là không; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của thiệt giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, thiệt giới chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có thiệt giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán thiệt giới hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì thiệt giới và tự tánh của thiệt giới là không; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của thiệt giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, thiệt giới chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có thiệt giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu

bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Bố thí ba-la-mật-đa một cách chân chính.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 163

Phẩm 30: SO SÁNH CÔNG ĐỨC (61)

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Bố thí ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán thân giới hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì thân giới và tự tánh của thân giới là không; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của thân giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, thân giới chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có thân giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này, Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán thân giới hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì thân giới và tự tánh của thân giới là không; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của thân giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, thân giới chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra

đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có thân giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này, Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán thân giới hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì thân giới và tự tánh của thân giới là không; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của thân giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, thân giới chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có thân giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này, Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán thân giới hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì thân giới và tự tánh của thân giới là không; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của thân giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, thân giới chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có thân giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Bố thí ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm

Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Bố thí ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán ý giới hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì ý giới và tự tánh của ý giới là không; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của ý giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, ý giới chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có ý giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này, Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán ý giới hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì ý giới và tự tánh của ý giới là không; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của ý giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, ý giới chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có ý giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này, Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán ý giới hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì ý giới và tự tánh của ý giới là không; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của ý giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức

là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, ý giới chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có ý giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này, Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán ý giới hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì ý giới và tự tánh của ý giới là không; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra và tự tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không; tự tánh của ý giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, ý giới chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có ý giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Bố thí ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Bố thí ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán địa giới hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì địa giới và tự tánh của địa giới là không; thủy, hỏa, phong, không, thức giới và tự tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không; tự tánh của địa giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, địa giới chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thủy, hỏa, phong, không, thức giới đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có địa giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế

là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này, Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán địa giới hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì địa giới và tự tánh của địa giới là không; thủy, hỏa, phong, không, thức giới và tự tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không; tự tánh của địa giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, địa giới chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thủy, hỏa, phong, không, thức giới đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có địa giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này, Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán địa giới hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì địa giới và tự tánh của địa giới là không; thủy, hỏa, phong, không, thức giới và tự tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không; tự tánh của địa giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, địa giới chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thủy, hỏa, phong, không, thức giới đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có địa giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này, Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán địa giới hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì địa giới và tự tánh của địa giới là không; thủy, hỏa, phong, không, thức giới và tự tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không; tự tánh của địa giới ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh thủy, hỏa, phong, không, thức giới ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, địa giới chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; thủy, hỏa, phong, không, thức giới đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì

sao? Vì trong đó hãy còn không có địa giới… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Bố thí ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Bố thí ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán vô minh hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì vô minh và tự tánh của vô minh là không; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não và tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không; tự tánh của vô minh ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, vô minh chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có vô minh… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này, Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán vô minh hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì vô minh và tự tánh của vô minh là không; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não và tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không; tự tánh của vô minh ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, vô minh chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có vô minh… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này, Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán vô minh hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán hành, thức, danh

sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì vô minh và tự tánh của vô minh là không; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não và tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không; tự tánh của vô minh ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, vô minh chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có vô minh… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này, Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán vô minh hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì vô minh và tự tánh của vô minh là không; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não và tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không; tự tánh của vô minh ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, vô minh chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có vô minh… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Bố thí ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Bố thí ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa và tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa là không; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và tự tánh của Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không; tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy

cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, Bố thí ba-la-mật-đa chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Bố thí ba-la-mật-đa… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này, Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa và tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa là không; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và tự tánh của Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không; tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, Bố thí ba-la-mật-đa chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Bố thí ba-la-mật-đa… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này, Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa và tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa là không; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và tự tánh của Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không; tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, Bố thí ba-la-mật-đa chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Bố thí ba-la-mật-đa… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này, Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa và tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa là không; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và tự tánh của Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không; tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, Bố thí ba-la-mật-đa chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Bố thí ba-la-mật-đa… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Bố thí ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Bố thí ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không bên trong hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì pháp không bên trong và tự tánh của pháp không bên trong là không; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh và tự tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là không; tự tánh của pháp không bên trong ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh ấy cũng chẳng phải là tự

tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, pháp không bên trong chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp không bên trong… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này, Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không bên trong hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì pháp không bên trong và tự tánh của pháp không bên trong là không; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh và tự tánh pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là không; tự tánh của pháp không bên trong ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, pháp không bên trong chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp không bên trong… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này, Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không bên trong hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi,

pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì pháp không bên trong và tự tánh của pháp không bên trong là không; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh và tự tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là không; tự tánh của pháp không bên trong ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, pháp không bên trong chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp không bên trong… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này, Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không bên trong hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì pháp không bên trong và tự tánh của pháp không bên trong là không; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh và tự tánh của pháp

không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là không; tự tánh của pháp không bên trong ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, pháp không bên trong chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp không bên trong… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Bố thí ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Bố thí ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán chân như hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì chân như và tự tánh của chân như là không; pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn và tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không; tự tánh của chân như ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, chân như chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có chân như… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này, Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán chân như hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì chân như và tự tánh của chân như là

không; pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn và tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không; tự tánh của chân như ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, chân như chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có chân như… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này, Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán chân như hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì chân như và tự tánh của chân như là không; pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn và tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không; tự tánh của chân như ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, chân như chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có chân như… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này, Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán chân như hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì chân như và tự tánh của chân như là không; pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn và tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không; tự tánh của chân như ấy tức chẳng

phải tự tánh, tự tánh pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, chân như chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có chân như… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Bố thí ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Bố thí ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Thánh đế khổ hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì Thánh đế khổ và tự tánh của Thánh đế khổ là không; Thánh đế tập, diệt, đạo và tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là không; tự tánh của Thánh đế khổ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, Thánh đế khổ chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Thánh đế tập, diệt, đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Thánh đế khổ… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này, Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Thánh đế khổ hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì Thánh đế khổ và tự tánh của Thánh đế khổ là không; Thánh đế tập, diệt, đạo và tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là không; tự tánh của Thánh đế khổ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, Thánh đế khổ chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Thánh đế tập, diệt, đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Thánh đế khổ… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này, Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Thánh đế khổ hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì Thánh đế khổ và tự tánh của Thánh đế khổ là không; Thánh đế tập, diệt, đạo và tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là không; tự tánh của Thánh đế khổ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, Thánh đế khổ chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Thánh đế tập, diệt, đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Thánh đế khổ… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này, Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Thánh đế khổ hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì Thánh đế khổ và tự tánh của Thánh đế khổ là không; Thánh đế tập, diệt, đạo và tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là không; tự tánh của Thánh đế khổ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh Thánh đế tập, diệt, đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, Thánh đế khổ chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Thánh đế tập, diệt, đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Thánh đế khổ… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Bố thí ba-la-mật-đa một cách chân chính.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 164

Phẩm 30: SO SÁNH CÔNG ĐỨC (62)

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Bố thí ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Tĩnh lự hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự và tự tánh của bốn Tĩnh lự là không; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không; tự tánh của bốn Tĩnh lự ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, bốn Tĩnh lự chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có bốn Tĩnh lự… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Tĩnh lự hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự và tự tánh của bốn Tĩnh lự là không; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không; tự tánh của bốn Tĩnh lự ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, bốn Tĩnh lự chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có bốn Tĩnh lự… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Tĩnh lự hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự và tự tánh của bốn Tĩnh lự là không; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không; tự tánh của bốn Tĩnh lự ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, bốn Tĩnh lự chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có bốn Tĩnh lự… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Tĩnh lự hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự và tự tánh của bốn Tĩnh lự là không; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không; tự tánh của bốn Tĩnh lự ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, bốn Tĩnh lự chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có bốn Tĩnh lự… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Bố thí ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Bố thí ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tám Giải thoát hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì tám Giải thoát và tự tánh của tám Giải thoát là không; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ và tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không; tự tánh của tám Giải thoát ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ ấy cũng chẳng phải là tự

tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, tám Giải thoát chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tám Giải thoát… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tám Giải thoát hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì tám Giải thoát và tự tánh của tám Giải thoát là không; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ và tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không; tự tánh của tám Giải thoát ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, tám Giải thoát chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tám Giải thoát… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tám Giải thoát hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì tám Giải thoát và tự tánh của tám Giải thoát là không; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ và tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không; tự tánh của tám Giải thoát ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, tám Giải thoát chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tám Giải thoát… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tám Giải thoát hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán tám Thắng

xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì tám Giải thoát và tự tánh của tám Giải thoát là không; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ và tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không; tự tánh của tám Giải thoát ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, tám Giải thoát chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tám Giải thoát… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Bố thí ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Bố thí ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Niệm trụ hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ và tự tánh của bốn Niệm trụ là không; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo và tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là không; tự tánh của bốn Niệm trụ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, bốn Niệm trụ chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có bốn Niệm trụ… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Niệm trụ hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ và tự tánh của bốn Niệm trụ là không; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo và tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi

Thánh đạo là không; tự tánh của bốn Niệm trụ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, bốn Niệm trụ chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có bốn Niệm trụ… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Niệm trụ hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ và tự tánh của bốn Niệm trụ là không; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo và tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là không; tự tánh của bốn Niệm trụ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, bốn Niệm trụ chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không bốn Niệm trụ… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Niệm trụ hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ và tự tánh của bốn Niệm trụ là không; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo và tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là không; tự tánh của bốn Niệm trụ ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, bốn Niệm trụ chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có bốn Niệm trụ… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả

năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Bố thí ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Bố thí ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không và tự tánh của pháp môn giải thoát Không là không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện và tự tánh của pháp môn giải thoát Không là không; tự tánh của pháp môn giải thoát Không ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, pháp môn giải thoát Không chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp môn giải thoát Không… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không và tự tánh của pháp môn giải thoát Không là không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện và tự tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không; tự tánh của pháp môn giải thoát Không ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, pháp môn giải thoát Không chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp môn giải thoát Không… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên

quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không và tự tánh của pháp môn giải thoát Không là không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện và tự tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không; tự tánh của pháp môn giải thoát Không ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, pháp môn giải thoát Không chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp môn giải thoát Không… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không và tự tánh của pháp môn giải thoát Không là không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện và tự tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không; tự tánh của pháp môn giải thoát Không ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, pháp môn giải thoát Không chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp môn giải thoát Không… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Bố thí ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Bố thí ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán năm loại mắt hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán sáu phép thần thông hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì năm loại mắt và tự tánh của năm loại mắt là không; sáu phép thần thông và tự tánh của sáu phép thần thông là không; tự tánh của năm loại mắt ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của sáu phép

thần thông ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, năm loại mắt chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; sáu phép thần thông đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có năm loại mắt… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán năm loại mắt hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán sáu phép thần thông hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì năm loại mắt và tự tánh của năm loại mắt là không; sáu phép thần thông và tự tánh của sáu phép thần thông là không; tự tánh của năm loại mắt ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của sáu phép thần thông ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, năm loại mắt chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; sáu phép thần thông đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có năm loại mắt… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán năm loại mắt hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán sáu phép thần thông hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì năm loại mắt và tự tánh của năm loại mắt là không; sáu phép thần thông và tự tánh của sáu phép thần thông là không; tự tánh của năm loại mắt ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của sáu phép thần thông ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, năm loại mắt chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; sáu phép thần thông đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có năm loại mắt… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán năm loại mắt hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán sáu phép thần thông hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì năm loại mắt và tự tánh của năm loại mắt là không; sáu phép thần thông và tự tánh của sáu phép thần thông là không; tự tánh của năm loại mắt ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh sáu phép thần thông ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự

tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, năm loại mắt chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; sáu phép thần thông đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có năm loại mắt… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Bố thí ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Bố thí ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán mười lực của Phật hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì mười lực của Phật và tự tánh của mười lực của Phật là không; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng và tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không; tự tánh của mười lực của Phật ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, mười lực của Phật chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có mười lực của Phật… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán mười lực của Phật hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì mười lực của Phật và tự tánh của mười lực của Phật là không; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng và tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không; tự tánh của mười lực của Phật ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa.

Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, mười lực của Phật chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có mười lực của Phật… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán mười lực của Phật hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì mười lực của Phật và tự tánh của mười lực của Phật là không; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng và tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không; tự tánh của mười lực của Phật ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, mười lực của Phật chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có mười lực của Phật… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán mười lực của Phật hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì mười lực của Phật và tự tánh của mười lực của Phật là không; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng và tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không; tự tánh của mười lực của Phật ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, mười lực của Phật chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có mười lực của Phật… có thể nắm bắt được, huống là

có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Bố thí ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Bố thí ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không quên mất hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì pháp không quên mất và tự tánh của pháp không quên mất là không; tánh luôn luôn xả và tự tánh của tánh luôn luôn xả là không; tự tánh của pháp không quên mất ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tánh luôn luôn xả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, pháp không quên mất chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tánh luôn luôn xả đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp không quên mất… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không quên mất hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì pháp không quên mất và tự tánh của pháp không quên mất là không; tánh luôn luôn xả và tự tánh của tánh luôn luôn xả là không; tự tánh của pháp không quên mất ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tánh luôn luôn xả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, pháp không quên mất chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tánh luôn luôn xả đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp không quên mất… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không quên mất hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì pháp không quên mất và tự tánh của pháp không quên mất là không; tánh luôn luôn xả và tự tánh của tánh luôn luôn xả là không; tự tánh của pháp không quên mất ấy tức chẳng

phải tự tánh, tự tánh của tánh luôn luôn xả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, pháp không quên mất chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tánh luôn luôn xả đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp không quên mất… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không quên mất hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì pháp không quên mất và tự tánh của pháp không quên mất là không; tánh luôn luôn xả và tự tánh của tánh luôn luôn xả là không; tự tánh của pháp không quên mất ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh tánh luôn luôn xả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, pháp không quên mất chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tánh luôn luôn xả đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có pháp không quên mất… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Bố thí ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Bố thí ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán trí Nhất thiết hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì trí Nhất thiết và tự tánh của trí Nhất thiết là không; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không; tự tánh của trí Nhất thiết ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, trí Nhất thiết chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có trí Nhất thiết… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu

ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán trí Nhất thiết hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì trí Nhất thiết và tự tánh của trí Nhất thiết là không; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không; tự tánh của trí Nhất thiết ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, trí Nhất thiết chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có trí Nhất thiết… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán trí Nhất thiết hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì trí Nhất thiết và tự tánh của trí Nhất thiết là không; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không; tự tánh của trí Nhất thiết ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, trí Nhất thiết chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có trí Nhất thiết… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán trí Nhất thiết hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì trí Nhất thiết và tự tánh của trí Nhất thiết là không; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không; tự tánh của trí Nhất thiết ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, trí Nhất thiết

chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có trí Nhất thiết… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Bố thí ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Bố thí ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni và tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni là không; tất cả pháp môn Tam-ma-địa và tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không; tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả pháp môn Đà-la-ni… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni và tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni là không; tất cả pháp môn Tam-ma-địa và tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không; tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy

còn không có tất cả pháp môn Đà-la-ni… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni và tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni là không; tất cả pháp môn Tam-ma-địa và tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không; tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả pháp môn Đà-la-ni… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni và tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni là không; tất cả pháp môn Tam-ma-địa và tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không; tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh tất cả pháp môn Tam-ma-địa ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả pháp môn Đà-la-ni… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Bố thí ba-la-mật-đa một cách chân chính.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 165

Phẩm 30: SO SÁNH CÔNG ĐỨC (63)

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Bố thí ba-la-mật-đa, thì nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Dự lưu hướng, Dự lưu quả hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả và tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả là không; Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả và tự tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả là không; tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả đều chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Dự lưu hướng… có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này, Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Dự lưu hướng, Dự lưu quả hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả và tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả là không; Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả và tự tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả là không; tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, Dự

lưu hướng, Dự lưu quả chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả đều chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Dự lưu hướng… có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này, Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Dự lưu hướng, Dự lưu quả hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quán Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả và tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả là không; Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả và tự tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả là không; tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả đều chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Dự lưu hướng… có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này, Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Dự lưu hướng, Dự lưu quả hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả và tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả là không; Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả và tự tánh của Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả là không; tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả ấy tức chẳng phải tự tánh, tự tánh Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả ấy cũng chẳng phải là tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được; Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả đều chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có Dự lưu hướng… có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Bố thí ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Bố thí ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả quả vị Độc giác hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán tất cả quả vị Độc giác hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì tất cả quả vị Độc giác và tự tánh của tất cả quả vị Độc giác là không. Tự tánh của tất cả quả vị Độc giác ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, tất cả quả vị Độc giác chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả quả vị Độc giác có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này, Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả quả vị Độc giác hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán tất cả quả vị Độc giác hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì tất cả quả vị Độc giác và tự tánh của tất cả quả vị Độc giác là không. Tự tánh của tất cả quả vị Độc giác ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, tất cả quả vị Độc giác chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả quả vị Độc giác có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này, Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả quả vị Độc giác hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên tất cả quả vị Độc giác hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì tất cả quả vị Độc giác và tự tánh của tất cả quả vị Độc giác là không. Tự tánh của tất cả quả vị Độc giác ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, tất cả quả vị Độc giác chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả quả vị Độc giác có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này, Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả quả vị Độc giác hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán tất cả quả vị Độc giác hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì tất cả quả vị Độc

giác và tự tánh của tất cả quả vị Độc giác là không. Tự tánh của tất cả quả vị Độc giác ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, tất cả quả vị Độc giác chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả quả vị Độc giác có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Bố thí ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Bố thí ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì tất cả hạnh Đại Bồ-tát và tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là không. Tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả hạnh Đại Bồ-tát có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này, Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì tất cả hạnh Đại Bồ-tát và tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là không. Tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả hạnh Đại Bồ-tát có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này, Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì tất cả hạnh Đại Bồ-tát và tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là không. Tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng

thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả hạnh Đại Bồ-tát có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này, Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì tất cả hạnh Đại Bồ-tát và tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là không. Tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có tất cả hạnh Đại Bồ-tát có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Bố thí ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Bố thí ba-la-mật-đa, nói thế này: Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc thường hoặc vô thường; chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc thường hoặc vô thường. Vì sao? Vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật và tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là không. Tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng thể nắm bắt được, cái thường, vô thường kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật có thể nắm bắt được, huống là có cái thường và vô thường kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này, Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc lạc hoặc khổ; chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc lạc hoặc khổ. Vì sao? Vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật và tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là không. Tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng thể nắm bắt được, cái lạc và khổ kia cũng chẳng thể nắm bắt

được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật có thể nắm bắt được, huống là có cái lạc và khổ kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này, Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng nên quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? Vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật và tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là không. Tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng thể nắm bắt được, cái ngã và vô ngã kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật có thể nắm bắt được, huống là có cái ngã và vô ngã kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nói thế này, Thiện nam, ông nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc tịnh hoặc bất tịnh; chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Vì sao? Vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật và tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là không. Tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật ấy tức chẳng phải tự tánh. Nếu chẳng phải là tự tánh thì tức là Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bố thí ba-la-mật-đa này, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng thể nắm bắt được, cái tịnh, bất tịnh kia cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó hãy còn không có quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật có thể nắm bắt được, huống là có cái tịnh và bất tịnh kia! Nếu ông có khả năng tu bố thí như thế là tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Bố thí ba-la-mật-đa một cách chân chính.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu giảng về Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc thuyết Tĩnh lự ba-la-mật-đa, hoặc thuyết Tinh tấn ba-la-mật-đa, hoặc thuyết An nhẫn ba-la-mật-đa, hoặc thuyết Tịnh giới ba-la-mật-đa, hoặc thuyết Bố thí ba-la-mật-đa thì nói thế này: Thiện nam tử, hãy đến đây! Ta sẽ dạy ông tu học Bát-nhã cho đến Bố thí ba-la-mật-đa. Khi ông tu học, chớ quán các pháp có một mảy may có thể trụ, có thể vượt, có thể nhập, có thể đắc, có thể chứng, có thể thọ trì… Công đức đạt được và cái có thể tùy hỷ đều hồi hướng quả vị Giác ngộ. Vì sao? Vì đối với Bát-nhã cho đến Bố

thí ba-la-mật-đa này rốt ráo không có một mảy may pháp có thể trụ, có thể vượt, có thể nhập, có thể đắc, có thể chứng, có thể thọ trì… Công đức đạt được và cái có thể tùy hỷ đều hồi hướng quả vị Giác ngộ. Vì sao? Vì tự tánh của tất cả các pháp đều là không, hoàn toàn không có sở hữu. Nếu không sở hữu tức là Bát-nhã cho đến Bố thí ba-la-mật-đa. Đối với Bát-nhã cho đến Bố thí ba-la-mật-đa này, rốt ráo không một mảy may pháp có nhập, có xuất, có sinh, có diệt, có đoạn, có thường, có một, có khác, có đến, có đi để có thể nắm bắt được.

Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ ấy nói những điều đó là đã tuyên thuyết Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa một cách chân chính. Vì vậy nên, này Kiều-thi-ca, các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa nên dùng vô sở đắc làm phương tiện, thọ trì, đọc tụng, tư duy đúng lý; nên dùng các thứ văn nghĩa phong phú, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu kín, khiến họ dễ hiểu.

Này Kiều-thi-ca, do duyên cớ này, ta nói: Nếu thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, thọ trì, đọc tụng, tư duy đúng lý; lại dùng các thứ văn nghĩa phong phú, trong khoảng chốc lát, vì người biện thuyết, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu kín, khiến họ dễ hiểu thì phước đức đạt được hơn trước rất nhiều.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong châu Thiệm-bộ đều trụ quả Dự lưu thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa phong phú, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, như lý tư duy, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì các thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Dự lưu và Dự lưu quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong châu Thiệm-bộ,

nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong cả hai châu Thiệm-bộ và Đông thắng thân, đều trụ quả Dự lưu, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa phong phú, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì các thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Dự lưu và Dự lưu quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong hai châu Thiệm-bộ và Đông thắng thân, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong cả ba châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, Tây ngưu hóa đều trụ quả Dự lưu thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa phong phú, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì các thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Dự lưu và Dự lưu quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong các châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, Tây ngưu hóa, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong cả bốn châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, Tây ngưu hóa, Bắc cu-lô đều trụ quả Dự lưu thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa phong phú, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì các thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Dự lưu và Dự lưu quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong bốn đại châu, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong tiểu thiên thế giới đều trụ quả Dự lưu, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa phong phú, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì các thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Dự lưu và Dự lưu quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong tiểu thiên thế giới, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong trung thiên thế giới đều trụ quả Dự lưu, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-

mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa phong phú, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì các thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Dự lưu và Dự lưu quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong trung thiên thế giới, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong thế giới ba lần ngàn đều trụ quả Dự lưu, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa phong phú, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì các thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Dự lưu và Dự lưu quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong thế giới ba lần ngàn, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình ở vô số thế giới trong mười phương đều trụ quả Dự lưu, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa phong phú, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì các thiện

nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Dự lưu và Dự lưu quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở vô số thế giới trong mười phương này, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình ở tất cả thế giới trong mười phương đều trụ quả Dự lưu, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa phong phú, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì các thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Dự lưu và Dự lưu quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong châu Thiệm-bộ đều trụ quả Nhất lai thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa phong phú, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì các thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Nhất lai và Nhất lai quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong châu Thiệm-bộ, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong cả hai châu

Thiệm-bộ và Đông thắng thân, đều trụ quả Nhất lai, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa phong phú, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì các thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Nhất lai và Nhất lai quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong hai châu Thiệm-bộ và Đông thắng thân, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong cả ba châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, Tây ngưu hóa đều trụ quả Nhất lai thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa phong phú, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì các thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Nhất lai và Nhất lai quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong các châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, Tây ngưu hóa, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong cả bốn châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, Tây ngưu hóa, Bắc cu-lô đều trụ quả Nhất lai thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa phong phú, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì các thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Nhất lai và Nhất lai quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong bốn đại châu, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong tiểu thiên thế giới đều trụ quả Nhất lai, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa phong phú, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì các thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Nhất lai và Nhất lai quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong tiểu thiên thế giới, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong trung thiên thế giới đều trụ quả Nhất lai, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-

mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa phong phú, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì các thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Nhất lai và Nhất lai quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong trung thiên thế giới, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong thế giới ba lần ngàn đều trụ quả Nhất lai, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa phong phú, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì các thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Nhất lai và Nhất lai quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong thế giới ba lần ngàn, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình ở vô số thế giới trong mười phương đều trụ quả Nhất lai, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa phong phú, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì các thiện

nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Nhất lai và Nhất lai quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở vô số thế giới trong mười phương này, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình ở tất cả thế giới trong mười phương đều trụ quả Nhất lai, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa phong phú, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì các thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Nhất lai và Nhất lai quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong châu Thiệm-bộ đều trụ quả Bất hoàn thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa phong phú, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì các thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Bất hoàn và Bất hoàn quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong châu Thiệm-bộ,

nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong cả hai châu Thiệm-bộ và Đông thắng thân, đều trụ quả Bất hoàn, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa phong phú, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì các thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Bất hoàn và Bất hoàn quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong các châu Thiệm-bộ và Đông thắng thân, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong cả ba châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, Tây ngưu hóa đều trụ quả Bất hoàn thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa phong phú, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì các thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Bất hoàn và Bất hoàn quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 166

Phẩm 30: SO SÁNH CÔNG ĐỨC (64)

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong các châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, Tây ngưu hóa, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong cả bốn châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, Tây ngưu hóa, Bắc cu-lô đều trụ quả Bất hoàn thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Bất hoàn và Bất hoàn quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong bốn đại châu, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong tiểu thiên thế giới đều trụ quả Bất hoàn, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa

thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Bất hoàn và Bất hoàn quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong tiểu thiên thế giới, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong trung thiên thế giới đều trụ quả Bất hoàn, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Bất hoàn và Bất hoàn quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong trung thiên thế giới, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong thế giới ba lần ngàn đều trụ quả Bất hoàn, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Bất hoàn và Bất hoàn quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong thế giới ba lần ngàn, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình ở vô số thế

giới trong mười phương đều trụ quả Bất hoàn, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Bất hoàn và Bất hoàn quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở vô số thế giới trong mười phương này, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình ở tất cả thế giới trong mười phương đều trụ quả Bất hoàn, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Bất hoàn và Bất hoàn quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong châu Thiệm-bộ đều trụ quả A-la-hán thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-

mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chư A-la-hán và A-la-hán quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong châu Thiệm-bộ, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong cả hai châu Thiệm-bộ và Đông thắng thân, đều trụ quả A-la-hán, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chư A-la-hán và A-la-hán quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong hai châu Thiệm-bộ và Đông thắng thân, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong cả ba châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, Tây ngưu hóa đều trụ quả A-la-hán thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì

chư A-la-hán và A-la-hán quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong các châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, Tây ngưu hóa, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong cả bốn châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, Tây ngưu hóa, Bắc cu-lô đều trụ quả A-la-hán thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chư A-la-hán và A-la-hán quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong bốn đại châu, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong tiểu thiên thế giới đều trụ quả A-la-hán, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chư A-la-hán và A-la-hán quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong tiểu thiên thế giới, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong trung thiên thế giới đều trụ quả A-la-hán, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chư A-la-hán và A-la-hán quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong trung thiên thế giới, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong thế giới ba lần ngàn đều trụ quả A-la-hán, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chư A-la-hán và A-la-hán quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong thế giới ba lần ngàn, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình ở vô số thế giới trong mười phương đều trụ quả A-la-hán, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ

hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chư A-la-hán và A-la-hán quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở vô số thế giới trong mười phương này, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình ở tất cả thế giới trong mười phương đều trụ quả A-la-hán, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì chư A-la-hán và A-la-hán quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong châu Thiệm-bộ đều trụ quả Độc giác thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Độc giác và Độc giác quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong châu Thiệm-bộ,

nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong cả hai châu Thiệm-bộ và Đông thắng thân, đều trụ quả Độc giác, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Độc giác và Độc giác quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong các châu Thiệm-bộ và Đông thắng thân, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong cả ba châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, Tây ngưu hóa đều trụ quả Độc giác thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Độc giác và Độc giác quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong các châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, Tây ngưu hóa, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong cả bốn châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, Tây ngưu hóa, Bắc cu-lô đều trụ quả Độc giác thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Độc giác và Độc giác quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong bốn đại châu, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong tiểu thiên thế giới đều trụ quả Độc giác, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Độc giác và Độc giác quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong tiểu thiên thế giới, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong trung thiên thế giới đều trụ quả Độc giác, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa

thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Độc giác và Độc giác quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong trung thiên thế giới, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong thế giới ba lần ngàn đều trụ quả Độc giác, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Độc giác và Độc giác quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong thế giới ba lần ngàn, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình ở vô số thế giới trong mười phương đều trụ quả Độc giác, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Độc giác và Độc giác quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở vô số thế giới trong mười phương này, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình

ở tất cả thế giới trong mười phương đều trụ quả Độc giác, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn này, siêng năng tu học, thì thiện nam, thiện nữ đó, công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Độc giác và Độc giác quả đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong châu Thiệm-bộ đều phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói này, nên tín giải đúng đắn; nếu tín giải đúng đắn thì có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế; nếu có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết; nếu có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết thì tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn; nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Kiều-thi-ca, thiện nam, thiện nữ đó, đạt được công đức hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả các vị mới phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột và Đại Bồ-tát đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong châu Thiệm-bộ,

nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong cả hai châu Thiệm-bộ và Đông thắng thân, đều phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói này, nên tín giải đúng đắn; nếu tín giải đúng đắn thì có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế; nếu có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết; nếu có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết thì tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn; nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Kiều-thi-ca, thiện nam, thiện nữ đó, đạt được công đức hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả các vị mới phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột và Đại Bồ-tát đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong các châu Thiệm-bộ và Đông thắng thân, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong cả ba châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, Tây ngưu hóa đều phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói này, nên tín giải đúng đắn; nếu tín giải đúng đắn thì có khả năng tu học Bát-nhã ba-

la-mật-đa như thế; nếu có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết; nếu có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết thì tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn; nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Kiều-thi-ca, thiện nam, thiện nữ đó, đạt được công đức hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả các vị mới phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột và Đại Bồ-tát đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong các châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, Tây ngưu hóa, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong cả bốn châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, Tây ngưu hóa, Bắc cu-lô đều phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói này, nên tín giải đúng đắn; nếu tín giải đúng đắn thì có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế; nếu có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết; nếu có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết thì tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn; nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Kiều-thi-ca, thiện nam, thiện nữ đó, đạt được công đức hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả các vị mới phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột và Đại Bồ-tát đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong bốn đại châu, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong tiểu thiên thế giới đều phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói này, nên tín giải đúng đắn; nếu tín giải đúng đắn thì có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế; nếu có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết; nếu có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết thì tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn; nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Kiều-thi-ca, thiện nam, thiện nữ đó, đạt được công đức hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả các vị mới phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột và Đại Bồ-tát đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong tiểu thiên thế giới, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong trung thiên thế giới đều phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói này, nên tín giải đúng đắn; nếu tín giải đúng đắn thì có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế; nếu có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết; nếu có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết thì tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn; nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Kiều-thi-ca, thiện nam, thiện nữ đó, đạt được công đức hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca,

vì tất cả các vị mới phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột và Đại Bồ-tát đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong trung thiên thế giới, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong thế giới ba lần ngàn đều phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói này, nên tín giải đúng đắn; nếu tín giải đúng đắn thì có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế; nếu có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết; nếu có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết thì tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn; nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Kiều-thi-ca, thiện nam, thiện nữ đó, đạt được công đức hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả các vị mới phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột và Đại Bồ-tát đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong thế giới ba lần ngàn, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình ở vô số thế giới trong mười phương đều phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa

thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói này, nên tín giải đúng đắn; nếu tín giải đúng đắn thì có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế; nếu có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết; nếu có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết thì tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn; nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Kiều-thi-ca, thiện nam, thiện nữ đó, đạt được công đức hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả các vị mới phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột và Đại Bồ-tát đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở vô số thế giới trong mười phương này, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình ở tất cả thế giới trong mười phương đều phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói này, nên tín giải đúng đắn; nếu tín giải đúng đắn thì có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế; nếu có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết; nếu có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết thì tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn; nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Kiều-thi-ca, thiện nam, thiện nữ đó, đạt được công đức hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả các vị mới phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột và Đại Bồ-tát đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 167

Phẩm 30: SO SÁNH CÔNG ĐỨC (65)

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong châu Thiệm-bộ đều trụ bậc Bồ-tát không thoái chuyển thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói này, nên tín giải đúng đắn; nếu tín giải đúng đắn thì có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế; nếu có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết; nếu có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết thì tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn; nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Kiều-thi-ca, thiện nam, thiện nữ đó, đạt được công đức hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả các vị Đại Bồ-tát ở bậc không thoái chuyển đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong châu Thiệm-bộ, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong cả hai châu Thiệm-bộ và Đông thắng thân, đều trụ bậc Bồ-tát không thoái chuyển, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói này, nên tín giải đúng đắn; nếu tín giải đúng đắn thì có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế; nếu có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết; nếu có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết thì tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn; nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Kiều-thi-ca, thiện nam, thiện nữ đó, đạt được công đức hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả các vị Đại Bồ-tát ở bậc không thoái chuyển đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong các châu Thiệm-bộ và Đông thắng thân, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong cả ba châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, Tây ngưu hóa đều trụ bậc Bồ-tát không thoái chuyển thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói này, nên tín giải đúng đắn; nếu tín giải đúng đắn thì có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế; nếu có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết; nếu có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết thì tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn; nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Kiều-thi-ca, thiện nam, thiện nữ đó, đạt được công đức hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả các vị Đại Bồ-tát ở

bậc không thoái chuyển đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong các châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, Tây ngưu hóa, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong cả bốn châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, Tây ngưu hóa, Bắc cu-lô đều trụ bậc Bồ-tát không thoái chuyển thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói này, nên tín giải đúng đắn; nếu tín giải đúng đắn thì có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế; nếu có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết; nếu có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết thì tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn; nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Kiều-thi-ca, thiện nam, thiện nữ đó, đạt được công đức hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả các vị Đại Bồ-tát ở bậc không thoái chuyển đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong bốn đại châu, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong tiểu thiên thế giới đều trụ bậc Bồ-tát không thoái chuyển, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói này, nên

tín giải đúng đắn; nếu tín giải đúng đắn thì có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế; nếu có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết; nếu có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết thì tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn; nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Kiều-thi-ca, thiện nam, thiện nữ đó, đạt được công đức hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả các vị Đại Bồ-tát ở bậc không thoái chuyển đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong tiểu thiên thế giới, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong trung thiên thế giới đều trụ bậc Bồ-tát không thoái chuyển, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói này, nên tín giải đúng đắn; nếu tín giải đúng đắn thì có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế; nếu có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết; nếu có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết thì tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn; nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Kiều-thi-ca, thiện nam, thiện nữ đó, đạt được công đức hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả các vị Đại Bồ-tát ở bậc không thoái chuyển đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong trung thiên thế giới, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong thế giới ba lần ngàn đều trụ bậc Bồ-tát không thoái chuyển, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-

mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói này, nên tín giải đúng đắn; nếu tín giải đúng đắn thì có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế; nếu có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết; nếu có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết thì tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn; nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Kiều-thi-ca, thiện nam, thiện nữ đó, đạt được công đức hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả các vị Đại Bồ-tát ở bậc không thoái chuyển đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình trong thế giới ba lần ngàn, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình ở vô số thế giới trong mười phương đều trụ bậc Bồ-tát không thoái chuyển, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói này, nên tín giải đúng đắn; nếu tín giải đúng đắn thì có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế; nếu có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết; nếu có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết thì tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn; nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Kiều-thi-ca, thiện nam, thiện nữ đó, đạt được công đức hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả các vị Đại Bồ-tát ở bậc không thoái chuyển đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở vô số thế giới trong mười phương này, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình

ở tất cả thế giới trong mười phương đều trụ bậc Bồ-tát không thoái chuyển, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì người rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói này, nên tín giải đúng đắn; nếu tín giải đúng đắn thì có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế; nếu có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết; nếu có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết thì tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn; nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Kiều-thi-ca, thiện nam, thiện nữ đó, đạt được công đức hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả các vị Đại Bồ-tát ở bậc không thoái chuyển đều phát xuất từ Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu có các loại hữu tình trong châu Thiệm-bộ đều hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột; và nếu có các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói này, nên tín giải đúng đắn; nếu tín giải đúng đắn thì có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế; nếu có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết; nếu có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết thì tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn; nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Kiều-thi-ca, thiện nam, thiện nữ đó, đạt được công đức hơn trước rất nhiều.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở châu Thiệm-bộ, nếu có các loại hữu tình trong cả hai châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân đều hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột; và nếu có các thiện nam, thiện

nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói này, nên tín giải đúng đắn; nếu tín giải đúng đắn thì có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế; nếu có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết; nếu có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết thì tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn; nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Kiều-thi-ca, thiện nam, thiện nữ đó, đạt được công đức hơn trước rất nhiều.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở các châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, nếu có các loại hữu tình trong cả ba châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, Tây ngưu hóa đều hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột; và nếu có các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói này, nên tín giải đúng đắn; nếu tín giải đúng đắn thì có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế; nếu có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết; nếu có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết thì tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn; nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Kiều-thi-ca, thiện nam, thiện nữ đó, đạt được công đức hơn trước rất nhiều.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở các châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, Tây ngưu hóa, nếu có các loại hữu tình trong cả bốn châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, Tây ngưu hóa, Bắc cu-lô đều hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột; và nếu có các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn Bát-nhã ba-

la-mật-đa đã nói này, nên tín giải đúng đắn; nếu tín giải đúng đắn thì có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế; nếu có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết; nếu có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết thì tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn; nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Kiều-thi-ca, thiện nam, thiện nữ đó, đạt được công đức hơn trước rất nhiều.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở bốn đại châu, nếu có các loại hữu tình trong tiểu thiên thế giới đều hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột; và nếu có các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói này, nên tín giải đúng đắn; nếu tín giải đúng đắn thì có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế; nếu có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết; nếu có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết thì tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn; nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Kiều-thi-ca, thiện nam, thiện nữ đó, đạt được công đức hơn trước rất nhiều.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở tiểu thiên thế giới, nếu có các loại hữu tình trong trung thiên thế giới đều hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột; và nếu có các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói này, nên tín giải đúng đắn; nếu tín giải đúng đắn thì có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế; nếu có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết; nếu có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết thì tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn; nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Kiều-thi-ca, thiện nam, thiện nữ đó, đạt được công đức hơn trước rất nhiều.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở trung thiên thế giới, nếu có các loại hữu tình trong thế giới ba lần ngàn đều hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột; và nếu có các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói này, nên tín giải đúng đắn; nếu tín giải đúng đắn thì có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế; nếu có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết; nếu có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết thì tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn; nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Kiều-thi-ca, thiện nam, thiện nữ đó, đạt được công đức hơn trước rất nhiều.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở thế giới ba lần ngàn, nếu có các loại hữu tình ở vô số thế giới trong mười phương đều hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột; và nếu có các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói này, nên tín giải đúng đắn; nếu tín giải đúng đắn thì có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế; nếu có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết; nếu có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết thì tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn; nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Kiều-thi-ca, thiện nam, thiện nữ đó, đạt được công đức hơn trước rất nhiều.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở vô số thế giới trong mười phương, nếu có các loại hữu tình ở tất cả thế giới trong mười phương đều hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột; và nếu có các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng,

khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói này, nên tín giải đúng đắn; nếu tín giải đúng đắn thì có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế; nếu có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết; nếu có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết thì tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn; nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Kiều-thi-ca, thiện nam, thiện nữ đó, đạt được công đức hơn trước rất nhiều.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu có các loại hữu tình trong châu Thiệm-bộ đều đối với quả vị Giác ngộ cao tột đều được không thoái chuyển; và nếu có các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói này, nên tín giải đúng đắn; nếu tín giải đúng đắn thì có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế; nếu có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết; nếu có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết thì tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn; nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Kiều-thi-ca, thiện nam, thiện nữ đó, đạt được công đức hơn trước rất nhiều.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở châu Thiệm-bộ, nếu có các loại hữu tình trong cả hai châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân đều đối với quả vị Giác ngộ cao tột đều được không thoái chuyển; và nếu có các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói này, nên tín giải đúng đắn; nếu tín giải đúng đắn thì có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế; nếu có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết; nếu có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết thì tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn; nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Kiều-thi-ca, thiện nam, thiện nữ đó, đạt được công đức hơn trước rất nhiều.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở các châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, nếu có các loại hữu tình trong cả ba châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, Tây ngưu hóa đều đối với quả vị Giác ngộ cao tột đều được không thoái chuyển; và nếu có các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói này, nên tín giải đúng đắn; nếu tín giải đúng đắn thì có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế; nếu có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết; nếu có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết thì tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn; nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Kiều-thi-ca, thiện nam, thiện nữ đó, đạt được công đức hơn trước rất nhiều.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở các châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, Tây ngưu hóa, nếu có các loại hữu tình trong cả bốn châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, Tây ngưu hóa, Bắc cu-lô đều đối với quả vị Giác ngộ cao tột đều được không thoái chuyển; và nếu có các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói này, nên tín giải đúng đắn; nếu tín giải đúng đắn thì có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế; nếu có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết; nếu có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết thì tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn; nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Kiều-thi-ca, thiện nam, thiện nữ đó, đạt được công đức hơn trước rất nhiều.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở bốn đại châu, nếu có các loại hữu tình trong tiểu thiên thế giới đều đối với quả vị Giác ngộ cao tột đều được không thoái chuyển; và nếu có các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa

sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói này, nên tín giải đúng đắn; nếu tín giải đúng đắn thì có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế; nếu có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết; nếu có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết thì tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn; nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Kiều-thi-ca, thiện nam, thiện nữ đó, đạt được công đức hơn trước rất nhiều.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở tiểu thiên thế giới, nếu có các loại hữu tình trong trung thiên thế giới đều đối với quả vị Giác ngộ cao tột đều được không thoái chuyển; và nếu có các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói này, nên tín giải đúng đắn; nếu tín giải đúng đắn thì có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế; nếu có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết; nếu có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết thì tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn; nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Kiều-thi-ca, thiện nam, thiện nữ đó, đạt được công đức hơn trước rất nhiều.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở trung thiên thế giới, nếu có các loại hữu tình trong thế giới ba lần ngàn đều đối với quả vị Giác ngộ cao tột đều được không thoái chuyển; và nếu có các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói này, nên tín giải đúng đắn; nếu tín giải đúng đắn thì có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế; nếu có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết; nếu có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết thì tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng

trưởng viên mãn; nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Kiều-thi-ca, thiện nam, thiện nữ đó, đạt được công đức hơn trước rất nhiều.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở thế giới ba lần ngàn, nếu có các loại hữu tình ở vô số thế giới trong mười phương đều đối với quả vị Giác ngộ cao tột đều được không thoái chuyển; và nếu có các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói này, nên tín giải đúng đắn; nếu tín giải đúng đắn thì có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế; nếu có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết; nếu có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết thì tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn; nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Kiều-thi-ca, thiện nam, thiện nữ đó, đạt được công đức hơn trước rất nhiều.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở vô số thế giới trong mười phương, nếu có các loại hữu tình ở tất cả thế giới trong mười phương đều đối với quả vị Giác ngộ cao tột đều được không thoái chuyển; và nếu có các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại nói thế này: Thiện nam, đến đây! Đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, ông nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khiến dễ thông suốt, tư duy như lý, theo pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa đã nói này, nên tín giải đúng đắn; nếu tín giải đúng đắn thì có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế; nếu có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết; nếu có khả năng chứng đắc pháp trí Nhất thiết thì tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn; nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa được tăng trưởng viên mãn liền chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Kiều-thi-ca, thiện nam, thiện nữ đó, đạt được công đức hơn trước rất nhiều.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong châu Thiệm-bộ đều hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột; lại dùng vô lượng pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa, văn nghĩa hàm súc, vì họ

rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại có Thiện nam, thiện nữ giáo hóa một hữu tình, đối với quả vị Giác ngộ cao tột được sự không thoái chuyển; lại dùng vô lượng pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu, thì này Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ nói sau đạt được công đức hơn trước rất nhiều.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở châu Thiệm-bộ, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong cả hai châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân đều hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột; lại dùng vô lượng pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại có Thiện nam, thiện nữ giáo hóa một hữu tình, đối với quả vị Giác ngộ cao tột được sự không thoái chuyển; lại dùng vô lượng pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu, thì này Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ nói sau đạt được công đức hơn trước rất nhiều.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở các châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong cả ba châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, Tây ngưu hóa đều hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột; lại dùng vô lượng pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại có Thiện nam, thiện nữ giáo hóa một hữu tình, đối với quả vị Giác ngộ cao tột được sự không thoái chuyển; lại dùng vô lượng pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt ý nghĩa sâu xa, khiến họ dễ hiểu, thì này Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ nói sau đạt được công đức hơn trước rất nhiều.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 168

Phẩm 30: SO SÁNH CÔNG ĐỨC (66)

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở các châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, Tây ngưu hóa, nếu có thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong cả bốn châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, Tây ngưu hóa, Bắc cu-lô đều hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột; lại dùng vô lượng pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa lý sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại có thiện nam, thiện nữ giáo hóa một hữu tình, đối với quả vị Giác ngộ cao tột được sự không thoái chuyển; lại dùng vô lượng pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa lý sâu xa, khiến họ dễ hiểu, thì này Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ nói sau đạt được công đức hơn trước rất nhiều.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở bốn đại châu, nếu có thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong tiểu thiên thế giới đều hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột; lại dùng vô lượng pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa lý sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại có thiện nam, thiện nữ giáo hóa một hữu tình, đối với quả vị Giác ngộ cao tột được sự không thoái chuyển; lại dùng vô lượng pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa lý sâu xa, khiến họ dễ hiểu, thì này Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ nói sau đạt được công đức hơn trước rất nhiều.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở tiểu thiên thế giới, nếu có thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong trung thiên thế giới đều hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột; lại dùng vô lượng pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa lý sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại có thiện nam, thiện nữ giáo hóa một hữu tình, đối với quả vị Giác ngộ cao tột được sự không thoái chuyển; lại dùng vô lượng pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa,

văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa lý sâu xa, khiến họ dễ hiểu, thì này Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ nói sau đạt được công đức hơn trước rất nhiều.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở trung thiên thế giới, nếu có thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong thế giới ba lần ngàn đều hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột; lại dùng vô lượng pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa lý sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại có thiện nam, thiện nữ giáo hóa một hữu tình, đối với quả vị Giác ngộ cao tột được sự không thoái chuyển; lại dùng vô lượng pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa lý sâu xa, khiến họ dễ hiểu, thì này Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ nói sau đạt được công đức hơn trước rất nhiều.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở thế giới ba lần ngàn, nếu có thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình ở vô số thế giới trong mười phương đều hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột; lại dùng vô lượng pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa lý sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại có thiện nam, thiện nữ giáo hóa một hữu tình, đối với quả vị Giác ngộ cao tột được sự không thoái chuyển; lại dùng vô lượng pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa lý sâu xa, khiến họ dễ hiểu, thì này Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ nói sau đạt được công đức hơn trước rất nhiều.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở vô số thế giới trong mười phương, nếu có thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình ở tất cả thế giới trong mười phương đều hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột; lại dùng vô lượng pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa lý sâu xa, khiến họ dễ hiểu; lại có thiện nam, thiện nữ giáo hóa một hữu tình, đối với quả vị Giác ngộ cao tột được sự không thoái chuyển; lại dùng vô lượng pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa lý sâu xa, khiến họ dễ hiểu, thì này Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ nói sau đạt được công đức hơn trước rất nhiều.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong châu Thiệm-bộ, đối với quả vị Giác ngộ cao tột đều được

sự không thoái chuyển; lại dùng vô lượng pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa lý sâu xa, khiến họ dễ hiểu; và có thiện nam, thiện nữ khuyên một trong số đó, mau hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột, thuyết pháp ba thừa, cứu độ tất cả; lại dùng vô lượng pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa lý sâu xa, khiến họ dễ hiểu, thì này Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ nói sau đạt được công đức hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát trụ bậc không thoái chuyển thì chẳng cần nương nhờ pháp sở thuyết, đối với quả vị Giác ngộ cao tột, quyết định hướng đến; đối với quả vị đại Bồ-đề thì không thoái chuyển. Còn Đại Bồ-tát cầu chóng đạt đến đại Bồ-đề thì cần phải nương nhờ pháp sở thuyết; đối với quả vị Giác ngộ cao tột cầu mau đạt đến, nên quán khổ về sinh tử của tất cả hữu tình, vận dụng tâm đại Bi vô cùng thống thiết.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở châu Thiệm-bộ, nếu thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong cả hai châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, đối với quả vị Giác ngộ cao tột đều được sự không thoái chuyển; lại dùng vô lượng pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa lý sâu xa, khiến họ dễ hiểu; và có thiện nam, thiện nữ khuyên một trong số đó, mau hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột, thuyết pháp ba thừa, cứu độ tất cả; lại dùng vô lượng pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa lý sâu xa, khiến họ dễ hiểu, thì này Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ nói sau đạt được công đức hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát trụ bậc không thoái chuyển thì chẳng cần nương nhờ pháp sở thuyết, đối với quả vị Giác ngộ cao tột, quyết định hướng đến; đối với quả vị đại Bồ-đề thì không thoái chuyển. Còn Đại Bồ-tát, cầu chóng đạt đến đại Bồ-đề, thì cần phải nương nhờ pháp sở thuyết; đối với quả vị Giác ngộ cao tột cầu mau đạt đến, nên quán khổ về sinh tử của tất cả hữu tình, vận dụng tâm đại Bi vô cùng thống thiết.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở các châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, nếu thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong cả ba châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, Tây ngưu hóa, đối với quả vị Giác ngộ cao tột đều được không thoái chuyển; lại dùng vô lượng pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải

thích rõ ràng, phân biệt nghĩa lý sâu xa, khiến họ dễ hiểu; và có thiện nam, thiện nữ khuyên một trong số đó, mau hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột, thuyết pháp ba thừa, cứu độ tất cả; lại dùng vô lượng pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa lý sâu xa, khiến họ dễ hiểu, thì này Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ nói sau đạt được công đức hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát trụ bậc không thoái chuyển thì chẳng cần nương nhờ pháp sở thuyết, đối với quả vị Giác ngộ cao tột, quyết định hướng đến; đối với quả vị đại Bồ-đề thì không thoái chuyển. Còn Đại Bồ-tát, cầu chóng đạt đến đại Bồ-đề, thì cần phải nương nhờ pháp sở thuyết; đối với quả vị Giác ngộ cao tột cầu mau đạt đến, nên quán khổ về sinh tử của tất cả hữu tình, vận dụng tâm đại Bi vô cùng thống thiết.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở các châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, Tây ngưu hóa, nếu có thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong cả bốn châu Thiệm-bộ, Đông thắng thân, Tây ngưu hóa, Bắc cu-lô, đối với quả vị Giác ngộ cao tột đều được không thoái chuyển; lại dùng vô lượng pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa lý sâu xa, khiến họ dễ hiểu; và có thiện nam, thiện nữ khuyên một trong số đó, mau hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột, thuyết pháp ba thừa, cứu độ tất cả; lại dùng vô lượng pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa lý sâu xa, khiến họ dễ hiểu, thì này Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ nói sau đạt được công đức hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát trụ bậc không thoái chuyển thì chẳng cần nương nhờ pháp sở thuyết, đối với quả vị Giác ngộ cao tột, quyết định hướng đến; đối với quả vị đại Bồ-đề thì không thoái chuyển. Còn Đại Bồ-tát, cầu chóng đạt đến đại Bồ-đề, thì cần phải nương nhờ pháp sở thuyết; đối với quả vị Giác ngộ cao tột cầu mau đạt đến, nên quán khổ về sinh tử của tất cả hữu tình, vận dụng tâm đại Bi vô cùng thống thiết.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở bốn đại châu, nếu có thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong tiểu thiên thế giới, đối với quả vị Giác ngộ cao tột đều được không thoái chuyển; lại dùng vô lượng pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa lý sâu xa, khiến họ dễ hiểu; và có thiện nam, thiện nữ khuyên một trong số đó, mau hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột, thuyết pháp ba thừa, cứu độ tất cả; lại dùng vô lượng pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói,

diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa lý sâu xa, khiến họ dễ hiểu, thì này Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ nói sau đạt được công đức hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát trụ bậc không thoái chuyển thì chẳng cần nương nhờ pháp sở thuyết, đối với quả vị Giác ngộ cao tột, quyết định hướng đến; đối với quả vị đại Bồ-đề thì không thoái chuyển. Còn Đại Bồ-tát, cầu chóng đạt đến đại Bồ-đề, thì cần phải nương nhờ pháp sở thuyết; đối với quả vị Giác ngộ cao tột cầu mau đạt đến, nên quán khổ về sinh tử của tất cả hữu tình, vận dụng tâm đại Bi vô cùng thống thiết.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở tiểu thiên thế giới, nếu có thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong trung thiên thế giới, đối với quả vị Giác ngộ cao tột đều được không thoái chuyển; lại dùng vô lượng pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa lý sâu xa, khiến họ dễ hiểu; và có thiện nam, thiện nữ khuyên một trong số đó, mau hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột, thuyết pháp ba thừa, cứu độ tất cả; lại dùng vô lượng pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa lý sâu xa, khiến họ dễ hiểu, thì này Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ nói sau đạt được công đức hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát trụ bậc không thoái chuyển thì chẳng cần nương nhờ pháp sở thuyết, đối với quả vị Giác ngộ cao tột, quyết định hướng đến; đối với quả vị đại Bồ-đề thì không thoái chuyển. Còn Đại Bồ-tát, cầu chóng đạt đến đại Bồ-đề, thì cần phải nương nhờ pháp sở thuyết; đối với quả vị Giác ngộ cao tột cầu mau đạt đến, nên quán khổ về sinh tử của tất cả hữu tình, vận dụng tâm đại Bi vô cùng thống thiết.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở trung thiên thế giới, nếu có thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình trong thế giới ba lần ngàn, đối với quả vị Giác ngộ cao tột đều được không thoái chuyển; lại dùng vô lượng pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa lý sâu xa, khiến họ dễ hiểu; và có thiện nam, thiện nữ khuyên một trong số đó, mau hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột, thuyết pháp ba thừa, cứu độ tất cả; lại dùng vô lượng pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa lý sâu xa, khiến họ dễ hiểu, thì này Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ nói sau đạt được công đức hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát trụ bậc không thoái chuyển thì chẳng cần nương nhờ pháp sở thuyết, đối với

quả vị Giác ngộ cao tột, quyết định hướng đến; đối với quả vị đại Bồ-đề thì không thoái chuyển. Còn Đại Bồ-tát, cầu chóng đạt đến đại Bồ-đề, thì cần phải nương nhờ pháp sở thuyết; đối với quả vị Giác ngộ cao tột cầu mau đạt đến, nên quán khổ về sinh tử của tất cả hữu tình, vận dụng tâm đại Bi vô cùng thống thiết.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở thế giới ba lần ngàn, nếu có thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình ở vô số thế giới trong mười phương, đối với quả vị Giác ngộ cao tột đều được không thoái chuyển; lại dùng vô lượng pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa lý sâu xa, khiến họ dễ hiểu; và có thiện nam, thiện nữ khuyên một trong số đó, mau hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột, thuyết pháp ba thừa, cứu độ tất cả; lại dùng vô lượng pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa lý sâu xa, khiến họ dễ hiểu, thì này Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ nói sau đạt được công đức hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát trụ bậc không thoái chuyển thì chẳng cần nương nhờ pháp sở thuyết, đối với quả vị Giác ngộ cao tột, quyết định hướng đến; đối với quả vị đại Bồ-đề thì không thoái chuyển. Còn Đại Bồ-tát, cầu chóng đạt đến đại Bồ-đề, thì cần phải nương nhờ pháp sở thuyết; đối với quả vị Giác ngộ cao tột cầu mau đạt đến, nên quán khổ về sinh tử của tất cả hữu tình, vận dụng tâm đại Bi vô cùng thống thiết.

Lại nữa Kiều-thi-ca, để riêng các loại hữu tình ở vô số thế giới trong mười phương này, nếu có thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình ở tất cả thế giới trong mười phương, đối với quả vị Giác ngộ cao tột đều được không thoái chuyển; lại dùng vô lượng pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa lý sâu xa, khiến họ dễ hiểu; và có thiện nam, thiện nữ khuyên một trong số đó, mau hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột, thuyết pháp ba thừa, cứu độ tất cả; lại dùng vô lượng pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa, văn nghĩa hàm súc, vì họ rộng nói, diễn đạt chỉ bày, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa lý sâu xa, khiến họ dễ hiểu, thì này Kiều-thi-ca, hàng thiện nam, thiện nữ nói sau đạt được công đức hơn trước rất nhiều. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Đại Bồ-tát trụ bậc không thoái chuyển thì chẳng cần nương nhờ pháp sở thuyết, đối với quả vị Giác ngộ cao tột, quyết định hướng đến; đối với quả vị đại Bồ-đề thì không thoái chuyển. Còn Đại Bồ-tát, cầu chóng đạt đến đại Bồ-đề, thì cần phải nương nhờ pháp sở thuyết; đối với quả vị Giác ngộ cao tột cầu

mau đạt đến, nên quán khổ về sinh tử của tất cả hữu tình, vận dụng tâm đại Bi vô cùng thống thiết.

Bấy giờ, Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn, như các vị Đại Bồ-tát gần đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột như thế, nên dùng Bố thí ba-la-mật-đa, nhanh chóng dạy bảo, trao truyền cho Đại Bồ-tát ấy. Như các vị Đại Bồ-tát gần đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột như thế, nên dùng Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa nhanh chóng dạy bảo, trao truyền cho Đại Bồ-tát ấy.

Bạch Thế Tôn, như các vị Đại Bồ-tát gần đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột như thế, nên dùng pháp không bên trong mau chóng dạy bảo, trao truyền cho Đại Bồ-tát ấy. Như các vị Đại Bồ-tát gần đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột như thế, nên dùng pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh mau chóng dạy bảo, trao truyền cho Đại Bồ-tát ấy.

Bạch Thế Tôn, như các vị Đại Bồ-tát gần đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột như thế, nên dùng chân như mau chóng dạy bảo, trao truyền cho Đại Bồ-tát ấy. Như các vị Đại Bồ-tát gần đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột như thế, nên dùng pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn mau chóng dạy bảo, trao truyền cho Đại Bồ-tát ấy.

Bạch Thế Tôn, như các vị Đại Bồ-tát gần đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột như thế, nên dùng Thánh đế khổ mau chóng dạy bảo, trao truyền cho Đại Bồ-tát ấy. Như các vị Đại Bồ-tát gần đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột như thế, nên dùng Thánh đế tập, diệt, đạo mau chóng dạy bảo, trao truyền cho Đại Bồ-tát ấy.

Bạch Thế Tôn, như các vị Đại Bồ-tát gần đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột như thế, nên dùng bốn Tĩnh lự mau chóng dạy bảo, trao truyền cho Đại Bồ-tát ấy. Như các vị Đại Bồ-tát gần đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột như thế, nên dùng bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc mau chóng dạy bảo, trao truyền cho Đại Bồ-tát ấy.

Bạch Thế Tôn, như các vị Đại Bồ-tát gần đạt đến quả vị Giác ngộ

cao tột như thế, nên dùng tám Giải thoát mau chóng dạy bảo, trao truyền cho Đại Bồ-tát ấy. Như các vị Đại Bồ-tát gần đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột như thế, nên dùng tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ mau chóng dạy bảo, trao truyền cho Đại Bồ-tát ấy.

Bạch Thế Tôn, như các vị Đại Bồ-tát gần đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột như thế, nên dùng bốn Niệm trụ mau chóng dạy bảo, trao truyền cho Đại Bồ-tát ấy. Như các vị Đại Bồ-tát gần đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột như thế, nên dùng bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo mau chóng dạy bảo, trao truyền cho Đại Bồ-tát ấy.

Bạch Thế Tôn, như các vị Đại Bồ-tát gần đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột như thế, nên dùng pháp môn giải thoát Không mau chóng dạy bảo, trao truyền cho Đại Bồ-tát ấy. Như các vị Đại Bồ-tát gần đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột như thế, nên dùng pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện mau chóng dạy bảo, trao truyền cho Đại Bồ-tát ấy.

Bạch Thế Tôn, như các vị Đại Bồ-tát gần đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột như thế, nên dùng năm loại mắt mau chóng dạy bảo, trao truyền cho Đại Bồ-tát ấy. Như các vị Đại Bồ-tát gần đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột như thế, nên dùng sáu phép thần thông mau chóng dạy bảo, trao truyền cho Đại Bồ-tát ấy.

Bạch Thế Tôn, như các vị Đại Bồ-tát gần đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột như thế, nên dùng mười lực của Phật mau chóng dạy bảo, trao truyền cho Đại Bồ-tát ấy. Như các vị Đại Bồ-tát gần đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột như thế, nên dùng bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng mau chóng dạy bảo, trao truyền cho Đại Bồ-tát ấy.

Bạch Thế Tôn, như các vị Đại Bồ-tát gần đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột như thế, nên dùng pháp không quên mất mau chóng dạy bảo, trao truyền cho Đại Bồ-tát ấy. Như các vị Đại Bồ-tát gần đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột như thế, nên dùng tánh luôn luôn xả mau chóng dạy bảo, trao truyền cho Đại Bồ-tát ấy.

Bạch Thế Tôn, như các vị Đại Bồ-tát gần đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột như thế, nên dùng trí Nhất thiết mau chóng dạy bảo, trao truyền cho Đại Bồ-tát ấy. Như các vị Đại Bồ-tát gần đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột như thế, nên dùng trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng mau chóng dạy bảo, trao truyền cho Đại Bồ-tát ấy.

Bạch Thế Tôn, như các vị Đại Bồ-tát gần đạt đến quả vị Giác ngộ cao

tột như thế, nên dùng tất cả pháp môn Đà-la-ni mau chóng dạy bảo, trao truyền cho Đại Bồ-tát ấy. Như các vị Đại Bồ-tát gần đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột như thế, nên dùng tất cả pháp môn Tam-ma-địa mau chóng dạy bảo, trao truyền cho Đại Bồ-tát ấy.

Bạch Thế Tôn, như các vị Đại Bồ-tát gần đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột như thế, nên dùng các thứ y phục, đồ ăn uống, đồ nằm, thuốc men tốt nhất, tùy theo nhu cầu, đem các thứ đồ dùng đó cúng dường và được Đại Bồ-tát ấy thâu nhận.

Bạch Thế Tôn, nếu các thiện nam, thiện nữ năng dùng pháp thí, tài thí như thế, cúng dường và được Đại Bồ-tát ấy thâu nhận, thì thiện nam, thiện nữ đó đạt được công đức hơn trước rất nhiều. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì Đại Bồ-tát ấy nhờ đã nhiếp thọ sự dạy bảo trao truyền về Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa này, mà mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Bạch Thế Tôn, vì Đại Bồ-tát ấy nhờ đã nhiếp thọ sự dạy bảo trao truyền về pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả các pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh này, mà mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Bạch Thế Tôn, vì Đại Bồ-tát ấy nhờ đã nhiếp thọ sự dạy bảo trao truyền về chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn này, mà mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Bạch Thế Tôn, vì Đại Bồ-tát ấy nhờ đã nhiếp thọ sự dạy bảo trao truyền về Thánh đế khổ, Thánh đế tập, Thánh đế diệt, Thánh đế đạo này, mà mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Bạch Thế Tôn, vì Đại Bồ-tát ấy nhờ đã nhiếp thọ sự dạy bảo trao truyền về bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc này, mà mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Bạch Thế Tôn, vì Đại Bồ-tát ấy nhờ đã nhiếp thọ sự dạy bảo trao truyền về tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ này, mà mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Bạch Thế Tôn, vì Đại Bồ-tát ấy nhờ đã nhiếp thọ sự dạy bảo trao truyền về bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo này, mà mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Bạch Thế Tôn, vì Đại Bồ-tát ấy nhờ đã nhiếp thọ sự dạy bảo trao truyền về pháp môn giải thoát Không, pháp môn giải thoát Vô tướng, pháp môn giải thoát Vô nguyện này, mà mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Bạch Thế Tôn, vì Đại Bồ-tát ấy nhờ đã nhiếp thọ sự dạy bảo trao truyền về năm loại mắt, sáu phép thần thông này, mà mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Bạch Thế Tôn, vì Đại Bồ-tát ấy nhờ đã nhiếp thọ sự dạy bảo trao truyền về mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng này, mà mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Bạch Thế Tôn, vì Đại Bồ-tát ấy nhờ đã nhiếp thọ sự dạy bảo trao truyền về pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả này, mà mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Bạch Thế Tôn, vì Đại Bồ-tát ấy nhờ đã nhiếp thọ sự dạy bảo trao truyền về trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng này, mà mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Bạch Thế Tôn, vì Đại Bồ-tát ấy nhờ đã nhiếp thọ sự dạy bảo trao truyền về tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa này, mà mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Bạch Thế Tôn, vì Đại Bồ-tát ấy lại nhờ đã nhiếp thọ các thứ y phục, đồ ăn uống, đồ nằm, thuốc men, các loại đồ dùng tùy theo nhu cầu này, mà mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bảo Thiên đế Thích:

–Hay thay, hay thay! Này Kiều-thi-ca, chỉ ông mới có khả năng khuyên bảo, khích lệ Đại Bồ-tát ấy, lại có khả năng nhiếp thọ và được Đại Bồ-tát ấy thâu nhận, cũng có khả năng hỗ trợ Đại Bồ-tát ấy. Ông nay đã là Thánh đệ tử của Phật, đã làm việc nên làm. Tất cả các Thánh đệ tử của Như Lai vì muốn đem lại lợi lạc cho các hữu tình, nên dùng phương tiện khuyên bảo, khích lệ Đại Bồ-tát ấy, khiến mau hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột; dùng pháp thí, tài thí nhiếp thọ, hỗ trợ Đại Bồ-tát ấy, khiến mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì tất cả Như Lai, Thanh văn, Độc giác và các sự nghiệp lớn lao trong thế gian đều do Đại Bồ-tát ấy mà được sinh ra. Vì sao? Vì nếu không có Đại Bồ-tát phát tâm cầu quả vị Giác

ngộ cao tột, thì không có khả năng tu học Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; cũng không có khả năng an trụ pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; cũng không có khả năng an trụ chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; cũng không có khả năng an trụ Thánh đế khổ, Thánh đế tập, Thánh đế diệt, Thánh đế đạo; cũng không có khả năng tu học bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; cũng không có khả năng tu học tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; cũng không có khả năng tu học bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; cũng không có khả năng tu học pháp môn giải thoát Không, pháp môn giải thoát Vô tướng, pháp môn giải thoát Vô nguyện; cũng không có khả năng tu học năm loại mắt, sáu phép thần thông; cũng không có khả năng tu học mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng; cũng không có khả năng tu học pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; cũng không có khả năng tu học trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; cũng không có khả năng tu học tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Nếu không có Đại Bồ-tát tu, an trú các pháp như thế, thì không có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Nếu không có Đại Bồ-tát chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì không có khả năng an lập Bồ-tát, Thanh văn, Độc giác và các thắng sự trong thế gian.

Này Kiều-thi-ca, vì do có Đại Bồ-tát phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột, nên mới có khả năng tu học Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; cũng lại có khả năng an trụ pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp

không không tánh tự tánh; cũng lại có khả năng an trụ chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; cũng lại có khả năng an trụ Thánh đế khổ, Thánh đế tập, Thánh đế diệt, Thánh đế đạo; cũng lại có khả năng tu học bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; cũng lại có khả năng tu học tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; cũng lại có khả năng tu học bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; cũng lại có khả năng tu học pháp môn giải thoát Không, pháp môn giải thoát Vô tướng, pháp môn giải thoát Vô nguyện; cũng lại có khả năng tu học năm loại mắt, sáu phép thần thông; cũng lại có khả năng tu học mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng; cũng lại có khả năng tu học pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; cũng lại có khả năng tu học trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; cũng lại có khả năng tu học tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Vì do có Đại Bồ-tát tu, an trú các pháp như thế, nên mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Do có Đại Bồ-tát chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, nên dứt trừ tất cả các nẻo địa ngục, bàng sinh, quỷ giới trong thế gian; cũng có khả năng làm tổn giảm bè nhóm A-tố-lạc, làm tăng thêm Thiên chúng.

Này Kiều-thi-ca, vì do có Đại Bồ-tát chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, nên mới có dòng dõi lớn Sát-đế-lợi, dòng dõi lớn Bà-la-môn, dòng dõi lớn Trưởng giả, dòng dõi lớn Cư sĩ xuất hiện ở thế gian; do đó lại có chúng trời Tứ đại vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc biến hóa, trời Tha hóa tự tại xuất hiện ở thế gian; do đó lại có trời Phạm chúng, trời Phạm phụ, trời Phạm hội, trời Đại phạm, trời Quang, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Cực quang tịnh, trời Tịnh, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời Quảng, trời Thiểu quảng, trời Vô lượng quảng, trời Quảng quả xuất hiện ở thế gian; do đó lại có trời Vô phiền, trời Vô nhiệt, trời Thiện hiện, trời Thiện kiến, trời Sắc cứu cánh xuất hiện ở thế gian; do đó lại có trời Không vô biên xứ, trời Thức vô biên xứ, trời Vô sở hữu xứ, trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ xuất hiện ở thế gian; do đó lại có Bố thí ba-la-mật-đa, Tịnh giới ba-la-mật-đa, An nhẫn ba-la-mật-đa, Tinh tấn ba-la-mật-đa, Tĩnh lự ba-la-mật-đa, Bát-nhã ba-la-mật-đa xuất hiện ở thế gian; do đó lại có pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo,

pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh xuất hiện ở thế gian; do đó lại có chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn xuất hiện ở thế gian; do đó lại có Thánh đế khổ, Thánh đế tập, Thánh đế diệt, Thánh đế đạo xuất hiện ở thế gian; do đó lại có bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc xuất hiện ở thế gian; do đó lại có tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ xuất hiện ở thế gian; do đó lại có bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo xuất hiện ở thế gian; do đó lại có pháp môn giải thoát Không, pháp môn giải thoát Vô tướng, pháp môn giải thoát Vô nguyện xuất hiện ở thế gian; do đó lại có năm loại mắt, sáu phép thần thông xuất hiện ở thế gian; do đó lại có mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng xuất hiện ở thế gian; do đó lại có pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả xuất hiện ở thế gian; do đó lại có trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng xuất hiện ở thế gian; do đó lại có tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa xuất hiện ở thế gian; do đó lại có tất cả Thanh văn thừa, tất cả Độc giác thừa, tất cả Đại thừa xuất hiện ở thế gian.

M

Phẩm 31: TÙY HỶ HỒI HƯỚNG (1)

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Di-lặc bạch Thượng tọa Thiện Hiện:

–Thưa Đại đức, nếu Đại Bồ-tát đối với tất cả hữu tình, đem mọi công đức có được, tùy hỷ cùng làm các sự nghiệp phước đức và nếu Đại Bồ-tát dùng sự nghiệp phước đức này, cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng về quả vị Giác ngộ cao tột, và vì dùng vô sở đắc làm phương tiện, nên nếu sự nghiệp phước đức tùy hỷ hồi hướng của các hữu tình khác, như sự nghiệp phước đức của phàm phu, Thanh văn, Độc giác, đó là ba sự nghiệp phước đức của thí tánh, giới tánh, tu tánh; hoặc sự nghiệp phước đức của bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, bốn Thánh đế, tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, bốn sự hiểu biết thông

suốt, sáu phép thần thông… thì công đức có được do tùy hỷ hồi hướng của Đại Bồ-tát ấy, so với sự nghiệp phước đức của phàm phu, Thanh văn, Độc giác kia là tối thắng, là tôn quý, là vi diệu, là cao cả, không gì bằng, không gì hơn. Vì sao? Thưa Đại đức, vì các phàm phu tu sự nghiệp phước đức chỉ vì để cho mình được tự tại an lạc; Thanh văn, Độc giác tu sự nghiệp phước đức là để tự điều phục, là để được tịch tĩnh, là để đắc Niết-bàn, còn công đức có được do tùy hỷ hồi hướng của Đại Bồ-tát, thì khắp vì sự điều phục, tịch tĩnh, Bát-niết-bàn cho tất cả hữu tình.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Đại Bồ-tát Di-lặc:

–Thưa Đại sĩ, tâm tùy hỷ hồi hướng của Đại Bồ-tát duyên khắp vô số, vô lượng, vô biên thế giới trong mười phương. Trong mỗi mỗi thế giới có vô số vô lượng vô biên các Đức Phật đã nhập Niết-bàn, từ mới phát tâm cho đến chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, đều lần lượt như thế, sau khi nhập Vô dư Niết-bàn cho đến lúc giáo pháp diệt, ở trong khoảng ấy, có căn lành tương ưng với sáu pháp Ba-la-mật-đa và có căn lành khác tương ưng với vô số, vô lượng, vô biên Phật pháp. Nếu đệ tử phàm phu kia có ba sự nghiệp phước đức là thí tánh, giới tánh và tu tánh; nếu đệ tử Thanh văn kia có căn lành vô lậu là hữu học, vô học; nếu chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn thì làm lợi lạc cho tất cả hữu tình bằng đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả và vô số, vô lượng, vô biên pháp Phật. Các pháp mà chư Phật đã nói, nếu nương vào pháp đấy, siêng năng tu học thì đắc quả Dự lưu, đắc quả Nhất lai, đắc quả Bất hoàn, đắc quả A-la-hán, đắc quả Độc giác, đắc nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát. Tất cả căn lành đã có như thế và căn lành của hữu tình khác đối với căn lành đã gieo trồng của các chúng đệ tử Thanh văn, Bồ-tát của các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, hoặc còn trụ thế, hoặc sau khi nhập Niết-bàn là các căn lành nhóm tụ tất cả sự tùy hỷ ở hiện tại và quá khứ. Lại dùng sự tùy hỷ như thế nhằm làm các sự nghiệp phước đức, cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột: Con xin đem căn lành này cùng với tất cả hữu tình đồng dẫn phát đến quả vị Giác ngộ cao tột, thì sự tùy hỷ hồi hướng đã phát khởi như vậy, so với những sự nghiệp phước đức đã phát khởi khác là tối thắng, là tôn quý, là vi diệu, là cao cả, không gì bằng, không gì hơn. Thưa Đại sĩ Di-lặc, theo ý Ngài thì sao? Đại Bồ-tát ấy, duyên các việc như thế, khởi tâm tùy hỷ hồi hướng, có phải là có sự sở duyên như vậy, như cái tướng sở thủ của Đại Bồ-tát đó chăng?

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 169

Phẩm 31: TÙY HỶ HỒI HƯỚNG (2)

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Di-lặc bạch Thượng tọa Thiện Hiện:

–Thưa Đại đức, Đại Bồ-tát ấy, duyên các sự như thế, khởi tâm tùy hỷ hồi hướng, thật không có sự sở duyên như thế, như tướng sở thủ của Đại Bồ-tát ấy.

Cụ thọ Thiện Hiện nói:

–Thưa Đại sĩ, nếu không có sự sở duyên như cái tướng sở thủ thì tâm tùy hỷ hồi hướng của Đại Bồ-tát ấy dùng tướng thủ làm phương tiện, duyên khắp vô số, vô lượng, vô biên thế giới trong mười phương. Các căn lành đã có của vô số, vô lượng, vô biên các Đức Phật ở mỗi thế giới đã nhập Niết-bàn, từ mới phát tâm cho đến pháp diệt và căn lành đã có của các đệ tử, tất cả được tập hợp lại. Sự tùy hỷ ở hiện tại dốc hồi hướng tới quả vị Giác ngộ cao tột thì sự tùy hỷ hồi hướng đã phát khởi như thế đều chẳng phải là điên đảo. Như đối với vô thường cho là thường là tư duy điên đảo, tâm điên đảo, nhận thức điên đảo; đối với khổ cho là vui là tư duy điên đảo, tâm điên đảo, nhận thức điên đảo; đối với vô ngã cho là ngã là tư duy điên đảo, tâm điên đảo, nhận thức điên đảo; đối với bất tịnh cho là tịnh là tư duy điên đảo, tâm điên đảo, nhận thức điên đảo. Ở đây, đối với vô tướng mà giữ lấy tướng cũng như vậy. Thưa Đại sĩ, như sự sở duyên thật không có thì tâm tùy hỷ cũng như vậy; các căn lành… cũng như vậy; quả vị Giác ngộ cao tột cũng như vậy; sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy; nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng như vậy; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng như vậy; nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng như vậy; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng như vậy; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng như vậy; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng như vậy; thân giới, xúc giới, thân thức giới

và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng như vậy; ý giới pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng như vậy; địa, thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng như vậy; vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng như vậy; Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng như vậy; pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh cũng như vậy; chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng như vậy; Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo cũng như vậy; bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng như vậy; tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng như vậy; bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo cũng như vậy; pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện cũng như vậy; năm loại mắt, sáu phép thần thông cũng như vậy; mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng cũng như vậy; pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả cũng như vậy; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng như vậy; tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng như vậy; chư Thanh văn, Độc giác, Đại thừa cũng như vậy.

Thưa Đại sĩ, nếu như sự sở duyên thật không có thì tâm tùy hỷ hồi hướng cũng như vậy; các căn lành… cũng như vậy; quả vị Giác ngộ cao tột cũng như vậy; sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy; nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng như vậy; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng như vậy; nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng như vậy; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng như vậy; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng như vậy; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng như vậy; thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc

làm duyên sinh ra cũng như vậy; ý giới pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng như vậy; địa, thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng như vậy; vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng như vậy; Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng như vậy; pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh cũng như vậy; chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng như vậy; Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo cũng như vậy; bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng như vậy; tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng như vậy; bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo cũng như vậy; pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện cũng như vậy; năm loại mắt, sáu phép thần thông cũng như vậy; mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng cũng như vậy; pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả cũng như vậy; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng như vậy; tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng như vậy; chư Thanh văn, Độc giác, Đại thừa cũng như vậy. Thế thì những gì là sở duyên? Những gì là sự? Những gì là tâm tùy hỷ hồi hướng? Những gì là các căn lành… ? Những gì là quả vị Giác ngộ cao tột mà Đại Bồ-tát đã duyên vào như thế để dấy khởi tâm tùy hỷ hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột?

Bồ-tát Di-lặc đáp:

–Thưa Đại đức, nếu Đại Bồ-tát từ lâu tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, đời trước đã vun trồng căn lành, từ lâu phát thệ nguyện lớn lao, được các thiện hữu nhiếp thọ, khéo học về nghĩa không của tự tướng nơi các pháp thì đó là Đại Bồ-tát có khả năng đối với sự sở duyên khởi tâm tùy hỷ hồi hướng, đối với các căn lành…, quả vị Giác ngộ cao tột, và tất cả các pháp đều chẳng chấp tướng mà có khả năng phát khởi sự tùy hỷ hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột. Sự tùy hỷ hồi

hướng như thế là do dùng chẳng phải hai, chẳng phải không hai làm phương tiện; chẳng phải tướng, chẳng phải không tướng làm phương tiện; chẳng phải có sở đắc, chẳng phải không sở đắc làm phương tiện; chẳng phải nhiễm, chẳng phải tịnh làm phương tiện; chẳng phải sinh, chẳng phải diệt làm phương tiện. Đối với sự sở duyên cho đến quả vị Giác ngộ cao tột có khả năng chẳng chấp tướng. Vì chẳng chấp tướng nên chẳng phải thuộc về điên đảo.

Nếu có Bồ-tát từ lâu chẳng tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, chưa từng cúng dường vô lượng chư Phật, đời trước chẳng vun trồng căn lành, từ lâu chẳng phát thệ nguyện lớn lao, chẳng được thiện hữu nhiếp thọ, đối với tất cả các pháp, chưa khéo học cái nghĩa không của tự tướng thì đó là các Bồ-tát đối với sự sở duyên tùy hỷ hồi hướng, đối với các căn lành…, quả vị Giác ngộ cao tột, và tất cả các pháp còn chấp tướng mà khởi sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Đã khởi sự tùy hỷ hồi hướng như thế, vì chấp giữ tướng nên còn trong vòng điên đảo.

Lại nữa thưa Đại đức, chẳng nên vì các Bồ-tát mới tu học Đại thừa kia… mà ở trước họ nêu giảng về Bát-nhã ba-la-mật-đa; cũng chẳng nên vì các Bồ-tát mới tu học Đại thừa… mà ở trước họ nêu giảng về Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa; chẳng nên vì các Bồ-tát mới tu học Đại thừa kia… mà ở trước họ nêu giảng về pháp không bên trong; cũng chẳng nên vì các Bồ-tát mới tu học Đại thừa… mà ở trước họ nêu giảng về pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; chẳng nên vì các Bồ-tát mới tu học Đại thừa kia… mà ở trước họ nêu giảng về chân như; cũng chẳng nên vì các Bồ-tát mới tu học Đại thừa… mà ở trước họ nêu giảng về pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; chẳng nên vì các Bồ-tát mới tu học Đại thừa kia… mà ở trước họ nêu giảng về Thánh đế khổ; cũng chẳng nên vì các Bồ-tát mới tu học Đại thừa… mà ở trước họ nêu giảng về Thánh đế tập, diệt, đạo; chẳng nên vì các Bồ-tát mới tu học Đại thừa kia… mà ở trước họ nêu giảng về bốn Tĩnh lự; cũng chẳng nên vì các Bồ-tát mới tu học Đại thừa… mà ở trước họ nêu giảng về bốn Vô lượng,

bốn Định vô sắc; chẳng nên vì các Bồ-tát mới tu học Đại thừa kia… mà ở trước họ nêu giảng về tám Giải thoát; cũng chẳng nên vì các Bồ-tát mới tu học Đại thừa… mà ở trước họ nêu giảng về tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; chẳng nên vì các Bồ-tát mới tu học Đại thừa kia… mà ở trước họ nêu giảng về bốn Niệm trụ; cũng chẳng nên vì các Bồ-tát mới tu học Đại thừa… mà ở trước họ nêu giảng về bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; chẳng nên vì các Bồ-tát mới tu học Đại thừa kia… mà ở trước họ nêu giảng về pháp môn giải thoát Không; cũng chẳng nên vì các Bồ-tát mới tu học Đại thừa… mà ở trước họ nêu giảng về pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; chẳng nên vì các Bồ-tát mới tu học Đại thừa kia… mà ở trước họ nêu giảng về năm loại mắt; cũng chẳng nên vì các Bồ-tát mới tu học Đại thừa… mà ở trước họ nêu giảng về sáu phép thần thông; chẳng nên vì các Bồ-tát mới tu học Đại thừa kia… mà ở trước họ nêu giảng về mười lực của Phật; cũng chẳng nên vì các Bồ-tát mới tu học Đại thừa… mà ở trước họ nêu giảng về bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng; chẳng nên vì các Bồ-tát mới tu học Đại thừa kia… mà ở trước họ nêu giảng về pháp không quên mất; cũng chẳng nên vì các Bồ-tát mới tu học Đại thừa… mà ở trước họ nêu giảng về tánh luôn luôn xả; chẳng nên vì các Bồ-tát mới tu học Đại thừa kia… mà ở trước họ nêu giảng về trí Nhất thiết; cũng chẳng nên vì các Bồ-tát mới tu học Đại thừa… mà ở trước họ nêu giảng về trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; chẳng nên vì các Bồ-tát mới tu học Đại thừa kia… mà ở trước họ nêu giảng về tất cả pháp môn Đà-la-ni; cũng chẳng nên vì các Bồ-tát mới tu học Đại thừa… mà ở trước họ nêu giảng về tất cả pháp môn Tam-ma-địa; chẳng nên vì các Bồ-tát mới tu học Đại thừa kia… mà ở trước họ nêu giảng về nghĩa không của tự tướng nơi tất cả pháp. Vì sao? Thưa Đại đức, các Bồ-tát mới tu học Đại thừa… đối với pháp như thế, tuy có đôi chút kính tin, ưa thích nhưng họ nghe rồi hầu như quên hết, nên hoang mang sợ sệt, sinh ra hủy báng.

Lại nữa thưa Đại đức, nếu Đại Bồ-tát không thoái chuyển hoặc có người đã từng cúng dường vô lượng các Đức Phật, đời trước từng vun trồng căn lành, từ lâu phát đại nguyện, được các thiện tri thức nhiếp thọ, thì nên ở trước họ mà biện giải rộng rãi về Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa. Nếu Đại Bồ-tát không thoái chuyển hoặc có người đã từng cúng dường vô lượng các Đức Phật, đời trước từng vun trồng căn lành, từ lâu phát đại nguyện, được các thiện tri

thức nhiếp thọ, thì nên ở trước họ mà biện giải rộng rãi về pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh. Nếu Đại Bồ-tát không thoái chuyển hoặc có người đã từng cúng dường vô lượng các Đức Phật, đời trước từng vun trồng căn lành, từ lâu phát đại nguyện, được các thiện tri thức nhiếp thọ, thì nên ở trước họ mà biện giải rộng rãi về chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Nếu Đại Bồ-tát không thoái chuyển hoặc có người đã từng cúng dường vô lượng các Đức Phật, đời trước từng vun trồng căn lành, từ lâu phát đại nguyện, được các thiện tri thức nhiếp thọ, thì nên ở trước họ mà biện thuyết rộng rãi về Thánh đế khổ, Thánh đế tập, Thánh đế diệt, Thánh đế đạo. Nếu Đại Bồ-tát không thoái chuyển hoặc có người đã từng cúng dường vô lượng các Đức Phật, đời trước từng vun trồng căn lành, từ lâu phát đại nguyện, được các thiện tri thức nhiếp thọ, thì nên ở trước họ mà biện thuyết rộng rãi về bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Nếu Đại Bồ-tát không thoái chuyển hoặc có người đã từng cúng dường vô lượng các Đức Phật, đời trước từng vun trồng căn lành, từ lâu phát đại nguyện, được các thiện tri thức nhiếp thọ, thì nên ở trước họ mà biện thuyết rộng rãi về tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ. Nếu Đại Bồ-tát không thoái chuyển hoặc có người đã từng cúng dường vô lượng các Đức Phật, đời trước từng vun trồng căn lành, từ lâu phát đại nguyện, được các thiện tri thức nhiếp thọ, thì nên ở trước họ mà biện thuyết rộng rãi về bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo. Nếu Đại Bồ-tát không thoái chuyển hoặc có người đã từng cúng dường vô lượng các Đức Phật, đời trước từng vun trồng căn lành, từ lâu phát đại nguyện, được các thiện tri thức nhiếp thọ, thì nên ở trước họ mà biện thuyết rộng rãi về pháp môn giải thoát Không, pháp môn giải thoát Vô tướng, pháp môn giải thoát Vô nguyện. Nếu Đại Bồ-tát không thoái chuyển hoặc có người đã từng cúng dường vô lượng các Đức Phật, đời trước từng vun trồng căn lành, từ lâu phát đại nguyện, được các thiện tri thức nhiếp thọ, thì nên ở trước họ mà biện thuyết rộng

rãi về năm loại mắt, sáu phép thần thông. Nếu Đại Bồ-tát không thoái chuyển hoặc có người đã từng cúng dường vô lượng các Đức Phật, đời trước từng vun trồng căn lành, từ lâu phát đại nguyện, được các thiện tri thức nhiếp thọ, thì nên ở trước họ mà biện thuyết rộng rãi về mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng. Nếu Đại Bồ-tát không thoái chuyển hoặc có người đã từng cúng dường vô lượng các Đức Phật, đời trước từng vun trồng căn lành, từ lâu phát đại nguyện, được các thiện tri thức nhiếp thọ, thì nên ở trước họ mà biện thuyết rộng rãi về pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả. Nếu Đại Bồ-tát không thoái chuyển hoặc có người đã từng cúng dường vô lượng các Đức Phật, đời trước từng vun trồng căn lành, từ lâu phát đại nguyện, được các thiện tri thức nhiếp thọ, thì nên ở trước họ mà biện thuyết rộng rãi về trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Nếu Đại Bồ-tát không thoái chuyển hoặc có người đã từng cúng dường vô lượng các Đức Phật, đời trước từng vun trồng căn lành, từ lâu phát đại nguyện, được các thiện tri thức nhiếp thọ, thì nên ở trước họ mà biện thuyết rộng rãi về tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Nếu Đại Bồ-tát không thoái chuyển, hoặc có người đã từng cúng dường vô lượng các Đức Phật, đời trước từng vun trồng căn lành, từ lâu phát đại nguyện, được các thiện tri thức nhiếp thọ, thì nên ở trước họ mà biện thuyết rộng rãi về nghĩa không của tự tướng các pháp. Vì sao? Thưa Đại đức, vì Đại Bồ-tát không thoái chuyển như thế và người đã từng cúng dường vô lượng các Đức Phật, đời trước từng vun trồng căn lành, từ lâu đã phát đại nguyện, được các thiện tri thức nhiếp thọ, nếu nghe pháp này đều có khả năng thọ trì, thì chẳng bao giờ bỏ quên, nên tâm chẳng hoang mang, chẳng kinh, chẳng sợ, chẳng hủy báng.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Bồ-tát Di-lặc:

–Đại Bồ-tát dùng sự tùy hỷ cùng thực hiện các sự nghiệp phước đức như thế, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, thì đó gọi là sự dụng tâm tùy hỷ hồi hướng; chỗ dụng tâm này là hoàn toàn vắng lặng, lìa mọi biến đổi; sự sở duyên này và các căn lành cũng đều như tâm, tức lìa mọi biến đổi, hoàn toàn vắng lặng. Vậy thì trong đó, cái gì là sự dụng tâm? Lại dùng cái gì làm sự sở duyên và các căn lành, mà nói là tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột? Tâm ấy đối với tâm lẽ ra chẳng có tùy hỷ hồi hướng, vì không có hai tâm cùng khởi một lúc; cũng chẳng thể tùy hỷ hồi hướng, vì tâm là tự tánh.

Thưa Đại sĩ, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thì có khả năng biết như thật: sắc không có sở hữu, thọ, tưởng, hành, thức không có sở hữu; nhãn xứ không có sở hữu, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không có sở hữu; sắc xứ không có sở hữu, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không có sở hữu; nhãn giới không có sở hữu, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không có sở hữu; nhĩ giới không có sở hữu, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không có sở hữu; tỷ giới không có sở hữu, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không có sở hữu; thiệt giới không có sở hữu, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không có sở hữu; thân giới không có sở hữu, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không có sở hữu; ý giới không có sở hữu, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không có sở hữu; địa giới không có sở hữu, thủy, hỏa, phong, không, thức giới không có sở hữu; vô minh không có sở hữu, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não không có sở hữu; Bố thí ba-la-mật-đa không có sở hữu, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không có sở hữu; pháp không bên trong không có sở hữu, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh không có sở hữu; chân như không có sở hữu, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không có sở hữu; Thánh đế khổ không có sở hữu, Thánh đế tập, diệt, đạo không có sở hữu; bốn Tĩnh lự không có sở hữu, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không có sở hữu; tám Giải thoát không có sở hữu, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ không có sở hữu; bốn Niệm trụ không có sở hữu, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo không có sở hữu; pháp môn giải thoát Không không có sở hữu, pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không có sở hữu; năm loại mắt không có sở hữu, sáu phép thần thông không có sở hữu; mười lực của Phật không có sở hữu, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng

không có sở hữu; pháp không quên mất không có sở hữu, tánh luôn luôn xả không có sở hữu; trí Nhất thiết không có sở hữu, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không có sở hữu; tất cả pháp môn Đà-la-ni không có sở hữu, tất cả pháp môn Tam-ma-địa không có sở hữu; Dự lưu quả không có sở hữu, quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán không có sở hữu; quả vị Độc giác không có sở hữu; hạnh Đại Bồ-tát không có sở hữu; quả vị Giác ngộ cao tột không có sở hữu.

Thưa Đại sĩ, Đại Bồ-tát ấy đã biết như thật về tất cả pháp đều không có sở hữu như vậy, dùng sự tùy hỷ cùng làm các sự nghiệp phước đức, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, thì đó mới gọi là sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ không điên đảo.

Bấy giờ Thiên đế Thích bạch Cụ thọ Thiện Hiện:

–Bạch Đại đức, Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nghe pháp như thế, tâm họ sẽ không hoang mang sợ sệt. Bạch Đại đức, Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa dùng tất cả căn lành đã tu tập hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột như thế nào? Bạch Đại đức, Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa làm sao nhiếp thọ sự tùy hỷ cùng thực hiện các sự nghiệp phước đức, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột như thế nào?

Cụ thọ Thiện Hiện nương thần lực gia hộ của Bồ-tát Di-lặc, bảo Thiên đế Thích:

–Này Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa, nếu tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, là nhiếp thọ Bát-nhã ba-la-mật-đa; nếu tu Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, là nhiếp thọ Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa; nếu trụ pháp không bên trong, dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, là nhiếp thọ pháp không bên trong; nếu trụ pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh, dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, là nhiếp thọ pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh; nếu trụ chân như, dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, là nhiếp thọ chân như; nếu trụ pháp giới, pháp

tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, là nhiếp thọ pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; nếu trụ Thánh đế khổ, dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, là nhiếp thọ Thánh đế khổ; nếu tu Thánh đế tập, diệt, đạo, dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, là nhiếp thọ Thánh đế tập, diệt, đạo; nếu tu bốn Tĩnh lự, dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, là nhiếp thọ bốn Tĩnh lự; nếu tu bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, là nhiếp thọ bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; nếu tu tám Giải thoát, dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, là nhiếp thọ tám Giải thoát; nếu tu tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, là nhiếp thọ tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; nếu tu bốn Niệm trụ, dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, là nhiếp thọ bốn Niệm trụ; nếu tu bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, là nhiếp thọ bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo; nếu tu pháp môn giải thoát Không, dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, là nhiếp thọ pháp môn giải thoát Không; nếu tu pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, là nhiếp thọ pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; nếu tu năm loại mắt, dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, là nhiếp thọ năm loại mắt; nếu tu sáu phép thần thông, dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, là nhiếp thọ sáu phép thần thông; nếu tu mười lực của Phật, dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, là nhiếp thọ mười lực của Phật; nếu tu bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, là nhiếp thọ bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; nếu tu pháp không quên mất, dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, là nhiếp thọ pháp không quên mất; nếu tu tánh luôn luôn xả, dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, là nhiếp thọ tánh luôn luôn xả; nếu tu trí Nhất thiết, dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, là nhiếp thọ trí Nhất thiết; nếu tu trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, là nhiếp thọ trí Đạo

tướng, trí Nhất thiết tướng; nếu tu tất cả pháp môn Đà-la-ni, dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, là nhiếp thọ tất cả pháp môn Đà-la-ni; nếu tu tất cả pháp môn Tam-ma-địa, dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, là nhiếp thọ tất cả pháp môn Tam-ma-địa; nếu tu hạnh Đại Bồ-tát, dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, là nhiếp thọ hạnh Đại Bồ-tát; nếu tu quả vị Giác ngộ cao tột, dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, là nhiếp thọ quả vị Giác ngộ cao tột.

Này Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát ấy, do nhân duyên này, mà tín giải sâu xa Bát-nhã ba-la-mật-đa; tín giải sâu xa Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa; tín giải sâu xa pháp không bên trong, tín giải sâu xa pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; tín giải sâu xa chân như, tín giải sâu xa pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; tín giải sâu xa Thánh đế khổ, tín giải sâu xa Thánh đế tập, diệt, đạo; tín giải sâu xa bốn Tĩnh lự, tín giải sâu xa bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; tín giải sâu xa tám Giải thoát, tín giải sâu xa tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; tín giải sâu xa bốn Niệm trụ, tín giải sâu xa bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; tín giải sâu xa pháp môn giải thoát Không, tín giải sâu xa pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; tín giải sâu xa năm loại mắt, tín giải sâu xa sáu phép thần thông; tín giải sâu xa mười lực của Phật, tín giải sâu xa bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng; tín giải sâu xa pháp không quên mất, tín giải sâu xa tánh luôn luôn xả; tín giải sâu xa trí Nhất thiết, tín giải sâu xa trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; tín giải sâu xa tất cả pháp môn Đà-la-ni, tín giải sâu xa tất cả pháp môn Tam-ma-địa; tín giải sâu xa hạnh Đại Bồ-tát; tín giải sâu xa về quả vị Giác ngộ cao tột.

Này Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát ấy, do nhân duyên này thường được thiện hữu nhiếp thọ. Bậc thiện hữu ấy dùng vô lượng pháp môn, văn nghĩa phong phú, vì họ biện thuyết về pháp tương ưng Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa; dùng pháp như thế

dạy bảo trao truyền, khiến họ được nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, thường chẳng xa lìa Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa; dùng pháp như thế dạy bảo trao truyền, khiến họ được nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, thường chẳng xa lìa pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; dùng pháp như thế dạy bảo trao truyền, khiến họ được nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, thường chẳng xa lìa chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; dùng pháp như thế dạy bảo trao truyền, khiến họ được nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, thường chẳng xa lìa Thánh đế khổ, Thánh đế tập, diệt, đạo; dùng pháp như thế dạy bảo trao truyền, khiến họ được nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, thường chẳng xa lìa bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; dùng pháp như thế dạy bảo trao truyền, khiến họ được nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, thường chẳng xa lìa tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; dùng pháp như thế dạy bảo trao truyền, khiến họ được nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, thường chẳng xa lìa bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; dùng pháp như thế dạy bảo trao truyền, khiến họ được nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, thường chẳng xa lìa pháp môn giải thoát Không, pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; dùng pháp như thế dạy bảo trao truyền, khiến họ được nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, thường chẳng xa lìa năm loại mắt, sáu phép thần thông; dùng pháp như thế dạy bảo trao truyền, khiến họ được nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, thường chẳng xa lìa mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng; dùng pháp như thế dạy bảo trao truyền, khiến họ được nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, thường chẳng xa lìa pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; dùng pháp như thế dạy bảo trao truyền, khiến họ được nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, thường chẳng xa lìa trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; dùng pháp như thế dạy bảo trao truyền, khiến họ được nhập

Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, thường chẳng xa lìa tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; dùng pháp như thế dạy bảo trao truyền, khiến họ được nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, thường chẳng xa lìa hạnh Đại Bồ-tát; dùng pháp như thế dạy bảo trao truyền, khiến họ được nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, thường chẳng xa lìa quả vị Giác ngộ cao tột; cũng là biện thuyết về các sự việc của ác ma, khiến họ nghe rồi, đối với các sự việc của ma, tâm không tăng giảm. Vì sao? Vì các tạo tác của ma tánh không có sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; cũng dùng pháp ấy dạy bảo trao truyền khiến họ được nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, thường chẳng xa lìa Phật Bạc-già-phạm, vì đối với chư Phật, đã vun trồng các căn lành, lại do các căn lành đã được nhiếp thọ, nên thường sinh vào nhà Đại Bồ-tát cho đến khi đạt được quả vị Giác ngộ cao tột, đối với các căn lành, thường chẳng xa lìa.

Này Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa, nếu có khả năng như thế, dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, nhiếp thọ các công đức; đối với các công đức, tin hiểu sâu xa, thường được các bậc thiện hữu nhiếp thọ, nghe pháp như thế, tâm chẳng hoang mang, chẳng kinh, chẳng sợ.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa, tùy theo sự tu tập Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, mà dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột; tùy theo sự an trụ nơi pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh mà dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột; tùy theo sự an trụ chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn mà dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột; tùy theo sự an trụ Thánh đế khổ, Thánh đế tập, diệt, đạo mà dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột; tùy theo sự tu tập bốn Tĩnh lự, bốn

Vô lượng, bốn Định vô sắc mà dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột; tùy theo sự tu tập tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ mà dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột; tùy theo sự tu tập bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo mà dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột; tùy theo sự tu tập pháp môn giải thoát Không, pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện mà dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột; tùy theo sự tu tập năm loại mắt, sáu phép thần thông mà dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột; tùy theo sự tu tập mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng mà dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột; tùy theo sự tu tập pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả mà dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột; tùy theo sự tu tập trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng mà dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột; tùy theo sự tu tập tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa mà dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột; tùy theo sự tu tập hạnh Đại Bồ-tát mà dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột; tùy theo sự tu tập quả vị Giác ngộ cao tột mà dùng vô sở đắc làm phương tiện, lấy vô tướng làm phương tiện, cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nên đối với khắp vô số, vô lượng, vô biên thế giới trong mười phương, trong mỗi thế giới đều có vô số, vô lượng, vô biên thế giới khác thảy, đoạn trừ con đường tạo tác sinh tử, dứt tuyệt các nẻo hý luận, bỏ hết các gánh nặng, dẹp mọi thứ chướng ngại về nơi chốn khu vực, làm sạch các kiết sử, đầy đủ chánh trí, tâm hoàn toàn giải thoát, khéo giảng nói giáo pháp quan trọng. Giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn đã thành tựu và các

loại công đức đã làm của tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các đệ tử cùng với những căn lành đã gieo trồng của các nơi như là căn lành đã gieo trồng của dòng dõi lớn Sát-đế-lợi, dòng dõi lớn Bà-la-môn, dòng dõi lớn Trưởng giả, dòng dõi lớn Cư sĩ… căn lành đã gieo trồng của chúng trời Tứ đại vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc biến hóa, trời Tha hóa tự tại; căn lành đã gieo trồng của trời Phạm chúng, trời Phạm phụ, trời Phạm hội, trời Đại phạm, trời Quang, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Cực quang tịnh, trời Tịnh, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời Quảng, trời Thiểu quảng, trời Vô lượng quảng, trời Quảng quả; căn lành đã gieo trồng của trời Vô phiền, trời Vô nhiệt, trời Thiện hiện, trời Thiện kiến, trời Sắc cứu cánh…, tất cả những căn lành như thế, tập hợp lại, cân nhắc suy lường, khởi ngay sự so sánh, thì đối với các căn lành khác, tâm tùy hỷ là tối thắng, là tôn quý, là vi diệu, là cao cả, là không gì hơn, không gì bằng. Lại dùng sự tùy hỷ như thế dốc làm các sự nghiệp phước đức, cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Di-lặc hỏi Cụ thọ Thiện Hiện:

–Thưa Đại đức, Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa, nếu nghĩ về công đức của Phật và chúng đệ tử cùng căn lành đã gieo trồng của trời, người…, tất cả căn lành như thế, nhóm tụ lại, cân nhắc, suy lường, khởi ngay sự so sánh thì đối với các căn lành khác, tâm tùy hỷ là tối thắng, là tôn quý, là vi diệu, là cao cả, là không gì hơn, không gì bằng. Lại dùng căn lành tùy hỷ như thế dốc làm các sự nghiệp phước đức, cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, thì Đại Bồ-tát ấy vì sao chẳng rơi vào tư duy điên đảo, tâm điên đảo, nhận thức điên đảo?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

–Thưa Đại sĩ, nếu Đại Bồ-tát đối với công đức có được, đối với sự niệm Phật và chúng đệ tử chẳng khởi lên tưởng về công đức của chư Phật và chúng đệ tử; đối với các căn lành đã gieo trồng của trời, người… chẳng khởi tưởng về căn lành của trời, người…; đối với tâm đã phát khởi sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, cũng lại chẳng khởi tưởng về tâm tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, thì Đại Bồ-tát ấy đã phát khởi sự tùy hỷ hồi hướng không có tư duy điên đảo, không có tâm điên đảo, không có nhận thức điên đảo. Nếu Đại Bồ-tát đối với công đức đã có về sự niệm Phật và chúng đệ tử, giữ lấy hình tướng công đức của Phật, đệ tử; đối với căn lành đã gieo trồng của trời, người…, giữ lấy hình tướng căn lành của trời, người… đó; đối với tâm đã phát khởi sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác

ngộ cao tột đã giữ lấy hình tướng của tâm đã phát khởi đó, thì Đại Bồ-tát ấy đã phát khởi sự tùy hỷ hồi hướng có tư duy điên đảo, có tâm điên đảo, có nhận thức điên đảo.

Lại nữa thưa Đại sĩ, nếu Đại Bồ-tát dùng tâm tùy hỷ như thế nghĩ về công đức căn lành của tất cả các Đức Phật và chúng đệ tử, biết đúng đắn tâm này là xa lìa mọi biến đổi, hoàn toàn vắng lặng, chẳng phải là chủ thể tùy hỷ; biết đúng đắn tánh của pháp ấy cũng vậy, chẳng phải là đối tượng tùy hỷ; lại hiểu đúng đắn tâm của chủ thể hồi hướng, tánh pháp như nhiên, chẳng phải là tâm của chủ thể hồi hướng; hiểu đúng đắn pháp của đối tượng được hồi hướng, tánh cũng như nhiên, chẳng phải là đối tượng được hồi hướng, và nếu có người có thể dựa vào điều đã nói đó mà tùy hỷ hồi hướng là chánh chẳng phải tà; Đại Bồ-tát ấy đều nên như vậy mà tùy hỷ hồi hướng.

Lại nữa thưa Đại sĩ, nếu Đại Bồ-tát đối với tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở quá khứ, vị lai, hiện tại, từ mới phát tâm đến đắc quả vị Giác ngộ cao tột, cho tới lúc pháp diệt, mọi công đức có được trong khoảng ấy, hoặc đệ tử Phật và các vị Độc giác nương Phật pháp ấy mà khởi căn lành; hoặc các hàng phàm phu nghe sự thuyết pháp ấy mà vun trồng căn lành; hoặc các Long thần, Dược-xoa, Kiền-đạt-phược, A-tố-lạc, Yết-lộ-trà, Khẩn-nại-lạc, Mạc-hô-lạc-già, Nhân phi nhân… nghe sự thuyết pháp ấy mà vun trồng căn lành; hoặc dòng dõi lớn Sát-đế-lợi, dòng dõi lớn Bà-la-môn, dòng dõi lớn Trưởng giả, dòng dõi lớn Cư sĩ, nghe sự thuyết pháp ấy mà vun trồng căn lành; hoặc chúng trời Tứ đại vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc biến hóa, trời Tha hóa tự tại, nghe sự thuyết pháp ấy mà vun trồng căn lành; hoặc trời Phạm chúng, trời Phạm phụ, trời Phạm hội, trời Đại phạm, trời Quang, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Cực quang tịnh, trời Tịnh, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời Quảng, trời Thiểu quảng, trời Vô lượng quảng, trời Quảng quả, nghe sự thuyết pháp ấy mà vun trồng căn lành; hoặc trời Vô phiền, trời Vô nhiệt, trời Thiện hiện, trời Thiện kiến, trời Sắc cứu cánh, nghe sự thuyết pháp ấy mà vun trồng căn lành; hoặc các thiện nam, thiện nữ nghe pháp đã thuyết, phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột, siêng năng tu tập vô số các hạnh Đại Bồ-tát, tất cả như vậy, nhóm tụ lại, cân nhắc, suy lường, khởi ngay sự so sánh, thì đối với các căn lành khác, tâm tùy hỷ là tối thắng, là tôn quý, là vi diệu, là cao cả, là không gì hơn, không gì bằng. Lại dùng căn lành tùy hỷ như thế cùng với các hữu tình thảy đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, thì ngay lúc ấy, hoặc là hiểu đúng đắn các pháp của

chủ thể tùy hỷ hồi hướng là xa lìa mọi biến đổi, hoàn toàn vắng lặng, các pháp của đối tượng tùy hỷ hồi hướng, tự tánh đều là không. Tuy hiểu như vậy, mà luôn luôn tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Lại ngay khi ấy, hoặc hiểu đúng đắn là hoàn toàn không có pháp để có thể luôn luôn tùy hỷ hồi hướng đối với pháp. Vì sao? Vì tự tánh của tất cả các pháp đều là không, trong cái không, hoàn toàn không có pháp chủ thể hay đối tượng tùy hỷ hồi hướng. Tuy biết như vậy mà luôn luôn tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột; Đại Bồ-tát ấy, như luôn luôn tùy hỷ hồi hướng như thế, mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, tu hành Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa, thì không có tư duy điên đảo, không có tâm điên đảo, không có nhận thức điên đảo, vì sao? Vì Đại Bồ-tát ấy, đối với tâm tùy hỷ chẳng sinh chấp trước, đối với các căn lành công đức tùy hỷ cũng chẳng chấp trước; đối với tâm hồi hướng chẳng sinh chấp trước; đối với đối tượng hồi hướng là quả vị Giác ngộ cao tột cũng chẳng chấp trước. Do không chấp trước nên chẳng rơi vào điên đảo. Đại Bồ-tát đã khởi tâm tùy hỷ hồi hướng như thế, gọi là sự tùy hỷ hồi hướng Vô thượng.

❑

KINH ĐẠI BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA

QUYỂN 170

Phẩm 31: TÙY HỶ HỒI HƯỚNG (3)

Lại nữa thưa Đại sĩ, nếu Đại Bồ-tát đối với sự tu hành làm các sự nghiệp phước đức thì biết đúng đắn là lìa sắc, lìa thọ, tưởng, hành, thức; biết đúng đắn là lìa nhãn xứ, lìa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; biết đúng đắn là lìa sắc xứ, lìa thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ ; biết đúng đắn là lìa nhãn giới, lìa sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; biết đúng đắn là lìa nhĩ giới, lìa thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; biết đúng đắn là lìa tỷ giới, lìa hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; biết đúng đắn là lìa thiệt giới, lìa vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; biết đúng đắn là lìa thân giới, lìa xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; biết đúng đắn là lìa ý giới, lìa pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; biết đúng đắn là lìa địa giới, lìa thủy, hỏa, phong, không, thức giới; biết đúng đắn là lìa vô minh, lìa hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não; biết đúng đắn là lìa Bố thí ba-la-mật-đa, lìa Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; biết đúng đắn là lìa pháp không bên trong, lìa pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; biết đúng đắn là lìa chân như, lìa pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; biết đúng đắn là lìa Thánh đế khổ, lìa Thánh đế tập, diệt, đạo; biết đúng đắn là lìa bốn Tĩnh lự, lìa bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; biết đúng đắn là lìa

tám Giải thoát, lìa tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; biết đúng đắn là lìa bốn Niệm trụ, lìa bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; biết đúng đắn là lìa pháp môn giải thoát Không, lìa pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; biết đúng đắn là lìa năm loại mắt, lìa sáu phép thần thông; biết đúng đắn là lìa mười lực của Phật, lìa bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng; biết đúng đắn là lìa pháp không quên mất, lìa tánh luôn luôn xả; biết đúng đắn là lìa trí Nhất thiết, lìa trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; biết đúng đắn là lìa tất cả pháp môn Đà-la-ni, lìa tất cả pháp môn Tam-ma-địa; biết đúng đắn là lìa hạnh Đại Bồ-tát; biết đúng đắn là lìa quả vị Giác ngộ cao tột của Phật. Đại Bồ-tát ấy, đối với việc tu hành, làm các sự nghiệp phước đức, biết đúng đắn như thế là có khả năng tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột một cách đúng đắn.

Lại nữa thưa Đại đức, nếu Đại Bồ-tát biết đúng đắn việc tu hành tùy hỷ cùng làm các sự nghiệp phước đức thì xa lìa tự tánh của việc tu hành, tùy hỷ cùng làm các sự nghiệp phước đức; biết đúng đắn Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, lìa tự tánh Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác; biết đúng đắn công đức của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, xa lìa tự tánh công đức của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, biết đúng đắn Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, xa lìa tự tánh Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát; biết đúng đắn căn lành đã tu của Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát xa lìa tự tánh căn lành của Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát; biết đúng đắn tâm Bồ-đề, xa lìa tự tánh tâm Bồ-đề; biết đúng đắn tâm hồi hướng; xa lìa tự tánh tâm hồi hướng; biết đúng đắn sự hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, xa lìa tự tánh của sự hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột; biết đúng đắn Bát-nhã ba-la-mật-đa, xa lìa tự tánh Bát-nhã ba-la-mật-đa; biết đúng đắn Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa, xa lìa tự tánh Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa; biết đúng đắn pháp không bên trong, xa lìa tự tánh pháp không bên trong; biết đúng đắn pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh, xa lìa tự tánh pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh; biết đúng đắn chân

như, xa lìa tự tánh chân như; biết đúng đắn pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, xa lìa tự tánh pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; biết đúng đắn Thánh đế khổ, xa lìa tự tánh Thánh đế khổ; biết đúng đắn Thánh đế tập, diệt, đạo, xa lìa tự tánh Thánh đế tập, diệt, đạo; biết đúng đắn bốn Tĩnh lự, xa lìa tự tánh bốn Tĩnh lự; biết đúng đắn bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, xa lìa tự tánh bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; biết đúng đắn tám Giải thoát, xa lìa tự tánh tám Giải thoát; biết đúng đắn tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, xa lìa tự tánh tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; biết đúng đắn bốn Niệm trụ, xa lìa tự tánh bốn Niệm trụ; biết đúng đắn bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, xa lìa tự tánh bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo; biết đúng đắn pháp môn giải thoát Không, xa lìa tự tánh pháp môn giải thoát Không; biết đúng đắn pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, xa lìa tự tánh pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; biết đúng đắn năm loại mắt, xa lìa tự tánh năm loại mắt; biết đúng đắn sáu phép thần thông, xa lìa tự tánh sáu phép thần thông; biết đúng đắn mười lực của Phật, xa lìa tự tánh mười lực của Phật; biết đúng đắn bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, xa lìa tự tánh bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; biết đúng đắn pháp không quên mất, xa lìa tự tánh pháp không quên mất; biết đúng đắn tánh luôn luôn xả, xa lìa tự tánh tánh luôn luôn xả; biết đúng đắn trí Nhất thiết, xa lìa tự tánh trí Nhất thiết; biết đúng đắn trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, xa lìa tự tánh trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; biết đúng đắn tất cả pháp môn Đà-la-ni, xa lìa tự tánh tất cả pháp môn Đà-la-ni; biết đúng đắn tất cả pháp môn Tam-ma-địa, xa lìa tự tánh tất cả pháp môn Tam-ma-địa; biết đúng đắn hạnh Đại Bồ-tát, xa lìa tự tánh hạnh Đại Bồ-tát; biết đúng đắn quả vị Giác ngộ cao tột của Phật, xa lìa tự tánh quả vị Giác ngộ cao tột của Phật. Đại Bồ-tát ấy tu hành tánh xa lìa của Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì có khả năng tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa thưa Đại sĩ, các Đại Bồ-tát đối với căn lành công đức của tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã nhập Niết-bàn và đệ tử, nếu muốn phát khởi tâm tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, thì nên khởi sự tùy hỷ hồi hướng thế này, nghĩa là nghĩ như thế này: Như chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các đệ tử đều đã diệt độ thì công đức căn lành cũng

lại như vậy. Tâm đã phát khởi sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột của ta và đối tượng hồi hướng là quả vị Giác ngộ cao tột, tánh của chúng cũng vậy. Sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột như thế là không có tư duy điên đảo, không có tâm điên đảo, không có nhận thức điên đảo. Nếu Đại Bồ-tát dùng sự chấp tướng làm phương tiện tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với tất cả công đức căn lành của Phật và đệ tử ấy, chấp lấy tướng tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột thì đó chẳng phải là sự tùy hỷ hồi hướng khéo léo đúng đắn; dùng công đức căn lành của chư Phật và đệ tử trong quá khứ, Đại Bồ-tát nên giữ lấy cảnh giới chẳng phải tướng, vô tướng. Đại Bồ-tát ấy, dùng ý niệm chấp tướng mà phát khởi tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột; vì vậy nên chẳng phải là sự tùy hỷ hồi hướng khéo léo đúng đắn, do nhân duyên này mà bị rơi vào tư duy điên đảo, tâm điên đảo, nhận thức điên đảo. Nếu Đại Bồ-tát chẳng dùng sự chấp tướng làm phương tiện tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với tất cả công đức căn lành của Phật và đệ tử ấy, lìa tưởng tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, vì vậy nên gọi là sự tùy hỷ hồi hướng khéo léo đúng đắn. Do nhân duyên này, Đại Bồ-tát ấy, tùy hỷ hồi hướng đã lìa tư duy điên đảo, tâm điên đảo, nhận thức điên đảo.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Di-lặc hỏi Cụ thọ Thiện Hiện:

–Thưa Đại đức, vì sao Đại Bồ-tát đối với công đức căn lành của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và chúng đệ tử, tùy hỷ cùng làm các sự nghiệp phước đức đều chẳng chấp tướng, mới có khả năng tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

–Thưa Đại sĩ nên biết, trong sự tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát, có những phương tiện thiện xảo như thế; tuy chẳng chấp giữ tướng mà thành tựu được, chẳng phải lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa mà có khả năng phát khởi tùy hỷ cùng làm các sự nghiệp phước đức, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột.

Đại Bồ-tát Di-lặc nói:

–Thưa Đại đức Thiện Hiện, chớ nói như vậy! Vì sao? Vì trong Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu, tất cả công đức căn lành của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và chúng đệ tử đều không có sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; các sự nghiệp phước đức tùy hỷ đã làm cũng không có sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; sự phát tâm hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột cũng không có sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Trong đó, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên quán thế này: Công đức căn lành

của chư Phật và chúng đệ tử trong quá khứ, tánh đều tịch diệt; các sự nghiệp phước đức tùy hỷ đã làm, sự phát tâm hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, tánh đều tịch diệt. Nếu ta đối với công đức căn lành của tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và chúng đệ tử ấy, mà chấp tướng phân biệt, đối với các sự nghiệp phước đức đã cùng làm và tùy hỷ, sự phát tâm hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột mà chấp tướng phân biệt; dùng sự chấp tướng phân biệt ấy làm phương tiện để phát khởi hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, thì chư Phật Thế Tôn đều không chấp thuận. Vì sao? Vì đối với chư Phật Thế Tôn và chúng đệ tử đã diệt độ mà chấp tướng phân biệt, tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, thì đó là hữu sở đắc lớn lao. Vì vậy nên Đại Bồ-tát muốn đối với công đức căn lành của chư Phật và chúng đệ tử, phát khởi sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột một cách đúng đắn thì chẳng nên ở trong đó, khởi lên cái hữu sở đắc, chấp tướng phân biệt về sự tùy hỷ hồi hướng. Nếu ở trong ấy, dấy khởi cái hữu sở đắc, chấp tướng phân biệt về sự tùy hỷ, thì Phật chẳng nói là những người kia có được nghĩa lợi lớn. Vì sao? Vì tâm tùy hỷ hồi hướng như vậy là vọng tưởng phân biệt, xen lẫn độc dược. Thí như có thức ăn, tuy đủ mùi vị, màu sắc ngon lành nhưng có lẫn độc dược, người ngu không biết, tham lam lấy ăn, tuy lúc đầu vừa ý hoan hỷ thích thú, nhưng sau, thức ăn tiêu hóa, phải chịu các khổ; hoặc suýt chết, hoặc mất mạng. Loại Bổ-đặc-già-la như thế là chẳng khéo thọ trì, chẳng khéo quán sát, chẳng khéo đọc tụng, chẳng biết rõ nghĩa mà bảo với chủng tánh Đại thừa rằng: Đến đây! Thiện nam, ông đối với tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở quá khứ, vị lai, và hiện tại, từ mới phát tâm cho đến khi đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân nhiệm mầu, độ vô lượng chúng sinh, đã nhập Vô dư Niết-bàn, cho đến khi pháp diệt, ở khoảng ấy, hoặc căn lành đã chứa nhóm, sẽ chứa nhóm, đang chứa nhóm khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc căn lành đã chứa nhóm, sẽ chứa nhóm, đang chứa nhóm khi tu hành Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa; hoặc căn lành đã chứa nhóm, sẽ chứa nhóm, đang chứa nhóm khi trụ pháp không bên trong; hoặc căn lành đã chứa nhóm, sẽ chứa nhóm, đang chứa nhóm khi trụ pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự

tánh; hoặc căn lành đã chứa nhóm, sẽ chứa nhóm, đang chứa nhóm khi trụ chân như; hoặc căn lành đã chứa nhóm, sẽ chứa nhóm, đang chứa nhóm khi trụ pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; hoặc căn lành đã chứa nhóm, sẽ chứa nhóm, đang chứa nhóm khi trụ Thánh đế khổ; hoặc căn lành đã chứa nhóm, sẽ chứa nhóm, đang chứa nhóm khi trụ Thánh đế tập, diệt, đạo; hoặc căn lành đã chứa nhóm, sẽ chứa nhóm, đang chứa nhóm khi tu bốn Tĩnh lự; hoặc căn lành đã chứa nhóm, sẽ chứa nhóm, đang chứa nhóm khi tu bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; hoặc căn lành đã chứa nhóm, sẽ chứa nhóm, đang chứa nhóm khi tu tám Giải thoát; hoặc căn lành đã chứa nhóm, sẽ chứa nhóm, đang chứa nhóm khi tu tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; hoặc căn lành đã chứa nhóm, sẽ chứa nhóm, đang chứa nhóm khi tu bốn Niệm trụ; hoặc căn lành đã chứa nhóm, sẽ chứa nhóm, đang chứa nhóm khi tu bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; hoặc căn lành đã chứa nhóm, sẽ chứa nhóm, đang chứa nhóm khi tu pháp môn giải thoát Không; hoặc căn lành đã chứa nhóm, sẽ chứa nhóm, đang chứa nhóm khi tu pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; hoặc căn lành đã chứa nhóm, sẽ chứa nhóm, đang chứa nhóm khi tu năm loại mắt; hoặc căn lành đã chứa nhóm, sẽ chứa nhóm, đang chứa nhóm khi tu sáu phép thần thông; hoặc căn lành đã chứa nhóm, sẽ chứa nhóm, đang chứa nhóm khi tu mười lực của Phật; hoặc căn lành đã chứa nhóm, sẽ chứa nhóm, đang chứa nhóm khi tu bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng; hoặc căn lành đã chứa nhóm, sẽ chứa nhóm, đang chứa nhóm khi tu pháp không quên mất; hoặc căn lành đã chứa nhóm, sẽ chứa nhóm, đang chứa nhóm khi tu tánh luôn luôn xả; hoặc căn lành đã chứa nhóm, sẽ chứa nhóm, đang chứa nhóm khi tu trí Nhất thiết; hoặc căn lành đã chứa nhóm, sẽ chứa nhóm, đang chứa nhóm khi tu trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; hoặc căn lành đã chứa nhóm, sẽ chứa nhóm, đang chứa nhóm khi tu tất cả pháp môn Đà-la-ni; hoặc căn lành đã chứa nhóm, sẽ chứa nhóm, đang chứa nhóm khi tu tất cả pháp môn Tam-ma-địa; hoặc căn lành đã chứa nhóm, sẽ chứa nhóm, đang chứa nhóm khi dốc làm nghiêm tịnh cõi Phật; hoặc căn lành đã chứa nhóm, sẽ chứa nhóm, đang chứa nhóm khi dốc đem lại mọi thành tựu cho hữu tình; hoặc giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn và tất cả vô số, vô lượng, vô biên công đức khác của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác; hoặc tất cả căn

lành hữu lậu của đệ tử Phật; hoặc công đức của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã, sẽ và đang thọ ký cho quả vị Độc giác, trời, người…; hoặc căn lành đã chứa nhóm, sẽ chứa nhóm, đang chứa nhóm của các chúng Trời, Rồng, Dược-xoa, Kiền-đạt-phược, A-tố-lạc, Yết-lộ-trà, Khẩn-nại-lạc, Mạc-hô-lạc-già, Nhân phi nhân…, hoặc căn lành đối với các công đức phát khởi, tùy hỷ hồi hướng của bao thiện nam, thiện nữ Tất cả như thế, đều được tập hợp lại, cân nhắc, suy lường, hiện tại đều tùy hỷ, cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng tới quả vị Giác ngộ cao tột. Sự tùy hỷ hồi hướng đã nói như thế là dùng hữu sở đắc, phân biệt chấp tướng làm phương tiện, như thức ăn lẫn chất độc, trước lợi sau hại, cho nên đây chẳng phải là sự tùy hỷ hồi hướng tốt đẹp, đúng đắn. Vì sao? Vì đã dùng hữu sở đắc, chấp vào tướng phân biệt mà phát khởi tâm tùy hỷ hồi hướng có nhân, có duyên, có tác ý, có hý luận, chẳng tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì sự nêu bày có lẫn chất độc ấy tức là hủy báng Phật, chẳng theo lời Phật dạy, chẳng theo pháp đã thuyết giảng, vậy chủng tánh Bổ-đặc-già-la của Bồ-tát chẳng nên theo điều đã nói đó để tu học. Do đó, thưa Đại đức, nên nói các thiện nam, thiện nữ trụ nơi Bồ-tát thừa trụ như thế nào? Nên đối với công đức căn lành của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và chúng đệ tử trong quá khứ, vị lai, hiện tại ở mười phương thế giới, tùy hỷ hồi hướng ra sao? Đó là các Đức Phật kia, từ mới phát tâm đến khi đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân nhiệm mầu, độ vô lượng chúng sinh, đã nhập Vô dư Niết-bàn … cho đến pháp diệt, ở trong khoảng ấy, hoặc các căn lành đã chứa nhóm khi tu Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc các căn lành đã chứa nhóm khi tu Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa; hoặc căn lành đã chứa nhóm khi trụ pháp không bên trong; hoặc căn lành đã chứa nhóm khi trụ pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; hoặc căn lành đã chứa nhóm khi trụ chân như; hoặc căn lành đã chứa nhóm khi trụ pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; hoặc căn lành đã chứa nhóm khi trụ Thánh đế khổ; hoặc căn lành đã chứa nhóm khi trụ Thánh đế tập, diệt, đạo; hoặc căn

lành đã chứa nhóm khi tu bốn Tĩnh lự; hoặc căn lành đã chứa nhóm khi tu bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; hoặc căn lành đã chứa nhóm khi tu tám Giải thoát; hoặc căn lành đã chứa nhóm khi tu tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; hoặc căn lành đã chứa nhóm khi tu bốn Niệm trụ; hoặc căn lành đã chứa nhóm khi tu bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; hoặc căn lành đã chứa nhóm khi tu pháp môn giải thoát Không; hoặc căn lành đã chứa nhóm khi tu pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; hoặc căn lành đã chứa nhóm khi tu năm loại mắt; hoặc căn lành đã chứa nhóm khi tu sáu phép thần thông; hoặc căn lành đã chứa nhóm khi tu mười lực của Phật; hoặc căn lành đã chứa nhóm khi tu bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng; hoặc căn lành đã chứa nhóm khi tu pháp không quên mất; hoặc căn lành đã chứa nhóm khi tu tánh luôn luôn xả; hoặc căn lành đã chứa nhóm khi tu trí Nhất thiết; hoặc căn lành đã chứa nhóm khi tu trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; hoặc căn lành đã chứa nhóm khi tu tất cả pháp môn Đà-la-ni; hoặc căn lành đã chứa nhóm khi tu tất cả pháp môn Tam-ma-địa; hoặc căn lành đã chứa nhóm khi dốc làm nghiêm tịnh cõi Phật; hoặc căn lành đã chứa nhóm khi dốc đem lại mọi sự thành tựu cho hữu tình; hoặc giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn và tất cả vô số, vô lượng, vô biên công đức khác của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác; hoặc tất cả căn lành hữu lậu của đệ tử Phật; hoặc công đức của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã, đang, sẽ thọ ký cho quả vị Độc giác, trời, người…; hoặc căn lành đã chứa nhóm của các chúng Trời, Rồng, Dược-xoa, Kiền-đạt-phược, A-tố-lạc, Yết-lộ-trà, Khẩn-nại-lạc, Mạc-hô-lạc-già, Nhân phi nhân…, hoặc căn lành đối với các công đức phát khởi tùy hỷ hồi hướng của các thiện nam, thiện nữ, các hàng thiện nam, thiện nữ trụ Bồ-tát thừa, đối với công đức căn lành đó phát khởi tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột như thế nào?

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

–Thưa Đại sĩ, các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ-tát thừa, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nếu muốn chẳng phạm vào việc hủy báng chư Phật Thế Tôn khi phát tâm tùy hỷ hồi hướng, thì nên nghĩ thế này: Như chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác dùng Phật trí vô thượng, hiểu rõ, biết khắp các căn lành công đức, có loại như vậy, có pháp như vậy, để mà tùy hỷ; ta nay cũng nên tùy hỷ như thế. Lại như Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác dùng Phật trí vô thượng, hiểu rõ, biết khắp nên dùng các sự nghiệp, phước đức như thế để hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột; ta nay cũng nên hồi hướng như thế.

Các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ-tát thừa, đối với căn lành công đức của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các đệ tử, nên khởi sự tùy hỷ hồi hướng như thế. Nếu khởi sự tùy hỷ hồi hướng như thế, thì tức là chẳng hủy báng Phật mà là theo đúng lời Phật dạy, theo Pháp Phật nói; Đại Bồ-tát ấy, với tâm tùy hỷ hồi hướng như vậy, hoàn toàn xa lìa mọi thứ độc hại, cuối cùng đạt đến đúng nẻo cam lộ của quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa thưa Đại sĩ, các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ-tát thừa, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với căn lành công đức của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các đệ tử, nên khởi sự tùy hỷ hồi hướng như thế này: Như sắc chẳng đọa vào các cõi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như thọ, tưởng, hành, thức chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải là quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như nhãn xứ chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như sắc xứ chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như nhãn giới chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như nhĩ giới chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như tỷ giới chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng đọa

vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như thiệt giới chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như thân giới chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như ý giới chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như địa giới chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như vô minh chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như Bố thí ba-la-mật-đa chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như pháp không bên trong chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không

thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như chân như chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như Thánh đế khổ chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như bốn Tĩnh lự chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như tám Giải thoát chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như bốn Niệm trụ chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như pháp môn giải thoát Không chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng đọa vào Dục

giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như năm loại mắt chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như sáu phép thần thông chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như mười lực của Phật chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như pháp không quên mất chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như tánh luôn luôn xả chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như trí Nhất thiết chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như giới uẩn chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như Dự lưu quả chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như Nhất lai quả, Bất hoàn quả, A-la-hán quả chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như quả vị Độc giác chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô

sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như các hạnh Đại Bồ-tát chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy; như quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; đã chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, tùy hỷ hồi hướng cũng nên như vậy. Vì sao? Vì chư pháp ấy, tự tánh là không nên chẳng đọa vào ba cõi, chẳng phải thuộc về ba đời, tùy hỷ hồi hướng cũng lại như vậy; đó là vì chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, tự tánh là không nên chẳng đọa vào ba cõi, chẳng phải thuộc về ba đời; vì công đức của chư Phật, tự tánh là không nên chẳng đọa vào ba cõi, chẳng phải thuộc về ba đời; vì Thanh văn, Độc giác và trời, người…, tự tánh là không nên chẳng đọa vào ba cõi, chẳng phải thuộc về ba đời; vì các căn lành ấy, tự tánh là không nên chẳng đọa vào ba cõi, chẳng phải thuộc về ba đời; vì tùy hỷ ấy, tự tánh là không nên chẳng đọa vào ba cõi, chẳng phải thuộc về ba đời; vì pháp thuộc đối tượng hồi hướng, tự tánh là không nên chẳng đọa vào ba cõi, chẳng phải thuộc về ba đời; vì chủ thể là người hồi hướng, tự tánh là không nên chẳng đọa vào ba cõi, chẳng phải thuộc về ba đời.

Nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, biết như thật về sắc chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Nếu đều chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu chẳng phải ba đời thì chẳng thể dùng hữu tướng làm phương tiện, dùng hữu sở đắc làm phương tiện để phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì các pháp sắc… tự tánh là bất sinh. Nếu pháp là bất sinh thì không có sở hữu, nên chẳng thể dùng pháp không sở hữu kia mà tùy hỷ hồi hướng cái không sở hữu.

Nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, biết như thật về nhãn xứ chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; biết như thật về nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Nếu đều chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu chẳng phải ba đời thì chẳng thể dùng hữu tướng kia làm phương tiện, lấy hữu sở đắc làm phương tiện để phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì pháp nhãn xứ… tự tánh là bất sinh. Nếu pháp là bất sinh thì không có sở hữu, chẳng thể dùng pháp không sở hữu kia mà tùy hỷ hồi hướng cái không sở hữu.

Nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, biết như thật về sắc xứ chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; biết như thật về thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Nếu đều chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu chẳng phải ba đời thì chẳng thể dùng hữu tướng kia làm phương tiện, lấy hữu sở đắc làm phương tiện để phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì pháp sắc xứ… tự tánh là bất sinh. Nếu pháp là bất sinh thì không có sở hữu, chẳng thể dùng pháp không sở hữu kia mà tùy hỷ hồi hướng cái không sở hữu.

Nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, biết như thật về nhãn giới chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; biết như thật về sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Nếu đều chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu chẳng phải ba đời thì chẳng thể dùng hữu tướng kia làm phương tiện, lấy hữu sở đắc làm phương tiện để phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì pháp nhãn giới… tự tánh là bất sinh. Nếu pháp là bất sinh thì không có sở hữu, chẳng thể dùng pháp không sở hữu kia mà tùy hỷ hồi hướng cái không sở hữu.

Nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, biết như thật về nhĩ giới chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; biết như thật về thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Nếu đều chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu chẳng phải ba đời thì chẳng thể dùng hữu tướng kia làm phương tiện, lấy hữu sở đắc làm phương tiện để phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì pháp nhĩ giới… tự tánh là bất sinh. Nếu pháp là bất sinh thì không có sở hữu, chẳng thể dùng pháp không sở hữu kia mà tùy hỷ hồi hướng cái không sở hữu.

Nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, biết như thật về tỷ giới chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; biết như thật về hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Nếu đều chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu chẳng phải ba đời thì chẳng thể dùng hữu tướng kia làm phương tiện, lấy hữu sở đắc làm phương tiện để phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì pháp tỷ giới… tự tánh là bất sinh. Nếu pháp là bất sinh thì

không có sở hữu, chẳng thể dùng pháp không sở hữu kia mà tùy hỷ hồi hướng cái không sở hữu.

Nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, biết như thật về thiệt giới chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; biết như thật về vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Nếu đều chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu chẳng phải ba đời thì chẳng thể dùng hữu tướng kia làm phương tiện, lấy hữu sở đắc làm phương tiện để phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì pháp thiệt giới… tự tánh là bất sinh. Nếu pháp là bất sinh thì không có sở hữu, chẳng thể dùng pháp không sở hữu kia mà tùy hỷ hồi hướng cái không sở hữu.

Nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, biết như thật về thân giới chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; biết như thật về xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Nếu đều chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu chẳng phải ba đời thì chẳng thể dùng hữu tướng kia làm phương tiện, lấy hữu sở đắc làm phương tiện để phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì pháp thân giới… tự tánh là bất sinh. Nếu pháp là bất sinh thì không có sở hữu, chẳng thể dùng pháp không sở hữu kia mà tùy hỷ hồi hướng cái không sở hữu.

Nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, biết như thật về ý giới chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; biết như thật về pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Nếu đều chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu chẳng phải ba đời thì chẳng thể dùng hữu tướng kia làm phương tiện, lấy hữu sở đắc làm phương tiện để phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì pháp ý giới… tự tánh là bất sinh. Nếu pháp là bất sinh thì không có sở hữu, chẳng thể dùng pháp không sở hữu kia mà tùy hỷ hồi hướng cái không sở hữu.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 171

Phẩm 31: TÙY HỶ HỒI HƯỚNG (4)

Nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, biết như thật về địa giới chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; biết như thật về thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Nếu đều chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu chẳng phải ba đời thì chẳng thể dùng hữu tướng kia làm phương tiện, lấy hữu sở đắc làm phương tiện để phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì pháp địa giới… tự tánh là bất sinh. Nếu pháp là bất sinh thì không có sở hữu, chẳng thể dùng pháp không sở hữu kia mà tùy hỷ hồi hướng cái không sở hữu.

Nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, biết như thật về vô minh chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; biết như thật về hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Nếu đều chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu chẳng phải ba đời thì chẳng thể dùng hữu tướng kia làm phương tiện, lấy hữu sở đắc làm phương tiện để phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì pháp vô minh… tự tánh là bất sinh. Nếu pháp là bất sinh thì không có sở hữu, chẳng thể dùng pháp không sở hữu kia mà tùy hỷ hồi hướng cái không sở hữu.

Nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, biết như thật về Bố thí ba-la-mật-đa chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; biết như thật về Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Nếu đều chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu chẳng phải ba đời thì chẳng thể dùng hữu tướng kia làm phương tiện, lấy hữu sở đắc làm phương tiện để phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì pháp Bố thí ba-la-mật-đa… tự tánh là bất sinh. Nếu pháp là bất sinh thì không có sở hữu, chẳng thể dùng pháp không sở hữu kia mà tùy hỷ hồi hướng cái không sở

hữu.

Nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, biết như thật về pháp không bên trong chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; biết như thật về pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Nếu đều chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu chẳng phải ba đời thì chẳng thể dùng hữu tướng kia làm phương tiện, lấy hữu sở đắc làm phương tiện để phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì pháp pháp không bên trong… tự tánh là bất sinh. Nếu pháp là bất sinh thì không có sở hữu, chẳng thể dùng pháp không sở hữu kia mà tùy hỷ hồi hướng cái không sở hữu.

Nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, biết như thật về chân như chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; biết như thật về pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Nếu đều chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu chẳng phải ba đời thì chẳng thể dùng hữu tướng kia làm phương tiện, lấy hữu sở đắc làm phương tiện để phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì pháp chân như… tự tánh là bất sinh. Nếu pháp là bất sinh thì không có sở hữu, chẳng thể dùng pháp không sở hữu kia mà tùy hỷ hồi hướng cái không sở hữu.

Nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, biết như thật về Thánh đế khổ chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; biết như thật về Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Nếu đều chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu chẳng phải ba đời thì chẳng thể dùng hữu tướng kia làm phương tiện, lấy hữu sở đắc làm phương tiện để phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì pháp Thánh đế khổ… tự tánh là bất sinh. Nếu pháp là bất sinh thì không có sở hữu, chẳng thể dùng pháp không sở hữu kia mà tùy hỷ hồi hướng cái không sở hữu.

Nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, biết như thật về bốn

Tĩnh lự chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; biết như thật về bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Nếu đều chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu chẳng phải ba đời thì chẳng thể dùng hữu tướng kia làm phương tiện, lấy hữu sở đắc làm phương tiện để phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì pháp bốn Tĩnh lự… tự tánh là bất sinh. Nếu pháp là bất sinh thì không có sở hữu, chẳng thể dùng pháp không sở hữu kia mà tùy hỷ hồi hướng cái không sở hữu.

Nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, biết như thật về tám Giải thoát chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; biết như thật về tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Nếu đều chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu chẳng phải ba đời thì chẳng thể dùng hữu tướng kia làm phương tiện, lấy hữu sở đắc làm phương tiện để phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì pháp tám Giải thoát… tự tánh là bất sinh. Nếu pháp là bất sinh thì không có sở hữu, chẳng thể dùng pháp không sở hữu kia mà tùy hỷ hồi hướng cái không sở hữu.

Nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, biết như thật về bốn Niệm trụ chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; biết như thật về bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Nếu đều chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu chẳng phải ba đời thì chẳng thể dùng hữu tướng kia làm phương tiện, lấy hữu sở đắc làm phương tiện để phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì pháp bốn Niệm trụ… tự tánh là bất sinh. Nếu pháp là bất sinh thì không có sở hữu, chẳng thể dùng pháp không sở hữu kia mà tùy hỷ hồi hướng cái không sở hữu.

Nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, biết như thật về pháp môn giải thoát Không chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; biết như thật về pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Nếu đều chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu chẳng phải ba đời thì chẳng thể dùng hữu tướng kia làm phương tiện, lấy hữu sở đắc làm phương tiện để phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì pháp pháp môn giải thoát Không… tự tánh là bất sinh. Nếu pháp là bất sinh thì không có sở hữu, chẳng thể dùng pháp không sở hữu kia mà tùy hỷ hồi hướng cái không sở hữu.

Nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, biết như thật về năm loại mắt chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; biết như thật về sáu phép thần thông chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Nếu đều chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu chẳng phải ba đời thì chẳng thể dùng hữu tướng kia làm phương tiện, lấy hữu sở đắc làm phương tiện để phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì pháp năm loại mắt… tự tánh là bất sinh. Nếu pháp là bất sinh thì không có sở hữu, chẳng thể dùng pháp không sở hữu kia mà tùy hỷ hồi hướng cái không sở hữu.

Nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, biết như thật về mười lực của Phật chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; biết như thật về bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Nếu đều chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu chẳng phải ba đời thì chẳng thể dùng hữu tướng kia làm phương tiện, lấy hữu sở đắc làm phương tiện để phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì pháp mười lực của Phật… tự tánh là bất sinh. Nếu pháp là bất sinh thì không có sở hữu, chẳng thể dùng pháp không sở hữu kia mà tùy hỷ hồi hướng cái không sở hữu.

Nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, biết như thật về pháp không quên mất chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; biết như thật về tánh luôn luôn xả chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Nếu đều chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu chẳng phải ba đời thì chẳng thể dùng hữu tướng kia làm phương tiện, lấy hữu sở đắc làm phương tiện để phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì pháp pháp không quên mất… tự tánh là bất sinh. Nếu pháp là bất sinh thì không có sở hữu, chẳng thể dùng pháp không sở hữu kia mà tùy hỷ hồi hướng cái không sở hữu.

Nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, biết như thật về trí Nhất thiết chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; biết như thật về trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Nếu đều chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu chẳng phải ba đời thì chẳng thể dùng hữu tướng kia làm phương tiện, lấy hữu sở đắc làm phương tiện để phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì pháp trí Nhất thiết… tự tánh là bất sinh. Nếu pháp là bất sinh thì không có sở hữu, chẳng thể dùng pháp không sở hữu kia mà tùy hỷ hồi hướng cái không sở hữu.

Nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, biết như thật về tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; biết như thật về tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Nếu đều chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu chẳng phải ba đời thì chẳng thể dùng hữu tướng kia làm phương tiện, lấy hữu sở đắc làm phương tiện để phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì pháp tất cả pháp môn Đà-la-ni… tự tánh là bất sinh. Nếu pháp là bất sinh thì không có sở hữu, chẳng thể dùng pháp không sở hữu kia mà tùy hỷ hồi hướng cái không sở hữu.

Nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, biết như thật về giới uẩn chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; biết như thật về định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Nếu đều chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu chẳng phải ba đời thì chẳng thể dùng hữu tướng kia làm phương tiện, lấy hữu sở đắc làm phương tiện để phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì pháp giới uẩn… tự tánh là bất sinh. Nếu pháp là bất sinh thì không có sở hữu, chẳng thể dùng pháp không sở hữu kia mà tùy hỷ hồi hướng cái không sở hữu.

Nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, biết như thật về Dự lưu quả chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; biết như thật về Nhất lai quả, Bất hoàn quả, A-la-hán quả chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Nếu đều chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu chẳng phải ba đời thì chẳng thể dùng hữu tướng kia làm phương tiện, lấy hữu sở đắc làm phương tiện để phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì pháp Dự lưu quả… tự tánh là bất sinh. Nếu pháp là bất sinh thì không có sở hữu, chẳng thể dùng pháp không sở hữu kia mà tùy hỷ hồi hướng cái không sở hữu.

Nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, biết như thật về các quả vị Độc giác chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Nếu đều chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu chẳng phải ba đời thì chẳng thể dùng hữu tướng kia làm phương tiện, lấy hữu sở đắc làm phương tiện để phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì pháp các quả vị Độc giác… tự tánh là bất sinh. Nếu pháp là bất sinh thì không có sở hữu, chẳng thể dùng pháp không sở hữu kia mà tùy hỷ hồi hướng cái không sở hữu.

Nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, biết như thật về các hạnh Đại Bồ-tát chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Nếu chẳng

đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu chẳng phải ba đời thì chẳng thể dùng hữu tướng kia làm phương tiện, lấy hữu sở đắc làm phương tiện để phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì pháp các hạnh Đại Bồ-tát… tự tánh là bất sinh. Nếu pháp là bất sinh thì không có sở hữu, chẳng thể dùng pháp không sở hữu kia mà tùy hỷ hồi hướng cái không sở hữu.

Nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, biết như thật về quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng đọa vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Nếu đều chẳng đọa vào ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu chẳng phải ba đời thì chẳng thể dùng hữu tướng kia làm phương tiện, lấy hữu sở đắc làm phương tiện để phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì pháp quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật… tự tánh là bất sinh. Nếu pháp là bất sinh thì không có sở hữu, chẳng thể dùng pháp không sở hữu kia mà tùy hỷ hồi hướng cái không sở hữu. Đại Bồ-tát ấy tùy hỷ hồi hướng như thế, không lẫn lộn các thứ độc hại, cuối cùng đạt đến đúng nẻo cam lộ của quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa thưa Đại sĩ, trụ ở Bồ-tát thừa, các thiện nam, thiện nữ nếu dùng hữu tướng làm phương tiện, hoặc hữu sở đắc làm phương tiện, đối với căn lành công đức của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các đệ tử, phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, thì như vậy là tùy hỷ hồi hướng tà vạy. Tâm tùy hỷ hồi hướng tà vạy này, chẳng được chư Phật Thế Tôn khen ngợi, chẳng có khả năng làm viên mãn các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; cũng chẳng có khả năng làm viên mãn bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; cũng chẳng có khả năng làm viên mãn tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; cũng chẳng có khả năng làm viên mãn bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; cũng chẳng có khả năng làm viên mãn pháp môn giải thoát Không, pháp môn giải thoát Vô tướng, pháp môn giải thoát Vô nguyện. Do vì chẳng có khả năng làm viên mãn Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa nên chẳng có khả năng làm viên mãn bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; chẳng có khả năng làm viên mãn tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; chẳng có khả năng làm viên mãn bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; chẳng có khả năng làm viên mãn pháp môn giải thoát Không, pháp môn giải thoát Vô tướng, pháp môn giải thoát Vô nguyện; chẳng có khả năng làm viên mãn pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong

ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; cũng chẳng có khả năng viên chứng chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; cũng chẳng có khả năng viên chứng Thánh đế khổ, Thánh đế tập, Thánh đế diệt, Thánh đế đạo. Do vì chẳng có khả năng viên chứng pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; nên chẳng có khả năng viên chứng chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; chẳng có khả năng viên chứng Thánh đế khổ, Thánh đế tập, Thánh đế diệt, Thánh đế đạo, nên chẳng có khả năng viên chứng năm loại mắt, sáu phép thần thông; cũng chẳng có khả năng làm viên mãn mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng; cũng chẳng có khả năng làm viên mãn pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; cũng chẳng có khả năng làm viên mãn trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; cũng chẳng có khả năng làm viên mãn tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Do vì chẳng có khả năng viên chứng năm loại mắt, sáu phép thần thông; chẳng có khả năng làm viên mãn mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng; chẳng có khả năng làm viên mãn pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; chẳng có khả năng làm viên mãn trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; chẳng có khả năng làm viên mãn tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, nên chẳng có khả năng làm viên mãn sự nghiêm tịnh nơi cõi Phật; cũng chẳng có khả năng làm viên mãn sự thành tựu đầy đủ cho hữu tình. Do vì chẳng có khả năng làm viên mãn sự nghiêm tịnh nơi cõi Phật; chẳng có khả năng làm viên mãn sự thành tựu đầy đủ cho

hữu tình nên chẳng có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì những vị ấy đã khởi sự tùy hỷ hồi hướng có lẫn lộn các thứ độc hại.

Lại nữa thưa Đại sĩ, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa nên nghĩ thế này: Như tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở mười phương thế giới, hiểu rõ như thật về các căn lành công đức, có pháp như thế, để có thể nương vào pháp ấy mà phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng không điên đảo. Ta nay cũng phải nương vào pháp như thế mà phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, thì đó là sự phát khởi tùy hỷ hồi hướng chân chánh.

Bấy giờ, Thế Tôn khen Cụ thọ Thiện Hiện:

–Hay thay, hay thay! Thiện Hiện, nay ông đã làm được việc của Phật làm, đó là vì các Đại Bồ-tát… mà khéo nói về sự tùy hỷ hồi hướng dứt mọi điên đảo. Chỗ thuyết giảng về sự tùy hỷ hồi hướng như thế là đã dùng vô tướng làm phương tiện, vô sở đắc làm phương tiện, vô nhiễm làm phương tiện, vô tịnh làm phương tiện, vô tánh tự tánh làm phương tiện, tự tướng không làm phương tiện, tự tánh không làm phương tiện, chân như làm phương tiện, pháp giới làm phương tiện, pháp tánh làm phương tiện, tánh không hư vọng làm phương tiện, thật tế làm phương tiện.

Này Thiện Hiện, giả sử tất cả hữu tình trong thế giới ba lần ngàn đều được thành tựu mười nẻo thiện nghiệp, bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, năm phép thần thông thì theo ý ông thế nào? Công đức của các hữu tình ấy nhiều chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với căn lành công đức của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các đệ tử, phát khởi sự tùy hỷ hồi hướng không tham đắm vướng mắc thì công đức đạt được hơn trước rất nhiều. Này Thiện Hiện, các thiện nam, thiện nữ ấy đã khởi sự tùy hỷ hồi hướng như thế là tối thắng, là tôn quý, là vi diệu, là cao cả, là không gì trên, không gì bằng, không gì hơn.

Lại nữa Thiện Hiện, giả sử tất cả hữu tình trong thế giới ba lần ngàn đều đắc quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, có các thiện nam, thiện nữ đối với các bậc đã chứng đắc bốn quả vị ấy, suốt đời cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, dùng vô lượng các thứ y phục, đồ ăn uống, đồ nằm, thuốc men và các đồ dùng khác cung cấp, thì theo ý ông thế nào? Các thiện nam, thiện nữ đó, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với căn lành công đức của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các đệ tử, phát khởi sự tùy hỷ hồi hướng không tham vướng thì phước đức đạt được hơn trước rất nhiều. Này Thiện Hiện, thiện nam, thiện nữ ấy đã khởi sự tùy hỷ hồi hướng như thế là tối thắng, là tôn quý, là vi diệu, là cao cả, là không gì trên, không gì bằng, không gì hơn.

Lại nữa Thiện Hiện, giả sử tất cả hữu tình trong thế giới ba lần ngàn đều thành bậc Độc giác, có các thiện nam, thiện nữ đối với vô số các bậc Độc giác ấy, suốt đời cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, dùng vô lượng các thứ y phục, đồ ăn uống, đồ nằm, thuốc men và các đồ dùng khác cung cấp, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với căn lành công đức của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các đệ tử, phát khởi sự tùy hỷ hồi hướng không tham vướng thì phước đức đạt được hơn trước rất nhiều. Này Thiện Hiện, thiện nam, thiện nữ ấy đã khởi sự tùy hỷ hồi hướng như thế là tối thắng, là tôn quý, là vi diệu, là cao cả, là không gì trên, không gì bằng, không gì hơn.

Lại nữa Thiện Hiện, giả sử tất cả hữu tình trong thế giới ba lần ngàn đều hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột, lại nếu tất cả hữu tình ở vô số thế giới trong mười phương đều đối với sự hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột ấy, và tất cả nơi chốn của Đại Bồ-tát, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, dùng vô lượng các thứ y phục, đồ ăn uống, đồ nằm, thuốc men và các vật dụng nuôi sống cùng bao thứ vui thích thượng diệu khác mà cung cấp, trải qua vô số đại kiếp, thì theo ý ông thế nào? Các hữu tình ấy do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều! Số phước đức ấy là vô số, vô biên, dùng sự tính đếm, thí dụ khó có thể lường biết hết được. Bạch Thế Tôn, nếu số phước ấy có hình sắc thì vô số thế giới trong mười phương cũng không thể chứa hết.

Phật dạy:

–Hay thay, hay thay! Thiện Hiện, số lượng phước đức ấy, đúng như ông đã nói. Nếu các thiện nam, thiện nữ đối với căn lành công đức của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các đệ tử mà khởi sự tùy hỷ hồi hướng không đắm chấp thì phước đức đạt được hơn trước rất nhiều. Này Thiện Hiện, các thiện nam, thiện nữ ấy đã khởi sự tùy hỷ hồi hướng như thế là tối thắng, là tôn quý, là vi diệu, là cao cả, là không gì trên, không gì bằng, không gì hơn. Này Thiện Hiện, nếu đem phước trước so với phước này thì trăm phần chẳng bằng một, ngàn phần chẳng bằng một, trăm ngàn phần chẳng bằng một, ức phần chẳng bằng một, trăm ức phần chẳng bằng một, ngàn ức phần chẳng bằng một, trăm ngàn ức phần chẳng bằng một, vô số trăm ngàn ức phần chẳng bằng một, phần toán số, phần tính đếm, phần thí dụ cho đến phần cực số cũng chẳng bằng một. Vì sao? Thiện Hiện, vì các hữu tình ấy đã thành tựu mười nẻo thiện nghiệp, bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, năm phép thần thông, đều dùng hữu tướng và hữu sở đắc làm phương tiện; các thiện nam, thiện nữ ấy cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, dùng vô lượng các thứ y phục, đồ ăn uống, đồ nằm, thuốc men và các thứ vật dụng khác cung cấp cho những bậc chứng quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và các bậc Độc giác; số phước đạt được đều dùng hữu tướng và hữu sở đắc làm phương tiện. Các hữu tình ấy cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, dùng vô lượng các thứ y phục, đồ ăn uống, đồ nằm, thuốc men và những vật dụng nuôi sống khác cùng bao thứ vui thích thượng diệu khác, cung cấp cho các chúng Bồ-tát hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột ấy, phước đức đạt được đều dùng hữu tướng và hữu sở đắc làm phương tiện.

Bấy giờ, bốn Đại Thiên vương cùng với đông đủ hai vạn Thiên tử quyến thuộc, vui mừng hết mực, liền chắp tay, đảnh lễ nơi chân Phật, bạch rằng:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát như vậy mới có khả năng phát khởi sự tùy hỷ hồi hướng rộng lớn như thế, đó là Đại Bồ-tát với phương tiện thiện xảo, dùng vô tướng làm phương tiện, vô sở đắc làm phương tiện, vô nhiễm trước làm phương tiện, vô tư tác làm phương tiện, đối với căn lành công đức của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các đệ tử phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Phát khởi sự tùy hỷ hồi hướng như thế thì chẳng rơi vào pháp hai, pháp chẳng hai.

Khi ấy, Thiên đế Thích cùng với vô lượng trăm ngàn Thiên tử quyến thuộc mỗi người đều cầm các thứ tràng hoa, hương đốt, hương xoa, hương

rải, y phục, anh lạc, tràng phan, lọng báu, các thứ ngọc quý vô giá ở cõi trời, tấu các khúc nhạc trời để cúng dường Phật, bạch rằng:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát như thế mới có khả năng phát khởi sự tùy hỷ hồi hướng rộng lớn như vậy, đó là Đại Bồ-tát với phương tiện thiện xảo, dùng vô tướng làm phương tiện, vô sở đắc làm phương tiện, vô nhiễm trước làm phương tiện, vô tư tác làm phương tiện, đối với căn lành công đức của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các đệ tử phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Đã khởi sự tùy hỷ hồi hướng như thế thì chẳng rơi vào pháp hai, pháp chẳng hai.

Tiếp đến là các vị Thiên vương: Thiên vương Tô-dạ-ma cùng với đầy đủ vô lượng trăm ngàn Thiên tử quyến thuộc mỗi người đều cầm các thứ tràng hoa, hương đốt, hương xoa, hương rải, y phục, anh lạc, tràng phan, lọng báu, các thứ ngọc quý vô giá ở cõi trời, tấu các khúc nhạc trời để cúng dường Phật, bạch rằng:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát như vậy mới có khả năng phát khởi sự tùy hỷ hồi hướng rộng lớn như vậy, đó là Đại Bồ-tát với phương tiện thiện xảo, dùng vô tướng làm phương tiện, vô sở đắc làm phương tiện, vô nhiễm trước làm phương tiện, vô tư tác làm phương tiện, đối với căn lành công đức của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các đệ tử phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Đã khởi sự tùy hỷ hồi hướng như thế thì chẳng rơi vào pháp hai, pháp chẳng hai.

Thiên vương San-đổ-sử-đa cùng với đầy đủ vô lượng trăm ngàn Thiên tử quyến thuộc mỗi người đều cầm các thứ tràng hoa, hương đốt, hương xoa, hương rải, y phục, anh lạc, tràng phan, lọng báu, các thứ ngọc quý vô giá ở cõi trời, tấu các khúc nhạc trời để cúng dường Phật, bạch rằng:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát như vậy mới có khả năng phát khởi sự tùy hỷ hồi hướng rộng lớn như vậy, đó là Đại Bồ-tát với phương tiện thiện xảo, dùng vô tướng làm phương tiện, vô sở đắc làm phương tiện, vô nhiễm trước làm phương tiện, vô tư tác làm phương tiện, đối với căn lành công đức của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các đệ tử phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Đã khởi sự tùy hỷ hồi hướng như thế thì chẳng rơi vào pháp hai, pháp chẳng hai.

Thiên vương Thiện Biến Hóa cùng với đầy đủ vô lượng trăm ngàn Thiên tử quyến thuộc mỗi người đều cầm các thứ tràng hoa, hương đốt, hương xoa, hương rải, y phục, anh lạc, tràng phan, lọng báu, các thứ ngọc quý vô giá ở cõi trời, tấu các khúc nhạc trời để cúng dường Phật, bạch rằng:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát như vậy mới có khả năng phát khởi sự

tùy hỷ hồi hướng rộng lớn như vậy, đó là Đại Bồ-tát với phương tiện thiện xảo, dùng vô tướng làm phương tiện, vô sở đắc làm phương tiện, vô nhiễm trước làm phương tiện, vô tư tác làm phương tiện, đối với căn lành công đức của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các đệ tử phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Đã khởi sự tùy hỷ hồi hướng như thế thì chẳng rơi vào pháp hai, pháp chẳng hai.

Thiên vương Tối Tự Tại cùng với đầy đủ vô lượng trăm ngàn Thiên tử quyến thuộc mỗi người đều cầm các thứ tràng hoa, hương đốt, hương xoa, hương rải, y phục, anh lạc, tràng phan, lọng báu, các thứ ngọc quý vô giá ở cõi trời, tấu các khúc nhạc trời để cúng dường Phật, bạch rằng:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát như vậy mới có khả năng phát khởi sự tùy hỷ hồi hướng rộng lớn như vậy, đó là Đại Bồ-tát với phương tiện thiện xảo, dùng vô tướng làm phương tiện, vô sở đắc làm phương tiện, vô nhiễm trước làm phương tiện, vô tư tác làm phương tiện, đối với căn lành công đức của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các đệ tử phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Đã khởi sự tùy hỷ hồi hướng như thế thì chẳng rơi vào pháp hai, pháp chẳng hai.

Rồi Thiên vương Đại Phạm cùng với đầy đủ vô lượng, vô số trăm ngàn chúng Phạm thiên đến trước Phật, đảnh lễ nơi chân Phật, cùng bạch rằng:

–Bạch Thế Tôn, thật hy hữu! Đại Bồ-tát như vậy đã được Bát-nhã ba-la-mật-đa và phương tiện thiện xảo nhiếp thọ nên đã vượt hơn căn lành của các các thiện nam, thiện nữ đã tu ở trước, không có phương tiện thiện xảo, theo nẻo hữu tướng, hữu sở đắc.

Đến lượt các vị Trời: Trời Cực quang tịnh cùng với đầy đủ vô lượng, vô số trăm ngàn chúng trời Quang đến trước Phật, đảnh lễ nơi chân Phật, đồng thanh bạch:

–Bạch Thế Tôn, thật hy hữu! Đại Bồ-tát như thế vì đã được Bát-nhã ba-la-mật-đa và phương tiện thiện xảo nhiếp thọ, nên đã vượt hơn căn lành của các các thiện nam, thiện nữ đã tu ở trước, không phương tiện thiện xảo, theo nẻo hữu tướng, hữu sở đắc.

Trời Biến tịnh cùng với đầy đủ vô lượng, vô số trăm ngàn chúng trời Tịnh đến trước Phật, đảnh lễ nơi chân Phật, đồng thanh bạch:

–Bạch Thế Tôn, thật hy hữu! Đại Bồ-tát như thế vì đã được Bát-nhã ba-la-mật-đa và phương tiện thiện xảo nhiếp thọ, nên đã vượt hơn căn lành của các các thiện nam, thiện nữ đã tu ở trước, không phương tiện thiện xảo, theo nẻo hữu tướng, hữu sở đắc.

Trời Quảng quả cùng với đầy đủ vô lượng, vô số trăm ngàn chúng trời Quảng đến trước Phật, đảnh lễ nơi chân Phật, đồng thanh bạch:

–Bạch Thế Tôn, thật hy hữu! Đại Bồ-tát như thế vì đã được Bát-nhã ba-la-mật-đa và phương tiện thiện xảo nhiếp thọ, nên đã vượt hơn căn lành của các các thiện nam, thiện nữ đã tu ở trước, không phương tiện thiện xảo, theo nẻo hữu tướng, hữu sở đắc.

Trời Sắc cứu cánh cùng với đầy đủ vô lượng, vô số trăm ngàn chúng trời Tịnh cư đến trước Phật, đảnh lễ nơi chân Phật, đồng thanh bạch:

–Bạch Thế Tôn, thật hy hữu! Đại Bồ-tát như thế vì đã được Bát-nhã ba-la-mật-đa và phương tiện thiện xảo nhiếp thọ, nên đã vượt hơn căn lành của các các thiện nam, thiện nữ đã tu ở trước, không phương tiện thiện xảo, theo nẻo hữu tướng, hữu sở đắc.

Bấy giờ, Phật bảo với các chúng trời Tứ đại vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc biến hóa, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm chúng, trời Phạm phụ, trời Phạm hội, trời Đại phạm, trời Quang, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Cực quang tịnh, trời Tịnh, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời Quảng, trời Thiểu quảng, trời Vô lượng quảng, trời Quảng quả, trời Vô phiền, trời Vô nhiệt, trời Thiện hiện, trời Thiện kiến, trời Sắc cứu cánh… rằng:

–Giả sử tất cả hữu tình trong thế giới ba lần ngàn đều phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột, đối với khắp tất cả chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở quá khứ, vị lai, hiện tại trong mười phương thế giới, từ sơ phát tâm cho đến khi đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân nhiệm mầu, sau khi nhập Vô dư Niết-bàn, cho đến pháp diệt, ở trong khoảng ấy, có căn lành tương ưng với sự tu tập Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc có căn lành tương ưng với sự an trú pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; hoặc có căn lành tương ưng với sự an trú chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; hoặc có căn lành tương ưng với sự an trú Thánh đế khổ, Thánh đế tập, Thánh đế diệt, Thánh đế đạo; hoặc có căn lành

tương ưng với sự tu tập bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; hoặc có căn lành tương ưng với sự tu tập tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; hoặc có căn lành tương ưng với sự tu tập bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; hoặc có căn lành tương ưng với sự tu tập pháp môn giải thoát Không, pháp môn giải thoát Vô tướng, pháp môn giải thoát Vô nguyện; hoặc có căn lành tương ưng với sự tu tập năm loại mắt, sáu phép thần thông; hoặc có căn lành tương ưng với sự tu tập mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng; hoặc có căn lành tương ưng với sự tu tập pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; hoặc có căn lành tương ưng với sự tu tập trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; hoặc có căn lành tương ưng với sự tu tập tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; hoặc có căn lành tương ưng với sự tu tập các hạnh Đại Bồ-tát; hoặc có căn lành tương ưng với sự tu tập quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật; hoặc có căn lành của các đệ tử; hoặc giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và vô lượng, vô biên pháp Phật khác; hoặc pháp đã nói của chư Như Lai, hoặc ba sự nghiệp phước đức là thí tánh, giới tánh tu tánh, đã nương vào pháp ấy mà tu tập được; hoặc nương vào pháp ấy dốc sức tu học, đắc quả Dự lưu, đắc quả Nhất lai, đắc quả Bất hoàn, đắc quả A-la-hán, đắc quả Độc giác, đắc nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát; hoặc căn lành có được của các hữu tình do tu hành Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã…, tất cả như vậy, tập hợp lại cân nhắc suy lường, dùng có tướng làm phương tiện, có sở đắc làm phương tiện, có sự tham đắm làm phương tiện, có sự tạo tác làm phương tiện, có hai, chẳng phải hai làm phương tiện khởi ngay sự tùy hỷ rồi hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Và có các thiện nam, thiện nữ phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột đối với khắp tất cả chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở quá khứ, vị lai, hiện tại trong mười phương thế giới, từ mới phát tâm cho đến khi đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân nhiệm mầu, sau khi nhập Vô dư Niết-bàn, cho đến pháp diệt, ở trong khoảng ấy, có căn lành tương ưng với sự tu tập Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc có căn lành tương ưng với sự an trú pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không

cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; hoặc có căn lành tương ưng với sự an trú chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; hoặc có căn lành tương ưng với sự an trú Thánh đế khổ, Thánh đế tập, Thánh đế diệt, Thánh đế đạo; hoặc có căn lành tương ưng với sự tu tập bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; hoặc có căn lành tương ưng với sự tu tập tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; hoặc có căn lành tương ưng với sự tu tập bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; hoặc có căn lành tương ưng với sự tu tập pháp môn giải thoát Không, pháp môn giải thoát Vô tướng, pháp môn giải thoát Vô nguyện; hoặc có căn lành tương ưng với sự tu tập năm loại mắt, sáu phép thần thông; hoặc có căn lành tương ưng với sự tu tập mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng; hoặc có căn lành tương ưng với sự tu tập pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; hoặc có căn lành tương ưng với sự tu tập trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; hoặc có căn lành tương ưng với sự tu tập tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; hoặc có căn lành tương ưng với sự tu tập các hạnh Đại Bồ-tát; hoặc có căn lành tương ưng với sự tu tập quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật; hoặc có căn lành của các đệ tử; hoặc giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và vô lượng, vô biên pháp Phật khác; hoặc pháp của chư Như Lai đã nói, hoặc ba sự nghiệp phước đức là thí tánh, giới tánh, tu tánh, đã nương vào pháp ấy mà tu tập được; hoặc nương vào pháp ấy dốc sức tu học, đắc quả Dự lưu, đắc quả Nhất lai, đắc quả Bất hoàn, đắc quả A-la-hán, đắc quả Độc giác, đắc nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát; hoặc căn lành có được của các hữu tình do tu hành Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã…, tất cả như vậy, tập hợp lại cân nhắc suy lường, dùng không tướng làm phương tiện, không sở đắc làm phương tiện, không nhiễm trước làm phương tiện, không tạo tác làm phương tiện, không hai, chẳng phải hai làm phương tiện, khởi ngay sự tùy hỷ, đã tùy hỷ rồi hồi hướng tới quả vị Giác ngộ cao tột, thì sự tùy hỷ hồi hướng của các thiện nam, thiện nữ ấy là tối thắng, là tôn quý, là vi diệu, là cao cả, là không gì trên, không gì bằng, không gì hơn, đối với sự tùy hỷ hồi hướng của hữu tình nói trước thì trăm phần nhiều hơn, ngàn phần nhiều hơn, trăm ngàn lần nhiều hơn, ức lần nhiều hơn, trăm ức lần nhiều

hơn, ngàn ức lần nhiều hơn, trăm ngàn ức lần nhiều hơn, vô số trăm ngàn ức lần nhiều hơn; mọi sự gấp bội của số lượng, tính toán, thí dụ, kể cả cực số cũng hơn rất nhiều.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 172

Phẩm 31: TÙY HỶ HỒI HƯỚNG (5)

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như Thế Tôn đã nói, sự tùy hỷ hồi hướng của các thiện nam, thiện nữ ấy, là tối thắng, là tôn quý, là vi diệu, là cao cả, là không gì trên, không gì bằng, không gì hơn. Bạch Thế Tôn, vì sao Ngài nói sự tùy hỷ hồi hướng ấy là tối thắng, là tôn quý, là vi diệu, là cao cả, là không gì trên, không gì bằng, không gì hơn?

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, thiện nam, thiện nữ ấy đối với khắp các căn lành của tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát và tất cả hữu tình khác ở quá khứ, vị lai, hiện tại trong mười phương thế giới, chẳng giữ, chẳng bỏ, chẳng kiêu căng, chẳng khinh miệt, chẳng phải có sở đắc, chẳng phải không sở đắc; lại biết các pháp là không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, không tăng, không giảm, không đi, không đến, không tụ, không tán, không vào, không ra, nghĩ như thế này: Như các pháp chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn ở quá khứ, vị lai, hiện tại kia, ta cũng tùy hỷ hồi hướng như thế. Này Thiện Hiện, ngang bằng với sự phát khởi tùy hỷ hồi hướng của Đại Bồ-tát ấy thì ta nói là tối thắng, là tôn quý, là vi diệu, là cao cả, là không gì trên, không gì bằng, không gì hơn. Này Thiện Hiện, sự tùy hỷ hồi hướng như thế là hơn hẳn các sự tùy hỷ hồi hướng khác gấp trăm lần, gấp ngàn lần, gấp trăm ngàn lần, gấp ức lần, gấp trăm ức lần, gấp ngàn ức lần, gấp trăm ngàn ức lần, gấp vô số trăm ngàn ức lần nhiều hơn; kể cả mọi sự gấp bội về số lượng, về tính toán, về thí dụ, cho đến cực số. Vì vậy nên ta nói sự phát khởi tùy hỷ hồi hướng như thế là tối thắng, là tôn quý, là vi diệu, là cao cả, là không gì trên, không gì bằng, không gì hơn.

Lại nữa Thiện Hiện, trụ nơi Bồ-tát thừa, các thiện nam, thiện nữ, đối

với tất cả căn lành tương ưng với Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa của tất cả chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở quá khứ, vị lai, hiện tại trong mười phương thế giới, có được trong khoảng ấy, từ mới phát tâm cho đến lúc đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân nhiệm mầu, sau khi nhập Vô dư Niết-bàn, cho tới thời pháp diệt; hoặc giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và vô lượng, vô biên pháp Phật khác; hoặc căn lành công đức của các hàng Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát; hoặc ba sự nghiệp phước đức là thí tánh, giới tánh, tu tánh và các thiện pháp của các hữu tình khác, được tập hợp, cân nhắc, suy lường, phát khởi ngay tâm tùy hỷ hồi hướng không điên đảo. Nên suy nghĩ thế này: như giải thoát sắc cũng như vậy; như giải thoát thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy; như giải thoát nhãn xứ cũng như vậy; như giải thoát nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng như vậy; như giải thoát sắc xứ cũng như vậy; như giải thoát thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng như vậy; như giải thoát nhãn giới cũng như vậy; như giải thoát sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng như vậy; như giải thoát nhĩ giới cũng như vậy; như giải thoát thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng như vậy; như giải thoát tỷ giới cũng như vậy; như giải thoát hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng như vậy; như giải thoát thiệt giới cũng như vậy; như giải thoát vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng như vậy; như giải thoát thân giới cũng như vậy; như giải thoát xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng như vậy; như giải thoát ý giới cũng như vậy; như giải thoát pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng như vậy; như giải thoát địa giới cũng như vậy; như giải thoát thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng như vậy; như giải thoát vô minh cũng như vậy; như giải thoát hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng như vậy; như giải thoát Bố thí ba-la-mật-đa cũng như vậy; như giải thoát Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng như vậy; như giải thoát pháp không bên trong cũng như vậy; như giải thoát pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự

tánh, pháp không không tánh tự tánh cũng như vậy; như giải thoát chân như cũng như vậy; như giải thoát pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng như vậy; như giải thoát Thánh đế khổ cũng như vậy; như giải thoát Thánh đế tập, diệt, đạo cũng như vậy; như giải thoát bốn Tĩnh lự cũng như vậy; như giải thoát bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng như vậy; như giải thoát tám Giải thoát cũng như vậy; như giải thoát tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng như vậy; như giải thoát bốn Niệm trụ cũng như vậy; như giải thoát bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo cũng như vậy; như giải thoát pháp môn giải thoát Không cũng như vậy; như giải thoát pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng như vậy; như giải thoát năm loại mắt cũng như vậy; như giải thoát sáu phép thần thông cũng như vậy; như giải thoát mười lực của Phật cũng như vậy; như giải thoát bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng cũng như vậy; như giải thoát pháp không quên mất cũng như vậy; như giải thoát tánh luôn luôn xả cũng như vậy; như giải thoát trí Nhất thiết cũng như vậy; như giải thoát trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng như vậy; như giải thoát tất cả pháp môn Đà-la-ni cũng như vậy; như giải thoát tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng như vậy; như giải thoát giới uẩn cũng như vậy; như giải thoát định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến uẩn cũng như vậy; như giải thoát tất cả pháp ở quá khứ, vị lai, hiện tại cũng như vậy; như giải thoát tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở quá khứ, vị lai, hiện tại trong mười phương thế giới cũng như vậy; như giải thoát tất cả Bồ-đề, Niết-bàn của Phật cũng như vậy; như giải thoát vô số, vô biên Phật pháp cũng như vậy; như giải thoát tất cả đệ tử Phật cũng như vậy; như giải thoát tất cả pháp của đệ tử Phật cũng như vậy; như giải thoát tất cả Độc giác cũng như vậy; như giải thoát tất cả các căn thành thục của Độc giác cũng như vậy; như giải thoát tất cả Bát-niết-bàn của Độc giác cũng như vậy; như giải thoát tất cả các pháp của Độc giác cũng như vậy; như giải thoát tất cả pháp tánh của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và đệ tử Độc giác của Phật cũng như vậy; như giải thoát tất cả pháp tánh cũng như vậy; như giải thoát tất cả sự tùy hỷ hồi hướng cũng như vậy. Như các pháp tánh, không trói, không mở, không nhiễm, không tịnh, không bắt đầu, không chấm dứt, không sinh, không diệt, không giữ, không bỏ, ta đối với căn lành công đức như thế khởi ngay sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Vì tùy hỷ như vậy chẳng phải là chủ thể tùy hỷ, không phải là đối tượng tùy hỷ. Vì hồi hướng như thế chẳng phải là

chủ thể hồi hướng, không phải là đối tượng hồi hướng. Vì đã khởi sự tùy hỷ hồi hướng như thế, nên chẳng phải chuyển, chẳng phải dứt, không sinh, không diệt.

Này Thiện Hiện, sự tùy hỷ hồi hướng của Đại Bồ-tát ấy là tối thắng, là tôn quý, là vi diệu, là cao cả, là không gì trên, không gì bằng, không gì hơn.

Này Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát thành tựu sự tùy hỷ hồi hướng như thế thì mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu các thiện nam, thiện nữ dốc hướng đến Đại thừa, giả sử có khả năng đối với tất cả chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và chúng đệ tử ở vô số thế giới hiện tại trong mười phương, dùng hữu tướng làm phương tiện, lấy hữu sở đắc làm phương tiện, suốt đời cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen; lại đem các thứ y phục, đồ ăn uống, đồ nằm, thuốc men, và các thứ vật dụng sinh sống cùng các thứ vui thích thượng diệu khác mà cung cấp. Chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và chúng đệ tử kia, sau khi nhập Niết-bàn, thâu lượm xá-lợi, dùng bảy thứ châu báu xây dựng các tháp cao rộng, ngày đêm siêng năng, cung kính lễ bái, đi nhiễu bên phải; lại dùng các thứ tràng hoa, hương xoa, hương rải… y phục, anh lạc, tràng phan, lọng báu, các thứ ngọc quý, kỹ nhạc, hay đèn sáng bậc nhất, hết thảy các vật hiện có, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen; lại dùng hữu tướng làm phương tiện, lấy hữu sở đắc làm phương tiện, tu tập căn lành tương ưng với Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa…; lại dùng hữu tướng làm phương tiện, hữu sở đắc làm phương tiện, đối với căn lành công đức của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các đệ tử, phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Và có thiện nam, thiện nữ phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột, dùng vô tướng làm phương tiện, vô sở đắc làm phương tiện tu tập căn lành tương ưng với Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa…; lại dùng vô tướng làm phương tiện, vô sở đắc làm phương tiện, đối với căn lành công đức của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các đệ tử, phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, thì thiện nam, thiện nữ ấy, do nương Bát-nhã ba-la-mật-đa, với phương tiện thiện xảo, thì sự tùy hỷ hồi hướng ấy hơn sự tùy hỷ hồi hướng đã phát khởi trước gấp trăm lần, gấp ngàn lần, gấp trăm ngàn lần, gấp ức lần, gấp trăm ức lần, gấp ngàn ức lần, gấp trăm ngàn ức lần, gấp vô số trăm ngàn ức lần nhiều hơn; kể cả mọi sự gấp bội về số lượng, tính toán, thí dụ, cho đến cực số cũng vậy. Vì vậy, sự tùy hỷ hồi hướng như thế là tối thắng, là tôn quý, là

vi diệu, là cao cả, là không gì trên, không gì bằng, không gì hơn. Do đó, này Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát phát tâm hướng đến Đại thừa đều nên dùng vô tướng làm phương tiện, lấy vô sở đắc làm phương tiện tu tập căn lành tương ưng với Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa… và nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng phương tiện thiện xảo, đối với căn lành công đức của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các đệ tử phát sinh sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột.

M

Phẩm 32: KHEN NGỢI BÁT-NHÃ (1)

Bấy giờ, Cụ thọ Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, chỗ thuyết giảng như vậy, há chẳng phải là Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi Tử, thuyết giảng như vậy tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là có khả năng tỏa sáng, rốt ráo thanh tịnh. Bạch Thế Tôn, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đều nên kính lễ, trời, người chúng con đều dốc tuân theo. Bạch Thế Tôn, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế, không hề bị nhiễm đắm vướng mắc, nên các pháp trong thế gian chẳng thể làm ô uế được. Bạch Thế Tôn, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là xa lìa tất cả mê mờ trong ba cõi, có khả năng dứt trừ những sự tối tăm của phiền não. Bạch Thế Tôn, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế rất là cao cả, vì ở trong tất cả các pháp thuộc về giác ngộ, nó là tôn quý. Bạch Thế Tôn, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là có khả năng làm cho an ổn, vĩnh viễn dứt trừ tất cả sự khiếp sợ, mọi ưu sầu bức bách, mọi tai họa bất ngờ. Bạch Thế Tôn, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là có khả năng phát sinh ánh sáng nhiếp thọ các loài hữu tình, khiến chứng đắc năm loại mắt. Bạch Thế Tôn, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là có khả năng chỉ bày nẻo Trung đạo, khiến kẻ lạc đường chóng lìa khỏi hai bên. Bạch Thế Tôn, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là có khả năng phát sinh trí Nhất thiết trí, vĩnh viễn đoạn trừ tất cả các phiền não tương tục và tập khí lâu đời. Bạch Thế Tôn, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là mẹ của các Đại Bồ-tát, tất cả Phật pháp mà Bồ-tát đã tu đều từ đấy phát sinh. Bạch Thế Tôn, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là bất sinh, bất diệt, là tự tánh không. Bạch Thế Tôn, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là xa lìa sinh tử, chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Bạch Thế Tôn, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là có khả năng làm chỗ nương tựa, bố thí các pháp bảo. Bạch Thế Tôn, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế có khả năng làm thành tựu mười lực của Phật, chẳng thể bị khuất phục. Bạch Thế Tôn, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là có khả năng chuyển pháp luân vô thượng gồm ba chuyển, mười hai hành tướng, đạt tất cả pháp, không thể xoay chuyển trở lại. Bạch Thế Tôn, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là có khả năng chỉ rõ tánh không điên đảo của các pháp, làm hiển bày pháp không không tánh tự tánh.

Bạch Thế Tôn, vậy trụ Bồ-tát thừa, hoặc Độc giác thừa, hoặc Thanh

văn thừa, các loại hữu tình đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa này, nên trụ như thế nào?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi Tử, các hữu tình ấy, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa này nên an trụ như Phật, cúng dường lễ kính, tư duy Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên như cúng dường lễ kính, tư duy về Phật, Bạc-già-phạm. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng khác Phật, Bạc-già-phạm; Phật, Bạc-già-phạm chẳng khác Bát-nhã ba-la-mật-đa; Bát-nhã ba-la-mật-đa tức là Phật, Bạc-già-phạm; Phật, Bạc-già-phạm tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều do Bát-nhã ba-la-mật-đa mà được xuất hiện. Này Xá-lợi Tử, vì tất cả Đại Bồ-tát, Độc giác, A-la-hán, Bất hoàn, Nhất lai, Dự lưu… đều do Bát-nhã ba-la-mật-đa mà được xuất hiện. Này Xá-lợi Tử, vì tất cả mười nẻo thiện nghiệp, bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, năm phép thần thông ở thế gian, đều do Bát-nhã ba-la-mật-đa mà được xuất hiện. Này Xá-lợi Tử, vì tất cả các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa đều do Bát-nhã ba-la-mật-đa mà được xuất hiện. Này Xá-lợi Tử, vì tất cả pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh đều do Bát-nhã ba-la-mật-đa mà được xuất hiện. Này Xá-lợi Tử, vì tất cả chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đều do Bát-nhã ba-la-mật-đa mà được xuất hiện. Này Xá-lợi Tử, vì tất cả Thánh đế khổ, Thánh đế tập, Thánh đế diệt, Thánh đế đạo đều do Bát-nhã ba-la-mật-đa mà được xuất hiện. Này Xá-lợi Tử, vì tất cả bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều do Bát-nhã ba-la-mật-đa mà được xuất hiện. Này Xá-lợi Tử, vì tất cả tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ đều do Bát-nhã ba-la-mật-đa mà được xuất hiện. Này Xá-lợi Tử, vì tất cả bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo đều do Bát-nhã ba-la-mật-đa mà được xuất hiện. Này Xá-lợi Tử, vì tất cả pháp môn giải thoát Không, pháp môn giải thoát Vô tướng, pháp môn giải thoát Vô nguyện đều do Bát-nhã ba-la-mật-đa mà được xuất hiện. Này Xá-lợi Tử, vì tất cả năm loại mắt, sáu phép

thần thông đều do Bát-nhã ba-la-mật-đa mà được xuất hiện. Này Xá-lợi Tử, vì tất cả mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng đều do Bát-nhã ba-la-mật-đa mà được xuất hiện. Này Xá-lợi Tử, vì tất cả pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả đều do Bát-nhã ba-la-mật-đa mà được xuất hiện. Này Xá-lợi Tử, vì tất cả trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều do Bát-nhã ba-la-mật-đa mà được xuất hiện. Này Xá-lợi Tử, vì tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa đều do Bát-nhã ba-la-mật-đa mà được xuất hiện.

Khi ấy, Thiên đế Thích bỗng nghĩ rằng: "Hôm nay Cụ thọ Xá-lợi Tử, do nhân duyên gì mà hỏi việc này?"

Cụ thọ Xá-lợi Tử nhận biết tâm niệm ấy của Thiên đế Thích liền bảo rằng:

–Này Kiều-thi-ca, vì các Đại Bồ-tát được Bát-nhã ba-la-mật-đa và phương tiện thiện xảo nhiếp thọ nên có khả năng đối với hết thảy căn lành, công đức của tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở quá khứ, vị lai, hiện tại trong mười phương thế giới, ở khoảng ấy từ lúc mới phát tâm đến khi chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân nhiệm mầu cho tới thời kỳ pháp diệt, hoặc căn lành công đức của chư Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát và các loại hữu tình khác, tập hợp lại, cân nhắc, suy lường, khởi ngay sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột; do nhân duyên ấy, cho nên tôi mới nêu hỏi việc này.

Lại nữa Kiều-thi-ca, các Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa vượt hơn Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, gấp vô lượng lần. Thí như trăm ngàn kẻ sinh ra đã bị mù, không có người sáng mắt khéo dẫn đường thì còn chẳng có thể đến gần đường chính, huống là có thể đi xa để tới nơi thành lớn đông đúc an vui; các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy cũng như vậy. Các kẻ mù bẩm sinh đó, nếu không có Bát-nhã ba-la-mật-đa là người sáng mắt dẫn đường thì còn chẳng thể hướng đến đường chánh Bồ-tát huống là có thể được vào thành trí Nhất thiết.

Lại nữa Kiều-thi-ca, Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế, vì do Bát-nhã ba-la-mật-đa này nhiếp thọ nên được gọi là "kẻ có mắt"; lại vì do Bát-nhã ba-la-mật-đa nhiếp thọ nên Bố thí… tất cả đều có tên gọi là "đến bờ kia".

Thiên đế Thích liền bạch Cụ thọ Xá-lợi Tử:

–Như Đại đức đã nói: Bố thí… năm pháp Ba-la-mật-đa, chính là do

Bát-nhã ba-la-mật-đa nhiếp thọ nên mới được gọi là "đến bờ kia". Vậy há chẳng có thể cho rằng: chính là do Bố thí ba-la-mật-đa nhiếp thọ mà năm pháp kia được có tên là đến bờ kia; chính là do Tịnh giới ba-la-mật-đa nhiếp thọ mà năm pháp kia được có tên là đến bờ kia; chính là do An nhẫn ba-la-mật-đa nhiếp thọ mà năm pháp kia được có tên là đến bờ kia; chính là do Tinh tấn ba-la-mật-đa nhiếp thọ mà năm pháp kia được có tên là đến bờ kia; chính là do Tĩnh lự ba-la-mật-đa nhiếp thọ mà năm pháp kia được có tên là đến bờ kia. Như thế thì dựa vào cái gì mà chỉ khen ngợi riêng Bát-nhã là vượt hơn năm pháp Ba-la-mật-đa kia?

Xá-lợi Tử đáp:

–Chẳng phải vậy! Chẳng phải vậy! Vì sao? Này Kiều-thi-ca, vì chẳng phải do Bố thí ba-la-mật-đa nhiếp thọ mà năm pháp kia mới được gọi là đến bờ kia; chẳng phải do Tịnh giới ba-la-mật-đa nhiếp thọ mà năm pháp kia mới được gọi là đến bờ kia; chẳng phải do An nhẫn ba-la-mật-đa nhiếp thọ mà năm pháp kia mới được gọi là đến bờ kia; chẳng phải do Tinh tấn ba-la-mật-đa nhiếp thọ mà năm pháp kia mới được gọi là đến bờ kia; chẳng phải do Tĩnh lự ba-la-mật-đa nhiếp thọ mà năm pháp kia mới được gọi là đến bờ kia. Mà chỉ do Bát-nhã ba-la-mật-đa nhiếp thọ nên năm pháp kia mới được gọi là đến bờ kia. Vì sao? Vì các Đại Bồ-tát chính là trụ nơi Bát-nhã ba-la-mật-đa mới có khả năng làm viên mãn Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng phải trụ nơi năm pháp kia mà có thể thành tựu được việc ấy; vì vậy nên Bát-nhã ba-la-mật-đa đối với năm pháp trước là tối thắng, là tôn quý, là vi diệu, là cao cả, là không gì trên, không gì bằng, không gì hơn.

Bấy giờ, Cụ thọ Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát nên thể hiện, phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế nào?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy sắc mà thể hiện phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy thọ, tưởng, hành, thức mà thể hiện phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy sắc mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy thọ, tưởng, hành, thức mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Này Xá-lợi Tử, vì sắc là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy sắc mà phát huy Bát-nhã ba-la-

mật-đa; vì thọ, tưởng, hành, thức là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy thọ, tưởng, hành, thức mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy nhãn xứ mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy nhãn xứ mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Này Xá-lợi Tử, vì nhãn xứ là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy nhãn xứ mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy sắc xứ mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy sắc xứ mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Này Xá-lợi Tử, vì sắc xứ là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy sắc xứ mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy nhãn giới mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy nhãn giới mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra mà phát huy

Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Này Xá-lợi Tử, vì nhãn giới là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy nhãn giới mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy nhĩ giới mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy nhĩ giới mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Này Xá-lợi Tử, vì nhĩ giới là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy nhĩ giới mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy tỷ giới mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy tỷ giới mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Này Xá-lợi Tử, vì tỷ giới là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy tỷ giới mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh

ra là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy thiệt giới mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy thiệt giới mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Này Xá-lợi Tử, vì thiệt giới là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy thiệt giới mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy thân giới mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy thân giới mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Này Xá-lợi Tử, vì thân giới là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy thân giới mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy ý giới mà phát

huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy ý giới mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Này Xá-lợi Tử, vì ý giới là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy ý giới mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy địa giới mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy thủy, hỏa, phong, không, thức giới mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy địa giới mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy thủy, hỏa, phong, không, thức giới mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Này Xá-lợi Tử, vì địa giới là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy địa giới mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy thủy, hỏa, phong, không, thức giới mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy vô minh mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy vô minh mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Này Xá-lợi Tử, vì vô minh là không tạo tác, không dừng nghỉ, không

sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy vô minh mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy Bố thí ba-la-mật-đa mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy Bố thí ba-la-mật-đa mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Này Xá-lợi Tử, vì Bố thí ba-la-mật-đa là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy Bố thí ba-la-mật-đa mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy pháp không bên trong mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy pháp không bên trong mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp

không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Này Xá-lợi Tử, vì pháp không bên trong là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy pháp không bên trong mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy chân như mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy chân như mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Này Xá-lợi Tử, vì chân như là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy chân như mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy Thánh đế khổ mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy Thánh đế tập, diệt, đạo mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy Thánh đế khổ mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy Thánh đế tập, diệt, đạo mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Này Xá-lợi Tử, vì Thánh đế khổ là không tạo tác, không dừng nghỉ,

không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh, nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy Thánh đế khổ mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì Thánh đế tập, diệt, đạo là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy Thánh đế tập, diệt, đạo mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy bốn Tĩnh lự mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy bốn Tĩnh lự mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Này Xá-lợi Tử, vì bốn Tĩnh lự là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy bốn Tĩnh lự mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 173

Phẩm 32: KHEN NGỢI BÁT-NHÃ (2)

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy tám Giải thoát mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy tám Giải thoát mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Này Xá-lợi Tử, vì tám Giải thoát là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy tám Giải thoát mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy bốn Niệm trụ mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy bốn Niệm trụ mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Này Xá-lợi Tử, vì bốn Niệm trụ là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy bốn Niệm trụ mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo là không tạo tác, không

dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy pháp môn giải thoát Không mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy pháp môn giải thoát Không mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Này Xá-lợi Tử, vì pháp môn giải thoát Không là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy pháp môn giải thoát Không mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy năm loại mắt mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy sáu phép thần thông mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy năm loại mắt mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy sáu phép thần thông mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Này Xá-lợi Tử, vì năm loại mắt là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy năm loại mắt mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì sáu phép thần thông là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy sáu phép thần thông mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy mười lực của Phật mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy mười lực của Phật mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười

tám pháp Phật bất cộng mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Này Xá-lợi Tử, vì mười lực của Phật là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy mười lực của Phật mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy pháp không quên mất mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy tánh luôn luôn xả mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy pháp không quên mất mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy tánh luôn luôn xả mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Này Xá-lợi Tử, vì pháp không quên mất là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy pháp không quên mất mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì tánh luôn luôn xả là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy tánh luôn luôn xả mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy trí Nhất thiết mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy trí Nhất thiết mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Này Xá-lợi Tử, vì trí Nhất thiết là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy trí Nhất thiết mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy tất cả pháp môn

Đà-la-ni mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy tất cả pháp môn Tam-ma-địa mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy tất cả pháp môn Đà-la-ni mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy tất cả pháp môn Tam-ma-địa mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Này Xá-lợi Tử, vì tất cả pháp môn Đà-la-ni là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy tất cả pháp môn Đà-la-ni mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy tất cả pháp môn Tam-ma-địa mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy quả Dự lưu mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy quả Dự lưu mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng lấy sự phát huy quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Này Xá-lợi Tử, vì quả Dự lưu là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy quả Dự lưu mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy quả vị Độc giác mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy quả vị Độc giác mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Này Xá-lợi Tử, vì quả vị Độc giác là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy quả vị Độc giác mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy hạnh Đại Bồ-tát mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy hạnh Đại Bồ-

tát mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Này Xá-lợi Tử, vì hạnh Đại Bồ-tát là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy hạnh Đại Bồ-tát mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Này Xá-lợi Tử, vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy tất cả pháp mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy tất cả pháp mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Này Xá-lợi Tử, vì tất cả pháp là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên Đại Bồ-tát chẳng lấy sự phát huy tất cả pháp mà phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Khi ấy, Xá-lợi Tử lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là cùng hợp với pháp nào?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát phát huy Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là chẳng hợp với tất cả pháp. Vì chẳng hợp nên được gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là không cùng hợp với tất cả những pháp nào?

Này Xá-lợi Tử! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là chẳng cùng hợp với pháp thiện; chẳng cùng hợp với pháp phi thiện; chẳng cùng hợp với pháp hữu tội; chẳng cùng hợp với pháp vô tội; chẳng cùng hợp với pháp hữu lậu; chẳng cùng hợp với pháp vô lậu; chẳng cùng hợp với pháp hữu vi; chẳng cùng hợp với pháp vô vi; chẳng cùng hợp với pháp tạp nhiễm; chẳng cùng

hợp với pháp thanh tịnh; chẳng cùng hợp với pháp nhiễm ô; chẳng cùng hợp với pháp bất nhiễm ô; chẳng cùng hợp với pháp thế gian; chẳng cùng hợp với pháp xuất thế gian; chẳng cùng hợp với pháp sinh tử; chẳng cùng hợp với pháp Niết-bàn. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là đối với tất cả pháp đều không có sở đắc.

Bấy giờ, Thiên đế Thích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế há cũng chẳng hợp với trí Nhất thiết trí?

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca, đúng vậy, đúng vậy! Bát-nhã ba-la-mật-đa này cũng chẳng hợp với trí Nhất thiết trí. Vì do cái này đối với cái kia đều chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn, vì sao Bát-nhã ba-la-mật-đa đối với trí Nhất thiết trí không hợp cũng không đắc?

Này Kiều-thi-ca, chẳng phải Bát-nhã ba-la-mật-đa đối với trí Nhất thiết trí đúng như danh, như tướng, như tác dụng của nó, có hợp, có đắc.

Bạch Thế Tôn, vì sao Bát-nhã ba-la-mật-đa đối với trí Nhất thiết trí cũng có hợp, có đắc?

Này Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa đối với trí Nhất thiết trí không nhận, không giữ, không trụ, không dứt, không chấp, không xả đúng như danh tướng…, hợp đắc như vậy mà không hợp đắc.

Này Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật-đa đối với tất cả pháp cũng không nhận, không giữ, không trụ, không dứt, không chấp, không xả đúng như danh tướng…, hợp đắc như vậy mà không hợp đắc.

Thiên đế Thích lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thật là điều hy hữu! Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế vì tất cả pháp là không tạo tác, không dừng nghỉ, không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên trong hiện tại; tuy có hợp có đắc mà là không hợp không đắc.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa cùng hợp với tất cả pháp; Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng cùng hợp với tất cả pháp thì Đại Bồ-tát ấy đều vứt bỏ Bát-nhã ba-la-mật-đa; đều xa lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, lại có nhân duyên khiến các Đại Bồ-tát vứt bỏ Bát-

nhã ba-la-mật-đa; xa lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa, đó là khi Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là không sở hữu, chẳng phải chân thật, chẳng kiên cố, chẳng tự tại, nên Đại Bồ-tát ấy đã vứt bỏ hết Bát-nhã ba-la-mật-đa; đã xa lìa hết Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin pháp nào?

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin sắc; chẳng tin thọ, tưởng, hành, thức.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin sắc; chẳng tin thọ, tưởng, hành, thức?

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa quán sắc chẳng thể nắm bắt được; quán thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể nắm bắt được. Vì vậy nên Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin sắc; chẳng tin thọ, tưởng, hành, thức.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin nhãn xứ; chẳng tin nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin nhãn xứ; chẳng tin nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ?

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa quán nhãn xứ chẳng thể nắm bắt được; quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng thể nắm bắt được. Vì vậy nên Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin nhãn xứ; chẳng tin nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin sắc xứ; chẳng tin thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin sắc xứ; chẳng tin thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ?

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa quán sắc xứ chẳng thể nắm bắt được; quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng thể nắm bắt được. Vì vậy nên Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin sắc xứ; chẳng tin thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin nhãn giới; chẳng tin sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin nhãn giới; chẳng tin sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra?

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa quán nhãn giới chẳng thể nắm bắt được; quán sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nắm bắt được. Vì vậy nên Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin nhãn giới; chẳng tin sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin nhĩ giới; chẳng tin thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin nhĩ giới; chẳng tin thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra?

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa quán nhĩ giới chẳng thể nắm bắt được; quán thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nắm bắt được. Vì vậy nên Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin nhĩ giới; chẳng tin thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin tỷ giới; chẳng tin hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin tỷ giới; chẳng tin hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra?

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa quán tỷ giới chẳng thể nắm bắt được; quán hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nắm bắt được. Vì vậy nên Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin tỷ giới; chẳng tin hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin thiệt giới; chẳng tin vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin thiệt giới; chẳng tin vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra?

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa quán

thiệt giới chẳng thể nắm bắt được; quán vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nắm bắt được. Vì vậy nên Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin thiệt giới; chẳng tin vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin thân giới; chẳng tin xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin thân giới; chẳng tin xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra?

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa quán thân giới chẳng thể nắm bắt được; quán xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nắm bắt được. Vì vậy nên Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin thân giới; chẳng tin xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin ý giới; chẳng tin pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin ý giới; chẳng tin pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra?

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa quán ý giới chẳng thể nắm bắt được; quán pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nắm bắt được. Vì vậy nên Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin ý giới; chẳng tin pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin địa giới; chẳng tin thủy, hỏa, phong, không, thức giới.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin địa giới; chẳng tin thủy, hỏa, phong, không, thức giới?

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa quán địa giới chẳng thể nắm bắt được; quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng thể nắm bắt được. Vì vậy nên Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin địa giới; chẳng tin thủy, hỏa, phong, không, thức giới.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin vô minh; chẳng tin hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin vô minh; chẳng tin hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não?

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa quán vô minh chẳng thể nắm bắt được; quán hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng thể nắm bắt được. Vì vậy nên Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin vô minh; chẳng tin hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin Bố thí ba-la-mật-đa; chẳng tin Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin Bố thí ba-la-mật-đa; chẳng tin Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa quán Bố thí ba-la-mật-đa chẳng thể nắm bắt được; quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thể nắm bắt được. Vì vậy nên Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin Bố thí ba-la-mật-đa; chẳng tin Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin pháp không bên trong; chẳng tin pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin pháp không bên trong; chẳng tin pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh?

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa quán pháp không bên trong chẳng thể nắm bắt được; quán pháp không bên ngoài

cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng thể nắm bắt được. Vì vậy nên Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin pháp không bên trong; chẳng tin pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin chân như; chẳng tin pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin chân như; chẳng tin pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn?

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa quán chân như chẳng thể nắm bắt được; quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng thể nắm bắt được. Vì vậy nên Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin chân như; chẳng tin pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin Thánh đế khổ; chẳng tin Thánh đế tập, diệt, đạo.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin Thánh đế khổ; chẳng tin Thánh đế tập, diệt, đạo?

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa quán Thánh đế khổ chẳng thể nắm bắt được; quán Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng thể nắm bắt được. Vì vậy nên Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin Thánh đế khổ; chẳng tin Thánh đế tập, diệt, đạo.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin bốn Tĩnh lự; chẳng tin bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin bốn Tĩnh lự; chẳng tin bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc?

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa quán bốn Tĩnh lự chẳng thể nắm bắt được; quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng thể nắm bắt được. Vì vậy nên Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin bốn Tĩnh lự; chẳng tin bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin tám Giải thoát; chẳng tin tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin tám Giải thoát; chẳng tin tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ?

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa quán tám Giải thoát chẳng thể nắm bắt được; quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng thể nắm bắt được. Vì vậy nên Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin tám Giải thoát; chẳng tin tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin bốn Niệm trụ; chẳng tin bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin bốn Niệm trụ; chẳng tin bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo?

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa quán bốn Niệm trụ chẳng thể nắm bắt được; quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng thể nắm bắt được. Vì vậy nên Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin bốn Niệm trụ; chẳng tin bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin pháp môn giải thoát Không; chẳng tin pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin pháp môn giải thoát Không; chẳng tin pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện?

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa quán pháp môn giải thoát Không chẳng thể nắm bắt được; quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng thể nắm bắt được. Vì vậy nên Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin pháp môn giải thoát Không; chẳng tin pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin năm loại mắt; chẳng tin sáu phép thần thông.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin năm loại mắt; chẳng tin sáu phép thần thông?

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa quán năm loại mắt chẳng thể nắm bắt được; quán sáu phép thần thông chẳng thể nắm bắt được. Vì vậy nên Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng

tin năm loại mắt; chẳng tin sáu phép thần thông.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin mười lực của Phật; chẳng tin bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin mười lực của Phật; chẳng tin bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng?

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa quán mười lực của Phật chẳng thể nắm bắt được; quán bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng chẳng thể nắm bắt được. Vì vậy nên Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin mười lực của Phật; chẳng tin bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin pháp không quên mất; chẳng tin tánh luôn luôn xả.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin pháp không quên mất; chẳng tin tánh luôn luôn xả?

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa quán pháp không quên mất chẳng thể nắm bắt được; quán tánh luôn luôn xả chẳng thể nắm bắt được. Vì vậy nên Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin pháp không quên mất; chẳng tin tánh luôn luôn xả.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin trí Nhất thiết; chẳng tin trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin trí Nhất thiết; chẳng tin trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng?

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa quán trí Nhất thiết chẳng thể nắm bắt được; quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng thể nắm bắt được. Vì vậy nên Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin trí Nhất thiết; chẳng tin trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin tất cả pháp môn Đà-la-ni; chẳng tin tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin tất cả pháp môn Đà-la-ni; chẳng tin tất cả pháp môn Tam-ma-địa?

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa quán tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng thể nắm bắt được; quán tất cả pháp môn

Tam-ma-địa chẳng thể nắm bắt được. Vì vậy nên Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin tất cả pháp môn Đà-la-ni; chẳng tin tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin quả Dự lưu; chẳng tin quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin quả Dự lưu; chẳng tin quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán?

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa quán quả Dự lưu chẳng thể nắm bắt được; quán quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán chẳng thể nắm bắt được. Vì vậy nên Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin quả Dự lưu; chẳng tin quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin quả vị Độc giác.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin quả vị Độc giác?

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa quán quả vị Độc giác chẳng thể nắm bắt được. Vì vậy nên Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin quả vị Độc giác.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin tất cả hạnh Đại Bồ-tát.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin tất cả hạnh Đại Bồ-tát?

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng thể nắm bắt được. Vì vậy nên Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin tất cả hạnh Đại Bồ-tát.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật?

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng thể nắm bắt được. Vì vậy nên Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin tất cả pháp.

Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì

chẳng tin tất cả pháp?

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa quán tất cả pháp chẳng thể nắm bắt được. Vì vậy nên Đại Bồ-tát khi tin Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chẳng tin tất cả pháp.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát nên gọi là Đại Ba-la-mật-đa.

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, ông dựa vào ý gì mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát đối với sắc chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với thọ, tưởng, hành, thức chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với sắc chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với thọ, tưởng, hành, thức chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với sắc chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với sắc chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với thọ, tưởng, hành, thức chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với sắc chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với thọ, tưởng, hành, thức chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức.

Bạch Thế Tôn, con dựa vào ý này nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát đối với nhãn xứ chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với nhãn xứ chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với nhãn xứ chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với nhãn xứ chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với nhãn xứ chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức.

Bạch Thế Tôn, con dựa vào ý này nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát đối với sắc xứ chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với sắc xứ chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với sắc xứ chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với sắc xứ chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với sắc xứ chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức.

Bạch Thế Tôn, con dựa vào ý này nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 174

Phẩm 32: KHEN NGỢI BÁT-NHÃ (3)

Lại nữa bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát đối với nhãn giới chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với nhãn giới chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với nhãn giới chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với nhãn giới chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với nhãn giới chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát đối với nhĩ giới chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với nhĩ giới chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với nhĩ giới chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với nhĩ giới chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với nhĩ giới chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với

thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát đối với tỷ giới chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với tỷ giới chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với tỷ giới chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với tỷ giới chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với tỷ giới chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát đối với thiệt giới chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với thiệt giới chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với thiệt giới chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với thiệt giới chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với thiệt giới chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát đối với

thân giới chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với thân giới chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với thân giới chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với thân giới chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với thân giới chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát đối với ý giới chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với ý giới chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với ý giới chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với ý giới chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với ý giới chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát đối với địa giới chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với địa giới chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với địa giới chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng chẳng làm cho có hạn

lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với địa giới chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với địa giới chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát đối với vô minh chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với vô minh chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với vô minh chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với vô minh chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với vô minh chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát đối với Bố thí ba-la-mật-đa chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với Bố thí ba-la-mật-đa chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với Bố thí ba-la-mật-đa chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với Bố thí ba-la-mật-đa chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với Bố thí ba-la-mật-đa chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa

của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát đối với pháp không bên trong chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với pháp không bên trong chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với pháp không bên trong chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với pháp không bên trong chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với pháp không bên trong chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát đối với chân như chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với chân như chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với chân như chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với chân như chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với chân như chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng làm cho có sức,

chẳng làm cho không có sức.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát đối với Thánh đế khổ chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với Thánh đế khổ chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với Thánh đế khổ chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với Thánh đế khổ chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với Thánh đế khổ chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát đối với bốn Tĩnh lự chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với bốn Tĩnh lự chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với bốn Tĩnh lự chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với bốn Tĩnh lự chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với bốn Tĩnh lự chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát đối với tám Giải thoát chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với tám Giải thoát chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với tám Giải thoát chẳng làm cho có hạn

lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với tám Giải thoát chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với tám Giải thoát chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát đối với bốn Niệm trụ chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với bốn Niệm trụ chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với bốn Niệm trụ chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với bốn Niệm trụ chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với bốn Niệm trụ chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát đối với pháp môn giải thoát Không chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với pháp môn giải thoát Không chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với pháp môn giải thoát Không chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với pháp môn giải thoát Không chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với pháp môn giải thoát Không chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức;

đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát đối với năm loại mắt chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với sáu phép thần thông chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với năm loại mắt chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với sáu phép thần thông chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với năm loại mắt chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với sáu phép thần thông cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với năm loại mắt chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với sáu phép thần thông chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với năm loại mắt chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với sáu phép thần thông chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát đối với mười lực của Phật chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với mười lực của Phật chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với mười lực của Phật chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với mười lực của Phật chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với mười lực của Phật chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát đối với pháp không quên mất chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với tánh

luôn luôn xả chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với pháp không quên mất chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với tánh luôn luôn xả chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với pháp không quên mất chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với tánh luôn luôn xả cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với pháp không quên mất chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với tánh luôn luôn xả chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với pháp không quên mất chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với tánh luôn luôn xả chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát đối với trí Nhất thiết chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với trí Nhất thiết chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với trí Nhất thiết chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với trí Nhất thiết chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với trí Nhất thiết chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng làm cho có sức, chẳng

làm cho không có sức; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát đối với Dự lưu chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với Dự lưu chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với Dự lưu chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với Dự lưu chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với Dự lưu chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát đối với Độc giác chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với quả vị Độc giác chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với Độc giác chẳng làm cho

nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với quả vị Độc giác chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với Độc giác chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với quả vị Độc giác cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với Độc giác chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với quả vị Độc giác chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với Độc giác chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với quả vị Độc giác chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát đối với Đại Bồ-tát chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với hạnh Đại Bồ-tát chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với Đại Bồ-tát chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với hạnh Đại Bồ-tát chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với Đại Bồ-tát chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với hạnh Đại Bồ-tát cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với Đại Bồ-tát chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với hạnh Đại Bồ-tát chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với Đại Bồ-tát chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với hạnh Đại Bồ-tát chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với tất cả pháp chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với tất cả pháp cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với tất cả pháp chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với tất cả pháp chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này nên nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới học Đại thừa nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa, Tĩnh lự ba-la-mật-đa, Tinh tấn ba-la-mật-đa, An nhẫn ba-la-mật-đa, Tịnh giới ba-la-mật-đa, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế, đối với sắc chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với sắc chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với sắc chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với sắc chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với sắc chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với nhãn xứ chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với nhãn xứ chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với nhãn xứ chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với nhãn xứ chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với nhãn xứ chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với nhĩ, tỷ, thiệt,

thân, ý xứ cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với sắc xứ chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với sắc xứ chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với sắc xứ chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với sắc xứ chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với sắc xứ chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với nhãn giới chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với nhãn giới chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với nhãn giới chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với nhãn giới chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với nhãn giới chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà

khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với nhĩ giới chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với nhĩ giới chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với nhĩ giới chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với nhĩ giới chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với nhĩ giới chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với tỷ giới chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với tỷ giới chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với tỷ giới chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với tỷ giới chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với tỷ giới chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với thiệt giới chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với thiệt giới chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân

tán; đối với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với thiệt giới chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với thiệt giới chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với thiệt giới chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với thân giới chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với thân giới chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với thân giới chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với thân giới chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với thân giới chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với ý giới chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với ý giới chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với ý giới chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng

làm cho không có hạn lượng; đối với ý giới chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với ý giới chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với địa giới chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với địa giới chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với địa giới chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với địa giới chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với địa giới chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với vô minh chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với vô minh chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với vô minh chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với vô minh chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với vô minh chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại

Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Bố thí ba-la-mật-đa chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với Bố thí ba-la-mật-đa chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với Bố thí ba-la-mật-đa chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với Bố thí ba-la-mật-đa chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với Bố thí ba-la-mật-đa chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 175

Phẩm 32: KHEN NGỢI BÁT-NHÃ (4)

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với pháp không bên trong chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với pháp không bên trong chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với pháp không bên trong chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với pháp không bên trong chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với pháp không bên trong chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với chân như chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với pháp giới, pháp tánh, tánh không

hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với chân như chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với chân như chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với chân như chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với chân như chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Thánh đế khổ chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với Thánh đế khổ chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với Thánh đế khổ chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với Thánh đế khổ chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với Thánh đế khổ chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với bốn Tĩnh lự chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với bốn Tĩnh lự chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với bốn Tĩnh lự chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng chẳng làm cho có hạn lượng,

chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với bốn Tĩnh lự chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với bốn Tĩnh lự chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với tám Giải thoát chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với tám Giải thoát chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với tám Giải thoát chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với tám Giải thoát chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với tám Giải thoát chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với bốn Niệm trụ chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với bốn Niệm trụ chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với bốn Niệm trụ chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với bốn Niệm trụ chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với bốn Niệm trụ chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với

bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với pháp môn giải thoát Không chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với pháp môn giải thoát Không chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với pháp môn giải thoát Không chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với pháp môn giải thoát Không chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với pháp môn giải thoát Không chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với năm loại mắt chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với sáu phép thần thông cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với năm loại mắt chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với sáu phép thần thông cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với năm loại mắt chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với sáu phép thần thông cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với năm loại mắt chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với sáu phép thần thông cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với năm loại mắt chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với sáu phép thần thông cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà

khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với mười lực của Phật chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với mười lực của Phật chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với mười lực của Phật chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với mười lực của Phật chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với mười lực của Phật chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với pháp không quên mất chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với tánh luôn luôn xả cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với pháp không quên mất chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với tánh luôn luôn xả cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với pháp không quên mất chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với tánh luôn luôn xả cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với pháp không quên mất chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với tánh luôn luôn xả cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với pháp không quên mất chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với tánh luôn luôn xả cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với trí Nhất thiết chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với trí Nhất thiết chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối

với trí Nhất thiết chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với trí Nhất thiết chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với trí Nhất thiết chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Dự lưu chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với Dự lưu chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với Dự lưu chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với Dự lưu chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với Dự lưu chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho

không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Độc giác chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với quả vị Độc giác cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với Độc giác chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với quả vị Độc giác cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với Độc giác chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với quả vị Độc giác cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với Độc giác chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với quả vị Độc giác cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với Độc giác chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với quả vị Độc giác cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Đại Bồ-tát chẳng

làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với hạnh Đại Bồ-tát cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với Đại Bồ-tát chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với hạnh Đại Bồ-tát cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với Đại Bồ-tát chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với hạnh Đại Bồ-tát cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với Đại Bồ-tát chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với hạnh Đại Bồ-tát cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với Đại Bồ-tát chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với hạnh Đại Bồ-tát cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với tất cả pháp chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ, chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán, cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng, chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp, chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa, Tĩnh lự ba-la-mật-đa, Tinh tấn ba-la-mật-đa, An nhẫn ba-la-mật-đa, Tịnh giới ba-la-mật-đa, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế, đối với sắc làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với sắc làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với sắc làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với sắc làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với sắc làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với nhãn xứ làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với nhãn xứ làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với nhãn xứ làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với nhãn xứ làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với nhãn xứ làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với sắc xứ làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với sắc xứ làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với sắc xứ làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với sắc xứ làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với sắc xứ làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp

xứ cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với nhãn giới làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với nhãn giới làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với nhãn giới làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với nhãn giới làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với nhãn giới làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với nhĩ giới làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với nhĩ giới làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với nhĩ giới làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với nhĩ giới làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với nhĩ giới làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà

khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với tỷ giới làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với tỷ giới làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với tỷ giới làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với tỷ giới làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với tỷ giới làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với thiệt giới làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với thiệt giới làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với thiệt giới làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với thiệt giới làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với thiệt giới làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với thân giới làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với thân giới làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với thân giới làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với thân giới làm cho rộng,

làm cho hẹp; đối với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với thân giới làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với ý giới làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với ý giới làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với ý giới làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với ý giới làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với ý giới làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với địa giới làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với địa giới làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với địa giới làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với địa giới làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với địa giới làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà

khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với vô minh làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với vô minh làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với vô minh làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với vô minh làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với vô minh làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Bố thí ba-la-mật-đa làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với Bố thí ba-la-mật-đa làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với Bố thí ba-la-mật-đa làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với Bố thí ba-la-mật-đa làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với Bố thí ba-la-mật-đa làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với pháp không bên trong làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh cũng làm

cho lớn, làm cho nhỏ; đối với pháp không bên trong làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với pháp không bên trong làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với pháp không bên trong làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với pháp không bên trong làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với chân như làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với chân như làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với chân như làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với chân như làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với chân như làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Thánh đế khổ làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với Thánh đế khổ làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với Thánh đế khổ làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với Thánh đế khổ làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với Thánh

đế khổ làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với bốn Tĩnh lự làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với bốn Tĩnh lự làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với bốn Tĩnh lự làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với bốn Tĩnh lự làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với bốn Tĩnh lự làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với tám Giải thoát làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với tám Giải thoát làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với tám Giải thoát làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với tám Giải thoát làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với tám Giải thoát làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với bốn Niệm trụ làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn,

năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với bốn Niệm trụ làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với bốn Niệm trụ làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với bốn Niệm trụ làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với bốn Niệm trụ làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với pháp môn giải thoát Không làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với pháp môn giải thoát Không làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với pháp môn giải thoát Không làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với pháp môn giải thoát Không làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với pháp môn giải thoát Không làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với năm loại mắt làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với sáu phép thần thông cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với năm loại mắt làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với sáu phép thần thông cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với năm loại mắt làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với sáu phép thần thông cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với năm loại mắt làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với sáu phép thần thông cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với năm loại mắt làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với sáu phép thần thông cũng làm cho có

sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với mười lực của Phật làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với mười lực của Phật làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với mười lực của Phật làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với mười lực của Phật làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với mười lực của Phật làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với pháp không quên mất làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với tánh luôn luôn xả cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với pháp không quên mất làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với tánh luôn luôn xả cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với pháp không quên mất làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với tánh luôn luôn xả cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với pháp không quên mất làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với tánh luôn luôn xả cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với pháp không quên mất làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với tánh luôn luôn xả cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 176

Phẩm 32: KHEN NGỢI BÁT-NHÃ (5)

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với trí Nhất thiết làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với trí Nhất thiết làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với trí Nhất thiết làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với trí Nhất thiết làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với trí Nhất thiết làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã

ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Dự lưu làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với Dự lưu làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với Dự lưu làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với Dự lưu làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với Dự lưu làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Độc giác làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với quả vị Độc giác cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với Độc giác làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với quả vị Độc giác cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với Độc giác làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với quả vị Độc giác cũng làm

cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với Độc giác làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với quả vị Độc giác cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với Độc giác làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với quả vị Độc giác cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Đại Bồ-tát làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với hạnh Đại Bồ-tát cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với Đại Bồ-tát làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với hạnh Đại Bồ-tát cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với Đại Bồ-tát làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với hạnh Đại Bồ-tát cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với Đại Bồ-tát làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với hạnh Đại Bồ-tát cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với Đại Bồ-tát làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với hạnh Đại Bồ-tát cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà

khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với tất cả pháp làm cho lớn, làm cho nhỏ, làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán, cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng, làm cho rộng, làm cho hẹp, làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa, Tĩnh lự ba-la-mật-đa, Tinh tấn ba-la-mật-đa, An nhẫn ba-la-mật-đa, Tịnh giới ba-la-mật-đa, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế, đối với sắc chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với sắc chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với sắc chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với sắc chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với sắc chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với nhãn xứ chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với nhãn xứ chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với nhãn xứ chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với nhãn xứ chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với nhãn xứ chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-

mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với sắc xứ chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với sắc xứ chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với sắc xứ chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với sắc xứ chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với sắc xứ chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với nhãn giới chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với nhãn giới chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với nhãn giới chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với nhãn giới chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với nhãn giới chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với nhĩ giới chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với nhĩ giới chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên

sinh ra cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với nhĩ giới chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với nhĩ giới chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với nhĩ giới chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với tỷ giới chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với tỷ giới chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với tỷ giới chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với tỷ giới chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với tỷ giới chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với thiệt giới chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với thiệt giới chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với thiệt giới chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với

thiệt giới chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với thiệt giới chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với thân giới chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với thân giới chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với thân giới chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với thân giới chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với thân giới chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với ý giới chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với ý giới chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với ý giới chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với ý giới chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với ý giới

chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với địa giới chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với địa giới chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với địa giới chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với địa giới chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với địa giới chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với vô minh chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với vô minh chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với vô minh chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với vô minh chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với vô minh chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Bố thí ba-la-mật-đa chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với Bố thí ba-la-mật-đa chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với Bố thí ba-la-mật-đa chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với Bố thí ba-la-mật-đa chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với Bố thí ba-la-mật-đa chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với pháp không bên trong chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với pháp không bên trong chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với pháp không bên trong chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với pháp không bên trong chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với pháp không bên trong chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho

không có sức; đối với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với chân như chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với chân như chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với chân như chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với chân như chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với chân như chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Thánh đế khổ chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với Thánh đế khổ chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với Thánh đế khổ chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với Thánh đế khổ chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với Thánh đế khổ chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với bốn Tĩnh lự chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với bốn Tĩnh lự chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với bốn Tĩnh lự chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với bốn Tĩnh lự chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với bốn Tĩnh lự chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với tám Giải thoát chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với tám Giải thoát chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với tám Giải thoát chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với tám Giải thoát chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với tám Giải thoát chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với bốn Niệm trụ chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo

cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với bốn Niệm trụ chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với bốn Niệm trụ chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với bốn Niệm trụ chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với bốn Niệm trụ chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với pháp môn giải thoát Không chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với pháp môn giải thoát Không chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với pháp môn giải thoát Không chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với pháp môn giải thoát Không chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với pháp môn giải thoát Không chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với năm loại mắt chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với sáu phép thần thông cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với năm loại mắt chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với sáu phép thần thông cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với năm loại mắt chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối

với sáu phép thần thông cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với năm loại mắt chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với sáu phép thần thông cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với năm loại mắt chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với sáu phép thần thông cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với mười lực của Phật chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với mười lực của Phật chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với mười lực của Phật chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với mười lực của Phật chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với mười lực của Phật chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với pháp không quên mất chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với tánh luôn luôn xả cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với pháp không quên mất chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với tánh luôn luôn xả cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với pháp không quên mất chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với tánh luôn luôn xả cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với pháp không quên mất chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với tánh luôn luôn xả cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với pháp không quên mất chẳng làm

cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với tánh luôn luôn xả cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với trí Nhất thiết chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với trí Nhất thiết chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với trí Nhất thiết chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với trí Nhất thiết chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với trí Nhất thiết chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Dự lưu chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với Dự lưu chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với Dự lưu chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với Dự lưu chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với Dự lưu chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Độc giác chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với quả vị Độc giác cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với Độc giác chẳng làm cho

nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với quả vị Độc giác cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với Độc giác chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với quả vị Độc giác cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với Độc giác chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với quả vị Độc giác cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với Độc giác chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với quả vị Độc giác cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Đại Bồ-tát chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với hạnh Đại Bồ-tát cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với Đại Bồ-tát chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với hạnh Đại Bồ-tát cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với Đại Bồ-tát chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với hạnh Đại Bồ-tát cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với Đại Bồ-tát chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với hạnh Đại Bồ-tát cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với Đại Bồ-tát chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với hạnh Đại Bồ-tát cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cũng chẳng làm cho rộng,

chẳng làm cho hẹp; đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cũng chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với tất cả pháp chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ, chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán, cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng, chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp, chẳng làm cho có sức, chẳng làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 177

Phẩm 32: KHEN NGỢI BÁT-NHÃ (6)

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa, Tĩnh lự ba-la-mật-đa, Tinh tấn ba-la-mật-đa, An nhẫn ba-la-mật-đa, Tịnh giới ba-la-mật-đa, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế, đối với sắc làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với sắc làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với sắc làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với sắc làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với sắc làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với nhãn xứ làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với nhãn xứ làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với nhãn xứ làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với nhãn xứ làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với nhãn xứ làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng

nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với sắc xứ làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với sắc xứ làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với sắc xứ làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với sắc xứ làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với sắc xứ làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với nhãn giới làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với nhãn giới làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với nhãn giới làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với nhãn giới làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với nhãn giới làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với nhĩ giới làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với nhĩ giới làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với nhĩ giới làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra

cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với nhĩ giới làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với nhĩ giới làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với tỷ giới làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với tỷ giới làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với tỷ giới làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với tỷ giới làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với tỷ giới làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với thiệt giới làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với thiệt giới làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với thiệt giới làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với thiệt giới làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với thiệt giới làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải tu hành Bát-nhã

ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với thân giới làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với thân giới làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với thân giới làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với thân giới làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với thân giới làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với ý giới làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với ý giới làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với ý giới làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với ý giới làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với ý giới làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với địa giới làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với địa giới làm cho nhóm tụ, làm cho

phân tán; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với địa giới làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với địa giới làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với địa giới làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với vô minh làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với vô minh làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với vô minh làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với vô minh làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với vô minh làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Bố thí ba-la-mật-đa làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với Bố thí ba-la-mật-đa làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với Bố thí ba-la-mật-đa làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với Bố thí ba-la-mật-đa làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với Bố thí ba-la-mật-đa làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi

tưởng như vậy nên chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với pháp không bên trong làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với pháp không bên trong làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với pháp không bên trong làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với pháp không bên trong làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với pháp không bên trong làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với chân như làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với chân như làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với chân như làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với chân như làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với chân như làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát

ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Thánh đế khổ làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với Thánh đế khổ làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với Thánh đế khổ làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với Thánh đế khổ làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với Thánh đế khổ làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với bốn Tĩnh lự làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với bốn Tĩnh lự làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với bốn Tĩnh lự làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với bốn Tĩnh lự làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với bốn Tĩnh lự làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với tám Giải thoát làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với tám Giải thoát làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với tám Giải thoát làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với tám

Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với tám Giải thoát làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với tám Giải thoát làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với bốn Niệm trụ làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với bốn Niệm trụ làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với bốn Niệm trụ làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với bốn Niệm trụ làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với bốn Niệm trụ làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với pháp môn giải thoát Không làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với pháp môn giải thoát Không làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với pháp môn giải thoát Không làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với pháp môn giải thoát Không làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với pháp môn giải thoát Không làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng

phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với năm loại mắt làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với sáu phép thần thông cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với năm loại mắt làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với sáu phép thần thông cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với năm loại mắt làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với sáu phép thần thông cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với năm loại mắt làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với sáu phép thần thông cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với năm loại mắt làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với sáu phép thần thông cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với mười lực của Phật làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với mười lực của Phật làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với mười lực của Phật làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với mười lực của Phật làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với mười lực của Phật làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với pháp không quên mất làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với tánh luôn luôn xả cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với pháp không quên mất làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với tánh luôn luôn xả cũng làm cho nhóm tụ, làm cho

phân tán; đối với pháp không quên mất làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với tánh luôn luôn xả cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với pháp không quên mất làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với tánh luôn luôn xả cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với pháp không quên mất làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với tánh luôn luôn xả cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với trí Nhất thiết làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với trí Nhất thiết làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với trí Nhất thiết làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với trí Nhất thiết làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với trí Nhất thiết làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Dự lưu làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với Dự lưu làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với Dự lưu làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với Dự lưu làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với Dự lưu làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Độc giác làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với quả vị Độc giác cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với Độc giác làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với quả vị Độc giác cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với Độc giác làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với quả vị Độc giác cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với Độc

giác làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với quả vị Độc giác cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với Độc giác làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với quả vị Độc giác cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Đại Bồ-tát làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với hạnh Đại Bồ-tát cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với Đại Bồ-tát làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với hạnh Đại Bồ-tát cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với Đại Bồ-tát làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với hạnh Đại Bồ-tát cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với Đại Bồ-tát làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với hạnh Đại Bồ-tát cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với Đại Bồ-tát làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với hạnh Đại Bồ-tát cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cũng làm cho lớn, làm cho nhỏ; đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cũng làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán; đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng; đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cũng làm cho rộng, làm cho hẹp; đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác làm cho có sức, làm cho không có sức; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cũng làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát mới tu học Đại thừa chẳng nương vào Bát-nhã, Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa mà khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với tất cả

pháp làm cho lớn, làm cho nhỏ, làm cho nhóm tụ, làm cho phân tán, cũng làm cho có hạn lượng, làm cho không có hạn lượng, làm cho rộng, làm cho hẹp, làm cho có sức, làm cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy, do khởi tưởng như vậy nên chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế, đối với sắc hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với thọ, tưởng, hành, thức hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với sắc hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với thọ, tưởng, hành, thức hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với sắc hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với thọ, tưởng, hành, thức hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với sắc hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với thọ, tưởng, hành, thức hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với sắc hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với thọ, tưởng, hành, thức hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, tất cả như thế đều chẳng phải là quả Đẳng lưu của Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với nhãn xứ hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với nhãn xứ hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với nhãn xứ hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với nhãn xứ hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với nhãn xứ hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, tất cả như thế đều chẳng phải là quả Đẳng lưu của Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã

ba-la-mật-đa như thế đối với sắc xứ hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với sắc xứ hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với sắc xứ hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với sắc xứ hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với sắc xứ hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, tất cả như thế đều chẳng phải là quả Đẳng lưu của Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với nhãn giới hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với nhãn giới hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với nhãn giới hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với nhãn giới hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với nhãn giới hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, tất cả như thế đều chẳng phải là quả Đẳng lưu của Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với nhĩ giới hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ

do nhĩ xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với nhĩ giới hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với nhĩ giới hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với nhĩ giới hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với nhĩ giới hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, tất cả như thế đều chẳng phải là quả Đẳng lưu của Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với tỷ giới hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với tỷ giới hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với tỷ giới hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với tỷ giới hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với tỷ giới hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, tất cả như thế đều chẳng phải là quả Đẳng lưu của Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với thiệt giới hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các

thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với thiệt giới hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với thiệt giới hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với thiệt giới hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với thiệt giới hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, tất cả như thế đều chẳng phải là quả Đẳng lưu của Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với thân giới hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với thân giới hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với thân giới hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với thân giới hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với thân giới hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, tất cả như thế đều chẳng phải là quả Đẳng lưu của Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với ý giới hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý

xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với ý giới hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với ý giới hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với ý giới hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với ý giới hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, tất cả như thế đều chẳng phải là quả Đẳng lưu của Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với địa giới hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với địa giới hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với địa giới hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với địa giới hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với địa giới hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, tất cả như thế đều chẳng phải là quả Đẳng lưu của Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với vô minh hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với vô minh hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng

làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với vô minh hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với vô minh hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với vô minh hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, tất cả như thế đều chẳng phải là quả Đẳng lưu của Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Bố thí ba-la-mật-đa hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với Bố thí ba-la-mật-đa hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với Bố thí ba-la-mật-đa hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với Bố thí ba-la-mật-đa hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với Bố thí ba-la-mật-đa hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, tất cả như thế đều chẳng phải là quả Đẳng lưu của Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với pháp không bên trong hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp

không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với pháp không bên trong hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với pháp không bên trong hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với pháp không bên trong hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với pháp không bên trong hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, tất cả như thế đều chẳng phải là quả Đẳng lưu của Bát-nhã ba-la-mật-đa.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 178

Phẩm 32: KHEN NGỢI BÁT-NHÃ (7)

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với chân như hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với chân như hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với chân như hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với chân như hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với chân như hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, tất cả như thế đều chẳng phải là quả Đẳng lưu của Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Thánh đế khổ hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với Thánh đế khổ hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với Thánh đế khổ hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn

lượng; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với Thánh đế khổ hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với Thánh đế khổ hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, tất cả như thế đều chẳng phải là quả Đẳng lưu của Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với bốn Tĩnh lự hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với bốn Tĩnh lự hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với bốn Tĩnh lự hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với bốn Tĩnh lự hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với bốn Tĩnh lự hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, tất cả như thế đều chẳng phải là quả Đẳng lưu của Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với tám Giải thoát hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với tám Giải thoát hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với tám Giải thoát hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với tám Giải thoát hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với

tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với tám Giải thoát hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, tất cả như thế đều chẳng phải là quả Đẳng lưu của Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với bốn Niệm trụ hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với bốn Niệm trụ hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với bốn Niệm trụ hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với bốn Niệm trụ hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với bốn Niệm trụ hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, tất cả như thế đều chẳng phải là quả Đẳng lưu của Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với pháp môn giải thoát Không hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với pháp môn giải thoát Không hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với pháp môn giải thoát Không hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với pháp môn giải thoát Không hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng,

Vô nguyện hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với pháp môn giải thoát Không hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, tất cả như thế đều chẳng phải là quả Đẳng lưu của Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với năm loại mắt hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với sáu phép thần thông hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với năm loại mắt hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với sáu phép thần thông hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với năm loại mắt hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với sáu phép thần thông hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với năm loại mắt hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với sáu phép thần thông hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với năm loại mắt hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với sáu phép thần thông hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, tất cả như thế đều chẳng phải là quả Đẳng lưu của Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với mười lực của Phật hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với mười lực của Phật hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với mười lực của Phật hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với mười lực của Phật hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối

với mười lực của Phật hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, tất cả như thế đều chẳng phải là quả Đẳng lưu của Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với pháp không quên mất hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với tánh luôn luôn xả hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với pháp không quên mất hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với tánh luôn luôn xả hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với pháp không quên mất hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với tánh luôn luôn xả hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với pháp không quên mất hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với tánh luôn luôn xả hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với pháp không quên mất hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với tánh luôn luôn xả hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, tất cả như thế đều chẳng phải là quả Đẳng lưu của Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với trí Nhất thiết hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với trí Nhất thiết hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với trí Nhất thiết hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với trí Nhất thiết hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với trí Nhất thiết hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch

Thế Tôn, tất cả như thế đều chẳng phải là quả Đẳng lưu của Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, tất cả như thế đều chẳng phải là quả Đẳng lưu của Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Dự lưu hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với Dự lưu hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với Dự lưu hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với Dự lưu hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với Dự lưu hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, tất cả như thế đều chẳng phải là quả Đẳng lưu của Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, tất cả như thế đều chẳng phải là quả Đẳng lưu của Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Độc giác hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với quả vị Độc giác hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với Độc giác hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với quả vị Độc giác hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với Độc giác hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với quả vị Độc giác hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với Độc giác hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với quả vị Độc giác hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với Độc giác hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với quả vị Độc giác hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, tất cả như thế đều chẳng phải là quả Đẳng lưu của Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Đại Bồ-tát hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với hạnh Đại Bồ-tát hoặc làm cho lớn cho nhỏ,

chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với Đại Bồ-tát hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với hạnh Đại Bồ-tát hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với Đại Bồ-tát hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với hạnh Đại Bồ-tát hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với Đại Bồ-tát hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với hạnh Đại Bồ-tát hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với Đại Bồ-tát hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với hạnh Đại Bồ-tát hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, tất cả như thế đều chẳng phải là quả Đẳng lưu của Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, tất cả như thế đều chẳng phải là quả Đẳng lưu của Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với tất cả pháp hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ, hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán, hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp, hoặc làm cho có sức cho không có

sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, tất cả như thế đều chẳng phải là quả Đẳng lưu của Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế, đối với sắc hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với thọ, tưởng, hành, thức hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với sắc hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với thọ, tưởng, hành, thức hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với sắc hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với thọ, tưởng, hành, thức hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với sắc hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với thọ, tưởng, hành, thức hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với sắc hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với thọ, tưởng, hành, thức hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tưởng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với nhãn xứ hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với nhãn xứ hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với nhãn xứ hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với nhãn xứ hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với nhãn xứ hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tưởng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với sắc xứ hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với sắc xứ hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với sắc xứ hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với sắc xứ hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với sắc xứ hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tưởng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với nhãn giới hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với nhãn giới hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với nhãn giới hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với nhãn giới hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với nhãn giới hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tưởng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với nhĩ giới hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với nhĩ giới hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với nhĩ giới hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với nhĩ giới hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với nhĩ giới hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tưởng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với tỷ giới hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với tỷ giới hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với tỷ giới hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với tỷ giới hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với tỷ giới hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu

hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tưởng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với thiệt giới hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với thiệt giới hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với thiệt giới hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với thiệt giới hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với thiệt giới hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tưởng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với thân giới hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với thân giới hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với thân giới hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với thân giới hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với thân giới hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm

duyên sinh ra hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tưởng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với ý giới hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với ý giới hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với ý giới hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với ý giới hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với ý giới hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tưởng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với địa giới hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với địa giới hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với địa giới hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với địa giới hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với địa giới hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với thủy, hỏa,

phong, không, thức giới hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tưởng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với vô minh hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với vô minh hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với vô minh hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với vô minh hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với vô minh hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tưởng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Bố thí ba-la-mật-đa hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với Bố thí ba-la-mật-đa hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với Bố thí ba-la-mật-đa hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với Bố thí ba-la-mật-đa hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với Bố thí ba-la-mật-đa hoặc làm

cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tưởng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với pháp không bên trong hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với pháp không bên trong hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với pháp không bên trong hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với pháp không bên trong hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với pháp không bên trong hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tưởng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với chân như hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoặc làm cho lớn cho

nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với chân như hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với chân như hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với chân như hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với chân như hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tưởng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Thánh đế khổ hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với Thánh đế khổ hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với Thánh đế khổ hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với Thánh đế khổ hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với Thánh đế khổ hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tưởng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với bốn Tĩnh lự hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với bốn Tĩnh lự hoặc làm cho

nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với bốn Tĩnh lự hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với bốn Tĩnh lự hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với bốn Tĩnh lự hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tưởng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với tám Giải thoát hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với tám Giải thoát hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với tám Giải thoát hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với tám Giải thoát hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với tám Giải thoát hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tưởng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với bốn Niệm trụ hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm

Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với bốn Niệm trụ hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với bốn Niệm trụ hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với bốn Niệm trụ hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với bốn Niệm trụ hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tưởng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với pháp môn giải thoát Không hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với pháp môn giải thoát Không hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với pháp môn giải thoát Không hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với pháp môn giải thoát Không hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với pháp môn giải thoát Không hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tưởng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với năm loại mắt hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với sáu phép thần thông hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với năm loại mắt hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với sáu phép thần thông hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với năm loại mắt hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với sáu phép thần thông hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với năm loại mắt hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với sáu phép thần thông hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với năm loại mắt hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với sáu phép thần thông hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tưởng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 179

Phẩm 32: KHEN NGỢI BÁT-NHÃ (8)

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với mười lực của Phật hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với mười lực của Phật hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với mười lực của Phật hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với mười lực của Phật hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với mười lực của Phật hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tưởng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với pháp không quên mất hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với tánh luôn luôn xả hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với pháp không quên mất hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với tánh luôn luôn xả hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho

nhóm tụ cho phân tán; đối với pháp không quên mất hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với tánh luôn luôn xả hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với pháp không quên mất hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với tánh luôn luôn xả hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với pháp không quên mất hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với tánh luôn luôn xả hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tưởng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với trí Nhất thiết hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với trí Nhất thiết hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với trí Nhất thiết hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với trí Nhất thiết hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với trí Nhất thiết hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tưởng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với tất cả pháp môn

Đà-la-ni hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tưởng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Dự lưu hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với Dự lưu hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với Dự lưu hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với Dự lưu hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với Dự lưu hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tưởng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với Dự lưu

hướng, Dự lưu quả hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với Dự lưu hướng, Dự lưu quả hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tưởng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với Độc giác hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với quả vị Độc giác hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với Độc giác hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với quả vị Độc giác hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với Độc giác hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với quả vị Độc giác hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với Độc giác hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với quả vị Độc giác hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với Độc giác hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với quả vị Độc giác hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tưởng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với các Đại Bồ-tát hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với hạnh Đại Bồ-tát hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với các Đại Bồ-tát hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với hạnh Đại Bồ-tát hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với các Đại Bồ-tát hoặc làm cho có hạn lượng cho không

có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với hạnh Đại Bồ-tát hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với các Đại Bồ-tát hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với hạnh Đại Bồ-tát hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với các Đại Bồ-tát hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với hạnh Đại Bồ-tát hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tưởng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng; đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức; đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tưởng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khởi tưởng thế này: Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế đối với tất cả pháp hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với tất cả pháp hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán; đối với tất cả pháp hoặc làm cho có hạn lượng cho không có hạn lượng, chẳng làm cho có hạn lượng cho

không có hạn lượng; đối với tất cả pháp hoặc làm cho rộng cho hẹp, chẳng làm cho rộng cho hẹp; đối với tất cả pháp hoặc làm cho có sức cho không có sức, chẳng làm cho có sức cho không có sức, thì bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tuy gọi là có sở đắc lớn, nhưng chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng phải có tưởng hữu sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì hữu tình không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì hữu tình không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì hữu tình không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì hữu tình không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì hữu tình là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì hữu tình vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì hữu tình vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì hữu tình xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì hữu tình tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì hữu tình chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì hữu tình chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì hữu tình dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì hữu tình chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì sắc không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì thọ, tưởng, hành, thức không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì sắc không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì thọ, tưởng, hành, thức không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì sắc không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì thọ, tưởng, hành, thức không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì sắc không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì thọ, tưởng, hành, thức không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì sắc là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì thọ, tưởng, hành, thức là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì sắc vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì thọ, tưởng, hành, thức vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì sắc vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì thọ, tưởng, hành, thức vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì sắc là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng là xa lìa; vì thọ,

tưởng, hành, thức là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng là xa lìa; vì sắc tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì thọ, tưởng, hành, thức tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì sắc chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì sắc chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì sắc dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì thọ, tưởng, hành, thức dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì sắc chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì thọ, tưởng, hành, thức chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì nhãn xứ không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì nhãn xứ không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì nhãn xứ không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì nhãn xứ không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì nhãn xứ là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì nhãn xứ vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì nhãn xứ vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì nhãn xứ xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì nhãn xứ tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì nhãn xứ chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng

chẳng thể nắm bắt được; vì nhãn xứ chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì nhãn xứ dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì nhãn xứ chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì sắc xứ không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì sắc xứ không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì sắc xứ không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì sắc xứ không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì sắc xứ là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì sắc xứ vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì sắc xứ vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì sắc xứ xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì sắc xứ tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì sắc xứ chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì sắc xứ chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ

bàn; vì sắc xứ dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì sắc xứ chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì nhãn giới không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì nhãn giới không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì nhãn giới không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì nhãn giới không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì nhãn giới là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì nhãn giới vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì nhãn giới vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì nhãn giới xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì nhãn giới tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì nhãn giới chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì nhãn giới chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra

chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì nhãn giới dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì nhãn giới chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì nhĩ giới không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì nhĩ giới không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì nhĩ giới không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì nhĩ giới không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì nhĩ giới là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì nhĩ giới vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì nhĩ giới vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì nhĩ giới xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì nhĩ giới tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì nhĩ giới chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì nhĩ giới chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng

thể nghĩ bàn; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì nhĩ giới dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì nhĩ giới chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì tỷ giới không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì tỷ giới không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì tỷ giới không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì tỷ giới không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì tỷ giới là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì tỷ giới vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì tỷ giới vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì tỷ giới xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì tỷ giới tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì tỷ giới chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nắm

bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì tỷ giới chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì tỷ giới dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì tỷ giới chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì thiệt giới không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì thiệt giới không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì thiệt giới không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì thiệt giới không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì thiệt giới là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì thiệt giới vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì thiệt giới vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì thiệt giới xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì thiệt giới tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì thiệt giới chẳng thể nắm

bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì thiệt giới chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì thiệt giới dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì thiệt giới chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì thân giới không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì thân giới không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì thân giới không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì thân giới không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì thân giới là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì thân giới vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì thân giới vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì thân giới xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì thân giới tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa

cũng tịch tĩnh; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì thân giới chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì thân giới chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì thân giới dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì thân giới chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì ý giới không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì ý giới không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì ý giới không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì ý giới không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì ý giới là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì ý giới vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì ý giới vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì ý giới xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì ý giới tịch tĩnh, nên

biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì ý giới chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì ý giới chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì ý giới dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì ý giới chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì địa giới không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì địa giới không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì địa giới không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì địa giới không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì địa giới là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì địa giới vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì địa giới vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì địa giới xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì địa giới tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì địa giới chẳng thể

nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì địa giới chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì địa giới dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì địa giới chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì vô minh không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì vô minh không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì vô minh không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì vô minh không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì vô minh là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì vô minh vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì vô minh vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì vô minh xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì vô minh tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì vô minh chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng

thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì vô minh chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì vô minh dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì vô minh chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 180

Phẩm 32: KHEN NGỢI BÁT-NHÃ (9)

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì Bố thí ba-la-mật-đa không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự ba-la-mật-đa không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì Bố thí ba-la-mật-đa không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì Tịnh giới cho đến Tĩnh lự ba-la-mật-đa không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì Bố thí ba-la-mật-đa không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì Tịnh giới cho đến Tĩnh lự ba-la-mật-đa không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì Bố thí ba-la-mật-đa không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì Tịnh giới cho đến Tĩnh lự ba-la-mật-đa không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì Bố thí ba-la-mật-đa là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì Tịnh giới cho đến Tĩnh lự ba-la-mật-đa là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì Bố thí ba-la-mật-đa vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì Tịnh giới cho đến Tĩnh lự ba-la-mật-đa vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì Bố thí ba-la-mật-đa vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì Tịnh giới cho đến Tĩnh lự ba-la-mật-đa vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì Bố thí ba-la-mật-đa là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì Tịnh giới cho đến Tĩnh lự ba-la-mật-đa là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì Bố thí ba-la-mật-đa tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì Tịnh giới cho đến Tĩnh lự ba-la-mật-đa tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì Bố thí ba-la-mật-đa chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì Tịnh giới cho đến Tĩnh lự ba-la-mật-đa chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì Bố thí ba-la-mật-đa chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì Tịnh giới cho

đến Tĩnh lự ba-la-mật-đa chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì Bố thí ba-la-mật-đa dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì Tịnh giới cho đến Tĩnh lự ba-la-mật-đa dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì Bố thí ba-la-mật-đa chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì Tịnh giới cho đến Tĩnh lự ba-la-mật-đa chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì pháp không bên trong không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì pháp không bên trong không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì pháp không bên trong không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì pháp không bên trong không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì pháp không bên trong là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì pháp không bên trong vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì pháp không bên trong vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì pháp không bên trong là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không

tánh tự tánh là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì pháp không bên trong tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì pháp không bên trong chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì pháp không bên trong chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì pháp không bên trong dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì pháp không bên trong chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì chân như không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì chân như không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì chân như không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì chân như không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì chân như là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì chân như vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì chân như vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-

mật-đa cũng vô nguyện; vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì chân như là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì chân như tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì chân như chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì chân như chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì chân như dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì chân như chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì Thánh đế khổ không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì Thánh đế tập, diệt, đạo không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì Thánh đế khổ không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì Thánh đế tập, diệt, đạo không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì Thánh đế khổ không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì Thánh đế tập, diệt, đạo không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì Thánh đế khổ không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì Thánh đế tập, diệt, đạo không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì Thánh đế khổ là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì Thánh đế tập, diệt, đạo là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì Thánh đế khổ vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì Thánh đế tập, diệt, đạo vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì Thánh đế khổ vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì Thánh đế tập, diệt, đạo vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì Thánh đế khổ là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì

Thánh đế tập, diệt, đạo là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì Thánh đế khổ tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì Thánh đế tập, diệt, đạo tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì Thánh đế khổ chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì Thánh đế khổ chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì Thánh đế khổ dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì Thánh đế tập, diệt, đạo dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì Thánh đế khổ chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì bốn Tĩnh lự không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì bốn Tĩnh lự không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì bốn Tĩnh lự không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì bốn Tĩnh lự không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì bốn Tĩnh lự là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì bốn Tĩnh lự vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì bốn Tĩnh lự vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì bốn Tĩnh lự là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì bốn Tĩnh lự tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch

tĩnh; vì bốn Tĩnh lự chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì bốn Tĩnh lự chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì bốn Tĩnh lự dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì bốn Tĩnh lự chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì tám Giải thoát không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì tám Giải thoát không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì tám Giải thoát không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì tám Giải thoát không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì tám Giải thoát là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì tám Giải thoát vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì tám Giải thoát vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì tám Giải thoát là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì tám Giải thoát tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì tám Giải thoát chẳng thể nắm bắt được, nên biết

Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì tám Giải thoát chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì tám Giải thoát dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì tám Giải thoát chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì bốn Niệm trụ không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì bốn Niệm trụ không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì bốn Niệm trụ không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì bốn Niệm trụ không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì bốn Niệm trụ là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì bốn Niệm trụ vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì bốn Niệm trụ vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì bốn Niệm trụ là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì bốn Niệm trụ tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì

bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì bốn Niệm trụ chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì bốn Niệm trụ chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì bốn Niệm trụ dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì bốn Niệm trụ chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì pháp môn giải thoát Không không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì pháp môn giải thoát Không không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì pháp môn giải thoát Không không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì pháp môn giải thoát Không không sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sở hữu; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sở hữu; vì pháp môn giải thoát Không là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì pháp môn giải thoát Không là vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì pháp môn giải thoát Không là vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì pháp môn giải thoát Không là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện

là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì pháp môn giải thoát Không tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì pháp môn giải thoát Không chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì pháp môn giải thoát Không chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì pháp môn giải thoát Không dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì pháp môn giải thoát Không chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì năm loại mắt không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì sáu phép thần thông không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì năm loại mắt không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì sáu phép thần thông không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì năm loại mắt không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì sáu phép thần thông không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì năm loại mắt không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì sáu phép thần thông không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì năm loại mắt là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì sáu phép thần thông là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì năm loại mắt vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì sáu phép thần thông vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì năm loại mắt vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì sáu phép thần thông vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì năm loại mắt là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì sáu phép thần thông là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì năm loại mắt tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì sáu phép thần thông tịch

tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì năm loại mắt chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì sáu phép thần thông chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì năm loại mắt chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì sáu phép thần thông chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì năm loại mắt dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì sáu phép thần thông dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì năm loại mắt chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì sáu phép thần thông chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì mười lực của Phật không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì mười lực của Phật không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì mười lực của Phật không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì mười lực của Phật không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì mười lực của Phật là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì mười lực của Phật vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì mười lực của Phật vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì mười lực của Phật là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì mười lực của Phật tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-

mật-đa cũng tịch tĩnh; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì mười lực của Phật chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì mười lực của Phật chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì mười lực của Phật dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì mười lực của Phật chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì pháp không quên mất không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì tánh luôn luôn xả không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì pháp không quên mất không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì tánh luôn luôn xả không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì pháp không quên mất không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì tánh luôn luôn xả không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì pháp không quên mất không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì tánh luôn luôn xả không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì pháp không quên mất là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì tánh luôn luôn xả là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì pháp không quên mất vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì tánh luôn luôn xả vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì pháp không quên mất vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì tánh luôn luôn xả vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì pháp không quên mất là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì tánh luôn luôn xả là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì pháp không quên mất tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì tánh luôn luôn xả tịch tĩnh,

nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì pháp không quên mất chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì tánh luôn luôn xả chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì pháp không quên mất chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì tánh luôn luôn xả chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì pháp không quên mất dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì tánh luôn luôn xả dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì pháp không quên mất chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì tánh luôn luôn xả chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì trí Nhất thiết không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì trí Nhất thiết không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì trí Nhất thiết không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì trí Nhất thiết không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì trí Nhất thiết là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì trí Nhất thiết vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì trí Nhất thiết vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì trí Nhất thiết là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì trí Nhất thiết tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì trí Nhất thiết chẳng thể nắm bắt được, nên

biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì trí Nhất thiết chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì trí Nhất thiết dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì trí Nhất thiết chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì tất cả pháp môn Đà-la-ni không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì tất

cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì Dự lưu không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì Dự lưu không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì Dự lưu không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì Dự lưu không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì Dự lưu là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì Dự lưu vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì Dự lưu vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì Dự lưu là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì Dự lưu tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì Dự lưu chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì Dự lưu chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán chẳng thể nghĩ bàn, nên biết

Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì Dự lưu dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì Dự lưu chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 181

Phẩm 32: KHEN NGỢI BÁT-NHÃ (10)

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả

chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì Nhất lai hướng cho đến A-la-hán quả chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì Độc giác không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì quả vị Độc giác không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì Độc giác không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì quả vị Độc giác không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì Độc giác không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì quả vị Độc giác không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì Độc giác không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì quả vị Độc giác không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì Độc giác là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì quả vị Độc giác là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì Độc giác vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì quả vị Độc giác vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì Độc giác vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì quả vị Độc giác vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì Độc giác là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì quả vị Độc giác là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì Độc giác tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì quả vị Độc giác tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì Độc giác chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì quả vị Độc giác chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì Độc giác chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì quả vị Độc giác chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì Độc giác dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì quả vị Độc giác dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-

nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì Độc giác chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì quả vị Độc giác chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì Đại Bồ-tát không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì hạnh Đại Bồ-tát không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì Đại Bồ-tát không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì hạnh Đại Bồ-tát không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì Đại Bồ-tát không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì hạnh Đại Bồ-tát không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì Đại Bồ-tát không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì hạnh Đại Bồ-tát không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì Đại Bồ-tát là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì hạnh Đại Bồ-tát là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì Đại Bồ-tát vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì hạnh Đại Bồ-tát vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì Đại Bồ-tát vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì hạnh Đại Bồ-tát vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì Đại Bồ-tát là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì hạnh Đại Bồ-tát là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì Đại Bồ-tát tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì hạnh Đại Bồ-tát tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì Đại Bồ-tát chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì hạnh Đại Bồ-tát chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì Đại Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì hạnh Đại Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì Đại Bồ-tát dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì hạnh Đại Bồ-tát dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì Đại Bồ-tát chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì hạnh Đại Bồ-tát chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa

của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì quả vị Giác ngộ cao tột không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì quả vị Giác ngộ cao tột không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì quả vị Giác ngộ cao tột không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì quả vị Giác ngộ cao tột không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì quả vị Giác ngộ cao tột là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì quả vị Giác ngộ cao tột vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì quả vị Giác ngộ cao tột vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì quả vị Giác ngộ cao tột là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì quả vị Giác ngộ cao tột tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì quả vị Giác ngộ cao tột chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì quả vị Giác ngộ cao tột chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì quả vị Giác ngộ cao tột dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì quả vị Giác ngộ cao tột chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì tất cả pháp không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì tất cả pháp không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì tất cả pháp không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì tất cả pháp không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì tất cả pháp là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì tất cả pháp vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì tất cả pháp vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì tất cả pháp là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì tất cả pháp tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì tất cả pháp chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì tất cả pháp chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì tất cả pháp dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết vì tất cả pháp chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

M

Phẩm 33: HỦY BÁNG BÁT-NHÃ

Bấy giờ, Cụ thọ Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này có khả năng tin hiểu thì vị ấy đã ở từ cõi nào mà sinh vào cõi này?

Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột đã trải qua thời gian ra sao?

Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy đã từng gần gũi cúng dường bao nhiêu Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác?

Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tu tập các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa đã trải qua bao lâu?

Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát ấy tin hiểu nghĩa lý cao xa của Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu ấy như thế nào?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này có khả năng tin hiểu là vị ấy đã từ trong pháp hội của vô số, vô lượng, vô biên chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở mười phương thế giới mà sinh vào cõi này.

Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột đã trải qua vô số, vô lượng, vô biên trăm ngàn ức vô số kiếp.

Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy đã từng gần gũi cúng dường vô số, vô lượng, vô biên chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể lường tính.

Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy từ lúc mới phát tâm thường xuyên tu tập Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, đã trải qua vô số, vô lượng, vô biên trăm ngàn ức vô số kiếp.

Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy thấy Bát-nhã ba-la-mật-đa này thì liền nghĩ là ta được thấy Phật; nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa này thì liền nghĩ là ta được nghe Phật nói.

Này Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy dùng không tướng, không hai, không sở đắc làm phương tiện nên có khả năng tin hiểu nghĩa lý sâu xa của Bát-nhã ba-la-mật-đa này.

Lúc này, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu như vậy có thể nghe, có thể thấy chăng?

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thật không có chủ thể nghe, thấy. Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế, cũng chẳng phải là đối tượng được nghe, thấy. Vì sao? Thiện Hiện, sắc không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật; thọ, tưởng, hành, thức không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật.

Này Thiện Hiện, nhãn xứ không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật. Sắc xứ không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật.

Này Thiện Hiện, nhãn giới không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật; nhĩ giới không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật; tỷ giới không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật; thiệt giới không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không nghe không

thấy vì các pháp vốn ẩn mật; thân giới không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật; ý giới không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật.

Này Thiện Hiện, địa giới không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật; thủy, hỏa, phong, không, thức giới không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật.

Này Thiện Hiện, vô minh không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật.

Này Thiện Hiện, Bố thí ba-la-mật-đa không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật.

Này Thiện Hiện, pháp không bên trong không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật.

Này Thiện Hiện, chân như không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật; pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật.

Này Thiện Hiện, Thánh đế khổ không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật; Thánh đế tập, diệt, đạo không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật.

Này Thiện Hiện, bốn Tĩnh lự không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật.

Này Thiện Hiện, tám Giải thoát không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ không nghe

không thấy vì các pháp vốn ẩn mật.

Này Thiện Hiện, bốn Niệm trụ không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật.

Này Thiện Hiện, pháp môn giải thoát Không không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật.

Này Thiện Hiện, năm loại mắt không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật; sáu phép thần thông không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật.

Này Thiện Hiện, mười lực của Phật không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật.

Này Thiện Hiện, pháp không quên mất không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật; tánh luôn luôn xả không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật.

Này Thiện Hiện, trí Nhất thiết không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật.

Này Thiện Hiện, tất cả pháp môn Đà-la-ni không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật; tất cả pháp môn Tam-ma-địa không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật.

Này Thiện Hiện, Dự lưu không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật; Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật.

Này Thiện Hiện, Dự lưu hướng, Dự lưu quả không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật; Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật.

Này Thiện Hiện, Độc giác không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật; quả vị Độc giác không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật.

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật; hạnh Đại Bồ-tát không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật.

Này Thiện Hiện, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không nghe không

thấy vì các pháp vốn ẩn mật; quả vị Giác ngộ cao tột không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật.

Này Thiện Hiện, tất cả pháp không nghe không thấy vì các pháp vốn ẩn mật.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tích chứa công hạnh bao lâu mới có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu?

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, đối với việc ấy cần phải phân biệt mà nói.

Này Thiện Hiện, có Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm liền có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu; cũng có khả năng tu học Tĩnh lự ba-la-mật-đa, Tinh tấn ba-la-mật-đa, An nhẫn ba-la-mật-đa, Tịnh giới ba-la-mật-đa, Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát ấy vì có phương tiện thiện xảo, nên chẳng hủy báng các pháp. Đối với tất cả pháp chẳng tăng chẳng giảm, Đại Bồ-tát ấy thường chẳng xa lìa hạnh tương ưng với Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; cũng thường chẳng xa lìa chư Phật Thế Tôn và các chúng Đại Bồ-tát. Đại Bồ-tát ấy từ cõi Phật này đến cõi Phật khác muốn đem các thứ ngọc báu, vật dụng thượng hạng cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn và các Đại Bồ-tát… thành tựu như ý, cũng có khả năng ở chỗ các Đức Như Lai kia vun trồng các căn lành. Đại Bồ-tát ấy tùy theo chỗ thọ thân chẳng vào bào thai mẹ để sinh ra. Đại Bồ-tát ấy tâm thường chẳng lẫn lộn với phiền não cũng chẳng từng khởi tâm Nhị thừa. Đại Bồ-tát ấy thường chẳng xa lìa các pháp thần thông thù thắng, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác đem lại mọi thành tựu cho các hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật.

Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát ấy đúng là có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu.

Này Thiện Hiện, có các thiện nam, thiện nữ ở Bồ-tát thừa tuy đã từng thấy nhiều Đức Phật, hoặc nhiều trăm Đức Phật, hoặc nhiều ngàn Đức Phật, hoặc nhiều trăm ngàn Đức Phật, hoặc nhiều ức Đức Phật, hoặc nhiều trăm ức Đức Phật, hoặc nhiều ngàn ức Đức Phật, hoặc nhiều trăm ngàn ức Đức Phật, hoặc nhiều trăm ngàn ức vô số Đức Phật, ở chỗ các Đức Phật cũng đã tu tập nhiều về Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã, nhưng vì lấy hữu sở đắc làm phương tiện, nên chẳng có khả năng tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu; cũng chẳng có khả năng tu học Tĩnh lự ba-la-mật-đa, Tinh tấn ba-la-mật-đa, An nhẫn ba-la-mật-đa, Tịnh giới ba-

la-mật-đa, Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Thiện Hiện, thiện nam, thiện nữ ấy nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu như thế, liền từ chỗ ngồi đức dậy, rời chúng mà đi.

Này Thiện Hiện, các thiện nam, thiện nữ ấy chẳng kính Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, cũng chẳng kính Phật, đã lìa bỏ Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, cũng rời bỏ các Đức Phật, hiện nay trong chúng này, cũng có hạng như thế, nghe ta nói Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu ấy thì tâm chẳng vui thích, rời chúng bỏ đi. Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ ấy đời trước nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu đã từng bỏ đi; đời này nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế, do tập khí đời trước, nên cũng bỏ đi; Thiện nam, thiện nữ ấy đối với việc nói Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu này, thân, ngữ và tâm đều chẳng hòa hợp; do việc làm ấy, càng tăng trưởng ngu si, ác tuệ, tạo tác tội lỗi nên nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu như thế liền hủy báng, gây chướng ngại, hoặc lìa bỏ. Người ấy đã hủy báng, gây chướng ngại, lìa bỏ Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế tức là đã hủy báng, gây chướng ngại, lìa bỏ trí Nhất thiết tướng của chư Phật trong quá khứ, vị lai, hiện tại. Người ấy do hủy báng, gây chướng ngại, lìa bỏ trí Nhất thiết tướng của chư Phật trong quá khứ, vị lai, hiện tại nên liền tạo tác làm tăng trưởng nẻo nghiệp xấu xa lìa chánh pháp. Người ấy do tạo tác, làm tăng trưởng nẻo nghiệp xấu xa lìa chánh pháp, nên bị đọa vào địa ngục lớn trải qua nhiều năm, hoặc nhiều trăm năm, hoặc nhiều ngàn năm, hoặc nhiều trăm ngàn năm, hoặc nhiều ức năm, hoặc nhiều trăm ức năm, hoặc nhiều ngàn ức năm, hoặc nhiều trăm ngàn ức năm, hoặc nhiều trăm ngàn ức vô số năm, ở trong địa ngục lớn chịu các nỗi khổ độc hại dữ dội; vì người ấy bị trọng tội, nên ở thế giới này, từ đại địa ngục nọ tới đại địa ngục kia, cho đến thời kỳ hỏa kiếp, thủy kiếp, phong kiếp chưa khởi tới nay, vẫn còn phải chịu các khổ não độc hại dữ dội; hoặc ở thế giới này, khi hỏa kiếp, thủy kiếp, phong kiếp khởi lên, nghiệp xấu xa lìa chánh pháp ấy vẫn còn; sau khi chết rồi chuyển sinh vào thế giới phương khác, cùng với đồng loại ấy ở trong đại địa ngục trải qua nhiều năm, hoặc nhiều trăm năm, hoặc nhiều ngàn năm, hoặc nhiều trăm ngàn năm, hoặc nhiều ức năm, hoặc nhiều trăm ức năm, hoặc nhiều ngàn ức năm, hoặc nhiều trăm ngàn ức năm, hoặc nhiều trăm ngàn ức vô số năm, ở trong đại địa ngục chịu các nỗi khổ não độc hại to lớn dữ dội. Vì người ấy bị trọng tội, nên ở thế giới này, từ đại địa ngục nọ tới đại địa ngục kia, cho đến thời kỳ hỏa kiếp, thủy kiếp, phong kiếp chưa khởi đến nay chịu các nỗi khổ não độc hại kịch liệt; hoặc ở thế giới này, khi hỏa kiếp, thủy kiếp, phong kiếp dấy khởi, nghiệp xấu xa lìa

chánh pháp của người ấy vẫn còn, khi chết chuyển sinh vào thế giới phương khác, cùng với đồng loại ấy ở trong đại địa ngục trải qua nhiều năm, hoặc nhiều trăm năm, hoặc nhiều ngàn năm, hoặc nhiều trăm ngàn năm, hoặc nhiều ức năm, hoặc nhiều trăm ức năm, hoặc nhiều ngàn ức năm, hoặc nhiều trăm ngàn ức năm, hoặc nhiều trăm ngàn ức vô số năm, ở trong đại địa ngục chịu các nỗi khổ não độc hại kịch liệt; vì người ấy bị trọng tội, nên ở thế giới khác, từ đại địa ngục này đến đại địa ngục nọ, cho tới hỏa kiếp, thủy kiếp, phong kiếp chưa khởi đến nay, chịu các nỗi khổ não độc hại hết sức dữ dội. Lần lượt như thế, trải qua các thế giới khác nơi phương Đông, ở trong đại địa ngục chịu các nỗi khổ não độc hại hết sức kịch liệt; lần lượt như thế, trải qua các thế giới khác nơi phương Nam, ở trong đại địa ngục chịu các nỗi khổ não độc hại kịch liệt; lần lượt như thế, trải qua các thế giới khác nơi phương Tây, ở trong đại địa ngục chịu các nỗi khổ não độc hại kịch liệt; lần lượt như thế, trải qua các thế giới khác nơi phương Bắc, ở trong đại địa ngục chịu các nỗi khổ não độc hại kịch liệt; lần lượt như thế, trải qua các thế giới khác nơi hướng đông bắc, ở trong đại địa ngục chịu các nỗi khổ não độc hại kịch liệt; lần lượt như thế, trải qua các thế giới khác nơi hướng Đông nam, ở trong đại địa ngục chịu các nỗi khổ não độc hại kịch liệt; lần lượt như thế, trải qua các thế giới khác nơi hướng Tây nam, ở trong đại địa ngục chịu các nỗi khổ não độc hại kịch liệt; lần lượt như thế, trải qua các thế giới khác nơi hướng Tây bắc, ở trong đại địa ngục chịu các nỗi khổ não độc hại kịch liệt; lần lượt như thế, trải qua các thế giới khác nơi phương Dưới, ở trong đại địa ngục chịu các nỗi khổ não độc hại kịch liệt; lần lượt như thế, trải qua các thế giới khác nơi phương Trên, ở trong đại địa ngục chịu các nỗi khổ não độc hại kịch liệt. Hoặc các thế giới khác trong mười phương kia, khi hỏa kiếp, thủy kiếp, phong kiếp khởi, vì nghiệp xấu xa lìa chánh pháp của kẻ ấy chưa hết, nên sau khi chết sinh vào trong đại địa ngục ở thế gian này, từ đại địa ngục nọ tới đại địa ngục kia, cho đến hỏa kiếp, thủy kiếp, phong kiếp chưa khởi đến nay, chịu các nỗi khổ não độc hại kịch liệt; hoặc ở thế giới này khi hỏa kiếp, thủy kiếp, phong kiếp khởi, vì nghiệp xấu xa lìa chánh pháp của kẻ ấy chưa hết, sau khi chết lại sinh vào thế giới khác nữa, trải qua khắp các đại địa ngục trong mười phương, chịu các nỗi khổ não độc hại hết sức dữ dội. Cứ luân hồi như vậy trải qua vô số kiếp, nghiệp dữ xa lìa chánh pháp của người kia giảm dần, từ đại địa ngục thoát ra, đọa vào bàng sinh, trải qua nhiều năm, hoặc nhiều trăm năm, hoặc nhiều ngàn năm, hoặc nhiều trăm ngàn năm, hoặc nhiều ức năm, hoặc nhiều trăm ức năm, hoặc nhiều ngàn ức

năm, hoặc nhiều trăm ngàn ức năm, hoặc nhiều trăm ngàn ức vô số năm thọ thân bàng sinh, chịu đủ các thứ khổ tàn hại bức bách, vì tội chưa hết, nên ở thế gian này, từ nơi hiểm ác này đến nơi hiểm ác kia, tới khi hỏa kiếp, thủy kiếp, phong kiếp chưa khởi cho đến nay, chịu đủ các thứ khổ tàn hại bức bách. Hoặc ở thế giới này khi tam tai hết, nghiệp lực xấu xa lìa chánh pháp của kẻ ấy còn sót lại chưa hết, nên sau khi chết, chuyển sinh vào thế giới phương khác, cùng với đồng loại trong loài bàng sinh này, trải qua nhiều năm, hoặc nhiều trăm năm cho đến hoặc nhiều trăm ngàn ức vô số năm thọ thân bàng sinh chịu đủ các thứ khổ tàn hại bức bách, vì tội chưa hết, còn ở thế giới khác từ nơi hiểm ác này đến nơi hiểm ác khác, cho tới khi hỏa kiếp, thủy kiếp, phong kiếp chưa khởi đến nay, chịu đủ các thứ khổ tàn hại bức bách; hoặc ở thế giới khác, khi tam tai hết, nghiệp lực xấu xa lìa chánh pháp của kẻ ấy còn sót lại chưa hết, cho nên sau khi chết, chuyển sinh vào thế giới phương khác, cùng với đồng loại trong loài bàng sinh này, trải qua nhiều năm, hoặc nhiều trăm năm cho đến hoặc nhiều trăm ngàn ức vô số năm thọ thân bàng sinh chịu đủ các thứ khổ tàn hại bức bách, vì tội chưa hết, nên ở thế giới khác, từ nơi hiểm ác này đến nơi hiểm ác nọ, cho tới khi hỏa kiếp, thủy kiếp, phong kiếp chưa khởi đến nay, chịu đủ các thứ khổ tàn hại bức bách. Lần lượt như vậy, trải khắp các thế giới khác trong mười phương, thọ thân bàng sinh, chịu đủ các thứ khổ tàn hại bức bách; hoặc ở thế giới khác trong mười phương kia, khi tam tai hoại, nghiệp lực xấu xa lìa chánh pháp của người kia chưa hết, sau khi chết sinh lại trong loài bàng sinh ở thế giới này, từ nơi hiểm ác nọ đến nơi hiểm ác kia, cho tới khi hỏa kiếp, thủy kiếp, phong kiếp chưa khởi đến nay, chịu đủ các thứ khổ tàn hại bức bách; hoặc ở thế giới này khi tam tai hoại, nghiệp lực xấu xa lìa chánh pháp của người kia chưa hết, sau khi chết lại sinh vào thế giới khác nữa, trải qua khắp loài bàng sinh trong mười phương, chịu đủ các thứ khổ. Xoay vần như vậy, trải qua vô số kiếp, nghiệp lực xấu xa lìa chánh pháp của người kia mỏng dần, thoát khỏi bàng sinh, đọa vào loài quỷ, trải qua nhiều năm, hoặc nhiều trăm năm, hoặc nhiều ngàn năm, hoặc nhiều trăm ngàn năm, hoặc nhiều ức năm, hoặc nhiều trăm ức năm, hoặc nhiều ngàn ức năm, hoặc nhiều trăm ngàn ức năm, hoặc nhiều trăm ngàn ức vô số năm ở trong loài quỷ, chịu đủ các thứ khổ về gầy ốm đói khát; vì tội chưa hết, nên ở thế giới này, từ chốn ngạ quỷ nọ đến chốn ngạ quỷ kia, cho tới khi hỏa kiếp, thủy kiếp, phong kiếp chưa khởi đến nay, chịu đủ các thứ khổ về gầy ốm đói khát; hoặc ở thế giới này, khi tam tai hoại, nghiệp lực xấu xa lìa chánh pháp của kẻ ấy còn sót lại chưa

hết, nên sau khi chết, chuyển sinh vào thế giới phương khác cùng với đồng loại trong loài ngạ quỷ này, trải qua nhiều năm, hoặc nhiều trăm năm cho đến hoặc nhiều trăm ngàn ức vô số năm ở trong loài ngạ quỷ chịu đủ các thứ khổ về gầy ốm đói khát; vì tội chưa hết, nên ở thế giới khác, từ chốn ngạ quỷ này đến chốn ngạ quỷ kia, cho tới khi hỏa kiếp, thủy kiếp, phong kiếp chưa khởi đến nay chịu đủ các thứ khổ về gầy ốm đói khát; hoặc ở thế giới khác, khi tam tai hoại, nghiệp lực xấu xa lìa chánh pháp của người ấy còn sót lại chưa hết, nên sau khi chết, chuyển sinh vào thế giới phương khác, cùng với đồng loại trong loài ngạ quỷ này, trải qua nhiều năm, hoặc nhiều trăm năm cho đến hoặc nhiều trăm ngàn ức vô số năm, ở trong loài ngạ quỷ, chịu đủ các thứ khổ về gầy ốm đói khát; vì tội chưa hết, nên ở thế giới khác, từ chốn ngạ quỷ này đến chốn ngạ quỷ nọ, cho tới khi hỏa kiếp, thủy kiếp, phong kiếp chưa khởi đến nay, chịu đủ các thứ khổ về gầy ốm đói khát. Lần lượt như thế, trải qua khắp các thế giới khác trong mười phương, ở nơi loài ngạ quỷ, chịu đủ các thứ khổ về gầy ốm đói khát; hoặc ở thế giới khác trong mười phương kia, khi tam tai hoại, nghiệp lực xấu xa lìa chánh pháp của người ấy còn sót lại chưa hết, sau khi chết lại sinh trong loài ngạ quỷ ở thế gian này, từ chốn ngạ quỷ này đến chốn ngạ quỷ kia, cho tới khi hỏa kiếp, thủy kiếp, phong kiếp chưa khởi đến nay, chịu đủ các thứ khổ về gầy ốm đói khát; hoặc ở thế giới này khi tam tai hoại, nghiệp lực xấu xa lìa chánh pháp của người kia còn sót lại chưa hết, sau khi chết lại sinh vào thế giới khác, trải khắp loài ngạ quỷ trong mười phương, chịu đủ các khổ. Xoay vần như vậy, trải qua vô số kiếp, nghiệp lực xấu xa lìa chánh pháp còn sót lại của người kia sắp hết, tuy được làm người nhưng ở nơi chốn hạ tiện, đó là sinh vào nhà người mù bẩm sinh, hoặc gia đình Chiên-đà-la, hoặc nhà lo việc khiêng thây người, hoặc vào nhà chuyên giết hại súc vật, hoặc nhà đánh cá, đi săn, hoặc nhà lao công, hoặc nhà làm trò vui, hoặc nhà theo tà kiến, hoặc nhà giữ các luật nghi xấu ác tạp nhạp; hoặc thọ thân người không có mắt, không có tai, không có mũi, không có lưỡi, không có đầu, không có chân, ung thư, ghẻ lở, phong cuồng, điên khùng, vai gù, lưng cong, lùn xấu, tay co, chân khèo, các căn khiếm khuyết, bần cùng khốn khổ, bướng bỉnh không hiểu biết; phàm làm việc gì đều bị người khinh chê; hoặc tại chỗ sinh ra, hoặc chẳng nghe danh hiệu Phật, danh hiệu Pháp, danh hiệu Tăng, danh hiệu Bồ-tát, danh hiệu Độc giác; hoặc sinh vào thế giới tối tăm, thường không có ngày đêm, chẳng thấy ánh sáng; vì nghiệp xa lìa chánh pháp của người kia đã tạo tác, tăng trưởng quá thâm trọng, nên luôn chịu đủ bao thứ khổ như thế, chẳng được an vui.

Bấy giờ Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nghiệp xấu xa lìa chánh pháp mà người kia đã tạo tác luôn tăng trưởng và mãi bị trôi lăn như thế cùng với nghiệp ngũ vô gián có thể nói là tương tợ chăng?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi Tử, nghiệp xa lìa chánh pháp của người kia rất là lớn nặng, chẳng thể đem so sánh với nghiệp ngũ vô gián! Đó là người kia nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu chẳng tin, lại phỉ báng, chê bai, nói là pháp ấy chẳng phải do chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác diễn thuyết, chẳng phải pháp, chẳng phải luật, chẳng phải lời giáo huấn của đại sư, chúng ta đối với pháp ấy chẳng nên tu học. Người hủy báng chánh pháp ấy, tự hủy báng Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng chỉ bày cho vô lượng hữu tình khác hủy báng, tự làm hại mình, cũng khiến người khác tự hại; tự uống thuốc độc, cũng khiến người khác uống; tự làm mất quả an vui giải thoát sinh Thiên, cũng khiến người khác làm mất; tự gieo thân mình vào lửa địa ngục, cũng khiến người khác gieo thân mình vào lửa địa ngục; tự chẳng tin hiểu Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu, cũng dạy người khác khiến chẳng tin hiểu Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu; tự hãm thân mình chìm trong biển khổ, cũng khiến người khác hãm mình đắm chìm trong biển khổ.

Này Xá-lợi Tử, Ta đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu ấy, hãy còn chẳng khiến cho kẻ hủy báng chánh pháp kia được nghe tới danh tự, huống là vì họ mà thuyết giảng.

Này Xá-lợi Tử, đối với người hủy báng chánh pháp kia, Ta còn chẳng cho các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ-tát thừa, nghe tên của họ, huống là cho tận mắt thấy và cho ở chung. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì các người hủy báng Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu nên biết họ là những kẻ phá hoại chánh pháp, đọa vào loài đen tối như loài ốc sên, tự làm ô uế và làm ô uế kẻ khác, như đống rác thối. Nếu có người tin dùng lời nói của kẻ phá hoại chánh pháp thì cũng phải chịu các nỗi khổ lớn dữ như đã nói ở trước.

Này Xá-lợi Tử, các người phá hoại Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu, nên biết hạng người ấy chính là địa ngục, bàng sinh, ngạ quỷ. Vì vậy mà người trí chẳng nên hủy báng Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu.

Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì duyên cớ gì mà chỉ nói về những kẻ phá hoại chánh pháp ấy bị đọa vào đại địa ngục, bàng sinh, quỷ thú, chịu khổ lâu dài, mà chẳng nói đến thân hình tướng mạo của họ?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi Tử, thôi thôi! Chẳng nên nói về hình dáng và nẻo ác mà kẻ phá hoại chánh pháp ấy phải chịu trong tương lai. Vì sao? Vì nếu ta nói đầy đủ về hình dáng và nẻo ác mà kẻ phá hoại chánh pháp phải chịu trong tương lai, thì kẻ ấy nghe rồi sẽ kinh hoàng sợ hãi tột cùng, đến nỗi phải chết, hoặc suýt bỏ mạng, tâm luôn bối rối lo lắng như bị trúng tên độc, thân khô héo dần như mầm bị cắt. Sợ người kia nghe nói kẻ hủy báng chánh pháp phải chịu thân rất khổ đau, xấu xí như thế, tự chuốc lấy sự kinh hoàng, làm mất thân mạng, ta vì thương xót họ, nên chẳng nói cho người nghe, về thân hình dung mạo của kẻ mắc tội phá hoại chánh pháp.

Xá-lợi Tử bạch:

–Cúi xin Thế Tôn nói về hình dáng và cõi ác mà kẻ phá hoại chánh pháp phải chịu trong tương lai, để răn dạy đời sau biết phá hoại chánh pháp sẽ bị khổ báo to lớn dữ dội như vậy, để họ chẳng còn dám tạo tội ấy.

Phật dạy:

–Này Xá-lợi Tử, những lời Ta nói ở trước đã đủ để làm lời khuyên rõ ràng, nghĩa là các thiện nam, thiện nữ ở đời vị lai, nghe những điều ta đã nói về nghiệp dữ phá hoại chánh pháp, kẻ tạo tác, làm tăng trưởng đến cùng thì bị đọa vào trong các đường dữ: địa ngục, bàng sinh, quỷ giới, chịu khổ lâu dài, như thế là đủ để tự cẩn thận giữ gìn, chẳng nên hủy báng chánh pháp.

Xá-lợi Tử liền bạch Phật:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Thưa vâng, bạch Thiện Thệ! Các thiện nam, thiện nữ ở đời vị lai có lòng tin thanh tịnh nghe Phật trước đã nói về nghiệp dữ phá hủy chánh pháp, phải chịu lấy quả báo khổ não lâu dài, đủ để làm lời răn dạy rõ ràng, nên thà bỏ thân mạng, quyết trọn đời chẳng hủy báng chánh pháp, như thế mình khỏi phải chịu khổ ấy, trong đời vị lai.

Bấy giờ Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu có các hàng thiện nam, thiện nữ thông minh lanh lợi đã nghe Phật giảng nói về kẻ hủy báng chánh pháp, ở đời vị lai sẽ chịu bao thứ khổ báo lâu dài dữ dội, nên khéo giữ gìn các nghiệp về thân, ngữ, ý, đối với chánh pháp chớ phỉ báng, hủy hoại mà bị đọa vào ba đường ác chịu khổ lâu dài, ở trong một thời gian lâu xa, các kẻ ấy chẳng được thấy chư Phật, chẳng được nghe chánh pháp, chẳng được gặp chúng tăng, chẳng được sinh vào quốc độ có Phật; tuy sinh vào loài người nhưng là hạng bần cùng hạ tiện, xấu xí ngu si, các căn nơi thân chẳng đủ, những điều nói ra chẳng ai tin theo.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch:

–Bạch Thế Tôn, sự tạo tác, làm tăng trưởng, dẫn dắt của nghiệp dữ lìa bỏ chánh pháp há chẳng phải là do nguyên nhân từ nghiệp ác ngữ?

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy! Vì chính là do thói quen mê lầm của nghiệp ác ngữ, nên đã tạo tác, làm tăng trưởng, dẫn dắt đưa tới nghiệp dữ lìa bỏ chánh pháp. Trong Chánh pháp luật tạng của Ta, sẽ có những người xuất gia ngu si, tuy họ tôn xưng Ta là Đại Sư, nhưng đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu mà Ta đã nói thì lại phỉ báng, hủy hoại.

Này Thiện Hiện, nên biết, nếu có người hủy báng Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu, tức là hủy báng quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật. Nếu có người hủy báng quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật tức là hủy báng trí Nhất thiết tướng của chư Phật trong quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu có người hủy báng trí Nhất thiết tướng tức là hủy báng Phật. Nếu hủy báng Phật tức là hủy báng Pháp. Nếu hủy báng Pháp tức là hủy báng Tăng. Nếu hủy báng Tăng thì sẽ hủy báng chánh kiến nơi thế gian. Nếu hủy báng hủy báng chánh kiến nơi thế gian thì sẽ hủy báng Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; cũng sẽ hủy báng pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; cũng sẽ hủy báng chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; cũng sẽ hủy báng Thánh đế khổ, Thánh đế tập, Thánh đế diệt, Thánh đế đạo; cũng sẽ hủy báng, bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; cũng sẽ hủy báng tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; cũng sẽ hủy báng bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; cũng sẽ hủy báng pháp môn giải thoát Không, pháp môn giải thoát Vô tướng, pháp môn giải thoát Vô nguyện; cũng sẽ hủy báng năm loại mắt, sáu phép thần thông; cũng sẽ hủy báng mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng; cũng sẽ hủy báng pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; cũng sẽ hủy báng trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; cũng sẽ hủy báng tất cả pháp môn

Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Kẻ ấy do hủy báng các công đức nên phải nhận chịu vô số, vô lượng, vô biên tội lỗi nên phải nhận chịu khổ báo nơi các đại địa ngục, bàng sinh, quỷ giới và vô số, vô lượng, vô biên thống khổ trong loài người.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các người ngu si ấy do những nhân duyên gì mà hủy báng Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu như vậy?

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, do bốn nhân duyên: Một là bị các thứ tà ma mê hoặc, khiến kẻ ngu si hủy báng Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu; hai là đối với pháp thâm diệu chẳng tin hiểu, khiến người ngu si hủy báng Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu; ba là chẳng siêng năng tinh tấn, kiên trì gắn bó với thật tướng của năm uẩn, bị các hàng tri thức xấu ác chi phối, khiến người ngu si hủy báng Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu; bốn là tâm ý chất chứa nhiều sân hận, thích làm việc ác, hay tự cao, khinh mạn chê bai kẻ khác, khiến người ngu si hủy báng Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu như vậy.

Này Thiện Hiện, do gồm đủ bốn thứ nhân duyên như thế, nên những kẻ ngu si đã hủy báng Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu như vậy.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 182

Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (1)

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, do chẳng siêng năng tinh tấn, chưa vun trồng căn lành, đủ căn bất thiện, bị hàng tri thức xấu ác chi phối, nên đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu mà Phật đã giảng nói này, thật khó tin hiểu.

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy! Như ông đã nói, chẳng siêng năng tinh tấn, chưa vun trồng căn lành, đủ căn bất thiện, bị hàng tri thức xấu ác chi phối, nên đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu mà Phật đã giảng nói này, thật khó tin hiểu.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy thâm diệu như thế nào mà khó tin, khó hiểu?

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, sắc chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì sắc không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của sắc. Thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì thọ, tưởng, hành, thức không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức.

Nhãn xứ chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì nhãn xứ không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của nhãn xứ. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ.

Sắc xứ chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì sắc xứ không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của sắc xứ. Thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ.

Nhãn giới chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì nhãn giới

không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của nhãn giới. Sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra.

Nhĩ giới chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì nhĩ giới không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của nhĩ giới. Thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra.

Tỷ giới chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì tỷ giới không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của tỷ giới. Hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra.

Thiệt giới chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì thiệt giới không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của thiệt giới. Vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra.

Thân giới chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì thân giới không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của thân giới. Xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra.

Ý giới chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì ý giới không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của ý giới. Pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra.

Địa giới chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì địa giới không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của địa giới. Thủy, hỏa, phong, không, thức

giới chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới.

Vô minh chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì vô minh không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của vô minh. Hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì hành, thức cho đến sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não.

Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa. Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Pháp không bên trong chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì pháp không bên trong không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của pháp không bên trong. Pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh.

Chân như chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì chân như không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của chân như. Pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Thánh đế khổ chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì Thánh đế khổ không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của Thánh đế khổ. Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì Thánh đế tập, diệt,

đạo không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo.

Bốn Tĩnh lự chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của bốn Tĩnh lự. Bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Tám Giải thoát chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì tám Giải thoát không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của tám Giải thoát. Tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ.

Bốn Niệm trụ chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của bốn Niệm trụ. Bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo.

Pháp môn giải thoát Không chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của pháp môn giải thoát Không. Pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện.

Mười địa Bồ-tát chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì mười địa Bồ-tát không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của mười địa Bồ-tát.

Năm loại mắt chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì năm loại mắt không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của năm loại mắt. Sáu phép thần thông chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì sáu phép thần thông không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của sáu phép thần thông.

Mười lực Phật chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì mười lực của Phật không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của mười lực của Phật. Bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Pháp không quên mất chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì

pháp không quên mất không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của pháp không quên mất; tánh luôn luôn xả chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì tánh luôn luôn xả không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của tánh luôn luôn xả.

Trí Nhất thiết chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì trí Nhất thiết không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của trí Nhất thiết. Trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni. Tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Quả Dự lưu chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì quả Dự lưu không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của quả Dự lưu.

Quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán.

Quả vị Độc giác chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì quả vị Độc giác không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của quả vị Độc giác.

Tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì tất cả hạnh Đại Bồ-tát không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát.

Quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật.

Lại nữa Thiện Hiện, sắc đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì sắc đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của sắc đời trước. Thọ, tưởng, hành, thức đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì thọ, tưởng, hành, thức đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức đời trước.

Nhãn xứ đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì nhãn xứ đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của nhãn xứ đời trước. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ đời trước.

Sắc xứ đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì sắc xứ đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của sắc xứ đời trước. Thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ đời trước.

Nhãn giới đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì nhãn giới đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của nhãn giới đời trước. Sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra đời trước.

Nhĩ giới đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì nhĩ giới đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của nhĩ giới đời trước. Thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra đời trước.

Tỷ giới đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì tỷ giới đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của tỷ giới đời trước. Hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra đời trước.

Thiệt giới đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì thiệt giới đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của thiệt giới đời trước. Vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra đời trước.

Thân giới đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì thân giới đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của thân giới đời trước. xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra đời trước không có tánh sở hữu,

đó là tự tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra đời trước.

Ý giới đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì ý giới đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của ý giới đời trước. Pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đời trước.

Địa giới đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì địa giới đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của địa giới đời trước. Thủy, hỏa, phong, không, thức giới đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới đời trước.

Vô minh đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì vô minh đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của vô minh đời trước. Hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì hành, thức cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não đời trước.

Bố thí ba-la-mật-đa đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa đời trước. Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đời trước.

Pháp không bên trong đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì pháp không bên trong đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của pháp không bên trong đời trước. Pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh đời trước.

Chân như đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì chân như đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của chân như đời trước. Pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đời trước.

Thánh đế khổ đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì Thánh đế khổ đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của Thánh đế khổ đời trước. Thánh đế tập, diệt, đạo đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì Thánh đế tập, diệt, đạo đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo đời trước.

Bốn Tĩnh lự đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của bốn Tĩnh lự đời trước. Bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đời trước.

Tám Giải thoát đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì tám Giải thoát đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của tám Giải thoát đời trước. Tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ đời trước.

Bốn Niệm trụ đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của bốn Niệm trụ đời trước. Bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo đời trước.

Pháp môn giải thoát Không đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của pháp môn giải thoát Không đời trước. Pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đời trước.

Mười địa Bồ-tát đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì mười địa Bồ-tát đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của mười địa Bồ-tát đời trước.

Năm loại mắt đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì năm loại mắt đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của năm loại mắt đời trước. Sáu phép thần thông đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì sáu phép thần thông đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của sáu phép thần thông đời trước.

Mười lực Phật đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì mười lực của Phật đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của mười lực của Phật đời trước. Bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đời trước.

Pháp không quên mất đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì pháp không quên mất đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của pháp không quên mất đời trước. Tánh luôn luôn xả đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì tánh luôn luôn xả đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của tánh luôn luôn xả đời trước.

Trí Nhất thiết đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì trí Nhất thiết đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của trí Nhất thiết đời trước. Trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đời trước.

Tất cả pháp môn Đà-la-ni đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni đời trước. Tất cả pháp môn Tam-ma-địa đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa đời trước.

Quả Dự lưu đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì quả Dự lưu đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của quả Dự lưu đời trước. Quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán

đời trước.

Quả vị Độc giác đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì quả vị Độc giác đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của quả vị Độc giác đời trước.

Tất cả hạnh Đại Bồ-tát đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì tất cả hạnh Đại Bồ-tát đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát đời trước.

Quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật đời trước chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật đời trước không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật đời trước.

Lại nữa Thiện Hiện, sắc đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì sắc đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của sắc đời sau. Thọ, tưởng, hành, thức đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì thọ, tưởng, hành, thức đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức đời sau.

Nhãn xứ đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì nhãn xứ đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của nhãn xứ đời sau. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ đời sau.

Sắc xứ đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì sắc xứ đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của sắc xứ đời sau. Thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ đời sau.

Nhãn giới đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì nhãn giới đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của nhãn giới đời sau. sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra đời sau.

Nhĩ giới đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì nhĩ giới đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của nhĩ giới đời sau. Thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự

tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra đời sau.

Tỷ giới đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì tỷ giới đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của tỷ giới đời sau. Hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra đời sau.

Thiệt giới đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì thiệt giới đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của thiệt giới đời sau. Vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra đời sau.

Thân giới đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì thân giới đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của thân giới đời sau. xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra đời sau.

Ý giới đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì ý giới đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của ý giới đời sau. Pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đời sau.

Địa giới đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì địa giới đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của địa giới đời sau. Thủy, hỏa, phong, không, thức giới đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới đời sau.

Vô minh đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì vô minh đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của vô minh đời sau. Hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não đời sau.

Bố thí ba-la-mật-đa đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao?

Vì Bố thí ba-la-mật-đa đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa đời sau. Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đời sau.

Pháp không bên trong đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì pháp không bên trong đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của pháp không bên trong đời sau. Pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cọng tướng, pháp không tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh đời sau.

Chân như đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì chân như đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của chân như đời sau. Pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đời sau.

Thánh đế khổ đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì Thánh đế khổ đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của Thánh đế khổ đời sau. Thánh đế tập, diệt, đạo đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì Thánh đế tập, diệt, đạo đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo đời sau.

Bốn Tĩnh lự đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của bốn Tĩnh lự đời sau. Bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đời sau.

Tám Giải thoát đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì tám Giải thoát đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của tám Giải

thoát đời sau. Tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ đời sau.

Bốn Niệm trụ đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của bốn Niệm trụ đời sau. Bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo đời sau.

Pháp môn giải thoát Không đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của pháp môn giải thoát Không đời sau. Pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đời sau.

Mười địa Bồ-tát đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì mười địa Bồ-tát đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của mười địa Bồ-tát đời sau.

Năm loại mắt đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì năm loại mắt đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của năm loại mắt đời sau. sáu phép thần thông đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì sáu phép thần thông đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của sáu phép thần thông đời sau.

Mười lực Phật đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì mười lực của Phật đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của mười lực của Phật đời sau. Bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đời sau.

Pháp không quên mất đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì pháp không quên mất đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của pháp không quên mất đời sau. Tánh luôn luôn xả đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì tánh luôn luôn xả đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của tánh luôn luôn xả đời sau.

Trí Nhất thiết đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì trí

Nhất thiết đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của trí Nhất thiết đời sau. Trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đời sau.

Tất cả pháp môn Đà-la-ni đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni đời sau. Tất cả pháp môn Tam-ma-địa đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa đời sau.

Quả Dự lưu đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì quả Dự lưu đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của quả Dự lưu đời sau. Quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán đời sau.

Quả vị Độc giác đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì quả vị Độc giác đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của quả vị Độc giác đời sau.

Tất cả hạnh Đại Bồ-tát đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì tất cả hạnh Đại Bồ-tát đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát đời sau.

Quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật đời sau chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật đời sau không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật đời sau.

Lại nữa Thiện Hiện, sắc đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì sắc đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của sắc đời giữa. Thọ, tưởng, hành, thức đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì thọ, tưởng, hành, thức đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức đời giữa.

Nhãn xứ đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì nhãn xứ đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của nhãn xứ đời giữa. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ đời giữa.

Sắc xứ đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì sắc xứ đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của sắc xứ đời giữa. Thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao?

Vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ đời giữa.

Nhãn giới đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì nhãn giới đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của nhãn giới đời giữa. Sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra đời giữa.

Nhĩ giới đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì nhĩ giới đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của nhĩ giới đời giữa. Thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra đời giữa.

Tỷ giới đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì tỷ giới đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của tỷ giới đời giữa. Hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra đời giữa.

Thiệt giới đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì thiệt giới đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của thiệt giới đời giữa. Vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra đời giữa.

Thân giới đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì thân giới đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của thân giới đời giữa. xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra đời giữa.

Ý giới đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì ý giới đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của ý giới đời giữa. Pháp giới,

ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đời giữa.

Địa giới đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì địa giới đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của địa giới đời giữa. Thủy, hỏa, phong, không, thức giới đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới đời giữa.

Vô minh đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì vô minh đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của vô minh đời giữa. Hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não đời giữa.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 183

Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (2)

Bố thí ba-la-mật-đa đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa đời giữa. Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đời giữa.

Pháp không bên trong đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì pháp không bên trong đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của pháp không bên trong đời giữa. Pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh đời giữa.

Chân như đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì chân như đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của chân như đời giữa. Pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đời giữa.

Thánh đế khổ đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì Thánh đế khổ đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của Thánh đế

khổ đời giữa. Thánh đế tập, diệt, đạo đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì Thánh đế tập, diệt, đạo đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo đời giữa.

Bốn Tĩnh lự đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của bốn Tĩnh lự đời giữa. Bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đời giữa.

Tám Giải thoát đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì tám Giải thoát đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của tám Giải thoát đời giữa. Tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ đời giữa.

Bốn Niệm trụ đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của bốn Niệm trụ đời giữa. Bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo đời giữa.

Pháp môn giải thoát Không đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của pháp môn giải thoát Không đời giữa. Pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đời giữa.

Mười địa Bồ-tát đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì mười địa Bồ-tát đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của mười địa Bồ-tát đời giữa.

Năm loại mắt đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì năm loại mắt đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của năm loại mắt đời giữa. Sáu phép thần thông đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì sáu phép thần thông đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của sáu phép thần thông đời giữa.

Mười lực Phật đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì mười lực của Phật đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của mười

lực của Phật đời giữa. Bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đời giữa.

Pháp không quên mất đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì pháp không quên mất đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của pháp không quên mất đời giữa. Tánh luôn luôn xả đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì tánh luôn luôn xả đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của tánh luôn luôn xả đời giữa.

Trí Nhất thiết đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì trí Nhất thiết đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của trí Nhất thiết đời giữa. Trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đời giữa.

Tất cả pháp môn Đà-la-ni đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni đời giữa. Tất cả pháp môn Tam-ma-địa đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa đời giữa.

Quả Dự lưu đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì quả Dự lưu đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của quả Dự lưu đời giữa. Quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán đời giữa.

Quả vị Độc giác đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì quả vị Độc giác đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của quả vị Độc giác đời giữa.

Tất cả hạnh Đại Bồ-tát đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì tất cả hạnh Đại Bồ-tát đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát đời giữa.

Quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật đời giữa chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật đời giữa không có tánh sở hữu, đó là tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật đời giữa.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, do chưa vun trồng căn lành, đủ căn bất thiện, bị bạn xấu ác chi phối, làm theo sức dẫn dụ của ma, biếng nhác tăng lên, tinh tấn giảm xuống, thất niệm, ác tuệ, Bổ-đặc-già-la như thế nên đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa này thật khó tin hiểu.

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy! Như ông đã nói! Bổ-đặc-già-la chẳng siêng tinh tấn, chưa vun trồng căn lành, đủ căn bất thiện, bị bạn xấu ác chi phối, làm theo sức dẫn dụ của ma, biếng nhác tăng lên, tinh tấn giảm xuống, thất niệm, ác tuệ, nên đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa này thật khó tin hiểu. Vì sao? Thiện Hiện, vì sắc thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh. Vì sao? Vì sắc thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh. Vì sao? Vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nhãn xứ thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là nhãn xứ thanh tịnh. Vì sao? Vì nhãn xứ thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh. Vì sao? Vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sắc xứ thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là sắc xứ thanh tịnh. Vì sao? Vì sắc xứ thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh. Vì sao? Vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nhãn giới thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là nhãn giới thanh tịnh. Vì sao? Vì nhãn giới thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh. Vì sao? Vì

sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nhĩ giới thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là nhĩ giới thanh tịnh. Vì sao? Vì nhĩ giới thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh. Vì sao? Vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, tỷ giới thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là tỷ giới thanh tịnh. Vì sao? Vì tỷ giới thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh. Vì sao? Vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, thiệt giới thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là thiệt giới thanh tịnh. Vì sao? Vì thiệt giới thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh. Vì sao? Vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, thân giới thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là thân giới thanh tịnh. Vì sao? Vì thân giới thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh. Vì sao? Vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ý giới thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh

tịnh tức là ý giới thanh tịnh. Vì sao? Vì ý giới thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh. Vì sao? Vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, địa giới thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là địa giới thanh tịnh. Vì sao? Vì địa giới thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh. Vì sao? Vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vô minh thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là vô minh thanh tịnh. Vì sao? Vì vô minh thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh. Vì sao? Vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, pháp không bên trong thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là pháp không bên trong thanh tịnh. Vì sao? Vì pháp không bên trong thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh. Vì sao? Vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, chân như thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là chân như thanh tịnh. Vì sao? Vì chân như thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh. Vì sao? Vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, Thánh đế khổ thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là Thánh đế khổ thanh tịnh. Vì sao? Vì Thánh đế khổ thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh. Vì sao? Vì Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, bốn Tĩnh lự thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là bốn Tĩnh lự thanh tịnh. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh. Vì sao? Vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, tám Giải thoát thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là tám Giải thoát thanh tịnh. Vì sao? Vì tám Giải thoát thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh. Vì sao? Vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, bốn Niệm trụ thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là bốn Niệm trụ thanh tịnh. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là bốn Chánh đoạn, bốn Thần

túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh. Vì sao? Vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, pháp môn giải thoát Không thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Không thanh tịnh. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, mười địa Bồ-tát thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là mười địa Bồ-tát thanh tịnh. Vì sao? Vì mười địa Bồ-tát thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, năm loại mắt thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là năm loại mắt thanh tịnh. Vì sao? Vì năm loại mắt thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sáu phép thần thông thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là sáu phép thần thông thanh tịnh. Vì sao? Vì sáu phép thần thông thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, mười lực của Phật thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là mười lực của Phật thanh tịnh. Vì sao? Vì mười lực của Phật thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh. Vì sao? Vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, pháp không quên mất thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là pháp không quên mất thanh tịnh. Vì sao? Vì pháp không quên mất thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Tánh luôn luôn xả thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là tánh luôn luôn xả thanh tịnh. Vì

sao? Vì tánh luôn luôn xả thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, trí Nhất thiết thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là trí Nhất thiết thanh tịnh. Vì sao? Vì trí Nhất thiết thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh. Vì sao? Vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, quả Dự lưu thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là quả Dự lưu thanh tịnh. Vì sao? Vì quả Dự lưu thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh. Vì sao? Vì quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, quả vị Độc giác thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là quả vị Độc giác thanh tịnh. Vì sao? Vì quả vị Độc giác thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh. Vì sao? Vì hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh. Vì sao? Vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh ấy

cùng với quả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, sắc thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh. Vì sao? Vì sắc thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh. Vì sao? Vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nhãn xứ thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là nhãn xứ thanh tịnh. Vì sao? Vì nhãn xứ thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh. Vì sao? Vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sắc xứ thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là sắc xứ thanh tịnh. Vì sao? Vì sắc xứ thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh. Vì sao? Vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nhãn giới thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là nhãn giới thanh tịnh. Vì sao? Vì nhãn giới thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh. Vì sao? Vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nhĩ giới thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là nhĩ giới thanh tịnh. Vì sao? Vì nhĩ giới thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh. Vì sao? Vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, tỷ giới thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là tỷ giới thanh tịnh. Vì sao? Vì tỷ giới thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh. Vì sao? Vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, thiệt giới thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là thiệt giới thanh tịnh. Vì sao? Vì thiệt giới thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh. Vì sao? Vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, thân giới thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là thân giới thanh tịnh. Vì sao? Vì thân giới thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh

tịnh. Vì sao? Vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ý giới thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là ý giới thanh tịnh. Vì sao? Vì ý giới thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh. Vì sao? Vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, địa giới thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là địa giới thanh tịnh. Vì sao? Vì địa giới thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh. Vì sao? Vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vô minh thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là vô minh thanh tịnh. Vì sao? Vì vô minh thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh. Vì sao? Vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, pháp không bên trong thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là pháp không bên trong thanh tịnh. Vì sao? Vì pháp không bên trong thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Pháp không bên ngoài, pháp

không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh. Vì sao? Vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, chân như thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là chân như thanh tịnh. Vì sao? Vì chân như thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh. Vì sao? Vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, Thánh đế khổ thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là Thánh đế khổ thanh tịnh. Vì sao? Vì Thánh đế khổ thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh. Vì sao? Vì Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, bốn Tĩnh lự thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là bốn Tĩnh lự thanh tịnh. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh

tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh. Vì sao? Vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, tám Giải thoát thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là tám Giải thoát thanh tịnh. Vì sao? Vì tám Giải thoát thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh. Vì sao? Vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, bốn Niệm trụ thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là bốn Niệm trụ thanh tịnh. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh. Vì sao? Vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, pháp môn giải thoát Không thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Không thanh tịnh. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, mười địa Bồ-tát thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là mười địa Bồ-tát thanh tịnh. Vì sao? Vì mười địa Bồ-tát thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-

đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 184

Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (3)

Này Thiện Hiện, năm loại mắt thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là năm loại mắt thanh tịnh. Vì sao? Vì năm loại mắt thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sáu phép thần thông thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là sáu phép thần thông thanh tịnh. Vì sao? Vì sáu phép thần thông thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, mười lực của Phật thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là mười lực của Phật thanh tịnh. Vì sao? Vì mười lực của Phật thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh. Vì sao? Vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, pháp không quên mất thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là pháp không quên mất thanh tịnh. Vì sao? Vì pháp không quên mất thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Tánh luôn luôn xả thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là tánh luôn luôn xả thanh tịnh. Vì sao? Vì tánh luôn luôn xả thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, trí Nhất thiết thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là trí Nhất thiết thanh tịnh. Vì sao? Vì trí Nhất thiết thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh. Vì sao? Vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, quả Dự lưu thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là quả Dự lưu thanh tịnh. Vì sao? Vì quả Dự lưu thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh. Vì sao? Vì quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, quả vị Độc giác thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là quả vị Độc giác thanh tịnh. Vì sao? Vì quả vị Độc giác thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh. Vì sao? Vì hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh. Vì sao? Vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh ấy cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, sắc thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh. Vì sao? Vì sắc thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh. Vì sao? Vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nhãn xứ thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là nhãn xứ thanh tịnh. Vì sao? Vì nhãn xứ thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh. Vì sao? Vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sắc xứ thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là sắc xứ thanh tịnh. Vì sao? Vì sắc xứ thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh. Vì sao? Vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nhãn giới thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là nhãn giới thanh tịnh. Vì sao? Vì nhãn giới thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh. Vì sao? Vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh

tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nhĩ giới thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là nhĩ giới thanh tịnh. Vì sao? Vì nhĩ giới thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh. Vì sao? Vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, tỷ giới thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là tỷ giới thanh tịnh. Vì sao? Vì tỷ giới thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh. Vì sao? Vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, thiệt giới thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là thiệt giới thanh tịnh. Vì sao? Vì thiệt giới thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh. Vì sao? Vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, thân giới thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là thân giới thanh tịnh. Vì sao? Vì thân giới thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh

tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh. Vì sao? Vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ý giới thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là ý giới thanh tịnh. Vì sao? Vì ý giới thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh. Vì sao? Vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, địa giới thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là địa giới thanh tịnh. Vì sao? Vì địa giới thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh. Vì sao? Vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vô minh thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là vô minh thanh tịnh. Vì sao? Vì vô minh thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh. Vì sao? Vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, pháp không bên trong thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là pháp không bên trong thanh tịnh. Vì sao? Vì pháp không bên trong thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp

không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh. Vì sao? Vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, chân như thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là chân như thanh tịnh. Vì sao? Vì chân như thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh. Vì sao? Vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, Thánh đế khổ thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là Thánh đế khổ thanh tịnh. Vì sao? Vì Thánh đế khổ thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh. Vì sao? Vì Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, bốn Tĩnh lự thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là bốn Tĩnh lự thanh tịnh. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh. Vì sao? Vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, tám Giải thoát thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là tám Giải thoát thanh tịnh. Vì sao? Vì tám Giải thoát thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh. Vì sao? Vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, bốn Niệm trụ thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là bốn Niệm trụ thanh tịnh. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh. Vì sao? Vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, pháp môn giải thoát Không thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Không thanh tịnh. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, mười địa Bồ-tát thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là mười địa Bồ-tát thanh tịnh. Vì sao? Vì mười địa Bồ-tát thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, năm loại mắt thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là năm loại mắt thanh tịnh. Vì sao? Vì năm loại mắt thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sáu phép thần thông

thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là sáu phép thần thông thanh tịnh. Vì sao? Vì sáu phép thần thông thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, mười lực của Phật thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là mười lực của Phật thanh tịnh. Vì sao? Vì mười lực của Phật thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh. Vì sao? Vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, pháp không quên mất thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là pháp không quên mất thanh tịnh. Vì sao? Vì pháp không quên mất thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Tánh luôn luôn xả thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là tánh luôn luôn xả thanh tịnh. Vì sao? Vì tánh luôn luôn xả thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, trí Nhất thiết thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là trí Nhất thiết thanh tịnh. Vì sao? Vì trí Nhất thiết thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh. Vì sao? Vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh tức là trí Nhất

thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, quả Dự lưu thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là quả Dự lưu thanh tịnh. Vì sao? Vì quả Dự lưu thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh. Vì sao? Vì quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, quả vị Độc giác thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là quả vị Độc giác thanh tịnh. Vì sao? Vì quả vị Độc giác thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh. Vì sao? Vì hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh tức là trí Nhất thiết trí thanh tịnh; trí Nhất thiết trí thanh tịnh tức là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh. Vì sao? Vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh; sắc thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Hữu tình thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh; sắc thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình

thanh tịnh ấy cùng với thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh; sắc thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự sinh thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh; sắc thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh; sắc thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sĩ phu thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh; sắc thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh; sắc thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh là không

hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Ý sinh thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh; sắc thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Nho đồng thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh; sắc thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự tạo tác thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh; sắc thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự thọ nhận thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh; sắc thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự hiểu biết thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh; sắc thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự nhận thức thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh; sắc thanh tịnh tức là sự

nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là nhãn xứ thanh tịnh; nhãn xứ thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với nhãn xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Hữu tình thanh tịnh tức là nhãn xứ thanh tịnh; nhãn xứ thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với nhãn xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là nhãn xứ thanh tịnh; nhãn xứ thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với nhãn xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự sinh thanh tịnh tức là nhãn xứ thanh tịnh; nhãn xứ thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với nhãn xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là nhãn xứ thanh tịnh; nhãn xứ thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy

cùng với nhãn xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sĩ phu thanh tịnh tức là nhãn xứ thanh tịnh; nhãn xứ thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với nhãn xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là nhãn xứ thanh tịnh; nhãn xứ thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với nhãn xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Ý sinh thanh tịnh tức là nhãn xứ thanh tịnh; nhãn xứ thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với nhãn xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Nho đồng thanh tịnh tức là nhãn xứ thanh tịnh; nhãn xứ thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với nhãn xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự tạo tác thanh tịnh tức là nhãn xứ thanh tịnh; nhãn xứ thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với

nhãn xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự thọ nhận thanh tịnh tức là nhãn xứ thanh tịnh; nhãn xứ thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với nhãn xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự hiểu biết thanh tịnh tức là nhãn xứ thanh tịnh; nhãn xứ thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với nhãn xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự nhận thức thanh tịnh tức là nhãn xứ thanh tịnh; nhãn xứ thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với nhãn xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 185

Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (4)

Lại nữa Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là sắc xứ thanh tịnh; sắc xứ thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với sắc xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Hữu tình thanh tịnh tức là sắc xứ thanh tịnh; sắc xứ thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với sắc xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là sắc xứ thanh tịnh; sắc xứ thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với sắc xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự sinh thanh tịnh tức là sắc xứ thanh tịnh; sắc xứ thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với sắc xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh là

không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là sắc xứ thanh tịnh; sắc xứ thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với sắc xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sĩ phu thanh tịnh tức là sắc xứ thanh tịnh; sắc xứ thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với sắc xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là sắc xứ thanh tịnh; sắc xứ thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với sắc xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Ý sinh thanh tịnh tức là sắc xứ thanh tịnh; sắc xứ thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với sắc xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Nho đồng thanh tịnh tức là sắc xứ thanh tịnh; sắc xứ thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với sắc xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh

là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự tạo tác thanh tịnh tức là sắc xứ thanh tịnh; sắc xứ thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với sắc xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự thọ nhận thanh tịnh tức là sắc xứ thanh tịnh; sắc xứ thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với sắc xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự hiểu biết thanh tịnh tức là sắc xứ thanh tịnh; sắc xứ thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với sắc xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự nhận thức thanh tịnh tức là sắc xứ thanh tịnh; sắc xứ thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với sắc xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là nhãn giới thanh tịnh; nhãn giới thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với nhãn giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; sắc giới cho đến các thọ

do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Hữu tình thanh tịnh tức là nhãn giới thanh tịnh; nhãn giới thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với nhãn giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Hữu tình thanh tịnh tức là sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là nhãn giới thanh tịnh; nhãn giới thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với nhãn giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự sinh thanh tịnh tức là nhãn giới thanh tịnh; nhãn giới thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với nhãn giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là nhãn giới thanh tịnh; nhãn giới thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với nhãn giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là sắc giới, nhãn thức

giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sĩ phu thanh tịnh tức là nhãn giới thanh tịnh; nhãn giới thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với nhãn giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là nhãn giới thanh tịnh; nhãn giới thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với nhãn giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Ý sinh thanh tịnh tức là nhãn giới thanh tịnh; nhãn giới thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với nhãn giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Nho đồng thanh tịnh tức là nhãn giới thanh tịnh; nhãn giới thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với nhãn giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; sắc giới cho đến

các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự tạo tác thanh tịnh tức là nhãn giới thanh tịnh; nhãn giới thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với nhãn giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự thọ nhận thanh tịnh tức là nhãn giới thanh tịnh; nhãn giới thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với nhãn giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự hiểu biết thanh tịnh tức là nhãn giới thanh tịnh; nhãn giới thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với nhãn giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự nhận thức thanh tịnh tức là nhãn giới thanh tịnh; nhãn giới thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với nhãn giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự

nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là nhĩ giới thanh tịnh; nhĩ giới thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với nhĩ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Hữu tình thanh tịnh tức là nhĩ giới thanh tịnh; nhĩ giới thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với nhĩ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là nhĩ giới thanh tịnh; nhĩ giới thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với nhĩ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự sinh thanh tịnh tức là nhĩ giới thanh tịnh; nhĩ giới thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với nhĩ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên

sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là nhĩ giới thanh tịnh; nhĩ giới thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với nhĩ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sĩ phu thanh tịnh tức là nhĩ giới thanh tịnh; nhĩ giới thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với nhĩ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là nhĩ giới thanh tịnh; nhĩ giới thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với nhĩ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Ý sinh thanh tịnh tức là nhĩ giới thanh tịnh; nhĩ giới thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với nhĩ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không

đoạn diệt.

Nho đồng thanh tịnh tức là nhĩ giới thanh tịnh; nhĩ giới thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với nhĩ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự tạo tác thanh tịnh tức là nhĩ giới thanh tịnh; nhĩ giới thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với nhĩ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự thọ nhận thanh tịnh tức là nhĩ giới thanh tịnh; nhĩ giới thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với nhĩ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự hiểu biết thanh tịnh tức là nhĩ giới thanh tịnh; nhĩ giới thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với nhĩ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự nhận thức thanh tịnh tức là nhĩ giới thanh tịnh; nhĩ giới thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với nhĩ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là tỷ giới thanh tịnh; tỷ giới thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với tỷ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Hữu tình thanh tịnh tức là tỷ giới thanh tịnh; tỷ giới thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với tỷ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là tỷ giới thanh tịnh; tỷ giới thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với tỷ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự sinh thanh tịnh tức là tỷ giới thanh tịnh; tỷ giới thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với tỷ giới thanh

tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là tỷ giới thanh tịnh; tỷ giới thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với tỷ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sĩ phu thanh tịnh tức là tỷ giới thanh tịnh; tỷ giới thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với tỷ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là tỷ giới thanh tịnh; tỷ giới thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với tỷ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Ý sinh thanh tịnh tức là tỷ giới thanh tịnh; tỷ giới thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với tỷ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm

duyên sinh ra thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Nho đồng thanh tịnh tức là tỷ giới thanh tịnh; tỷ giới thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với tỷ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự tạo tác thanh tịnh tức là tỷ giới thanh tịnh; tỷ giới thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với tỷ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự thọ nhận thanh tịnh tức là tỷ giới thanh tịnh; tỷ giới thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với tỷ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự hiểu biết thanh tịnh tức là tỷ giới thanh tịnh; tỷ giới thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với tỷ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với hương giới cho đến các thọ do

tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự nhận thức thanh tịnh tức là tỷ giới thanh tịnh; tỷ giới thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với tỷ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là thiệt giới thanh tịnh; thiệt giới thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với thiệt giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Hữu tình thanh tịnh tức là thiệt giới thanh tịnh; thiệt giới thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với thiệt giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là thiệt giới thanh tịnh; thiệt giới thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với thiệt giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh

là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự sinh thanh tịnh tức là thiệt giới thanh tịnh; thiệt giới thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với thiệt giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là thiệt giới thanh tịnh; thiệt giới thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với thiệt giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sĩ phu thanh tịnh tức là thiệt giới thanh tịnh; thiệt giới thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với thiệt giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là thiệt giới thanh tịnh; thiệt giới thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với thiệt giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Ý sinh thanh tịnh tức là thiệt giới thanh tịnh; thiệt giới thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với thiệt giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Nho đồng thanh tịnh tức là thiệt giới thanh tịnh; thiệt giới thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với thiệt giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự tạo tác thanh tịnh tức là thiệt giới thanh tịnh; thiệt giới thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với thiệt giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự thọ nhận thanh tịnh tức là thiệt giới thanh tịnh; thiệt giới thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với thiệt giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự hiểu biết thanh tịnh tức là thiệt giới thanh tịnh; thiệt giới thanh

tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với thiệt giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự nhận thức thanh tịnh tức là thiệt giới thanh tịnh; thiệt giới thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với thiệt giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 186

Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (5)

Lại nữa Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là thân giới thanh tịnh; thân giới thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với thân giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Hữu tình thanh tịnh tức là thân giới thanh tịnh; thân giới thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với thân giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là thân giới thanh tịnh; thân giới thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với thân giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự sinh thanh tịnh tức là thân giới thanh tịnh; thân giới thanh tịnh tức

là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với thân giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là thân giới thanh tịnh; thân giới thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với thân giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sĩ phu thanh tịnh tức là thân giới thanh tịnh; thân giới thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với thân giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là thân giới thanh tịnh; thân giới thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với thân giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Ý sinh thanh tịnh tức là thân giới thanh tịnh; thân giới thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với thân giới thanh

tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Nho đồng thanh tịnh tức là thân giới thanh tịnh; thân giới thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với thân giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự tạo tác thanh tịnh tức là thân giới thanh tịnh; thân giới thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với thân giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự thọ nhận thanh tịnh tức là thân giới thanh tịnh; thân giới thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với thân giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự hiểu biết thanh tịnh tức là thân giới thanh tịnh; thân giới thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với thân giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt,

không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự nhận thức thanh tịnh tức là thân giới thanh tịnh; thân giới thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với thân giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là ý giới thanh tịnh; ý giới thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với ý giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Hữu tình thanh tịnh tức là ý giới thanh tịnh; ý giới thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với ý giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là ý giới thanh tịnh; ý giới thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với ý giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là dòng sinh mạng

thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự sinh thanh tịnh tức là ý giới thanh tịnh; ý giới thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với ý giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là ý giới thanh tịnh; ý giới thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với ý giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sĩ phu thanh tịnh tức là ý giới thanh tịnh; ý giới thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với ý giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là ý giới thanh tịnh; ý giới thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với ý giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Ý sinh thanh tịnh tức là ý giới thanh tịnh; ý giới thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với ý giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Nho đồng thanh tịnh tức là ý giới thanh tịnh; ý giới thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với ý giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự tạo tác thanh tịnh tức là ý giới thanh tịnh; ý giới thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với ý giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự thọ nhận thanh tịnh tức là ý giới thanh tịnh; ý giới thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với ý giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự hiểu biết thanh tịnh tức là ý giới thanh tịnh; ý giới thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với ý

giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự nhận thức thanh tịnh tức là ý giới thanh tịnh; ý giới thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với ý giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là địa giới thanh tịnh; địa giới thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với địa giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Hữu tình thanh tịnh tức là địa giới thanh tịnh; địa giới thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với địa giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là địa giới thanh tịnh; địa giới thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với địa giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh là

không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự sinh thanh tịnh tức là địa giới thanh tịnh; địa giới thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với địa giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là địa giới thanh tịnh; địa giới thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với địa giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sĩ phu thanh tịnh tức là địa giới thanh tịnh; địa giới thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với địa giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là địa giới thanh tịnh; địa giới thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với địa giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Ý sinh thanh tịnh tức là địa giới thanh tịnh; địa giới thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với địa giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh

là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Nho đồng thanh tịnh tức là địa giới thanh tịnh; địa giới thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với địa giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự tạo tác thanh tịnh tức là địa giới thanh tịnh; địa giới thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với địa giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự thọ nhận thanh tịnh tức là địa giới thanh tịnh; địa giới thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với địa giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự hiểu biết thanh tịnh tức là địa giới thanh tịnh; địa giới thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với địa giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự nhận thức thanh tịnh tức là địa giới thanh tịnh; địa giới thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với địa giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là thủy, hỏa, phong, không,

thức giới thanh tịnh; thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là vô minh thanh tịnh; vô minh thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với vô minh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Hữu tình thanh tịnh tức là vô minh thanh tịnh; vô minh thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với vô minh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là vô minh thanh tịnh; vô minh thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với vô minh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự sinh thanh tịnh tức là vô minh thanh tịnh; vô minh thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với vô minh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là vô minh thanh tịnh; vô minh thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với vô minh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sĩ phu thanh tịnh tức là vô minh thanh tịnh; vô minh thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với vô minh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là vô minh thanh tịnh; vô minh thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với vô minh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Ý sinh thanh tịnh tức là vô minh thanh tịnh; vô minh thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với vô minh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Nho đồng thanh tịnh tức là vô minh thanh tịnh; vô minh thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với vô minh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn

diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự tạo tác thanh tịnh tức là vô minh thanh tịnh; vô minh thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với vô minh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự thọ nhận thanh tịnh tức là vô minh thanh tịnh; vô minh thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với vô minh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự hiểu biết thanh tịnh tức là vô minh thanh tịnh; vô minh thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với vô minh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự nhận thức thanh tịnh tức là vô minh thanh tịnh; vô minh thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với vô minh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh.

Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Hữu tình thanh tịnh tức là Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự sinh thanh tịnh tức là Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bố thí

ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sĩ phu thanh tịnh tức là Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Ý sinh thanh tịnh tức là Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Nho đồng thanh tịnh tức là Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là Tịnh

giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự tạo tác thanh tịnh tức là Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự thọ nhận thanh tịnh tức là Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự hiểu biết thanh tịnh tức là Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự nhận thức thanh tịnh tức là Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh

tịnh; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 187

Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (6)

Lại nữa Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là pháp không bên trong thanh tịnh; pháp không bên trong thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên trong thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Hữu tình thanh tịnh tức là pháp không bên trong thanh tịnh; pháp không bên trong thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên trong thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn

diệt.

Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là pháp không bên trong thanh tịnh; pháp không bên trong thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên trong thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự sinh thanh tịnh tức là pháp không bên trong thanh tịnh; pháp không bên trong thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên trong thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là pháp không bên trong thanh tịnh; pháp không bên trong thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên trong thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp

không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sĩ phu thanh tịnh tức là pháp không bên trong thanh tịnh; pháp không bên trong thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên trong thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là pháp không bên trong thanh tịnh; pháp không bên trong thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên trong thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Ý sinh thanh tịnh tức là pháp không bên trong thanh tịnh; pháp không bên trong thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên trong thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Nho đồng thanh tịnh tức là pháp không bên trong thanh tịnh; pháp không bên trong thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên trong thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự tạo tác thanh tịnh tức là pháp không bên trong thanh tịnh; pháp không bên trong thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên trong thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không

chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự thọ nhận thanh tịnh tức là pháp không bên trong thanh tịnh; pháp không bên trong thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên trong thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự hiểu biết thanh tịnh tức là pháp không bên trong thanh tịnh; pháp không bên trong thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên trong thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự nhận thức thanh tịnh tức là pháp không bên trong thanh tịnh;

pháp không bên trong thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên trong thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là chân như thanh tịnh; chân như thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với chân như thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Hữu tình thanh tịnh tức là chân như thanh tịnh; chân như thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với chân như thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là chân như thanh tịnh; chân như thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng

thanh tịnh ấy cùng với chân như thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự sinh thanh tịnh tức là chân như thanh tịnh; chân như thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với chân như thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là chân như thanh tịnh; chân như thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với chân như thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sĩ phu thanh tịnh tức là chân như thanh tịnh; chân như thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với chân như thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh là không hai, không hai phần,

không phân biệt, không đoạn diệt.

Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là chân như thanh tịnh; chân như thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với chân như thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Ý sinh thanh tịnh tức là chân như thanh tịnh; chân như thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với chân như thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Nho đồng thanh tịnh tức là chân như thanh tịnh; chân như thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với chân như thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự tạo tác thanh tịnh tức là chân như thanh tịnh; chân như thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với chân như thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh;

pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự thọ nhận thanh tịnh tức là chân như thanh tịnh; chân như thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với chân như thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự hiểu biết thanh tịnh tức là chân như thanh tịnh; chân như thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với chân như thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự nhận thức thanh tịnh tức là chân như thanh tịnh; chân như thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với chân như thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là Thánh đế khổ thanh tịnh; Thánh đế khổ thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế khổ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không

phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Hữu tình thanh tịnh tức là Thánh đế khổ thanh tịnh; Thánh đế khổ thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế khổ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là Thánh đế khổ thanh tịnh; Thánh đế khổ thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế khổ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự sinh thanh tịnh tức là Thánh đế khổ thanh tịnh; Thánh đế khổ thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế khổ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là Thánh đế khổ thanh tịnh; Thánh đế khổ thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế khổ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sĩ phu thanh tịnh tức là Thánh đế khổ thanh tịnh; Thánh đế khổ thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế khổ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không

đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là Thánh đế khổ thanh tịnh; Thánh đế khổ thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế khổ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Ý sinh thanh tịnh tức là Thánh đế khổ thanh tịnh; Thánh đế khổ thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế khổ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Nho đồng thanh tịnh tức là Thánh đế khổ thanh tịnh; Thánh đế khổ thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế khổ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự tạo tác thanh tịnh tức là Thánh đế khổ thanh tịnh; Thánh đế khổ thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế khổ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự thọ nhận thanh tịnh tức là Thánh đế khổ thanh tịnh; Thánh đế khổ thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế khổ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là

Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự hiểu biết thanh tịnh tức là Thánh đế khổ thanh tịnh; Thánh đế khổ thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế khổ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự nhận thức thanh tịnh tức là Thánh đế khổ thanh tịnh; Thánh đế khổ thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế khổ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là bốn Tĩnh lự thanh tịnh; bốn Tĩnh lự thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với bốn Tĩnh lự thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Hữu tình thanh tịnh tức là bốn Tĩnh lự thanh tịnh; bốn Tĩnh lự thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với bốn Tĩnh lự thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là bốn Tĩnh lự thanh tịnh; bốn Tĩnh lự thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng

thanh tịnh ấy cùng với bốn Tĩnh lự thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự sinh thanh tịnh tức là bốn Tĩnh lự thanh tịnh; bốn Tĩnh lự thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với bốn Tĩnh lự thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là bốn Tĩnh lự thanh tịnh; bốn Tĩnh lự thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với bốn Tĩnh lự thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sĩ phu thanh tịnh tức là bốn Tĩnh lự thanh tịnh; bốn Tĩnh lự thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với bốn Tĩnh lự thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là bốn Tĩnh lự thanh tịnh; bốn Tĩnh lự thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với bốn Tĩnh lự thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Ý sinh thanh tịnh tức là bốn Tĩnh lự thanh tịnh; bốn Tĩnh lự thanh

tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với bốn Tĩnh lự thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Nho đồng thanh tịnh tức là bốn Tĩnh lự thanh tịnh; bốn Tĩnh lự thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với bốn Tĩnh lự thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự tạo tác thanh tịnh tức là bốn Tĩnh lự thanh tịnh; bốn Tĩnh lự thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với bốn Tĩnh lự thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự thọ nhận thanh tịnh tức là bốn Tĩnh lự thanh tịnh; bốn Tĩnh lự thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với bốn Tĩnh lự thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự hiểu biết thanh tịnh tức là bốn Tĩnh lự thanh tịnh; bốn Tĩnh lự thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với bốn Tĩnh lự thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần,

không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự nhận thức thanh tịnh tức là bốn Tĩnh lự thanh tịnh; bốn Tĩnh lự thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với bốn Tĩnh lự thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là tám Giải thoát thanh tịnh; tám Giải thoát thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với tám Giải thoát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Hữu tình thanh tịnh tức là tám Giải thoát thanh tịnh; tám Giải thoát thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với tám Giải thoát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là tám Giải thoát thanh tịnh; tám Giải thoát thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với tám Giải thoát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự sinh thanh tịnh tức là tám Giải thoát thanh tịnh; tám Giải thoát thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với tám Giải thoát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân

biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là tám Giải thoát thanh tịnh; tám Giải thoát thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với tám Giải thoát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sĩ phu thanh tịnh tức là tám Giải thoát thanh tịnh; tám Giải thoát thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với tám Giải thoát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là tám Giải thoát thanh tịnh; tám Giải thoát thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với tám Giải thoát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Ý sinh thanh tịnh tức là tám Giải thoát thanh tịnh; tám Giải thoát thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với tám Giải thoát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với

tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Nho đồng thanh tịnh tức là tám Giải thoát thanh tịnh; tám Giải thoát thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với tám Giải thoát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự tạo tác thanh tịnh tức là tám Giải thoát thanh tịnh; tám Giải thoát thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với tám Giải thoát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự thọ nhận thanh tịnh tức là tám Giải thoát thanh tịnh; tám Giải thoát thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với tám Giải thoát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự hiểu biết thanh tịnh tức là tám Giải thoát thanh tịnh; tám Giải thoát thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với tám Giải thoát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự nhận thức thanh tịnh tức là tám Giải thoát thanh tịnh; tám Giải

thoát thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với tám Giải thoát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 188

Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (7)

Lại nữa Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là bốn Niệm trụ thanh tịnh; bốn Niệm trụ thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với bốn Niệm trụ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Hữu tình thanh tịnh tức là bốn Niệm trụ thanh tịnh; bốn Niệm trụ thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với bốn Niệm trụ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là bốn Niệm trụ thanh tịnh; bốn Niệm trụ thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với bốn Niệm trụ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự sinh thanh tịnh tức là bốn Niệm trụ thanh tịnh; bốn Niệm trụ thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với bốn Niệm trụ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là bốn Niệm trụ thanh tịnh; bốn Niệm trụ thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với bốn Niệm trụ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sĩ phu thanh tịnh tức là bốn Niệm trụ thanh tịnh; bốn Niệm trụ thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với bốn Niệm trụ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là bốn Niệm trụ thanh tịnh; bốn Niệm trụ thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với bốn Niệm trụ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Ý sinh thanh tịnh tức là bốn Niệm trụ thanh tịnh; bốn Niệm trụ

thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với bốn Niệm trụ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Nho đồng thanh tịnh tức là bốn Niệm trụ thanh tịnh; bốn Niệm trụ thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với bốn Niệm trụ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự tạo tác thanh tịnh tức là bốn Niệm trụ thanh tịnh; bốn Niệm trụ thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với bốn Niệm trụ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự thọ nhận thanh tịnh tức là bốn Niệm trụ thanh tịnh; bốn Niệm trụ thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với bốn Niệm trụ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự hiểu biết thanh tịnh tức là bốn Niệm trụ thanh tịnh; bốn Niệm trụ thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh

ấy cùng với bốn Niệm trụ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự nhận thức thanh tịnh tức là bốn Niệm trụ thanh tịnh; bốn Niệm trụ thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với bốn Niệm trụ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; pháp môn giải thoát Không thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Không thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Hữu tình thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; pháp môn giải thoát Không thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Không thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; pháp môn giải thoát Không thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát

Không thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự sinh thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; pháp môn giải thoát Không thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Không thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; pháp môn giải thoát Không thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Không thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sĩ phu thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; pháp môn giải thoát Không thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Không thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; pháp môn giải thoát Không thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Không thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Ý sinh thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; pháp môn giải thoát Không thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Không thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Nho đồng thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; pháp môn giải thoát Không thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Không thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự tạo tác thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; pháp môn giải thoát Không thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Không thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự thọ nhận thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; pháp môn giải thoát Không thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Không thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh

tịnh; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự hiểu biết thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; pháp môn giải thoát Không thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Không thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự nhận thức thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; pháp môn giải thoát Không thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Không thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là mười địa Bồ-tát thanh tịnh; mười địa Bồ-tát thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với mười địa Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Hữu tình thanh tịnh tức là mười địa Bồ-tát thanh tịnh; mười địa Bồ-tát thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với mười địa Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là mười địa Bồ-tát thanh tịnh; mười địa Bồ-tát thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với mười địa Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự sinh thanh tịnh tức là mười địa Bồ-tát thanh tịnh; mười địa Bồ-tát thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với mười địa Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân

biệt, không đoạn diệt.

Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là mười địa Bồ-tát thanh tịnh; mười địa Bồ-tát thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với mười địa Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sĩ phu thanh tịnh tức là mười địa Bồ-tát thanh tịnh; mười địa Bồ-tát thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với mười địa Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là mười địa Bồ-tát thanh tịnh; mười địa Bồ-tát thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với mười địa Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Ý sinh thanh tịnh tức là mười địa Bồ-tát thanh tịnh; mười địa Bồ-tát thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với mười địa Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Nho đồng thanh tịnh tức là mười địa Bồ-tát thanh tịnh; mười địa Bồ-tát thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với mười địa Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự tạo tác thanh tịnh tức là mười địa Bồ-tát thanh tịnh; mười địa Bồ-tát thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với mười địa Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự thọ nhận thanh tịnh tức là mười địa Bồ-tát thanh tịnh; mười địa Bồ-tát thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với mười địa Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự hiểu biết thanh tịnh tức là mười địa Bồ-tát thanh tịnh; mười địa Bồ-tát thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với mười địa Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự nhận thức thanh tịnh tức là mười địa Bồ-tát thanh tịnh; mười địa Bồ-tát thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với mười địa Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là năm loại mắt thanh tịnh; năm loại mắt thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với năm loại mắt thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là sáu phép thần thông thanh tịnh; sáu phép thần thông thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với sáu phép thần thông thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Hữu tình thanh tịnh tức là năm loại mắt thanh tịnh; năm loại mắt thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với năm loại mắt thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là sáu phép thần thông thanh tịnh; sáu phép thần thông thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với sáu phép thần thông thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là năm loại mắt thanh tịnh; năm loại mắt thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với năm loại mắt thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là sáu phép thần thông thanh tịnh; sáu phép thần thông thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với sáu phép thần thông thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự sinh thanh tịnh tức là năm loại mắt thanh tịnh; năm loại mắt thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với năm loại mắt thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là sáu phép thần thông thanh tịnh; sáu phép thần thông thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với sáu phép thần thông thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là năm loại mắt thanh tịnh; năm loại mắt thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với năm loại mắt thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là sáu phép thần thông thanh tịnh; sáu phép thần thông thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với sáu phép thần thông thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sĩ phu thanh tịnh tức là năm loại mắt thanh tịnh; năm loại mắt thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với năm loại mắt thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là sáu phép thần thông thanh tịnh; sáu phép thần thông thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với sáu phép thần thông thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là năm loại mắt thanh tịnh; năm loại mắt thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với năm loại mắt thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là sáu phép thần thông thanh tịnh; sáu phép thần thông thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với sáu phép thần thông thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Ý sinh thanh tịnh tức là năm loại mắt thanh tịnh; năm loại mắt thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với năm loại mắt thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là sáu phép thần thông thanh tịnh; sáu phép thần thông thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với sáu phép thần thông thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Nho đồng thanh tịnh tức là năm loại mắt thanh tịnh; năm loại mắt thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với năm loại mắt thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là sáu phép thần thông thanh tịnh; sáu phép thần thông thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với sáu phép thần thông thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự tạo tác thanh tịnh tức là năm loại mắt thanh tịnh; năm loại mắt thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với năm loại mắt thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là sáu phép thần thông thanh tịnh; sáu phép thần thông thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với sáu phép thần thông thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự thọ nhận thanh tịnh tức là năm loại mắt thanh tịnh; năm loại mắt

thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với năm loại mắt thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là sáu phép thần thông thanh tịnh; sáu phép thần thông thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với sáu phép thần thông thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự hiểu biết thanh tịnh tức là năm loại mắt thanh tịnh; năm loại mắt thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với năm loại mắt thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là sáu phép thần thông thanh tịnh; sáu phép thần thông thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với sáu phép thần thông thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự nhận thức thanh tịnh tức là năm loại mắt thanh tịnh; năm loại mắt thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với năm loại mắt thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là sáu phép thần thông thanh tịnh; sáu phép thần thông thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với sáu phép thần thông thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là mười lực của Phật thanh tịnh; mười lực của Phật thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với mười lực của Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Hữu tình thanh tịnh tức là mười lực của Phật thanh tịnh; mười lực của Phật thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với mười lực của Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu

tình thanh tịnh ấy cùng với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là mười lực của Phật thanh tịnh; mười lực của Phật thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với mười lực của Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự sinh thanh tịnh tức là mười lực của Phật thanh tịnh; mười lực của Phật thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với mười lực của Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là mười lực của Phật thanh tịnh; mười lực của Phật thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với mười lực của Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sĩ phu thanh tịnh tức là mười lực của Phật thanh tịnh; mười lực của Phật thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với mười lực của Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật

bất cộng thanh tịnh; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là mười lực của Phật thanh tịnh; mười lực của Phật thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với mười lực của Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Ý sinh thanh tịnh tức là mười lực của Phật thanh tịnh; mười lực của Phật thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với mười lực của Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Nho đồng thanh tịnh tức là mười lực của Phật thanh tịnh; mười lực của Phật thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với mười lực của Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự tạo tác thanh tịnh tức là mười lực của Phật thanh tịnh; mười lực của Phật thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với mười lực của Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là

bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự thọ nhận thanh tịnh tức là mười lực của Phật thanh tịnh; mười lực của Phật thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với mười lực của Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự hiểu biết thanh tịnh tức là mười lực của Phật thanh tịnh; mười lực của Phật thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với mười lực của Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự nhận thức thanh tịnh tức là mười lực của Phật thanh tịnh; mười lực của Phật thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với mười lực của Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là pháp không quên mất thanh

tịnh; pháp không quên mất thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với pháp không quên mất thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là tánh luôn luôn xả thanh tịnh; tánh luôn luôn xả thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với tánh luôn luôn xả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Hữu tình thanh tịnh tức là pháp không quên mất thanh tịnh; pháp không quên mất thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với pháp không quên mất thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là tánh luôn luôn xả thanh tịnh; tánh luôn luôn xả thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với tánh luôn luôn xả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là pháp không quên mất thanh tịnh; pháp không quên mất thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với pháp không quên mất thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là tánh luôn luôn xả thanh tịnh; tánh luôn luôn xả thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với tánh luôn luôn xả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự sinh thanh tịnh tức là pháp không quên mất thanh tịnh; pháp không quên mất thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với pháp không quên mất thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là tánh luôn luôn xả thanh tịnh; tánh luôn luôn xả thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với tánh luôn luôn xả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là pháp không quên mất thanh tịnh; pháp không quên mất thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với pháp không quên mất thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là tánh luôn luôn xả thanh tịnh; tánh luôn luôn xả thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với tánh luôn luôn xả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sĩ phu thanh tịnh tức là pháp không quên mất thanh tịnh; pháp không

quên mất thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với pháp không quên mất thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là tánh luôn luôn xả thanh tịnh; tánh luôn luôn xả thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với tánh luôn luôn xả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là pháp không quên mất thanh tịnh; pháp không quên mất thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với pháp không quên mất thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là tánh luôn luôn xả thanh tịnh; tánh luôn luôn xả thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với tánh luôn luôn xả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Ý sinh thanh tịnh tức là pháp không quên mất thanh tịnh; pháp không quên mất thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với pháp không quên mất thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là tánh luôn luôn xả thanh tịnh; tánh luôn luôn xả thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với tánh luôn luôn xả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Nho đồng thanh tịnh tức là pháp không quên mất thanh tịnh; pháp không quên mất thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với pháp không quên mất thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là tánh luôn luôn xả thanh tịnh; tánh luôn luôn xả thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với tánh luôn luôn xả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự tạo tác thanh tịnh tức là pháp không quên mất thanh tịnh; pháp không quên mất thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với pháp không quên mất thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là tánh luôn luôn xả thanh tịnh; tánh luôn luôn xả thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với tánh luôn luôn xả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự thọ nhận thanh tịnh tức là pháp không quên mất thanh tịnh;

pháp không quên mất thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với pháp không quên mất thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là tánh luôn luôn xả thanh tịnh; tánh luôn luôn xả thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với tánh luôn luôn xả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự hiểu biết thanh tịnh tức là pháp không quên mất thanh tịnh; pháp không quên mất thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với pháp không quên mất thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là tánh luôn luôn xả thanh tịnh; tánh luôn luôn xả thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với tánh luôn luôn xả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự nhận thức thanh tịnh tức là pháp không quên mất thanh tịnh; pháp không quên mất thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với pháp không quên mất thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là tánh luôn luôn xả thanh tịnh; tánh luôn luôn xả thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với tánh luôn luôn xả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 189

Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (8)

Lại nữa Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là trí Nhất thiết thanh tịnh; trí Nhất thiết thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Hữu tình thanh tịnh tức là trí Nhất thiết thanh tịnh; trí Nhất thiết thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là trí Nhất thiết thanh tịnh; trí Nhất thiết thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự sinh thanh tịnh tức là trí Nhất thiết thanh tịnh; trí Nhất thiết thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh

tịnh; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là trí Nhất thiết thanh tịnh; trí Nhất thiết thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sĩ phu thanh tịnh tức là trí Nhất thiết thanh tịnh; trí Nhất thiết thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là trí Nhất thiết thanh tịnh; trí Nhất thiết thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Ý sinh thanh tịnh tức là trí Nhất thiết thanh tịnh; trí Nhất thiết thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Nho đồng thanh tịnh tức là trí Nhất thiết thanh tịnh; trí Nhất thiết thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là trí Đạo tướng, trí Nhất

thiết tướng thanh tịnh; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự tạo tác thanh tịnh tức là trí Nhất thiết thanh tịnh; trí Nhất thiết thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự thọ nhận thanh tịnh tức là trí Nhất thiết thanh tịnh; trí Nhất thiết thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự hiểu biết thanh tịnh tức là trí Nhất thiết thanh tịnh; trí Nhất thiết thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự nhận thức thanh tịnh tức là trí Nhất thiết thanh tịnh; trí Nhất thiết thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Đà-la-ni

thanh tịnh; tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Hữu tình thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự sinh thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; tất cả pháp

môn Tam-ma-địa thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sĩ phu thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Ý sinh thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Nho đồng thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự tạo tác thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự

tạo tác thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự thọ nhận thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự hiểu biết thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự nhận thức thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là quả Dự lưu thanh tịnh; quả Dự lưu thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với quả Dự lưu thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh; quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn

diệt.

Hữu tình thanh tịnh tức là quả Dự lưu thanh tịnh; quả Dự lưu thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với quả Dự lưu thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh; quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là quả Dự lưu thanh tịnh; quả Dự lưu thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với quả Dự lưu thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh; quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự sinh thanh tịnh tức là quả Dự lưu thanh tịnh; quả Dự lưu thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với quả Dự lưu thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh; quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là quả Dự lưu thanh tịnh; quả Dự lưu thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với quả Dự lưu thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh; quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sĩ phu thanh tịnh tức là quả Dự lưu thanh tịnh; quả Dự lưu thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với quả Dự lưu thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh; quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao?

Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là quả Dự lưu thanh tịnh; quả Dự lưu thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với quả Dự lưu thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh; quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Ý sinh thanh tịnh tức là quả Dự lưu thanh tịnh; quả Dự lưu thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với quả Dự lưu thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh; quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Nho đồng thanh tịnh tức là quả Dự lưu thanh tịnh; quả Dự lưu thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với quả Dự lưu thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh; quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự tạo tác thanh tịnh tức là quả Dự lưu thanh tịnh; quả Dự lưu thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với quả Dự lưu thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh; quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự thọ nhận thanh tịnh tức là quả Dự lưu thanh tịnh; quả Dự lưu thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với quả Dự lưu thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là quả Nhất lai, Bất hoàn,

A-la-hán thanh tịnh; quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự hiểu biết thanh tịnh tức là quả Dự lưu thanh tịnh; quả Dự lưu thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với quả Dự lưu thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh; quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự nhận thức thanh tịnh tức là quả Dự lưu thanh tịnh; quả Dự lưu thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với quả Dự lưu thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh; quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là quả vị Độc giác thanh tịnh; quả vị Độc giác thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với quả vị Độc giác thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Hữu tình thanh tịnh tức là quả vị Độc giác thanh tịnh; quả vị Độc giác thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với quả vị Độc giác thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là quả vị Độc giác thanh tịnh; quả vị Độc giác thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với quả vị Độc giác thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự sinh thanh tịnh tức là quả vị Độc giác thanh tịnh; quả vị Độc giác thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với quả vị Độc giác thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là quả vị Độc giác thanh tịnh; quả vị

Độc giác thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với quả vị Độc giác thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sĩ phu thanh tịnh tức là quả vị Độc giác thanh tịnh; quả vị Độc giác thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với quả vị Độc giác thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là quả vị Độc giác thanh tịnh; quả vị Độc giác thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với quả vị Độc giác thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Ý sinh thanh tịnh tức là quả vị Độc giác thanh tịnh; quả vị Độc giác thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với quả vị Độc giác thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Nho đồng thanh tịnh tức là quả vị Độc giác thanh tịnh; quả vị Độc giác thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với quả vị Độc giác thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự tạo tác thanh tịnh tức là quả vị Độc giác thanh tịnh; quả vị Độc giác thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với quả vị Độc giác thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự thọ nhận thanh tịnh tức là quả vị Độc giác thanh tịnh; quả vị Độc giác thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với quả vị Độc giác thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự hiểu biết thanh tịnh tức là quả vị Độc giác thanh tịnh; quả vị Độc giác thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với quả vị Độc giác thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự nhận thức thanh tịnh tức là quả vị Độc giác thanh tịnh; quả vị Độc giác thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với quả vị Độc giác thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã

thanh tịnh ấy cùng với tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Hữu tình thanh tịnh tức là tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự sinh thanh tịnh tức là tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sĩ phu thanh tịnh tức là tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Ý sinh thanh tịnh tức là tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Nho đồng thanh tịnh tức là tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự tạo tác thanh tịnh tức là tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh là không hai,

không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự thọ nhận thanh tịnh tức là tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự hiểu biết thanh tịnh tức là tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự nhận thức thanh tịnh tức là tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với tất cả hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Hữu tình thanh tịnh tức là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự sinh thanh tịnh tức là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không

phân biệt, không đoạn diệt.

Sĩ phu thanh tịnh tức là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Ý sinh thanh tịnh tức là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Nho đồng thanh tịnh tức là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự tạo tác thanh tịnh tức là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự thọ nhận thanh tịnh tức là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự hiểu biết thanh tịnh tức là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Sự nhận thức thanh tịnh tức là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật

thanh tịnh; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 190

Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (9)

Lại nữa Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh; sắc thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là nhãn xứ thanh tịnh; nhãn xứ thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với nhãn xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là sắc xứ thanh tịnh; sắc xứ thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với sắc xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là nhãn giới thanh tịnh; nhãn giới thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với nhãn giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh

ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là nhĩ giới thanh tịnh; nhĩ giới thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với nhĩ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là tỷ giới thanh tịnh; tỷ giới thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với tỷ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là thiệt giới thanh tịnh; thiệt giới thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với thiệt giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là thân giới thanh tịnh; thân giới thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với thân giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là ý giới thanh tịnh; ý giới thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với ý giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Ngã thanh tịnh tức là pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là địa giới thanh tịnh; địa giới thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với địa giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là vô minh thanh tịnh; vô minh thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với vô minh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là pháp không bên trong thanh tịnh; pháp không bên trong thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên trong thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm

bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là chân như thanh tịnh; chân như thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với chân như thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là Thánh đế khổ thanh tịnh; Thánh đế khổ thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế khổ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là bốn Tĩnh lự thanh tịnh; bốn Tĩnh lự thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với bốn Tĩnh lự thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là tám Giải thoát thanh tịnh; tám Giải thoát thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với tám Giải thoát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là bốn Niệm trụ thanh tịnh; bốn Niệm trụ thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với bốn Niệm trụ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; pháp môn giải thoát Không thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Không thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là mười địa Bồ-tát thanh tịnh; mười địa Bồ-tát thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với mười địa Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là năm loại mắt thanh tịnh; năm loại mắt thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với năm loại mắt thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là sáu phép thần thông thanh tịnh; sáu phép thần thông thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với sáu phép thần thông thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là mười lực của Phật thanh tịnh; mười lực của Phật thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với mười lực của Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là pháp không quên mất thanh tịnh; pháp không quên mất thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với pháp không quên mất thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là tánh luôn luôn xả thanh tịnh; tánh luôn luôn xả thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với tánh luôn luôn xả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là trí Nhất thiết thanh tịnh; trí Nhất thiết thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là quả Dự lưu thanh tịnh; quả Dự lưu thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với quả Dự lưu thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh; quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là quả vị Độc giác thanh tịnh; quả vị Độc giác thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với quả vị Độc giác thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không

phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ngã thanh tịnh tức là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, hữu tình thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh; sắc thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, hữu tình thanh tịnh tức là nhãn xứ thanh tịnh; nhãn xứ thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với nhãn xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, hữu tình thanh tịnh tức là sắc xứ thanh tịnh; sắc xứ thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với sắc xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, hữu tình thanh tịnh tức là nhãn giới thanh tịnh; nhãn giới thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với nhãn giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, hữu tình thanh tịnh tức là nhĩ giới thanh tịnh; nhĩ

giới thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với nhĩ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, hữu tình thanh tịnh tức là tỷ giới thanh tịnh; tỷ giới thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với tỷ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, hữu tình thanh tịnh tức là thiệt giới thanh tịnh; thiệt giới thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với thiệt giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, hữu tình thanh tịnh tức là thân giới thanh tịnh; thân giới thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với thân giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, hữu tình thanh tịnh tức là ý giới thanh tịnh; ý giới thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng

với ý giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, hữu tình thanh tịnh tức là địa giới thanh tịnh; địa giới thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với địa giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, hữu tình thanh tịnh tức là vô minh thanh tịnh; vô minh thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với vô minh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, hữu tình thanh tịnh tức là Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, hữu tình thanh tịnh tức là pháp không bên trong thanh tịnh; pháp không bên trong thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên trong thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Hữu tình thanh tịnh tức là pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, hữu tình thanh tịnh tức là chân như thanh tịnh; chân như thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với chân như thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, hữu tình thanh tịnh tức là Thánh đế khổ thanh tịnh; Thánh đế khổ thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế khổ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, hữu tình thanh tịnh tức là bốn Tĩnh lự thanh tịnh; bốn Tĩnh lự thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với bốn Tĩnh lự thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh là không hai, không

hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, hữu tình thanh tịnh tức là tám Giải thoát thanh tịnh; tám Giải thoát thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với tám Giải thoát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, hữu tình thanh tịnh tức là bốn Niệm trụ thanh tịnh; bốn Niệm trụ thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với bốn Niệm trụ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, hữu tình thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; pháp môn giải thoát Không thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Không thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, hữu tình thanh tịnh tức là mười địa Bồ-tát thanh tịnh; mười địa Bồ-tát thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với mười địa Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, hữu tình thanh tịnh tức là năm loại mắt thanh tịnh; năm loại mắt thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với năm loại mắt thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là sáu phép thần thông thanh tịnh; sáu phép thần thông thanh tịnh tức là hữu tình thanh

tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với sáu phép thần thông thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, hữu tình thanh tịnh tức là mười lực của Phật thanh tịnh; mười lực của Phật thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với mười lực của Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, hữu tình thanh tịnh tức là pháp không quên mất thanh tịnh; pháp không quên mất thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với pháp không quên mất thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là tánh luôn luôn xả thanh tịnh; tánh luôn luôn xả thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với tánh luôn luôn xả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, hữu tình thanh tịnh tức là trí Nhất thiết thanh tịnh; trí Nhất thiết thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, hữu tình thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, hữu tình thanh tịnh tức là quả Dự lưu thanh tịnh;

quả Dự lưu thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với quả Dự lưu thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Hữu tình thanh tịnh tức là quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh; quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, hữu tình thanh tịnh tức là quả vị Độc giác thanh tịnh; quả vị Độc giác thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với quả vị Độc giác thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, hữu tình thanh tịnh tức là hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, hữu tình thanh tịnh tức là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, dòng sinh mạng thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh; sắc thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, dòng sinh mạng thanh tịnh tức là nhãn xứ thanh tịnh; nhãn xứ thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với nhãn xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, dòng sinh mạng thanh tịnh tức là sắc xứ thanh tịnh;

sắc xứ thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với sắc xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, dòng sinh mạng thanh tịnh tức là nhãn giới thanh tịnh; nhãn giới thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với nhãn giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, dòng sinh mạng thanh tịnh tức là nhĩ giới thanh tịnh; nhĩ giới thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với nhĩ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, dòng sinh mạng thanh tịnh tức là tỷ giới thanh tịnh; tỷ giới thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với tỷ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, dòng sinh mạng thanh tịnh tức là thiệt giới thanh tịnh; thiệt giới thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng

sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với thiệt giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, dòng sinh mạng thanh tịnh tức là thân giới thanh tịnh; thân giới thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với thân giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, dòng sinh mạng thanh tịnh tức là ý giới thanh tịnh; ý giới thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với ý giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, dòng sinh mạng thanh tịnh tức là địa giới thanh tịnh; địa giới thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với địa giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, dòng sinh mạng thanh tịnh tức là vô minh thanh tịnh; vô minh thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng

sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với vô minh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 191

Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (10)

Này Thiện Hiện, dòng sinh mạng thanh tịnh tức là Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, dòng sinh mạng thanh tịnh tức là pháp không bên trong thanh tịnh; pháp không bên trong thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên trong thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, dòng sinh mạng thanh tịnh tức là chân như thanh tịnh; chân như thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với chân như thanh tịnh là không hai, không

hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, dòng sinh mạng thanh tịnh tức là Thánh đế khổ thanh tịnh; Thánh đế khổ thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế khổ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, dòng sinh mạng thanh tịnh tức là bốn Tĩnh lự thanh tịnh; bốn Tĩnh lự thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với bốn Tĩnh lự thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, dòng sinh mạng thanh tịnh tức là tám Giải thoát thanh tịnh; tám Giải thoát thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với tám Giải thoát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, dòng sinh mạng thanh tịnh tức là bốn Niệm trụ thanh tịnh; bốn Niệm trụ thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với bốn Niệm trụ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, dòng sinh mạng thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; pháp môn giải thoát Không thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Không thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, dòng sinh mạng thanh tịnh tức là mười địa Bồ-tát thanh tịnh; mười địa Bồ-tát thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với mười địa Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, dòng sinh mạng thanh tịnh tức là năm loại mắt thanh tịnh; năm loại mắt thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với năm loại mắt thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là sáu phép thần thông thanh tịnh; sáu phép thần thông thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với sáu phép thần thông thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, dòng sinh mạng thanh tịnh tức là mười lực của Phật thanh tịnh; mười lực của Phật thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với mười lực của Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, dòng sinh mạng thanh tịnh tức là pháp không quên mất thanh tịnh; pháp không quên mất thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với pháp không quên mất thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là tánh luôn luôn xả thanh tịnh; tánh luôn luôn xả thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với tánh luôn luôn xả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, dòng sinh mạng thanh tịnh tức là trí Nhất thiết thanh tịnh; trí Nhất thiết thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, dòng sinh mạng thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, dòng sinh mạng thanh tịnh tức là quả Dự lưu thanh tịnh; quả Dự lưu thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với quả Dự lưu thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh; quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, dòng sinh mạng thanh tịnh tức là quả vị Độc giác thanh tịnh; quả vị Độc giác thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với quả vị Độc giác thanh tịnh

là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, dòng sinh mạng thanh tịnh tức là hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, dòng sinh mạng thanh tịnh tức là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, sự sinh thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh; sắc thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự sinh thanh tịnh tức là nhãn xứ thanh tịnh; nhãn xứ thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với nhãn xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự sinh thanh tịnh tức là sắc xứ thanh tịnh; sắc xứ thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với sắc xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự sinh thanh tịnh tức là nhãn giới thanh tịnh; nhãn giới thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với nhãn giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự sinh

thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự sinh thanh tịnh tức là nhĩ giới thanh tịnh; nhĩ giới thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với nhĩ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự sinh thanh tịnh tức là tỷ giới thanh tịnh; tỷ giới thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với tỷ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự sinh thanh tịnh tức là thiệt giới thanh tịnh; thiệt giới thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với thiệt giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự sinh thanh tịnh tức là thân giới thanh tịnh; thân giới thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với thân giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với xúc giới cho đến các

thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự sinh thanh tịnh tức là ý giới thanh tịnh; ý giới thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với ý giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự sinh thanh tịnh tức là địa giới thanh tịnh; địa giới thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với địa giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự sinh thanh tịnh tức là vô minh thanh tịnh; vô minh thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với vô minh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự sinh thanh tịnh tức là Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự sinh thanh tịnh tức là pháp không bên trong thanh

tịnh; pháp không bên trong thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên trong thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự sinh thanh tịnh tức là chân như thanh tịnh; chân như thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với chân như thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự sinh thanh tịnh tức là Thánh đế khổ thanh tịnh; Thánh đế khổ thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế khổ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự sinh thanh tịnh tức là bốn Tĩnh lự thanh tịnh; bốn Tĩnh lự thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với bốn Tĩnh lự thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với bốn Vô lượng,

bốn Định vô sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự sinh thanh tịnh tức là tám Giải thoát thanh tịnh; tám Giải thoát thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với tám Giải thoát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự sinh thanh tịnh tức là bốn Niệm trụ thanh tịnh; bốn Niệm trụ thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với bốn Niệm trụ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự sinh thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; pháp môn giải thoát Không thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Không thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự sinh thanh tịnh tức là mười địa Bồ-tát thanh tịnh; mười địa Bồ-tát thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với mười địa Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự sinh thanh tịnh tức là năm loại mắt thanh tịnh; năm loại mắt thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với năm loại mắt thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là sáu phép thần thông thanh tịnh; sáu phép thần thông thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh.

Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với sáu phép thần thông thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự sinh thanh tịnh tức là mười lực của Phật thanh tịnh; mười lực của Phật thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với mười lực của Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự sinh thanh tịnh tức là pháp không quên mất thanh tịnh; pháp không quên mất thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với pháp không quên mất thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là tánh luôn luôn xả thanh tịnh; tánh luôn luôn xả thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với tánh luôn luôn xả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự sinh thanh tịnh tức là trí Nhất thiết thanh tịnh; trí Nhất thiết thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự sinh thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự sinh thanh tịnh tức là quả Dự lưu thanh tịnh; quả

Dự lưu thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với quả Dự lưu thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sinh thanh tịnh tức là quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh; quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự sinh thanh tịnh tức là quả vị Độc giác thanh tịnh; quả vị Độc giác thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với quả vị Độc giác thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự sinh thanh tịnh tức là hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự sinh thanh tịnh tức là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh tức là sự sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sinh thanh tịnh ấy cùng với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, sự dưỡng dục thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh; sắc thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự dưỡng dục thanh tịnh tức là nhãn xứ thanh tịnh; nhãn xứ thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với nhãn xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự dưỡng dục thanh tịnh tức là sắc xứ thanh tịnh; sắc xứ thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục

thanh tịnh ấy cùng với sắc xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự dưỡng dục thanh tịnh tức là nhãn giới thanh tịnh; nhãn giới thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với nhãn giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự dưỡng dục thanh tịnh tức là nhĩ giới thanh tịnh; nhĩ giới thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với nhĩ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự dưỡng dục thanh tịnh tức là tỷ giới thanh tịnh; tỷ giới thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với tỷ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự dưỡng dục thanh tịnh tức là thiệt giới thanh tịnh; thiệt giới thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với thiệt giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là vị

giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự dưỡng dục thanh tịnh tức là thân giới thanh tịnh; thân giới thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với thân giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự dưỡng dục thanh tịnh tức là ý giới thanh tịnh; ý giới thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với ý giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự dưỡng dục thanh tịnh tức là địa giới thanh tịnh; địa giới thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với địa giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự dưỡng dục thanh tịnh tức là vô minh thanh tịnh; vô minh thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với vô minh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh tức là sự

dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự dưỡng dục thanh tịnh tức là Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự dưỡng dục thanh tịnh tức là pháp không bên trong thanh tịnh; pháp không bên trong thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên trong thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự dưỡng dục thanh tịnh tức là chân như thanh tịnh; chân như thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với chân như thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự dưỡng dục thanh tịnh tức là Thánh đế khổ thanh tịnh; Thánh đế khổ thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế khổ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự dưỡng dục thanh tịnh tức là bốn Tĩnh lự thanh tịnh; bốn Tĩnh lự thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với bốn Tĩnh lự thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự dưỡng dục thanh tịnh tức là tám Giải thoát thanh tịnh; tám Giải thoát thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với tám Giải thoát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự dưỡng dục thanh tịnh tức là bốn Niệm trụ thanh tịnh; bốn Niệm trụ thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với bốn Niệm trụ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự dưỡng dục thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; pháp môn giải thoát Không thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với pháp môn

giải thoát Không thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự dưỡng dục thanh tịnh tức là mười địa Bồ-tát thanh tịnh; mười địa Bồ-tát thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với mười địa Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 192

Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (11)

Này Thiện Hiện, sự dưỡng dục thanh tịnh tức là năm loại mắt thanh tịnh; năm loại mắt thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với năm loại mắt thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là sáu phép thần thông thanh tịnh; sáu phép thần thông thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với sáu phép thần thông thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự dưỡng dục thanh tịnh tức là mười lực của Phật thanh tịnh; mười lực của Phật thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với mười lực của Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự dưỡng dục thanh tịnh tức là pháp không quên mất thanh tịnh; pháp không quên mất thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với pháp không quên mất thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là tánh luôn luôn xả thanh tịnh; tánh luôn luôn xả thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với tánh luôn luôn xả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự dưỡng dục thanh tịnh tức là trí Nhất thiết thanh tịnh; trí Nhất thiết thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự

dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự dưỡng dục thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự dưỡng dục thanh tịnh tức là quả Dự lưu thanh tịnh; quả Dự lưu thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với quả Dự lưu thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự dưỡng dục thanh tịnh tức là quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh; quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự dưỡng dục thanh tịnh tức là quả vị Độc giác thanh tịnh; quả vị Độc giác thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với quả vị Độc giác thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự dưỡng dục thanh tịnh tức là hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự dưỡng dục thanh tịnh tức là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh tức là sự dưỡng dục thanh tịnh. Vì sao? Vì sự dưỡng dục thanh tịnh ấy cùng với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, sĩ phu thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh; sắc thanh

tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sĩ phu thanh tịnh tức là nhãn xứ thanh tịnh; nhãn xứ thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với nhãn xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sĩ phu thanh tịnh tức là sắc xứ thanh tịnh; sắc xứ thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với sắc xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sĩ phu thanh tịnh tức là nhãn giới thanh tịnh; nhãn giới thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với nhãn giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sĩ phu thanh tịnh tức là nhĩ giới thanh tịnh; nhĩ giới thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với nhĩ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt,

không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sĩ phu thanh tịnh tức là tỷ giới thanh tịnh; tỷ giới thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với tỷ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sĩ phu thanh tịnh tức là thiệt giới thanh tịnh; thiệt giới thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với thiệt giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sĩ phu thanh tịnh tức là thân giới thanh tịnh; thân giới thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với thân giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sĩ phu thanh tịnh tức là ý giới thanh tịnh; ý giới thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với ý giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sĩ phu thanh tịnh tức là địa giới thanh tịnh; địa giới thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với địa giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sĩ phu thanh tịnh tức là vô minh thanh tịnh; vô minh thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với vô minh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sĩ phu thanh tịnh tức là Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sĩ phu thanh tịnh tức là pháp không bên trong thanh tịnh; pháp không bên trong thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên trong thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh

thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sĩ phu thanh tịnh tức là chân như thanh tịnh; chân như thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với chân như thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sĩ phu thanh tịnh tức là Thánh đế khổ thanh tịnh; Thánh đế khổ thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế khổ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sĩ phu thanh tịnh tức là bốn Tĩnh lự thanh tịnh; bốn Tĩnh lự thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với bốn Tĩnh lự thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sĩ phu thanh tịnh tức là tám Giải thoát thanh tịnh; tám Giải thoát thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với tám Giải thoát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sĩ phu thanh tịnh tức là bốn Niệm trụ thanh tịnh; bốn Niệm trụ thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với bốn Niệm trụ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không

phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sĩ phu thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; pháp môn giải thoát Không thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Không thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sĩ phu thanh tịnh tức là mười địa Bồ-tát thanh tịnh; mười địa Bồ-tát thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với mười địa Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sĩ phu thanh tịnh tức là năm loại mắt thanh tịnh; năm loại mắt thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với năm loại mắt thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là sáu phép thần thông thanh tịnh; sáu phép thần thông thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với sáu phép thần thông thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sĩ phu thanh tịnh tức là mười lực của Phật thanh tịnh; mười lực của Phật thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với mười lực của Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sĩ phu thanh tịnh tức là pháp không quên mất thanh

tịnh; pháp không quên mất thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với pháp không quên mất thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là tánh luôn luôn xả thanh tịnh; tánh luôn luôn xả thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với tánh luôn luôn xả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sĩ phu thanh tịnh tức là trí Nhất thiết thanh tịnh; trí Nhất thiết thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sĩ phu thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sĩ phu thanh tịnh tức là quả Dự lưu thanh tịnh; quả Dự lưu thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với quả Dự lưu thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sĩ phu thanh tịnh tức là quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh; quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sĩ phu thanh tịnh tức là quả vị Độc giác thanh tịnh; quả vị Độc giác thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với quả vị Độc giác thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sĩ phu thanh tịnh tức là hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần,

không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sĩ phu thanh tịnh tức là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh tức là sĩ phu thanh tịnh. Vì sao? Vì sĩ phu thanh tịnh ấy cùng với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh; sắc thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là nhãn xứ thanh tịnh; nhãn xứ thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với nhãn xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là sắc xứ thanh tịnh; sắc xứ thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với sắc xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là nhãn giới thanh tịnh; nhãn giới thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với nhãn giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh

là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là nhĩ giới thanh tịnh; nhĩ giới thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với nhĩ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là tỷ giới thanh tịnh; tỷ giới thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với tỷ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là thiệt giới thanh tịnh; thiệt giới thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với thiệt giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là thân giới thanh tịnh; thân giới thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với thân giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là ý giới thanh tịnh; ý giới thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với ý giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là địa giới thanh tịnh; địa giới thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với địa giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là vô minh thanh tịnh; vô minh thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với vô minh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là pháp không bên trong thanh tịnh; pháp không bên trong thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la

thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên trong thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là chân như thanh tịnh; chân như thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với chân như thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là Thánh đế khổ thanh tịnh; Thánh đế khổ thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế khổ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là bốn Tĩnh lự thanh tịnh; bốn Tĩnh lự thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với bốn Tĩnh lự thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; bốn Vô lượng, bốn Định

vô sắc thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là tám Giải thoát thanh tịnh; tám Giải thoát thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với tám Giải thoát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là bốn Niệm trụ thanh tịnh; bốn Niệm trụ thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với bốn Niệm trụ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; pháp môn giải thoát Không thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Không thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là mười địa Bồ-tát thanh tịnh; mười địa Bồ-tát thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với mười địa Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là năm loại mắt thanh tịnh; năm loại mắt thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với năm loại mắt thanh tịnh là không hai,

không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là sáu phép thần thông thanh tịnh; sáu phép thần thông thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với sáu phép thần thông thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là mười lực của Phật thanh tịnh; mười lực của Phật thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với mười lực của Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là pháp không quên mất thanh tịnh; pháp không quên mất thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với pháp không quên mất thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là tánh luôn luôn xả thanh tịnh; tánh luôn luôn xả thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với tánh luôn luôn xả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là trí Nhất thiết thanh tịnh; trí Nhất thiết thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la

thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là quả Dự lưu thanh tịnh; quả Dự lưu thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với quả Dự lưu thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh; quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là quả vị Độc giác thanh tịnh; quả vị Độc giác thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với quả vị Độc giác thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, Bổ-đặc-già-la thanh tịnh tức là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh tức là Bổ-đặc-già-la thanh tịnh. Vì sao? Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh ấy cùng với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 193

Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (12)

Lại nữa Thiện Hiện, ý sinh thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh; sắc thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ý sinh thanh tịnh tức là nhãn xứ thanh tịnh; nhãn xứ thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với nhãn xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ý sinh thanh tịnh tức là sắc xứ thanh tịnh; sắc xứ thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với sắc xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ý sinh thanh tịnh tức là nhãn giới thanh tịnh; nhãn giới thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với nhãn giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với sắc giới cho đến các thọ do

nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ý sinh thanh tịnh tức là nhĩ giới thanh tịnh; nhĩ giới thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với nhĩ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ý sinh thanh tịnh tức là tỷ giới thanh tịnh; tỷ giới thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với tỷ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ý sinh thanh tịnh tức là thiệt giới thanh tịnh; thiệt giới thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với thiệt giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ý sinh thanh tịnh tức là thân giới thanh tịnh; thân giới thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với thân giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không

phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ý sinh thanh tịnh tức là ý giới thanh tịnh; ý giới thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với ý giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ý sinh thanh tịnh tức là địa giới thanh tịnh; địa giới thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với địa giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ý sinh thanh tịnh tức là vô minh thanh tịnh; vô minh thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với vô minh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ý sinh thanh tịnh tức là Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ý sinh thanh tịnh tức là pháp không bên trong thanh tịnh; pháp không bên trong thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên trong thanh tịnh là không hai,

không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ý sinh thanh tịnh tức là chân như thanh tịnh; chân như thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với chân như thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ý sinh thanh tịnh tức là Thánh đế khổ thanh tịnh; Thánh đế khổ thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế khổ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ý sinh thanh tịnh tức là bốn Tĩnh lự thanh tịnh; bốn Tĩnh lự thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với bốn Tĩnh lự thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ý sinh thanh tịnh tức là tám Giải thoát thanh tịnh;

tám Giải thoát thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với tám Giải thoát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ý sinh thanh tịnh tức là bốn Niệm trụ thanh tịnh; bốn Niệm trụ thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với bốn Niệm trụ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ý sinh thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; pháp môn giải thoát Không thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Không thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ý sinh thanh tịnh tức là mười địa Bồ-tát thanh tịnh; mười địa Bồ-tát thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với mười địa Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ý sinh thanh tịnh tức là năm loại mắt thanh tịnh; năm loại mắt thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với năm loại mắt thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là sáu phép thần thông thanh tịnh; sáu phép thần thông thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với sáu phép thần thông thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ý sinh thanh tịnh tức là mười lực của Phật thanh

tịnh; mười lực của Phật thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với mười lực của Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ý sinh thanh tịnh tức là pháp không quên mất thanh tịnh; pháp không quên mất thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với pháp không quên mất thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là tánh luôn luôn xả thanh tịnh; tánh luôn luôn xả thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với tánh luôn luôn xả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ý sinh thanh tịnh tức là trí Nhất thiết thanh tịnh; trí Nhất thiết thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ý sinh thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ý sinh thanh tịnh tức là quả Dự lưu thanh tịnh; quả Dự lưu thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với quả Dự lưu thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ý sinh thanh tịnh tức là quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh; quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh tức là ý sinh

thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ý sinh thanh tịnh tức là quả vị Độc giác thanh tịnh; quả vị Độc giác thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với quả vị Độc giác thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ý sinh thanh tịnh tức là hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, ý sinh thanh tịnh tức là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh tức là ý sinh thanh tịnh. Vì sao? Vì ý sinh thanh tịnh ấy cùng với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, nho đồng thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh; sắc thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nho đồng thanh tịnh tức là nhãn xứ thanh tịnh; nhãn xứ thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với nhãn xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nho đồng thanh tịnh tức là sắc xứ thanh tịnh; sắc xứ thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với sắc xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không

đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nho đồng thanh tịnh tức là nhãn giới thanh tịnh; nhãn giới thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với nhãn giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nho đồng thanh tịnh tức là nhĩ giới thanh tịnh; nhĩ giới thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với nhĩ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nho đồng thanh tịnh tức là tỷ giới thanh tịnh; tỷ giới thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với tỷ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nho đồng thanh tịnh tức là thiệt giới thanh tịnh; thiệt giới thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với thiệt giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nho đồng thanh tịnh tức là thân giới thanh tịnh; thân giới thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với thân giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nho đồng thanh tịnh tức là ý giới thanh tịnh; ý giới thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với ý giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nho đồng thanh tịnh tức là địa giới thanh tịnh; địa giới thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với địa giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nho đồng thanh tịnh tức là vô minh thanh tịnh; vô minh thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với vô minh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nho đồng thanh tịnh tức là Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì

nho đồng thanh tịnh ấy cùng với Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nho đồng thanh tịnh tức là pháp không bên trong thanh tịnh; pháp không bên trong thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên trong thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nho đồng thanh tịnh tức là chân như thanh tịnh; chân như thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với chân như thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nho đồng thanh tịnh tức là Thánh đế khổ thanh tịnh; Thánh đế khổ thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế khổ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh tức là nho

đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nho đồng thanh tịnh tức là bốn Tĩnh lự thanh tịnh; bốn Tĩnh lự thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với bốn Tĩnh lự thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nho đồng thanh tịnh tức là tám Giải thoát thanh tịnh; tám Giải thoát thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với tám Giải thoát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nho đồng thanh tịnh tức là bốn Niệm trụ thanh tịnh; bốn Niệm trụ thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với bốn Niệm trụ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nho đồng thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; pháp môn giải thoát Không thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Không thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh là không hai, không

hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nho đồng thanh tịnh tức là mười địa Bồ-tát thanh tịnh; mười địa Bồ-tát thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với mười địa Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nho đồng thanh tịnh tức là năm loại mắt thanh tịnh; năm loại mắt thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với năm loại mắt thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là sáu phép thần thông thanh tịnh; sáu phép thần thông thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với sáu phép thần thông thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nho đồng thanh tịnh tức là mười lực của Phật thanh tịnh; mười lực của Phật thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với mười lực của Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nho đồng thanh tịnh tức là pháp không quên mất thanh tịnh; pháp không quên mất thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với pháp không quên mất thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là tánh luôn luôn xả thanh tịnh; tánh luôn luôn xả thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với tánh luôn luôn xả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nho đồng thanh tịnh tức là trí Nhất thiết thanh tịnh; trí Nhất thiết thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh là không hai, không

hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nho đồng thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nho đồng thanh tịnh tức là quả Dự lưu thanh tịnh; quả Dự lưu thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với quả Dự lưu thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Nho đồng thanh tịnh tức là quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh; quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nho đồng thanh tịnh tức là quả vị Độc giác thanh tịnh; quả vị Độc giác thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với quả vị Độc giác thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nho đồng thanh tịnh tức là hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, nho đồng thanh tịnh tức là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh tức là nho đồng thanh tịnh. Vì sao? Vì nho đồng thanh tịnh ấy cùng với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, sự tạo tác thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh; sắc thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự tạo tác thanh tịnh tức là nhãn xứ thanh tịnh; nhãn xứ thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với nhãn xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự tạo tác thanh tịnh tức là sắc xứ thanh tịnh; sắc xứ thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với sắc xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự tạo tác thanh tịnh tức là nhãn giới thanh tịnh; nhãn giới thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với nhãn giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự tạo tác thanh tịnh tức là nhĩ giới thanh tịnh; nhĩ giới thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với nhĩ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự tạo tác thanh tịnh tức là tỷ giới thanh tịnh; tỷ giới thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với tỷ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là hương giới, tỷ thức giới và tỷ

xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự tạo tác thanh tịnh tức là thiệt giới thanh tịnh; thiệt giới thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với thiệt giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 194

Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (13)

Này Thiện Hiện, sự tạo tác thanh tịnh tức là thân giới thanh tịnh; thân giới thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với thân giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự tạo tác thanh tịnh tức là ý giới thanh tịnh; ý giới thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với ý giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự tạo tác thanh tịnh tức là địa giới thanh tịnh; địa giới thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với địa giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự tạo tác thanh tịnh tức là vô minh thanh tịnh; vô minh thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh

ấy cùng với vô minh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự tạo tác thanh tịnh tức là Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự tạo tác thanh tịnh tức là pháp không bên trong thanh tịnh; pháp không bên trong thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên trong thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự tạo tác thanh tịnh tức là chân như thanh tịnh; chân như thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với chân như thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn

thanh tịnh; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự tạo tác thanh tịnh tức là Thánh đế khổ thanh tịnh; Thánh đế khổ thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế khổ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự tạo tác thanh tịnh tức là bốn Tĩnh lự thanh tịnh; bốn Tĩnh lự thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với bốn Tĩnh lự thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự tạo tác thanh tịnh tức là tám Giải thoát thanh tịnh; tám Giải thoát thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với tám Giải thoát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự tạo tác thanh tịnh tức là bốn Niệm trụ thanh tịnh; bốn Niệm trụ thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với bốn Niệm trụ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh là không hai,

không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự tạo tác thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; pháp môn giải thoát Không thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Không thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự tạo tác thanh tịnh tức là mười địa Bồ-tát thanh tịnh; mười địa Bồ-tát thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với mười địa Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự tạo tác thanh tịnh tức là năm loại mắt thanh tịnh; năm loại mắt thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với năm loại mắt thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là sáu phép thần thông thanh tịnh; sáu phép thần thông thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với sáu phép thần thông thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự tạo tác thanh tịnh tức là mười lực của Phật thanh tịnh; mười lực của Phật thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với mười lực của Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự tạo tác thanh tịnh tức là pháp không quên mất thanh tịnh; pháp không quên mất thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với pháp không quên mất thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là tánh luôn luôn xả thanh tịnh; tánh luôn luôn xả thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với

tánh luôn luôn xả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự tạo tác thanh tịnh tức là trí Nhất thiết thanh tịnh; trí Nhất thiết thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự tạo tác thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự tạo tác thanh tịnh tức là quả Dự lưu thanh tịnh; quả Dự lưu thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với quả Dự lưu thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự tạo tác thanh tịnh tức là quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh; quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự tạo tác thanh tịnh tức là quả vị Độc giác thanh tịnh; quả vị Độc giác thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với quả vị Độc giác thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự tạo tác thanh tịnh tức là hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự tạo tác thanh tịnh tức là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh tức là sự tạo tác thanh tịnh. Vì sao? Vì sự tạo tác thanh tịnh ấy cùng với quả

vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, sự thọ nhận thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh; sắc thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự thọ nhận thanh tịnh tức là nhãn xứ thanh tịnh; nhãn xứ thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với nhãn xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự thọ nhận thanh tịnh tức là sắc xứ thanh tịnh; sắc xứ thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với sắc xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự thọ nhận thanh tịnh tức là nhãn giới thanh tịnh; nhãn giới thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với nhãn giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự thọ nhận thanh tịnh tức là nhĩ giới thanh tịnh; nhĩ giới thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với nhĩ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không

phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự thọ nhận thanh tịnh tức là tỷ giới thanh tịnh; tỷ giới thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với tỷ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự thọ nhận thanh tịnh tức là thiệt giới thanh tịnh; thiệt giới thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với thiệt giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự thọ nhận thanh tịnh tức là thân giới thanh tịnh; thân giới thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với thân giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự thọ nhận thanh tịnh tức là ý giới thanh tịnh; ý giới thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với ý giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là pháp giới, ý thức giới

và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự thọ nhận thanh tịnh tức là địa giới thanh tịnh; địa giới thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với địa giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự thọ nhận thanh tịnh tức là vô minh thanh tịnh; vô minh thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với vô minh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự thọ nhận thanh tịnh tức là Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự thọ nhận thanh tịnh tức là pháp không bên trong thanh tịnh; pháp không bên trong thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên trong thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp

không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự thọ nhận thanh tịnh tức là chân như thanh tịnh; chân như thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với chân như thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự thọ nhận thanh tịnh tức là Thánh đế khổ thanh tịnh; Thánh đế khổ thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế khổ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự thọ nhận thanh tịnh tức là bốn Tĩnh lự thanh tịnh; bốn Tĩnh lự thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với bốn Tĩnh lự thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự thọ nhận thanh tịnh tức là tám Giải thoát thanh

tịnh; tám Giải thoát thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với tám Giải thoát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự thọ nhận thanh tịnh tức là bốn Niệm trụ thanh tịnh; bốn Niệm trụ thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với bốn Niệm trụ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự thọ nhận thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; pháp môn giải thoát Không thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Không thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự thọ nhận thanh tịnh tức là mười địa Bồ-tát thanh tịnh; mười địa Bồ-tát thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với mười địa Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự thọ nhận thanh tịnh tức là năm loại mắt thanh tịnh; năm loại mắt thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với năm loại mắt thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là sáu phép thần thông thanh tịnh; sáu phép thần thông thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với sáu phép thần thông thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không

đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự thọ nhận thanh tịnh tức là mười lực của Phật thanh tịnh; mười lực của Phật thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với mười lực của Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự thọ nhận thanh tịnh tức là pháp không quên mất thanh tịnh; pháp không quên mất thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với pháp không quên mất thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là tánh luôn luôn xả thanh tịnh; tánh luôn luôn xả thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với tánh luôn luôn xả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự thọ nhận thanh tịnh tức là trí Nhất thiết thanh tịnh; trí Nhất thiết thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự thọ nhận thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự thọ nhận thanh tịnh tức là quả Dự lưu thanh tịnh;

quả Dự lưu thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với quả Dự lưu thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự thọ nhận thanh tịnh tức là quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh; quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự thọ nhận thanh tịnh tức là quả vị Độc giác thanh tịnh; quả vị Độc giác thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với quả vị Độc giác thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự thọ nhận thanh tịnh tức là hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự thọ nhận thanh tịnh tức là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh tức là sự thọ nhận thanh tịnh. Vì sao? Vì sự thọ nhận thanh tịnh ấy cùng với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, sự hiểu biết thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh; sắc thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự hiểu biết thanh tịnh tức là nhãn xứ thanh tịnh; nhãn xứ thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với nhãn xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự hiểu biết thanh tịnh tức là sắc xứ thanh tịnh; sắc xứ thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh

tịnh ấy cùng với sắc xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự hiểu biết thanh tịnh tức là nhãn giới thanh tịnh; nhãn giới thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với nhãn giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự hiểu biết thanh tịnh tức là nhĩ giới thanh tịnh; nhĩ giới thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với nhĩ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự hiểu biết thanh tịnh tức là tỷ giới thanh tịnh; tỷ giới thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với tỷ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự hiểu biết thanh tịnh tức là thiệt giới thanh tịnh; thiệt giới thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với thiệt giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là vị giới,

thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự hiểu biết thanh tịnh tức là thân giới thanh tịnh; thân giới thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với thân giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự hiểu biết thanh tịnh tức là ý giới thanh tịnh; ý giới thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với ý giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự hiểu biết thanh tịnh tức là địa giới thanh tịnh; địa giới thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với địa giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự hiểu biết thanh tịnh tức là vô minh thanh tịnh; vô minh thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với vô minh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh

tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự hiểu biết thanh tịnh tức là Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự hiểu biết thanh tịnh tức là pháp không bên trong thanh tịnh; pháp không bên trong thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên trong thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự hiểu biết thanh tịnh tức là chân như thanh tịnh; chân như thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với chân như thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự hiểu biết thanh tịnh tức là Thánh đế khổ thanh tịnh; Thánh đế khổ thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế khổ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự hiểu biết thanh tịnh tức là bốn Tĩnh lự thanh tịnh; bốn Tĩnh lự thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với bốn Tĩnh lự thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự hiểu biết thanh tịnh tức là tám Giải thoát thanh tịnh; tám Giải thoát thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với tám Giải thoát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự hiểu biết thanh tịnh tức là bốn Niệm trụ thanh tịnh; bốn Niệm trụ thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với bốn Niệm trụ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự hiểu biết thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; pháp môn giải thoát Không thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải

thoát Không thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự hiểu biết thanh tịnh tức là mười địa Bồ-tát thanh tịnh; mười địa Bồ-tát thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với mười địa Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 195

Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (14)

Này Thiện Hiện, sự hiểu biết thanh tịnh tức là năm loại mắt thanh tịnh; năm loại mắt thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với năm loại mắt thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là sáu phép thần thông thanh tịnh; sáu phép thần thông thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với sáu phép thần thông thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự hiểu biết thanh tịnh tức là mười lực của Phật thanh tịnh; mười lực của Phật thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với mười lực của Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự hiểu biết thanh tịnh tức là pháp không quên mất thanh tịnh; pháp không quên mất thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với pháp không quên mất thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là tánh luôn luôn xả thanh tịnh; tánh luôn luôn xả thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với tánh luôn luôn xả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự hiểu biết thanh tịnh tức là trí Nhất thiết thanh tịnh; trí Nhất thiết thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự

hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự hiểu biết thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự hiểu biết thanh tịnh tức là quả Dự lưu thanh tịnh; quả Dự lưu thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với quả Dự lưu thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự hiểu biết thanh tịnh tức là quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh; quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự hiểu biết thanh tịnh tức là quả vị Độc giác thanh tịnh; quả vị Độc giác thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với quả vị Độc giác thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự hiểu biết thanh tịnh tức là hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự hiểu biết thanh tịnh tức là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh tức là sự hiểu biết thanh tịnh. Vì sao? Vì sự hiểu biết thanh tịnh ấy cùng với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, sự nhận thức thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh; sắc

thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự nhận thức thanh tịnh tức là nhãn xứ thanh tịnh; nhãn xứ thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với nhãn xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự nhận thức thanh tịnh tức là sắc xứ thanh tịnh; sắc xứ thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với sắc xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự nhận thức thanh tịnh tức là nhãn giới thanh tịnh; nhãn giới thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với nhãn giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự nhận thức thanh tịnh tức là nhĩ giới thanh tịnh; nhĩ giới thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với nhĩ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh

tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự nhận thức thanh tịnh tức là tỷ giới thanh tịnh; tỷ giới thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với tỷ giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự nhận thức thanh tịnh tức là thiệt giới thanh tịnh; thiệt giới thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với thiệt giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự nhận thức thanh tịnh tức là thân giới thanh tịnh; thân giới thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với thân giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự nhận thức thanh tịnh tức là ý giới thanh tịnh; ý giới thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với ý giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho

đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự nhận thức thanh tịnh tức là địa giới thanh tịnh; địa giới thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với địa giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự nhận thức thanh tịnh tức là vô minh thanh tịnh; vô minh thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với vô minh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự nhận thức thanh tịnh tức là Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự nhận thức thanh tịnh tức là pháp không bên trong thanh tịnh; pháp không bên trong thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên trong thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi

tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự nhận thức thanh tịnh tức là chân như thanh tịnh; chân như thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với chân như thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh; pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự nhận thức thanh tịnh tức là Thánh đế khổ thanh tịnh; Thánh đế khổ thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế khổ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự nhận thức thanh tịnh tức là bốn Tĩnh lự thanh tịnh; bốn Tĩnh lự thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với bốn Tĩnh lự thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự nhận thức thanh tịnh tức là tám Giải thoát thanh tịnh; tám Giải thoát thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với tám Giải thoát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; tám Thắng

xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự nhận thức thanh tịnh tức là bốn Niệm trụ thanh tịnh; bốn Niệm trụ thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với bốn Niệm trụ thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự nhận thức thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; pháp môn giải thoát Không thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Không thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự nhận thức thanh tịnh tức là mười địa Bồ-tát thanh tịnh; mười địa Bồ-tát thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với mười địa Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự nhận thức thanh tịnh tức là năm loại mắt thanh tịnh; năm loại mắt thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với năm loại mắt thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là sáu phép thần thông thanh tịnh; sáu phép thần thông thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với sáu phép thần thông thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự nhận thức thanh tịnh tức là mười lực của Phật thanh tịnh; mười lực của Phật thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với mười lực của Phật thanh tịnh

là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự nhận thức thanh tịnh tức là pháp không quên mất thanh tịnh; pháp không quên mất thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với pháp không quên mất thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là tánh luôn luôn xả thanh tịnh; tánh luôn luôn xả thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với tánh luôn luôn xả thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự nhận thức thanh tịnh tức là trí Nhất thiết thanh tịnh; trí Nhất thiết thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với trí Nhất thiết thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự nhận thức thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự nhận thức thanh tịnh tức là quả Dự lưu thanh tịnh; quả Dự lưu thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với quả Dự lưu thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự nhận thức thanh tịnh tức là quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh; quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-

hán thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự nhận thức thanh tịnh tức là quả vị Độc giác thanh tịnh; quả vị Độc giác thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với quả vị Độc giác thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự nhận thức thanh tịnh tức là hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, sự nhận thức thanh tịnh tức là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh tức là sự nhận thức thanh tịnh. Vì sao? Vì sự nhận thức thanh tịnh ấy cùng với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh là không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, vì ngã thanh tịnh nên sắc thanh tịnh; vì sắc thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ngã thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ngã thanh tịnh nên nhãn xứ thanh tịnh; vì nhãn xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc nhãn xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ngã thanh tịnh nên nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ngã thanh tịnh nên sắc xứ thanh tịnh; vì sắc xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc sắc xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ngã thanh tịnh nên thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp

xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ngã thanh tịnh nên nhãn giới thanh tịnh; vì nhãn giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc nhãn giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ngã thanh tịnh nên sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ngã thanh tịnh nên nhĩ giới thanh tịnh; vì nhĩ giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc nhĩ giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ngã thanh tịnh nên thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ngã thanh tịnh nên tỷ giới thanh tịnh; vì tỷ giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc tỷ giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ngã thanh tịnh nên hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ngã thanh tịnh nên thiệt giới thanh tịnh; vì thiệt giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc thiệt giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không

hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ngã thanh tịnh nên vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ngã thanh tịnh nên thân giới thanh tịnh; vì thân giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc thân giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ngã thanh tịnh nên xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ngã thanh tịnh nên ý giới thanh tịnh; vì ý giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc ý giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ngã thanh tịnh nên pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ngã thanh tịnh nên địa giới thanh tịnh; vì địa giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc địa giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ngã thanh tịnh nên thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ngã thanh tịnh nên vô minh thanh tịnh; vì vô minh thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc vô minh thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ngã thanh tịnh nên hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ngã thanh tịnh nên Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; vì Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ngã thanh tịnh nên Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; vì Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ngã thanh tịnh nên pháp không bên trong thanh tịnh; vì pháp không bên trong thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc pháp không bên trong thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ngã thanh tịnh nên pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ngã thanh tịnh nên chân như thanh tịnh; vì chân như thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh

tịnh, hoặc chân như thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ngã thanh tịnh nên pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh; vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ngã thanh tịnh nên Thánh đế khổ thanh tịnh; vì Thánh đế khổ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc Thánh đế khổ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ngã thanh tịnh nên Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; vì Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ngã thanh tịnh nên bốn Tĩnh lự thanh tịnh; vì bốn Tĩnh lự thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc bốn Tĩnh lự thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ngã thanh tịnh nên bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ngã thanh tịnh nên tám Giải thoát thanh tịnh; vì tám Giải thoát thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc tám Giải thoát thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ngã thanh tịnh nên tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ngã thanh tịnh nên bốn Niệm trụ thanh tịnh; vì bốn Niệm trụ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc

ngã thanh tịnh, hoặc bốn Niệm trụ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ngã thanh tịnh nên bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ngã thanh tịnh nên pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; vì pháp môn giải thoát Không thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc pháp môn giải thoát Không thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ngã thanh tịnh nên pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ngã thanh tịnh nên mười địa Bồ-tát thanh tịnh; vì mười địa Bồ-tát thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc mười địa Bồ-tát thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ngã thanh tịnh nên năm loại mắt thanh tịnh; vì năm loại mắt thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc năm loại mắt thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ngã thanh tịnh nên sáu phép thần thông thanh tịnh; vì sáu phép thần thông thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc sáu phép thần thông thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ngã thanh tịnh nên mười lực của Phật thanh tịnh; vì mười lực của Phật thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc mười lực của Phật thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ngã thanh tịnh nên bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh nên trí

Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ngã thanh tịnh nên pháp không quên mất thanh tịnh; vì pháp không quên mất thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc pháp không quên mất thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ngã thanh tịnh nên tánh luôn luôn xả thanh tịnh; vì tánh luôn luôn xả thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc tánh luôn luôn xả thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ngã thanh tịnh nên trí Nhất thiết thanh tịnh; vì trí Nhất thiết thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ngã thanh tịnh nên trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ngã thanh tịnh nên tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ngã thanh tịnh nên tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ngã thanh tịnh nên quả Dự lưu thanh tịnh; vì quả Dự lưu thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc quả Dự lưu thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ngã thanh tịnh nên quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh; vì quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc

ngã thanh tịnh, hoặc quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ngã thanh tịnh nên quả vị Độc giác thanh tịnh; vì quả vị Độc giác thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc quả vị Độc giác thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ngã thanh tịnh nên hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; vì hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ngã thanh tịnh nên quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, vì hữu tình thanh tịnh nên sắc thanh tịnh; vì sắc thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì hữu tình thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì hữu tình thanh tịnh nên nhãn xứ thanh tịnh; vì nhãn xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc nhãn xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì hữu tình thanh tịnh nên nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì hữu tình thanh tịnh nên sắc xứ thanh tịnh; vì sắc xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc sắc xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì hữu tình

thanh tịnh nên thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì hữu tình thanh tịnh nên nhãn giới thanh tịnh; vì nhãn giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc nhãn giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì hữu tình thanh tịnh nên sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì hữu tình thanh tịnh nên nhĩ giới thanh tịnh; vì nhĩ giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc nhĩ giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì hữu tình thanh tịnh nên thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 196

Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (15)

Này Thiện Hiện, vì hữu tình thanh tịnh nên tỷ giới thanh tịnh; vì tỷ giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc tỷ giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì hữu tình thanh tịnh nên hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì hữu tình thanh tịnh nên thiệt giới thanh tịnh; vì thiệt giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc thiệt giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì hữu tình thanh tịnh nên vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì hữu tình thanh tịnh nên thân giới thanh tịnh; vì thân giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc thân giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì hữu tình thanh tịnh nên xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm

duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì hữu tình thanh tịnh nên ý giới thanh tịnh; vì ý giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc ý giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì hữu tình thanh tịnh nên pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì hữu tình thanh tịnh nên địa giới thanh tịnh; vì địa giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc địa giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì hữu tình thanh tịnh nên thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì hữu tình thanh tịnh nên vô minh thanh tịnh; vì vô minh thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc vô minh thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì hữu tình thanh tịnh nên hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì hữu tình thanh tịnh nên Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; vì Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì hữu tình thanh tịnh nên Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; vì Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-

la-mật-đa thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì hữu tình thanh tịnh nên pháp không bên trong thanh tịnh; vì pháp không bên trong thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc pháp không bên trong thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì hữu tình thanh tịnh nên pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì hữu tình thanh tịnh nên chân như thanh tịnh; vì chân như thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc chân như thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì hữu tình thanh tịnh nên pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh; vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì hữu tình thanh tịnh nên Thánh đế khổ thanh tịnh; vì Thánh đế khổ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc Thánh đế khổ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì hữu tình thanh tịnh nên Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; vì Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc

hữu tình thanh tịnh, hoặc Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì hữu tình thanh tịnh nên bốn Tĩnh lự thanh tịnh; vì bốn Tĩnh lự thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc bốn Tĩnh lự thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì hữu tình thanh tịnh nên bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì hữu tình thanh tịnh nên tám Giải thoát thanh tịnh; vì tám Giải thoát thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc tám Giải thoát thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì hữu tình thanh tịnh nên tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì hữu tình thanh tịnh nên bốn Niệm trụ thanh tịnh; vì bốn Niệm trụ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc bốn Niệm trụ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì hữu tình thanh tịnh nên bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì hữu tình thanh tịnh nên pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; vì pháp môn giải thoát Không thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc pháp môn giải thoát Không thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì hữu tình thanh tịnh

nên pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì hữu tình thanh tịnh nên mười địa Bồ-tát thanh tịnh; vì mười địa Bồ-tát thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc mười địa Bồ-tát thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì hữu tình thanh tịnh nên năm loại mắt thanh tịnh; vì năm loại mắt thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc năm loại mắt thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì hữu tình thanh tịnh nên sáu phép thần thông thanh tịnh; vì sáu phép thần thông thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc sáu phép thần thông thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì hữu tình thanh tịnh nên mười lực của Phật thanh tịnh; vì mười lực của Phật thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc mười lực của Phật thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì hữu tình thanh tịnh nên bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì hữu tình thanh tịnh nên pháp không quên mất thanh tịnh; vì pháp không quên mất thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc pháp không quên mất thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì hữu tình thanh tịnh nên tánh luôn luôn xả thanh tịnh; vì tánh luôn luôn xả thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc tánh luôn luôn

xả thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì hữu tình thanh tịnh nên trí Nhất thiết thanh tịnh; vì trí Nhất thiết thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì hữu tình thanh tịnh nên trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì hữu tình thanh tịnh nên tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì hữu tình thanh tịnh nên tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì hữu tình thanh tịnh nên quả Dự lưu thanh tịnh; vì quả Dự lưu thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc quả Dự lưu thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì hữu tình thanh tịnh nên quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh; vì quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì hữu tình thanh tịnh nên quả vị Độc giác thanh tịnh; vì quả vị Độc giác thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc quả vị Độc giác thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì hữu tình thanh tịnh nên hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; vì hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh, hoặc trí Nhất

thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì hữu tình thanh tịnh nên quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu tình thanh tịnh, hoặc quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên sắc thanh tịnh; vì sắc thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên nhãn xứ thanh tịnh; vì nhãn xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc nhãn xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên sắc xứ thanh tịnh; vì sắc xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc sắc xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên nhãn giới thanh tịnh; vì nhãn giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc nhãn giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất

thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên nhĩ giới thanh tịnh; vì nhĩ giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc nhĩ giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên tỷ giới thanh tịnh; vì tỷ giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc tỷ giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên thiệt giới thanh tịnh; vì thiệt giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc thiệt giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc vị giới cho đến các

thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên thân giới thanh tịnh; vì thân giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc thân giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên ý giới thanh tịnh; vì ý giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc ý giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên địa giới thanh tịnh; vì địa giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc địa giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên vô minh thanh tịnh; vì vô minh thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc vô minh thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; vì hành cho đến

lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; vì Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; vì Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên pháp không bên trong thanh tịnh; vì pháp không bên trong thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc pháp không bên trong thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên chân như thanh tịnh; vì chân như thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc chân như thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp

trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh; vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên Thánh đế khổ thanh tịnh; vì Thánh đế khổ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc Thánh đế khổ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; vì Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên bốn Tĩnh lự thanh tịnh; vì bốn Tĩnh lự thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc bốn Tĩnh lự thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên tám Giải thoát thanh tịnh; vì tám Giải thoát thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc tám Giải thoát thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên bốn Niệm trụ thanh tịnh; vì bốn Niệm trụ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc bốn Niệm trụ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không

phân biệt, không đoạn diệt. Vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; vì pháp môn giải thoát Không thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc pháp môn giải thoát Không thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên mười địa Bồ-tát thanh tịnh; vì mười địa Bồ-tát thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc mười địa Bồ-tát thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên năm loại mắt thanh tịnh; vì năm loại mắt thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc năm loại mắt thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên sáu phép thần thông thanh tịnh; vì sáu phép thần thông thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc sáu phép thần thông thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên mười lực của Phật thanh tịnh; vì mười lực của Phật thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc mười lực của Phật thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười

tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên pháp không quên mất thanh tịnh; vì pháp không quên mất thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc pháp không quên mất thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên tánh luôn luôn xả thanh tịnh; vì tánh luôn luôn xả thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc tánh luôn luôn xả thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên trí Nhất thiết thanh tịnh; vì trí Nhất thiết thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên quả Dự lưu thanh tịnh; vì quả Dự lưu thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc quả Dự lưu thanh tịnh, hoặc trí Nhất

thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh; vì quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên quả vị Độc giác thanh tịnh; vì quả vị Độc giác thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc quả vị Độc giác thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; vì hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì dòng sinh mạng thanh tịnh nên quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc dòng sinh mạng thanh tịnh, hoặc quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, vì sự sinh thanh tịnh nên sắc thanh tịnh; vì sắc thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự sinh thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự sinh thanh tịnh nên nhãn xứ thanh tịnh; vì nhãn xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc nhãn xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự sinh thanh tịnh nên nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh

đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự sinh thanh tịnh nên sắc xứ thanh tịnh; vì sắc xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc sắc xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự sinh thanh tịnh nên thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự sinh thanh tịnh nên nhãn giới thanh tịnh; vì nhãn giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc nhãn giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự sinh thanh tịnh nên sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự sinh thanh tịnh nên nhĩ giới thanh tịnh; vì nhĩ giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc nhĩ giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự sinh thanh tịnh nên thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự sinh thanh tịnh nên tỷ giới thanh tịnh; vì tỷ giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc tỷ giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự sinh thanh tịnh nên hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc

sự sinh thanh tịnh, hoặc hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự sinh thanh tịnh nên thiệt giới thanh tịnh; vì thiệt giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc thiệt giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự sinh thanh tịnh nên vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự sinh thanh tịnh nên thân giới thanh tịnh; vì thân giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc thân giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự sinh thanh tịnh nên xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự sinh thanh tịnh nên ý giới thanh tịnh; vì ý giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc ý giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự sinh thanh tịnh nên pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự sinh thanh tịnh nên địa giới thanh tịnh; vì địa giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc địa giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự sinh

thanh tịnh nên thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự sinh thanh tịnh nên vô minh thanh tịnh; vì vô minh thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc vô minh thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự sinh thanh tịnh nên hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 197

Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (16)

Này Thiện Hiện, vì sự sinh thanh tịnh nên Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; vì Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự sinh thanh tịnh nên Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; vì Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự sinh thanh tịnh nên pháp không bên trong thanh tịnh; vì pháp không bên trong thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc pháp không bên trong thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự sinh thanh tịnh nên pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự sinh thanh tịnh nên chân như thanh tịnh; vì chân như thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự

sinh thanh tịnh, hoặc chân như thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự sinh thanh tịnh nên pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh; vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự sinh thanh tịnh nên Thánh đế khổ thanh tịnh; vì Thánh đế khổ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc Thánh đế khổ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự sinh thanh tịnh nên Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; vì Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự sinh thanh tịnh nên bốn Tĩnh lự thanh tịnh; vì bốn Tĩnh lự thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc bốn Tĩnh lự thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự sinh thanh tịnh nên bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự sinh thanh tịnh nên tám Giải thoát thanh tịnh; vì tám Giải thoát thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc tám Giải thoát thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự sinh thanh tịnh nên tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự sinh thanh tịnh nên bốn Niệm trụ thanh tịnh; vì bốn Niệm trụ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc bốn Niệm trụ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự sinh thanh tịnh nên bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự sinh thanh tịnh nên pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; vì pháp môn giải thoát Không thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc pháp môn giải thoát Không thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự sinh thanh tịnh nên pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự sinh thanh tịnh nên mười địa Bồ-tát thanh tịnh; vì mười địa Bồ-tát thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc mười địa Bồ-tát thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự sinh thanh tịnh nên năm loại mắt thanh tịnh; vì năm loại mắt thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc năm loại mắt thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự sinh thanh tịnh nên sáu phép thần thông thanh tịnh; vì sáu phép thần thông thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc sáu phép thần thông thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự sinh thanh tịnh nên mười lực của Phật thanh tịnh; vì mười lực của Phật thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc mười lực của Phật thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt,

không đoạn diệt. Vì sự sinh thanh tịnh nên bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự sinh thanh tịnh nên pháp không quên mất thanh tịnh; vì pháp không quên mất thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc pháp không quên mất thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự sinh thanh tịnh nên tánh luôn luôn xả thanh tịnh; vì tánh luôn luôn xả thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc tánh luôn luôn xả thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự sinh thanh tịnh nên trí Nhất thiết thanh tịnh; vì trí Nhất thiết thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự sinh thanh tịnh nên trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự sinh thanh tịnh nên tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự sinh thanh tịnh nên tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự sinh thanh tịnh nên quả Dự lưu thanh tịnh; vì quả Dự lưu thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc quả Dự lưu thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh

tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự sinh thanh tịnh nên quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh; vì quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự sinh thanh tịnh nên quả vị Độc giác thanh tịnh; vì quả vị Độc giác thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc quả vị Độc giác thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự sinh thanh tịnh nên hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; vì hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự sinh thanh tịnh nên quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự sinh thanh tịnh, hoặc quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên sắc thanh tịnh; vì sắc thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên nhãn xứ thanh tịnh; vì nhãn xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc nhãn xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh, hoặc trí

Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên sắc xứ thanh tịnh; vì sắc xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc sắc xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên nhãn giới thanh tịnh; vì nhãn giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc nhãn giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên nhĩ giới thanh tịnh; vì nhĩ giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc nhĩ giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên tỷ giới thanh tịnh; vì tỷ giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc tỷ giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì hương giới cho đến các thọ

do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên thiệt giới thanh tịnh; vì thiệt giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc thiệt giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên thân giới thanh tịnh; vì thân giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc thân giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên ý giới thanh tịnh; vì ý giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc ý giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên địa giới thanh tịnh; vì địa giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc địa giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh

tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên vô minh thanh tịnh; vì vô minh thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc vô minh thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; vì Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; vì Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên pháp không bên trong thanh tịnh; vì pháp không bên trong thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc pháp không bên trong thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không

tánh tự tánh thanh tịnh; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên chân như thanh tịnh; vì chân như thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc chân như thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh; vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên Thánh đế khổ thanh tịnh; vì Thánh đế khổ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc Thánh đế khổ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; vì Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên bốn Tĩnh lự thanh tịnh; vì bốn Tĩnh lự thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc bốn Tĩnh lự thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên tám Giải thoát thanh tịnh; vì tám Giải thoát thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc tám Giải thoát thanh tịnh, hoặc trí

Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên bốn Niệm trụ thanh tịnh; vì bốn Niệm trụ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc bốn Niệm trụ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; vì pháp môn giải thoát Không thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc pháp môn giải thoát Không thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên mười địa Bồ-tát thanh tịnh; vì mười địa Bồ-tát thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc mười địa Bồ-tát thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên năm loại mắt thanh tịnh; vì năm loại mắt thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc năm loại mắt thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên sáu phép thần thông thanh tịnh;

vì sáu phép thần thông thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc sáu phép thần thông thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên mười lực của Phật thanh tịnh; vì mười lực của Phật thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc mười lực của Phật thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên pháp không quên mất thanh tịnh; vì pháp không quên mất thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc pháp không quên mất thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên tánh luôn luôn xả thanh tịnh; vì tánh luôn luôn xả thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc tánh luôn luôn xả thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên trí Nhất thiết thanh tịnh; vì trí Nhất thiết thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không

hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên quả Dự lưu thanh tịnh; vì quả Dự lưu thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc quả Dự lưu thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh; vì quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên quả vị Độc giác thanh tịnh; vì quả vị Độc giác thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc quả vị Độc giác thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; vì hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự dưỡng dục thanh tịnh nên quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự dưỡng dục thanh tịnh, hoặc quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, vì sĩ phu thanh tịnh nên sắc thanh tịnh; vì sắc thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sĩ phu thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc thọ,

tưởng, hành, thức thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sĩ phu thanh tịnh nên nhãn xứ thanh tịnh; vì nhãn xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc nhãn xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sĩ phu thanh tịnh nên nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sĩ phu thanh tịnh nên sắc xứ thanh tịnh; vì sắc xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc sắc xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sĩ phu thanh tịnh nên thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sĩ phu thanh tịnh nên nhãn giới thanh tịnh; vì nhãn giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc nhãn giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sĩ phu thanh tịnh nên sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sĩ phu thanh tịnh nên nhĩ giới thanh tịnh; vì nhĩ giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc nhĩ giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sĩ phu thanh tịnh nên thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh

tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sĩ phu thanh tịnh nên tỷ giới thanh tịnh; vì tỷ giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc tỷ giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sĩ phu thanh tịnh nên hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sĩ phu thanh tịnh nên thiệt giới thanh tịnh; vì thiệt giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc thiệt giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sĩ phu thanh tịnh nên vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sĩ phu thanh tịnh nên thân giới thanh tịnh; vì thân giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc thân giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sĩ phu thanh tịnh nên xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sĩ phu thanh tịnh nên ý giới thanh tịnh; vì ý giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc ý giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sĩ phu thanh tịnh nên pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra

thanh tịnh; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sĩ phu thanh tịnh nên địa giới thanh tịnh; vì địa giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc địa giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sĩ phu thanh tịnh nên thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sĩ phu thanh tịnh nên vô minh thanh tịnh; vì vô minh thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc vô minh thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sĩ phu thanh tịnh nên hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 198

Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (17)

Này Thiện Hiện, vì sĩ phu thanh tịnh nên Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; vì Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sĩ phu thanh tịnh nên Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; vì Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sĩ phu thanh tịnh nên pháp không bên trong thanh tịnh; vì pháp không bên trong thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc pháp không bên trong thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sĩ phu thanh tịnh nên pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sĩ phu thanh tịnh nên chân như thanh tịnh; vì chân như thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh

tịnh, hoặc chân như thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sĩ phu thanh tịnh nên pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh; vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sĩ phu thanh tịnh nên Thánh đế khổ thanh tịnh; vì Thánh đế khổ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc Thánh đế khổ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sĩ phu thanh tịnh nên Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; vì Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sĩ phu thanh tịnh nên bốn Tĩnh lự thanh tịnh; vì bốn Tĩnh lự thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc bốn Tĩnh lự thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sĩ phu thanh tịnh nên bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sĩ phu thanh tịnh nên tám Giải thoát thanh tịnh; vì tám Giải thoát thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc tám Giải thoát thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sĩ phu thanh tịnh nên tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sĩ phu thanh tịnh nên bốn Niệm trụ thanh tịnh; vì bốn Niệm trụ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc bốn Niệm trụ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sĩ phu thanh tịnh nên bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sĩ phu thanh tịnh nên pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; vì pháp môn giải thoát Không thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc pháp môn giải thoát Không thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sĩ phu thanh tịnh nên pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sĩ phu thanh tịnh nên mười địa Bồ-tát thanh tịnh; vì mười địa Bồ-tát thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc mười địa Bồ-tát thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sĩ phu thanh tịnh nên năm loại mắt thanh tịnh; vì năm loại mắt thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc năm loại mắt thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sĩ phu thanh tịnh nên sáu phép thần thông thanh tịnh; vì sáu phép thần thông thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc sáu phép thần thông thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sĩ phu thanh tịnh nên mười lực của Phật thanh tịnh; vì mười lực của Phật thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc mười lực của Phật thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt,

không đoạn diệt. Vì sĩ phu thanh tịnh nên bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sĩ phu thanh tịnh nên pháp không quên mất thanh tịnh; vì pháp không quên mất thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc pháp không quên mất thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sĩ phu thanh tịnh nên tánh luôn luôn xả thanh tịnh; vì tánh luôn luôn xả thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc tánh luôn luôn xả thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sĩ phu thanh tịnh nên trí Nhất thiết thanh tịnh; vì trí Nhất thiết thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sĩ phu thanh tịnh nên trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sĩ phu thanh tịnh nên tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sĩ phu thanh tịnh nên tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sĩ phu thanh tịnh nên quả Dự lưu thanh tịnh; vì quả Dự lưu thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc quả Dự lưu thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh

đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sĩ phu thanh tịnh nên quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh; vì quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sĩ phu thanh tịnh nên quả vị Độc giác thanh tịnh; vì quả vị Độc giác thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc quả vị Độc giác thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sĩ phu thanh tịnh nên hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; vì hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sĩ phu thanh tịnh nên quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sĩ phu thanh tịnh, hoặc quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên sắc thanh tịnh; vì sắc thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên nhãn xứ thanh tịnh; vì nhãn xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc nhãn xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh, hoặc trí

Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên sắc xứ thanh tịnh; vì sắc xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc sắc xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên nhãn giới thanh tịnh; vì nhãn giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc nhãn giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên nhĩ giới thanh tịnh; vì nhĩ giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc nhĩ giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên tỷ giới thanh tịnh; vì tỷ giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc tỷ giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì hương giới cho đến các thọ

do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên thiệt giới thanh tịnh; vì thiệt giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc thiệt giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên thân giới thanh tịnh; vì thân giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc thân giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên ý giới thanh tịnh; vì ý giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc ý giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên địa giới thanh tịnh; vì địa giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc địa giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh

tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên vô minh thanh tịnh; vì vô minh thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc vô minh thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; vì Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; vì Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên pháp không bên trong thanh tịnh; vì pháp không bên trong thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc pháp không bên trong thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không

tánh tự tánh thanh tịnh; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên chân như thanh tịnh; vì chân như thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc chân như thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh; vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên Thánh đế khổ thanh tịnh; vì Thánh đế khổ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc Thánh đế khổ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; vì Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên bốn Tĩnh lự thanh tịnh; vì bốn Tĩnh lự thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc bốn Tĩnh lự thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên tám Giải thoát thanh tịnh; vì tám Giải thoát thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc tám Giải thoát thanh tịnh, hoặc trí

Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên bốn Niệm trụ thanh tịnh; vì bốn Niệm trụ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc bốn Niệm trụ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; vì pháp môn giải thoát Không thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc pháp môn giải thoát Không thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên mười địa Bồ-tát thanh tịnh; vì mười địa Bồ-tát thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc mười địa Bồ-tát thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên năm loại mắt thanh tịnh; vì năm loại mắt thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc năm loại mắt thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên sáu phép thần thông thanh tịnh;

vì sáu phép thần thông thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc sáu phép thần thông thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên mười lực của Phật thanh tịnh; vì mười lực của Phật thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc mười lực của Phật thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên pháp không quên mất thanh tịnh; vì pháp không quên mất thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc pháp không quên mất thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên tánh luôn luôn xả thanh tịnh; vì tánh luôn luôn xả thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc tánh luôn luôn xả thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên trí Nhất thiết thanh tịnh; vì trí Nhất thiết thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không

hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên quả Dự lưu thanh tịnh; vì quả Dự lưu thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc quả Dự lưu thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh; vì quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên quả vị Độc giác thanh tịnh; vì quả vị Độc giác thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc quả vị Độc giác thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; vì hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì Bổ-đặc-già-la thanh tịnh nên quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bổ-đặc-già-la thanh tịnh, hoặc quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, vì ý sinh thanh tịnh nên sắc thanh tịnh; vì sắc thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ý sinh thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc thọ,

tưởng, hành, thức thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ý sinh thanh tịnh nên nhãn xứ thanh tịnh; vì nhãn xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc nhãn xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ý sinh thanh tịnh nên nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ý sinh thanh tịnh nên sắc xứ thanh tịnh; vì sắc xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc sắc xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ý sinh thanh tịnh nên thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ý sinh thanh tịnh nên nhãn giới thanh tịnh; vì nhãn giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc nhãn giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ý sinh thanh tịnh nên sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ý sinh thanh tịnh nên nhĩ giới thanh tịnh; vì nhĩ giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc nhĩ giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ý sinh thanh tịnh nên thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc thanh giới cho đến các thọ do nhĩ

xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ý sinh thanh tịnh nên tỷ giới thanh tịnh; vì tỷ giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc tỷ giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ý sinh thanh tịnh nên hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ý sinh thanh tịnh nên thiệt giới thanh tịnh; vì thiệt giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc thiệt giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ý sinh thanh tịnh nên vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ý sinh thanh tịnh nên thân giới thanh tịnh; vì thân giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc thân giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ý sinh thanh tịnh nên xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ý sinh thanh tịnh nên ý giới thanh tịnh; vì ý giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc ý giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ý sinh thanh tịnh nên pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra

thanh tịnh; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ý sinh thanh tịnh nên địa giới thanh tịnh; vì địa giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc địa giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ý sinh thanh tịnh nên thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ý sinh thanh tịnh nên vô minh thanh tịnh; vì vô minh thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc vô minh thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ý sinh thanh tịnh nên hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ý sinh thanh tịnh nên Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; vì Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ý sinh thanh tịnh nên Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; vì Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ý sinh thanh tịnh nên pháp không bên trong thanh tịnh; vì pháp không bên trong thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc pháp không bên trong thanh tịnh, hoặc

trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ý sinh thanh tịnh nên pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ý sinh thanh tịnh nên chân như thanh tịnh; vì chân như thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc chân như thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ý sinh thanh tịnh nên pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh; vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ý sinh thanh tịnh nên Thánh đế khổ thanh tịnh; vì Thánh đế khổ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc Thánh đế khổ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ý sinh thanh tịnh nên Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; vì Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ý sinh thanh tịnh nên bốn Tĩnh lự thanh tịnh; vì bốn Tĩnh lự thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc bốn Tĩnh lự thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì

ý sinh thanh tịnh nên bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ý sinh thanh tịnh nên tám Giải thoát thanh tịnh; vì tám Giải thoát thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc tám Giải thoát thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ý sinh thanh tịnh nên tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ý sinh thanh tịnh nên bốn Niệm trụ thanh tịnh; vì bốn Niệm trụ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc bốn Niệm trụ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ý sinh thanh tịnh nên bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ý sinh thanh tịnh nên pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; vì pháp môn giải thoát Không thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc pháp môn giải thoát Không thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ý sinh thanh tịnh nên pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ý sinh thanh tịnh nên mười địa Bồ-tát thanh tịnh; vì mười địa Bồ-tát thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì

hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc mười địa Bồ-tát thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 199

Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (18)

Này Thiện Hiện, vì ý sinh thanh tịnh nên năm loại mắt thanh tịnh; vì năm loại mắt thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc năm loại mắt thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ý sinh thanh tịnh nên sáu phép thần thông thanh tịnh; vì sáu phép thần thông thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc sáu phép thần thông thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ý sinh thanh tịnh nên mười lực của Phật thanh tịnh; vì mười lực của Phật thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc mười lực của Phật thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ý sinh thanh tịnh nên bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ý sinh thanh tịnh nên pháp không quên mất thanh tịnh; vì pháp không quên mất thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc pháp không quên mất thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ý sinh thanh tịnh nên tánh luôn luôn xả thanh tịnh; vì tánh luôn luôn xả thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc tánh luôn luôn xả thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ý sinh thanh tịnh nên trí Nhất thiết thanh tịnh; vì trí Nhất thiết thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ý sinh thanh tịnh nên trí đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; vì trí đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc trí đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ý sinh thanh tịnh nên tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ý sinh thanh tịnh nên tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ý sinh thanh tịnh nên quả Dự lưu thanh tịnh; vì quả Dự lưu thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc quả Dự lưu thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì ý sinh thanh tịnh nên quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh; vì quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ý sinh thanh tịnh nên quả vị Độc giác thanh tịnh; vì quả vị Độc giác thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc quả vị Độc giác thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ý sinh thanh tịnh nên hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; vì hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì ý sinh thanh tịnh nên quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ý sinh thanh tịnh, hoặc quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, vì nho đồng thanh tịnh nên sắc thanh tịnh; vì sắc thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì nho đồng thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì nho đồng thanh tịnh nên nhãn xứ thanh tịnh; vì nhãn xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc nhãn xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì nho đồng thanh tịnh nên nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì nho đồng thanh tịnh nên sắc xứ thanh tịnh; vì sắc xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc sắc xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì nho đồng thanh tịnh nên thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì nho đồng thanh tịnh nên nhãn giới thanh tịnh; vì nhãn giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc nhãn giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì nho đồng thanh tịnh nên sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn

xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì nho đồng thanh tịnh nên nhĩ giới thanh tịnh; vì nhĩ giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc nhĩ giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì nho đồng thanh tịnh nên thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì nho đồng thanh tịnh nên tỷ giới thanh tịnh; vì tỷ giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc tỷ giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì nho đồng thanh tịnh nên hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì nho đồng thanh tịnh nên thiệt giới thanh tịnh; vì thiệt giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc thiệt giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì nho đồng thanh tịnh nên vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì nho đồng thanh tịnh nên thân giới thanh tịnh; vì thân giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc thân giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh

đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì nho đồng thanh tịnh nên xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì nho đồng thanh tịnh nên ý giới thanh tịnh; vì ý giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc ý giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì nho đồng thanh tịnh nên pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì nho đồng thanh tịnh nên địa giới thanh tịnh; vì địa giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc địa giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì nho đồng thanh tịnh nên thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì nho đồng thanh tịnh nên vô minh thanh tịnh; vì vô minh thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc vô minh thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì nho đồng thanh tịnh nên hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì nho đồng thanh tịnh nên Bố thí ba-la-mật-đa

thanh tịnh; vì Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì nho đồng thanh tịnh nên Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; vì Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì nho đồng thanh tịnh nên pháp không bên trong thanh tịnh; vì pháp không bên trong thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc pháp không bên trong thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì nho đồng thanh tịnh nên pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì nho đồng thanh tịnh nên chân như thanh tịnh; vì chân như thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc chân như thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì nho đồng thanh tịnh nên pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh; vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì nho đồng thanh tịnh nên Thánh đế khổ thanh tịnh;

vì Thánh đế khổ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc Thánh đế khổ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì nho đồng thanh tịnh nên Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; vì Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì nho đồng thanh tịnh nên bốn Tĩnh lự thanh tịnh; vì bốn Tĩnh lự thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc bốn Tĩnh lự thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì nho đồng thanh tịnh nên bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì nho đồng thanh tịnh nên tám Giải thoát thanh tịnh; vì tám Giải thoát thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc tám Giải thoát thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì nho đồng thanh tịnh nên tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì nho đồng thanh tịnh nên bốn Niệm trụ thanh tịnh; vì bốn Niệm trụ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc bốn Niệm trụ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì nho đồng thanh tịnh nên bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì nho đồng thanh tịnh nên pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; vì pháp môn giải thoát Không thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc pháp môn giải thoát Không thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì nho đồng thanh tịnh nên pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì nho đồng thanh tịnh nên mười địa Bồ-tát thanh tịnh; vì mười địa Bồ-tát thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc mười địa Bồ-tát thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì nho đồng thanh tịnh nên năm loại mắt thanh tịnh; vì năm loại mắt thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc năm loại mắt thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì nho đồng thanh tịnh nên sáu phép thần thông thanh tịnh; vì sáu phép thần thông thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc sáu phép thần thông thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì nho đồng thanh tịnh nên mười lực của Phật thanh tịnh; vì mười lực của Phật thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc mười lực của Phật thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì nho đồng thanh tịnh nên bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì nho đồng thanh tịnh nên pháp không quên mất thanh tịnh; vì pháp không quên mất thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh

tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc pháp không quên mất thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì nho đồng thanh tịnh nên tánh luôn luôn xả thanh tịnh; vì tánh luôn luôn xả thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc tánh luôn luôn xả thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì nho đồng thanh tịnh nên trí Nhất thiết thanh tịnh; vì trí Nhất thiết thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì nho đồng thanh tịnh nên trí đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; vì trí đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc trí đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì nho đồng thanh tịnh nên tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì nho đồng thanh tịnh nên tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì nho đồng thanh tịnh nên quả Dự lưu thanh tịnh; vì quả Dự lưu thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc quả Dự lưu thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì nho đồng thanh tịnh nên quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh; vì quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì nho đồng thanh tịnh nên quả vị Độc giác thanh tịnh; vì quả vị Độc giác thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc quả vị Độc giác thanh tịnh, hoặc trí Nhất

thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì nho đồng thanh tịnh nên hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; vì hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì nho đồng thanh tịnh nên quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc nho đồng thanh tịnh, hoặc quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, vì sự tạo tác thanh tịnh nên sắc thanh tịnh; vì sắc thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự tạo tác thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự tạo tác thanh tịnh nên nhãn xứ thanh tịnh; vì nhãn xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc nhãn xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự tạo tác thanh tịnh nên nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự tạo tác thanh tịnh nên sắc xứ thanh tịnh; vì sắc xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc sắc xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự tạo tác thanh tịnh nên thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt,

không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự tạo tác thanh tịnh nên nhãn giới thanh tịnh; vì nhãn giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc nhãn giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự tạo tác thanh tịnh nên sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự tạo tác thanh tịnh nên nhĩ giới thanh tịnh; vì nhĩ giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc nhĩ giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự tạo tác thanh tịnh nên thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự tạo tác thanh tịnh nên tỷ giới thanh tịnh; vì tỷ giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc tỷ giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự tạo tác thanh tịnh nên hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự tạo tác thanh tịnh nên thiệt giới thanh tịnh; vì thiệt giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc thiệt giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự tạo tác thanh tịnh nên vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì vị giới cho đến các thọ do thiệt

xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự tạo tác thanh tịnh nên thân giới thanh tịnh; vì thân giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc thân giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự tạo tác thanh tịnh nên xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự tạo tác thanh tịnh nên ý giới thanh tịnh; vì ý giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc ý giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự tạo tác thanh tịnh nên pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự tạo tác thanh tịnh nên địa giới thanh tịnh; vì địa giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc địa giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự tạo tác thanh tịnh nên thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự tạo tác thanh tịnh nên vô minh thanh tịnh; vì vô minh thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc vô minh thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự

tạo tác thanh tịnh nên hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự tạo tác thanh tịnh nên Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; vì Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự tạo tác thanh tịnh nên Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; vì Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự tạo tác thanh tịnh nên pháp không bên trong thanh tịnh; vì pháp không bên trong thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc pháp không bên trong thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự tạo tác thanh tịnh nên pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự tạo tác thanh tịnh nên chân như thanh tịnh; vì chân như thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc chân như thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự tạo tác thanh tịnh nên pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng

đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh; vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự tạo tác thanh tịnh nên Thánh đế khổ thanh tịnh; vì Thánh đế khổ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc Thánh đế khổ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự tạo tác thanh tịnh nên Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; vì Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự tạo tác thanh tịnh nên bốn Tĩnh lự thanh tịnh; vì bốn Tĩnh lự thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc bốn Tĩnh lự thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự tạo tác thanh tịnh nên bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự tạo tác thanh tịnh nên tám Giải thoát thanh tịnh; vì tám Giải thoát thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc tám Giải thoát thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự tạo tác thanh tịnh nên tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự tạo tác thanh tịnh nên bốn Niệm trụ thanh tịnh; vì bốn Niệm trụ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc bốn Niệm trụ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí

thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự tạo tác thanh tịnh nên bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự tạo tác thanh tịnh nên pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; vì pháp môn giải thoát Không thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc pháp môn giải thoát Không thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự tạo tác thanh tịnh nên pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự tạo tác thanh tịnh nên mười địa Bồ-tát thanh tịnh; vì mười địa Bồ-tát thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc mười địa Bồ-tát thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự tạo tác thanh tịnh nên năm loại mắt thanh tịnh; vì năm loại mắt thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc năm loại mắt thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự tạo tác thanh tịnh nên sáu phép thần thông thanh tịnh; vì sáu phép thần thông thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc sáu phép thần thông thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự tạo tác thanh tịnh nên mười lực của Phật thanh tịnh; vì mười lực của Phật thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc mười lực của Phật thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự tạo tác thanh tịnh nên bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật

bất cộng thanh tịnh; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự tạo tác thanh tịnh nên pháp không quên mất thanh tịnh; vì pháp không quên mất thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc pháp không quên mất thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự tạo tác thanh tịnh nên tánh luôn luôn xả thanh tịnh; vì tánh luôn luôn xả thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc tánh luôn luôn xả thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự tạo tác thanh tịnh nên trí Nhất thiết thanh tịnh; vì trí Nhất thiết thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự tạo tác thanh tịnh nên trí đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; vì trí đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc trí đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự tạo tác thanh tịnh nên tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự tạo tác thanh tịnh nên tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự tạo tác thanh tịnh nên quả Dự lưu thanh tịnh; vì quả Dự lưu thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc quả Dự lưu thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự tạo tác thanh tịnh nên quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh

tịnh; vì quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự tạo tác thanh tịnh nên quả vị Độc giác thanh tịnh; vì quả vị Độc giác thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc quả vị Độc giác thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự tạo tác thanh tịnh nên hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; vì hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự tạo tác thanh tịnh nên quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự tạo tác thanh tịnh, hoặc quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 200

Phẩm 34: KHÓ TIN HIỂU (19)

Lại nữa Thiện Hiện, vì sự thọ nhận thanh tịnh nên sắc thanh tịnh; vì sắc thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự thọ nhận thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự thọ nhận thanh tịnh nên nhãn xứ thanh tịnh; vì nhãn xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc nhãn xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự thọ nhận thanh tịnh nên nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự thọ nhận thanh tịnh nên sắc xứ thanh tịnh; vì sắc xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc sắc xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự thọ nhận thanh tịnh nên thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự thọ nhận thanh tịnh nên nhãn giới thanh tịnh;

vì nhãn giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc nhãn giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự thọ nhận thanh tịnh nên sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự thọ nhận thanh tịnh nên nhĩ giới thanh tịnh; vì nhĩ giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc nhĩ giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự thọ nhận thanh tịnh nên thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự thọ nhận thanh tịnh nên tỷ giới thanh tịnh; vì tỷ giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc tỷ giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự thọ nhận thanh tịnh nên hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự thọ nhận thanh tịnh nên thiệt giới thanh tịnh; vì thiệt giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc thiệt giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự thọ nhận thanh tịnh nên vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc

làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự thọ nhận thanh tịnh nên thân giới thanh tịnh; vì thân giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc thân giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự thọ nhận thanh tịnh nên xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự thọ nhận thanh tịnh nên ý giới thanh tịnh; vì ý giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc ý giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự thọ nhận thanh tịnh nên pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự thọ nhận thanh tịnh nên địa giới thanh tịnh; vì địa giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc địa giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự thọ nhận thanh tịnh nên thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự thọ nhận thanh tịnh nên vô minh thanh tịnh; vì vô minh thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc vô minh thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự thọ nhận thanh tịnh nên hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; vì hành cho đến lão tử, sầu bi

khổ ưu não thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự thọ nhận thanh tịnh nên Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; vì Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự thọ nhận thanh tịnh nên Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; vì Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự thọ nhận thanh tịnh nên pháp không bên trong thanh tịnh; vì pháp không bên trong thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc pháp không bên trong thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự thọ nhận thanh tịnh nên pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự thọ nhận thanh tịnh nên chân như thanh tịnh; vì chân như thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc chân như thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự thọ nhận thanh tịnh nên pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh; vì pháp giới

cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự thọ nhận thanh tịnh nên Thánh đế khổ thanh tịnh; vì Thánh đế khổ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc Thánh đế khổ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự thọ nhận thanh tịnh nên Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; vì Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự thọ nhận thanh tịnh nên bốn Tĩnh lự thanh tịnh; vì bốn Tĩnh lự thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc bốn Tĩnh lự thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự thọ nhận thanh tịnh nên bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự thọ nhận thanh tịnh nên tám Giải thoát thanh tịnh; vì tám Giải thoát thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc tám Giải thoát thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự thọ nhận thanh tịnh nên tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự thọ nhận thanh tịnh nên bốn Niệm trụ thanh tịnh; vì bốn Niệm trụ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc bốn Niệm trụ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự thọ nhận thanh tịnh nên bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc,

năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự thọ nhận thanh tịnh nên pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; vì pháp môn giải thoát Không thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc pháp môn giải thoát Không thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự thọ nhận thanh tịnh nên pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự thọ nhận thanh tịnh nên mười địa Bồ-tát thanh tịnh; vì mười địa Bồ-tát thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc mười địa Bồ-tát thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự thọ nhận thanh tịnh nên năm loại mắt thanh tịnh; vì năm loại mắt thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc năm loại mắt thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự thọ nhận thanh tịnh nên sáu phép thần thông thanh tịnh; vì sáu phép thần thông thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc sáu phép thần thông thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự thọ nhận thanh tịnh nên mười lực của Phật thanh tịnh; vì mười lực của Phật thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc mười lực của Phật thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự thọ nhận thanh tịnh nên bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ

nhận thanh tịnh, hoặc bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự thọ nhận thanh tịnh nên pháp không quên mất thanh tịnh; vì pháp không quên mất thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc pháp không quên mất thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự thọ nhận thanh tịnh nên tánh luôn luôn xả thanh tịnh; vì tánh luôn luôn xả thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc tánh luôn luôn xả thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự thọ nhận thanh tịnh nên trí Nhất thiết thanh tịnh; vì trí Nhất thiết thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự thọ nhận thanh tịnh nên trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự thọ nhận thanh tịnh nên tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự thọ nhận thanh tịnh nên tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự thọ nhận thanh tịnh nên quả Dự lưu thanh tịnh; vì quả Dự lưu thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc quả Dự lưu thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự thọ nhận thanh tịnh nên quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh; vì quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí

thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự thọ nhận thanh tịnh nên quả vị Độc giác thanh tịnh; vì quả vị Độc giác thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc quả vị Độc giác thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự thọ nhận thanh tịnh nên hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; vì hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự thọ nhận thanh tịnh nên quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự thọ nhận thanh tịnh, hoặc quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa Thiện Hiện, vì sự hiểu biết thanh tịnh nên sắc thanh tịnh; vì sắc thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự hiểu biết thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự hiểu biết thanh tịnh nên nhãn xứ thanh tịnh; vì nhãn xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc nhãn xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự hiểu biết thanh tịnh nên nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự hiểu biết thanh tịnh nên sắc xứ thanh tịnh; vì sắc xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc sắc xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự hiểu biết thanh tịnh nên thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự hiểu biết thanh tịnh nên nhãn giới thanh tịnh; vì nhãn giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc nhãn giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự hiểu biết thanh tịnh nên sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự hiểu biết thanh tịnh nên nhĩ giới thanh tịnh; vì nhĩ giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc nhĩ giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự hiểu biết thanh tịnh nên thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự hiểu biết thanh tịnh nên tỷ giới thanh tịnh; vì tỷ giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc tỷ giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự hiểu biết thanh tịnh nên hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm

duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự hiểu biết thanh tịnh nên thiệt giới thanh tịnh; vì thiệt giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc thiệt giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự hiểu biết thanh tịnh nên vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự hiểu biết thanh tịnh nên thân giới thanh tịnh; vì thân giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc thân giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự hiểu biết thanh tịnh nên xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự hiểu biết thanh tịnh nên ý giới thanh tịnh; vì ý giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc ý giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự hiểu biết thanh tịnh nên pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh; vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự hiểu biết thanh tịnh nên địa giới thanh tịnh; vì địa giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc địa giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự hiểu biết thanh tịnh nên thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh; vì

thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc thủy, hỏa, phong, không, thức giới thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự hiểu biết thanh tịnh nên vô minh thanh tịnh; vì vô minh thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc vô minh thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự hiểu biết thanh tịnh nên hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh; vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự hiểu biết thanh tịnh nên Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh; vì Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự hiểu biết thanh tịnh nên Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh; vì Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự hiểu biết thanh tịnh nên pháp không bên trong thanh tịnh; vì pháp không bên trong thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc pháp không bên trong thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự hiểu biết thanh tịnh nên pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự

hiểu biết thanh tịnh, hoặc pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự hiểu biết thanh tịnh nên chân như thanh tịnh; vì chân như thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc chân như thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự hiểu biết thanh tịnh nên pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh; vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự hiểu biết thanh tịnh nên Thánh đế khổ thanh tịnh; vì Thánh đế khổ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc Thánh đế khổ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự hiểu biết thanh tịnh nên Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh; vì Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc Thánh đế tập, diệt, đạo thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự hiểu biết thanh tịnh nên bốn Tĩnh lự thanh tịnh; vì bốn Tĩnh lự thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc bốn Tĩnh lự thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự hiểu biết thanh tịnh nên bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự hiểu biết thanh tịnh nên tám Giải thoát thanh tịnh; vì tám Giải thoát thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc tám Giải thoát thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự hiểu biết thanh tịnh nên tám Thắng xứ, chín Định

thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự hiểu biết thanh tịnh nên bốn Niệm trụ thanh tịnh; vì bốn Niệm trụ thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc bốn Niệm trụ thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự hiểu biết thanh tịnh nên bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thanh tịnh; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự hiểu biết thanh tịnh nên pháp môn giải thoát Không thanh tịnh; vì pháp môn giải thoát Không thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc pháp môn giải thoát Không thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự hiểu biết thanh tịnh nên pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự hiểu biết thanh tịnh nên mười địa Bồ-tát thanh tịnh; vì mười địa Bồ-tát thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc mười địa Bồ-tát thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự hiểu biết thanh tịnh nên năm loại mắt thanh tịnh; vì năm loại mắt thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc năm loại mắt thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự hiểu biết thanh tịnh nên sáu phép thần thông thanh tịnh; vì sáu phép thần thông thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc sáu phép thần thông thanh tịnh, hoặc trí

Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự hiểu biết thanh tịnh nên mười lực của Phật thanh tịnh; vì mười lực của Phật thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc mười lực của Phật thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự hiểu biết thanh tịnh nên bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự hiểu biết thanh tịnh nên pháp không quên mất thanh tịnh; vì pháp không quên mất thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc pháp không quên mất thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự hiểu biết thanh tịnh nên tánh luôn luôn xả thanh tịnh; vì tánh luôn luôn xả thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc tánh luôn luôn xả thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự hiểu biết thanh tịnh nên trí Nhất thiết thanh tịnh; vì trí Nhất thiết thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự hiểu biết thanh tịnh nên trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự hiểu biết thanh tịnh nên tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc tất cả pháp môn Đà-la-ni thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự hiểu biết thanh tịnh nên tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa

thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc tất cả pháp môn Tam-ma-địa thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự hiểu biết thanh tịnh nên quả Dự lưu thanh tịnh; vì quả Dự lưu thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc quả Dự lưu thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì sự hiểu biết thanh tịnh nên quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh; vì quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự hiểu biết thanh tịnh nên quả vị Độc giác thanh tịnh; vì quả vị Độc giác thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc quả vị Độc giác thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự hiểu biết thanh tịnh nên hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh; vì hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc hạnh Đại Bồ-tát thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện, vì sự hiểu biết thanh tịnh nên quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh; vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc sự hiểu biết thanh tịnh, hoặc quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thanh tịnh, hoặc trí Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

❑

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 21

BỘ BÁT-NHÃ
4

Tổng giám tu: Thích Tịnh Hạnh
Ban thực hiện:
- Ban dịch thuật
- Ban biên tập
- Ban nhuận văn
- Tổng biên tập
- Các tổ vi tính v.v…